

LAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI

**PHONG TRÀO
YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ XÃ QUẢNG NGÃI**

(1930 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**PHONG TRÀO
YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ XÃ QUẢNG NGÃI**

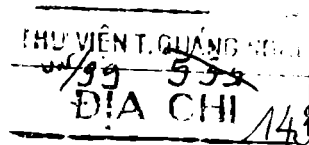
(1930 - 1975)

L. 30.1.10

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI

**PHONG TRÀO
YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ XÃ QUẢNG NGÃI**

(1930 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 1999

Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY QUẢNG NGÃI

Dự toạ đàm tham gia đóng góp ý kiến:

KIỀU HOÀNG	LÊ TẤN TOẢ
ĐOÀN THÀNH	NGUYỄN DẦN
VÕ TRỌNG NGUYỄN	MAI LƯƠNG
ĐINH MINH	NGUYỄN HỒNG THÁI
LÊ NAM HÀ	LÊ VĂN
HOÀNG ANH TUẤN	NGUYỄN THÀNH LUÂN
PHẠM THANH BIẾN	NGUYỄN PHÚ SOẠI
PHAN PHỤ	PHẠM CẢN
NGUYỄN NGHĨA	TRẦN ĐỨC OANH
HUỲNH THỊ MỸ	NGUYỄN VĂN NGỌC
TRẦN TÂY SƠ (THU HẢO)	NGUYỄN VĨ ĐẠI
LÊ ĐOÁN	HUỲNH LÙNG

ĐẠI DIỆN BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Biên soạn:

**PHẠM NHỚ
BÙI HỒNG NHÂN**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thị xã Quảng Ngãi có vị trí quan trọng không riêng với tỉnh Quảng Ngãi mà còn đối với các tỉnh miền Trung.

Nhân dân thị xã Quảng Ngãi vốn có truyền thống yêu nước sâu sắc, lao động cần cù sáng tạo. Trong phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và các phong trào yêu nước những năm 20 của thế kỷ XX, nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã tham gia tích cực và có những đóng góp quan trọng. Truyền thống yêu nước đó của nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã được nhân lên gấp bội từ khi phong trào đấu tranh được Đảng Cộng sản lãnh đạo. Trái bao hy sinh mất mát, bị địch đàn áp đẫm máu, phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thị xã vẫn ngày càng phát triển và ngày 16 tháng 8 năm 1945 nhân dân thị xã đã giành được chính quyền. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống Pháp và chống Mỹ xâm lược nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã không tiếc tài sản, xương máu để bảo vệ cách mạng, bảo vệ Đảng, giải phóng quê hương, góp phần cùng nhân dân toàn tỉnh và toàn quốc đưa cuộc kháng chiến chống bọn xâm lược đến thắng lợi.

Cuốn sách: *Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi (1930-1975)* do Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi tổ chức biên soạn, đã khái quát cuộc đấu tranh kiên cường, anh dũng của nhân dân và Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi trong một giai đoạn lịch sử quan trọng cả trước và sau khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, bước đầu

rút ra được những bài học về cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân và sự lãnh đạo của Đảng bộ thị xã. Cuốn sách là một đóng góp quý báu vào việc giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân đặc biệt là thế hệ trẻ.

Do cuốn sách được hoàn thành trong một thời gian gấp: tài liệu lại bị mất mát, thất lạc nên khó tránh khỏi còn có thiếu sót.

Nhà xuất bản giới thiệu cuốn sách với bạn đọc và mong nhận được những ý kiến đóng góp để lần tái bản cuốn sách đạt chất lượng cao hơn.

Tháng 12 năm 1999

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Vào đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn cho xây dựng tỉnh thành Quảng Nghĩa (1807). Từ đó, khu vực tỉnh thành và vùng phụ cận trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh Quảng Nghĩa.

Trải qua nhiều biến thiên lịch sử, sau Cách mạng Tháng Tám 1945, thị xã Quảng Ngãi ra đời, là một đơn vị hành chính cấp huyện, trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Cộng đồng cư dân của đất thị thành này, qua bao thế hệ đã từng chung lưng đấu cật, đem tài trí, mồ hôi, nước mắt và máu xương của mình đấu tranh chống chọi với thiên nhiên, địch hoạ để sinh tồn và phát triển. Người dân trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi đã có mặt trong tất cả các phong trào yêu nước và cách mạng từ thời trung - cận đại đến hiện đại.

Từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam, có Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, Đảng bộ và nhân dân ở vùng thị xã Quảng Ngãi đã phát huy cao độ truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng kiên quyết đấu tranh chống ngoại xâm, chống áp bức bóc lột, tạo nên sức mạnh ngày càng to lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giữ nước và dựng nước vẻ vang của Đảng quang vinh, của dân tộc anh hùng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy:

"Dân ta phải biết sử ta.

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"¹.

Thực hiện lời dạy ấy và chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, từ sau ngày giải phóng, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi đã có chủ trương biên soạn *Lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi*. Nhưng vì nhiều lý do nên việc biên soạn chưa hoàn thành được. Trước thực tế đó, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khoá XI ra Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 19 tháng 7 năm 1996:

"Hoàn thành việc biên soạn lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi vào năm 1997", nhằm mục đích:

- Bước đầu khẳng định quá trình hình thành tỉnh lỵ, thị xã Quảng Ngãi, sự ra đời và hoạt động của Đảng bộ thị xã từ năm 1930 đến năm 1975; những đóng góp của Đảng bộ và nhân dân thị xã đối với phong trào cách mạng toàn tỉnh.

- Sơ bộ đúc rút một số bài học kinh nghiệm để có cơ sở nghiên cứu và phát triển sâu rộng hơn; giúp cán bộ, đảng viên, nhân dân thị xã vận dụng, tiếp bước trong thời kỳ mới.

- Giáo dục các tầng lớp nhân dân thị xã, nhất là thế hệ trẻ, đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, tăng cường đoàn kết, đem trí lực, sức lực, tài lực "xây dựng thị xã Quảng Ngãi thành thị xã sản xuất, tươi vui, lành mạnh, tiên tiến"², góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho thị xã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 216.

2. Lời căn dặn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi về thăm thị xã ngày mồng một Tết Canh Thân (tức ngày 16 tháng 2 năm 1980).

Quảng Ngãi vững về chính trị, giàu về kinh tế, đẹp về văn hoá, mạnh về an ninh quốc phòng, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Cuốn sách này mang tên *Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi (1930-1975)*. Nó phản ánh các phong trào yêu nước và cách mạng, các sự kiện, các chiến công, các thành tích của tất cả sáu phường và bốn xã trên địa bàn thị xã hiện nay và truyền thống đoàn kết, hỗ trợ, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau giữa thị xã với các huyện, các cấp, các ngành trong tỉnh.

Cuốn sách gồm có sáu phần:

1- Đặc điểm tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội, truyền thống yêu nước.

2- Tổ chức Đảng Cộng sản ra đời lãnh đạo các cao trào cách mạng - Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (1930 -1945).

3- Xây dựng chế độ mới, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

4- Góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng (1954 -1975).

5- Kết luận.

6- Phụ lục.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách này, chúng tôi được sự giúp đỡ tận tình và đầy tinh thần trách nhiệm của nhiều cơ quan, đơn vị, đồng chí, đồng bào nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ thị xã qua các thời kỳ, của Ban Tuyên giáo và Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những đóng góp và sự giúp đỡ quý báu này. Đồng thời chúng tôi cũng chân

thành cảm ơn sự nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm nghiêm túc của các đồng chí biên soạn để cuốn sách được hoàn thành.

Tuy vậy, đơn vị thị xã trải qua nhiều lần tách nhập với huyện Tư Nghĩa: nhiều đồng chí lãnh đạo và đảng viên lâu năm đã qua đời; tài liệu thành văn bị mất mát nhiều trong 30 năm chiến tranh. Hồi ký, hồi ức của một số đồng chí còn lại chưa thật đầy đủ như mong muốn. Trình độ sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn của chúng tôi còn có hạn. Vì thế cuốn sách chắc khó tránh khỏi thiếu sót.

Chúng tôi mong được đồng chí, đồng bào thị xã Quảng Ngãi và bạn đọc gần xa tham gia đóng góp thêm ý kiến để khi tái bản cuốn sách được chính xác, đầy đủ và phong phú hơn.

Mùa thu 1998

TRƯƠNG VĂN AN

Tỉnh uỷ viên, Bí thư Thị uỷ Quảng Ngãi

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ, KINH TẾ, XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Chương I

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ, KINH TẾ, XÃ HỘI

Tính từ ngày triều Nguyễn khởi sự xây dựng tỉnh thành Quảng Nghĩa (1807) đến năm 1997, tỉnh lỵ Quảng Nghĩa - nay gọi là thị xã Quảng Ngãi - đã có bề dày lịch sử 190 năm.

Thị xã Quảng Ngãi (trước đây là xã Chánh Lộ thuộc phủ Tư Nghĩa) nằm ở toạ độ $15^{\circ}03$ độ vĩ bắc và $180^{\circ}48$ độ kinh đông¹. Phía bắc giáp huyện Sơn Tịnh; phía đông, tây, nam giáp huyện Tư Nghĩa. Trước tháng 8 năm 1945, diện tích xã Chánh Lộ bao gồm cả thôn An Phú và bãi cát bắc sông Trà Khúc rộng 45 ha; sau đó thôn An Phú và bãi cát này được giao lại cho xã Tịnh An huyện Sơn Tịnh.

Đến cuối năm 1996, thị xã Quảng Ngãi bao gồm sáu phường, bốn xã. Chiều bắc nam từ sông Trà Khúc đến sông Bàn Giang khoảng 4.500 m; chiều đông tây từ điểm cực đông xã Nghĩa Dũng lên đến điểm cực tây xã Quảng

1. Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi, Viện quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Bộ Xây dựng ấn hành năm 1996.

Phú khoảng 8.000 m. Diện tích chung là 3.634,4 ha. trong đó nội thị 1292 ha¹.

Đặt mặt tiền của thị xã Quảng Ngãi ở hướng đông thì thị xã có biển Đông bao la là "minh đường"; có núi Ông và Rừng Lăng lịch sử là "hậu chẩm"; có "tả long hữu hổ" châu về.

Nằm giữa khung cảnh uy nghi tráng lệ ấy, thị xã Quảng Ngãi lại có dòng Trà Giang như một dải lụa xanh viền quanh mạn bắc; xa hơn chút nữa là thắng cảnh "Thiên Ấn niêm hà" (bắc sông Trà) với ngôi cổ tự và những huyền thoại về giếng Phật, chuông thần; lại có "Thiên Bút phê vân" với Hòn Nghiên ở phía nam, chẳng khác nào tay phải cầm bút, tay trái giữ ấn, một biểu tượng văn hoá kỳ thú. Tỉnh thành Quảng Ngãi vươn lên giữa mảng màu xanh bất tận của lúa, mía, ngô, khoai... Chính vì cảnh sắc tuyệt đẹp này mà thi nhân xưa gọi tỉnh thành Quảng Ngãi là "Cẩm Thành" (thành gấm). Người ở thị xã từ bao đời rất tự hào mình là dân "Xứ Cẩm Thành".

Thị xã Quảng Ngãi nằm ở vị trí địa lý gần như trung tâm của tỉnh Quảng Ngãi, cách các địa giới tỉnh trong vòng bán kính 40-70 km, cách các huyện lỵ trong tỉnh từ 5 đến 50 km (riêng huyện Sơn Tây khoảng 75 km). Thị xã Quảng Ngãi nằm giữa trục đường giao thông huyết mạch bắc nam cả đường sắt, đường bộ, đường thuỷ (cách cửa Cổ Lũy 12 km, cách cảng Sa Kỳ 18 km), đường hàng không (nếu sân bay Quảng Ngãi được khôi phục hoạt động). Thị xã Quảng Ngãi cách Thủ đô Hà Nội 883 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 835 km.

1. Tlđđ.

Thị xã Quảng Ngãi nằm trong phức hệ địa hình đồng bằng ven biển, thấp và bằng phẳng, hướng dốc chủ yếu từ tây sang đông, độ cao so với mặt biển từ 4 đến 9 m. Khu vực phía tây và thành cổ có độ cao trung bình 8 m, ít bị ngập lụt. Những khu vực có độ cao nhỏ hơn 6.5 m thường xuyên bị ngập lụt do lũ sông Trà¹.

Cũng như các huyện ven biển Trung Trung Bộ, thị xã Quảng Ngãi nằm trong vùng khí hậu á nhiệt đới và khu vực gió mùa Đông Nam Á. Mỗi năm có hai mùa mưa nắng rõ rệt.

Mùa mưa từ tháng 9 năm trước đến tháng 1 năm sau. Lượng mưa trung bình hằng năm là 2.181 mm. Mưa tập trung cao nhất vào các tháng 9, 10, 11 chiếm 70% lượng mưa trong cả năm². Mùa mưa thường có gió bắc - tây bắc và lụt bão, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Mùa nắng từ tháng 2 đến tháng 8. Số giờ nắng trung bình hằng năm là 2043 giờ³. Mùa nắng thường có gió đông - đông nam đem không khí mát lành cho con người, nhưng có nhiều lúc gió tây nam thổi hai ba ngày liền với tốc độ 14-15 km/giờ, mang theo khí nóng oi bức⁴. Có những năm nắng gay gắt kéo dài bốn, năm tháng liền dẫn đến hạn hán, gây trở ngại lớn cho sản xuất nông nghiệp.

Nhiệt độ trung bình hằng năm khoảng $25,7^{\circ}\text{C}$ ⁵. Nhiệt độ cao vào các tháng 5,6,7 có lúc lên đến 40°C . Nhiệt độ thấp nhất là 16°C , thường diễn ra vào tháng 12 năm trước

1, 2, 3,5. Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi. Tlđđ.

4. Đặc điểm khí hậu tỉnh Nghĩa Bình (cũ), Trạm khí tượng thủy văn tỉnh Nghĩa Bình (cũ), 1982.

và tháng giêng năm sau¹. Độ ẩm trung bình hàng năm là 85,3%. Độ ẩm thấp nhất là 36,8%².

Xung quanh thị xã Quảng Ngãi có nhiều núi thấp bao bọc. Riêng trong lòng thị xã có núi Bút và núi Ông.

Núi Bút ở phía nam thị xã, sát phía đông quốc lộ 1A, trước đây cao 61 m, nay chỉ còn khoảng 50 m³. Đứng từ xa ở phía nào cũng thấy núi có hình chóp cân đối, đều đặn tựa như ngọn bút lông dựng ngược lên trời. Vào những buổi sáng sương mù ẩn hiện lưng chừng núi, chóp núi hoà quyện vào mây nên người xưa đã đặt tên là "Thiên Bút phê vân" (bút trời viết lên mây). Đây là một trong 12 cảnh đẹp của Quảng Ngãi⁴ ứng với "Văn phong sĩ khí" của xứ Cẩm Thành. Dưới chân núi Bút còn có Hòn Nghiên, người xưa gọi là "Bút Nghiên". Trên đỉnh núi Bút hiện còn dấu vết phế tích của một tháp Chăm. Trên đỉnh Hòn Nghiên hiện còn một ngôi chùa có tên là "Quy Sơn tự"⁵. Nhà thơ Nguyễn Cư Trinh⁶ và một số tao nhân mặc khách đến Quảng Ngãi đã có thơ vịnh về "Thiên Bút phê vân" (xem phần phụ lục).

Đứng trên đỉnh núi Bút có thể nhìn bao quát cả vùng

1,2. Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi. T.1dt.

3. Do sự xói mòn của hàng trăm năm mưa gió, bão táp.

4,5. Năm 1750, Nguyễn Cư Trinh được cử đến làm tuần vũ ở Quảng Nghĩa. Ông đã đề thơ vịnh 10 cảnh đẹp của tỉnh. Thi nhân đời sau đề thơ vịnh thêm hai cảnh đẹp nữa. Nên Quảng Ngãi là quê hương của "Thập nhị thắng cảnh". Đó là: Thiên Ấn niêm hà, La Hà thạch trận, Thạch Bích tà dương, Hà Nhai vân độ, An Hải sa bàn, Thạch Kỳ diểu tẩu, Văn Phong dạ vũ, Vu Sơn lộc trường, Liên Trì dục nguyệt...

6. Chùa Quy Sơn do thượng thư Nguyễn Hữu Đàm xây dựng vào nửa sau thế kỷ XIX.

đồng bằng các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành. Nhìn xuống phía đông thấy cái tương phản giữa núi cao biển thẳm, cát vàng sóng bạc. Xa hơn nữa, ngoài khơi, cù lao Lý Sơn nhô lên giữa biển như hướng về vùng Ấn Trà ngưỡng mộ. Nhìn lên phía tây, thấy cả một giải Trường Sơn hùng vĩ... Tất cả đã tô đẹp thêm bức tranh tuyệt vời của Quảng Ngãi nói chung và thị xã Quảng Ngãi nói riêng.

Núi Ông xưa kia có đền thờ Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán nên còn gọi là "núi Trấn Công"¹, trước đây cao 39 m, nay chỉ còn khoảng 28 m². Người xưa đã có thơ vịnh núi Ông như sau:

Đứng bên hữu ngạn sông Trà
Núi Thu Phổ xã gọi là núi Ông
Đàng hoàng ngôi miếu Trấn Công
Trang nghiêm đối cảnh với dòng nước xanh.

Ngoài hai núi trên còn có Rừng Lãng ở phía tây thị xã. Trước kia khu rừng này rộng hàng trăm ha, khá rậm rạp, có nhiều cây cao bóng cả, có cộp, nai, khỉ... Vì có lãng của Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán nên gọi là Rừng Lãng. Nhưng thời gian càng dài, con người càng đông thì Rừng Lãng ngày càng bị thu hẹp, nay không còn cây cao bóng cả và một loại thú quý nào.

Cùng với núi rừng, thị xã Quảng Ngãi có ba con sông:

1. Năm 1962, khi xây dựng Nhà máy đường Thu Phổ (Công ty đường Quảng Ngãi ngày nay), đền thờ Bùi Tá Hán được dời đến Rừng Lãng, nay thuộc xã Quảng Phú.

2. Do sự xói mòn của hàng trăm năm mưa gió, bão táp.

sông Trà Khúc phía bắc, sông Bàn Giang phía nam và sông Kênh phía tây.

Sông Trà Khúc¹ - hội tụ nước từ các sông Tang, sông Rhe, sông Rin, sông Xà Lò ở miền tây Quảng Ngãi - chảy qua địa bàn thị xã Quảng Ngãi gần 9 km, là một nguồn nước rất quan trọng cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Thị xã Quảng Ngãi chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn sông Trà Khúc. Sông ngắn, dốc, lưu vực ở thượng nguồn lớn, nên thường gây lũ lụt cho hạ lưu, trong đó có thị xã Quảng Ngãi. Lưu lượng bình quân $163,4\text{m}^3/\text{s}$ (mét khối giây); cao nhất là $9.468\text{m}^3/\text{s}$; thấp nhất là $25,9\text{m}^3/\text{s}^2$. Trước đây bà con nông dân thị xã cũng như nông dân dọc sông Trà đã biến thủy năng thành động lực đẩy các bờ xe nước đưa nước lên đồng. Nhà thơ Tế Hanh viết:

Nước sông Trà chảy qua núi Bút,

Nông dân mình được chút thành thơi.

Và nhạc sĩ Đoàn Văn Đông hát "Rì rào dòng sông âm vang giữa đôi bờ...". Chẳng những thế, qua mỗi mùa lụt hằng năm, sông Trà còn bồi đắp phù sa màu mỡ cho hàng ngàn ha đất ruộng suốt dọc mạn bắc của thị xã.

Bãi cát mênh mông từ Chòi Dầu, Thạch Bích xuống đến dưới cầu Trà Khúc, ngày nay trở thành nguồn vật liệu dồi dào cho các công trình xây dựng cơ bản.

Sông Bàn Giang hội tụ nước của một nhánh sông Giăng (từ Hành Dũng, Nghĩa Hành) và suối Bà Đờn (Nghĩa Kỳ), chảy dọc mạn nam thị xã gần 4 km, là đường

1. Niên hiệu Tự Đức thứ 4 (1850) được liệt vào hạng "đại xuyên" (sông lớn).

2. Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi, Tlđđ.

biên giữa thị xã và Tư Nghĩa. Là một sông nhỏ, nhưng sông Bầu Giang cũng có giá trị nhất định về mặt kinh tế ở phía nam thị xã.

Sông Kênh có từ thời kháng chiến chống Pháp. Dòng



Thiên Bút phê vân

Thời Tây Sơn (1779-1802) vua Quang Trung (Hoàng đế Nguyễn Huệ) đã đổi phủ Hoá Nghĩa thành tỉnh Quảng Ngãi, rồi trấn Quảng Nghĩa. Vàng đất thị xã Tư Nghĩa ngày nay, nằm trong địa hạt huyện Chương Nghĩa, một trong ba huyện của trấn Quảng Nghĩa.

Từ năm 1807 đến năm 1815, nhà Nguyễn cho xây dựng thành Quảng Nghĩa tại xã Chánh Mông, huyện Chương Nghĩa. Thành kiến trúc theo kiểu vô bang (vauban) của Pháp, có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh trên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
1/59 5 33
ĐỊA CHỈ 143

sông Trà Khúc phía bắc, sông Bàu Giang phía nam và sông Kênh phía tây.

Sông Trà Khúc¹ - hội tụ nước từ các sông Tang, sông



Bờ xe nước tại thị xã Quảng Ngãi

Ảnh Đặng Tùng

"Nước sông Trà chảy qua núi Bút
Nông dân mình được chít thành thơ"

TẾ HANH

1. Niên hiệu Tự Đức thứ 4 (1850) được liệt vào hàng "đại xuyên" (sông lớn).

2. Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi, Thủ.

biên giữa thị xã và Tư Nghĩa. Là một sông nhỏ, nhưng sông Bàu Giang cũng có giá trị nhất định về mặt kinh tế ở phía nam thị xã.

Sông Kênh có từ thời kháng chiến chống Pháp. Đồng bào ta đào kênh lấy nước sông Trà vào Bàu Ma - Rai, Bàu Nhá vào giáp sông Bàu Giang chảy vắt ngang qua xã Quảng Phú, góp phần cung cấp nước tưới cho vùng ruộng đất của xã này và một số xã kế cận.

Mùa mưa lụt đồng bào đánh bắt được rất nhiều loại cá trên các dòng sông nói trên.

Các núi rừng và sông suối trên đã tạo cho thị xã Quảng Ngãi có phong cảnh sơn thủy hữu tình, người xưa gọi là vùng "địa linh nhân kiệt", "Non xanh nước biếc dễ người kinh luân". Núi rừng sông suối này còn điều tiết khí hậu, tạo thuận lợi cho sản xuất và đời sống, vừa bảo vệ hệ sinh thái trong lành mát mẻ.

Tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1402 là Cổ Lũy động thuộc nước Đại Ngu (tức Việt Nam), thế kỷ thứ XVI có tên là phủ Tư Nghĩa. Năm 1602, đổi thành phủ Quảng Nghĩa. Thời Tây Sơn (1773-1802) đổi thành phủ Hoà Nghĩa.

Năm 1802, Gia Long lên ngôi mở đầu triều Nguyễn, đổi phủ Hoà Nghĩa thành dinh Quảng Nghĩa, rồi trấn Quảng Nghĩa.

Vùng đất thị xã Quảng Ngãi ngày nay, nằm trong địa hạt huyện Chương Nghĩa, một trong ba huyện của trấn Quảng Nghĩa.

Từ năm 1807 đến năm 1815, nhà Nguyễn cho xây dựng thành Quảng Nghĩa tại xã Chánh Mông, huyện Chương Nghĩa. Thành kiến trúc theo kiểu vô băng (vauban) của Pháp, có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh trên

500 m, tổng diện tích khoảng 26 ha. Thành xây dày 5 m (trong bằng đất sét 4 m, ngoài đá ong 1 m), cao 4 m, có bốn cửa: đông, tây, nam, bắc (ngày xưa gọi là cửa bức). Cửa thành xây hình vòm cuốn, bên trên có vọng lâu trang bị súng thần công để quan sát xung quanh, bảo vệ thành. Bên ngoài thành đào hào sâu 3 m, rộng 20 m, nối liền với sông Trà Khúc để dẫn nước vào bảo vệ thành¹.

Từ đó, các cơ quan cai trị cấp tỉnh của nhà Nguyễn và của Pháp sau này đặt trong thành. Xã Chánh Mông trở thành thủ phủ của trấn Quảng Nghĩa. Trước đó xã Chánh Mông có tên gọi là làng Cù Mông. Sử liệu này có hai căn cứ.

Một là, từ xa xưa vùng đất này đã có câu ca dao:

Ba La chạy thẳng Cù Mông.

Chạy lên chạy xuống cũng đồng Ba La².

Hai là, trên gò Ngọc Áng xưa kia đã có chợ Cù Mông.

Năm 1832 (niên hiệu Minh Mạng thứ 13), trấn Quảng Nghĩa đổi thành tỉnh Quảng Nghĩa, một trong 31 tỉnh của nước Việt Nam. Tên tỉnh Quảng Nghĩa chính thức ra đời từ đó.

Sau khi đặt được ách đô hộ ở đây (1885), trên các văn bản của thực dân Pháp và Nam triều phong kiến ghi là tỉnh Quảng Ngãi. Thực dân Pháp đặt tỉnh thành và vùng

1. Thành Quảng Nghĩa nay chỉ còn di tích một đoạn thành phía nam và một đoạn hào phía tây.

2. Chắc xưa kia từ Ba La (Nghĩa Đông) lên Cù Mông (trung tâm thị xã ngày nay) toàn là đồng ruộng, vì có câu:

Đình nào to bằng đình Chánh Lộ.

Bộ nào rộng bằng bộ Ba La.

phụ cận tỉnh thành là thành phố Quảng Ngãi. Trên các bản đồ địa chính trước năm 1945 đều ghi Ville de Quang Ngai.

Năm 1896 (niên hiệu Thành Thái thứ 2), huyện Chương Nghĩa chia thành phủ Tư Nghĩa (bao gồm cả vùng đất thị xã ngày nay) và châu Nghĩa Hành.

Từ khi có quốc lộ 1A chạy qua, xã Chánh Mông (thuộc phủ Tư Nghĩa) đổi tên thành xã Chánh Lộ. Tỉnh thành và vùng phụ cận phía tây tỉnh thành Quảng Ngãi (nằm trong xã Chánh Lộ) từ Cửa Đông¹ lên đến trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh ngày nay (theo chiều đông tây), từ cống Bàu Cả nay là sông Đào) vào đến Cống Kiếu (theo chiều bắc nam) gọi là Chánh Lộ phố. Thực dân Pháp gọi Chánh Lộ phố là vùng trung tâm thị trấn.

Chánh Lộ phố chia thành hai phường: Bắc Lộ phường và Nam Lộ phường, ranh giới là đường Lê Trung Đình (đông quốc lộ 1A), đường Hùng Vương (tây quốc lộ 1A) ngày nay. Mỗi phường có một phường trưởng lo việc quản lý dân phố và công vụ. Chánh Lộ phố là hình hài vóc dáng đầu tiên của thị xã Quảng Ngãi sau này.

Dân phố ngày càng đông, nhà cửa phố xá ngày càng nhiều, chợ tỉnh được xây dựng. Năm 1922, thực dân Pháp lập sở Phòng Thành, đặt dưới quyền một viên đội người Pháp, phụ trách trật tự an ninh, vệ sinh phố chợ. Năm 1926, Chánh Lộ phố đặt dưới quyền cai quản của một viên bang tá (Nam triều). Năm 1929, thực dân Pháp đặt thêm Sở Cò² do một sĩ quan Pháp chỉ huy. Chánh Lộ phố mở

1. Cửa Đông phía dưới trụ sở Tỉnh đội và Sở tài chính hiện nay.

2. Tức là Sở cảnh sát.

rộng, thành lập thêm Thu Lộ phường, từ sân vận động Diên Hồng đến ngã năm Thu Lộ ngày nay, nên có tất cả ba phường.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng đổi phủ Tư Nghĩa thành huyện Tư Nghĩa; xã Chánh Lộ hợp nhất với xã Ngọc Áng thành xã Nghĩa Lộ, trực thuộc huyện Tư Nghĩa. Đồng thời trên cơ sở ba phường của Chánh Lộ phố, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh quyết định thành lập thị xã Quảng Ngãi, một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi. thị xã Quảng Ngãi chính thức ra đời từ đây.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19 tháng 12 năm 1946), thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chỉ thị của Hồ Chủ tịch, thị xã Quảng Ngãi tiến hành tiêu thổ kháng chiến (phá hoại để kháng chiến), đưa dân nội thị tản cư về vùng nông thôn. thị xã Quảng Ngãi sáp nhập vào xã Nghĩa Lộ, trực thuộc huyện Tư Nghĩa. Xã Nghĩa Lộ lúc này có năm thôn.

Thôn 1 gồm có: Lâm Quý (Ngọc Áng), Tịch Điền, Phú Hoà Trung.

Thôn 2: Chợ cũ, Tàu Tượng, Thạch Bích, Chòi Dầu, Gò Trây.

Thôn 3: Phú Yên 1, Phú Yên 2, Phú Yên 3, Gò Gai.

Thôn 4: Phú Mỹ Thượng, Phú Mỹ Trung, Phú Mỹ Hạ.

Thôn 5: Quán Đàn, Gò Nại, Gò Hống, La Tá.

Từ tháng 10 năm 1954 đến tháng 3 năm 1975, nguy quyền Sài Gòn thành lập xã Cẩm Thành trực thuộc tỉnh. Xã Cẩm Thành được chia thành bốn ấp: Bắc Môn, Bắc Lộ, Nam Lộ, Thu Lộ. Các xã cũng đổi tên: Nghĩa Lộ gọi là Tư Chánh, Nghĩa Điền gọi là Tư Quang, Nghĩa Dõng gọi là Tư Bình...

Các xã này là vùng ven xã Cẩm Thành, là bàn đạp đứng chân của cán bộ, các lực lượng đặc công, trinh sát và các đội công tác của ta bí mật hoạt động tấn công vào Cẩm Thành.

Khi đế quốc Mỹ chuyển sang "chiến tranh cục bộ", ngày 10 tháng 6 năm 1965, tỉnh Quảng Ngãi ra nghị quyết thành lập lại đơn vị hành chính thị xã (trực thuộc tỉnh) để tiện chỉ đạo phong trào đô thị. Đến năm 1968, thị xã Quảng Ngãi bao gồm xã Nghĩa Lộ, xã Nghĩa Điền, xã Nghĩa Đông (thuộc Tư Nghĩa cũ) và thôn Đông Dương của xã Tịnh Ấn (huyện Sơn Tịnh).

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, thị xã Quảng Ngãi bàn giao thôn Đông Dương lại cho xã Tịnh Ấn. Các ấp trong thời kỳ Mỹ - nguy được đổi thành phường.

Ấp Bắc Môn đổi thành phường Lê Hồng Phong.

Ấp Bắc Lộ đổi thành phường Trần Hưng Đạo.

Ấp Nam Lộ đổi thành phường Nguyễn Nghiêm.

Ấp Thu Lộ đổi thành phường Trần Phú.

Đồng thời lấy lại tên các xã cũ hồi kháng chiến chống Pháp: Nghĩa Lộ, Nghĩa Điền, Nghĩa Đông. Lúc này thị xã Quảng Ngãi có bốn phường, ba xã, là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá của tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn toàn giải phóng.

Tháng 12 năm 1975, thực hiện nghị quyết Khu uỷ Khu V, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình. Ngày 12 tháng 2 năm 1976, thị xã Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa hợp nhất thành thị xã Quảng Nghĩa. Từ đây thị xã Quảng Nghĩa bao gồm bốn phường, ba xã nói trên và cả 11 xã của huyện Tư Nghĩa¹.

1. Nghĩa Lâm, Nghĩa Thảng, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Trang (sau này là Nghĩa Trung), Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hoà, Nghĩa Hà, Nghĩa An...

Tháng 3 năm 1979, xã Nghĩa Lộ chia thành hai xã: Nghĩa Lộ, Nghĩa Chánh. Xóm La Tá được cắt giao cho xã Nghĩa Thương.

Cuối năm 1981, thị xã Quảng Nghĩa lại tách thành hai đơn vị: thị xã Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa, đều trực thuộc tỉnh Nghĩa Bình. Xã Nghĩa Điền giao về huyện Tư Nghĩa, riêng ba thôn Thu Phổ Đông, Thu Phổ Tây, Thạch Phổ (gồm sáu xóm) giao về thị xã Quảng Ngãi, thành lập xã Quảng Phú. Tháng 4 năm 1989, xã Nghĩa Đông được chia thành hai xã: Nghĩa Đông và Nghĩa Dũng.

Từ đầu năm 1982 đến tháng 6 năm 1989, thị xã Quảng Ngãi có bốn phường nội thị và năm xã vùng ven: Quảng Phú, Nghĩa Lộ, Nghĩa Chánh, Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng. Suốt thời kỳ thuộc tỉnh Nghĩa Bình (tháng 12 năm 1975 đến tháng 6 năm 1989), thị xã Quảng Ngãi là một trong hai thị xã của tỉnh, giữ vị thế trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của các huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cũ.

Tháng 7 năm 1989, tỉnh Nghĩa Bình chia thành hai đơn vị hành chính cấp tỉnh như cũ: tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. thị xã Quảng Ngãi trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Ngãi, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của toàn tỉnh.

Được Hội đồng nhân dân ba cấp đề nghị, Chính phủ phê duyệt, từ tháng 7 năm 1991, xã Nghĩa Lộ chia hai để thành lập hai phường: phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Lộ.

Như vậy, tính từ khi khởi sự xây dựng tỉnh thành Quảng Nghĩa ở xã Chánh Mông (1807), trải qua 190 năm

biến đổi địa giới, Chánh Lộ phố ra đời vào cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XIX, thị xã Quảng Ngãi ra đời từ tháng 8 năm 1945, đến cuối năm 1996 có sáu phường: Lê Hồng Phong, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Nguyễn Nghiêm, Chánh Lộ, Nghĩa Lộ và bốn xã: Quảng Phú, Nghĩa Chánh, Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng.

Từ xa xưa, cộng đồng cư dân trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi là dân bản địa, phần lớn thuộc dân tộc Chăm mà dấu vết hiện còn lưu giữ. Đó là phế tích của khu tháp Chánh Lộ (tại địa điểm bệnh viện đa khoa ngày nay và vùng phụ cận), khu tháp núi Ông (bên cạnh Công ty đường ngày nay). Khu tháp Chánh Lộ là lớn nhất trong các tháp Chăm ở Quảng Ngãi. Những năm đầu thế kỷ XX, người Pháp đã khai quật khu tháp Chánh Lộ, thu được khá nhiều tượng¹. Năm 1978, cán bộ chuyên môn của Viện khảo cổ học Trung ương và Bảo tàng tỉnh tiếp tục khai quật khảo sát tại đây, thu thêm một số tượng và bi ký Chăm rất quý (đang lưu giữ tại Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi)... Tất cả những di tích trên nói lên một phong cách riêng biệt trong nghệ thuật điêu khắc Chăm gọi là "Phong cách Chánh Lộ", nằm ở giai đoạn muộn của "Phong cách Trà Kiệu" (Quảng Nam - Đà Nẵng), khoảng thế kỷ IX, X sau công nguyên. Di tích đền tháp Chánh Lộ là khu thờ thần lớn, là trung tâm hành hương của người Chăm trong vùng. Sau đó người Chăm lần lượt di chuyển về phía nam.

Từ thế kỷ XV, XVI, trong tiến trình lịch sử dân tộc

1. H. Parmentier: *Kiểm kê các di tích Chăm ở miền Trung Việt Nam*. Nxb. La Roux - 1909-1918.

Việt mở mang bờ cõi về phương nam, người Việt (thường gọi là người Kinh) ở miền Bắc mà đông nhất là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh lần lượt đến vùng đất này, khai cơ lập nghiệp, hình thành và phát triển cộng đồng cư dân Việt cho đến ngày nay. Đền thờ Bùi Tá Hán (xây dựng từ đầu thế kỷ XVII ở Quảng Phú), cũng như đình Chánh Lộ, xây dựng từ năm 1772 (nay không còn, nhưng còn di tích cây đa to - trồng cách ngày nay trên 200 năm - ở dưới ngã tư chính, bắc đường Lê Trung Đình), thờ những vị tiên hiền có công khai khẩn đất đai, lập ấp, xây làng, dựng nên cơ đồ cộng đồng người Việt ở chốn này.

Ngoài ra còn có một số ít Hoa kiều, sống lâu năm ở đây, một số hoà huyết với người Việt sinh con đẻ cháu, gọi là người Việt gốc Hoa.

Dân số trên địa bàn Chánh Lộ vào đầu thế kỷ XX có độ 1.000 người. Đến năm 1931, có 1.978 người cư trú trong 331 gia đình¹. Đến năm 1954, trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi có 32.000 dân. Thời kỳ Mỹ - nguy, do chính sách dồn dân tàn bạo và bom pháo ác liệt của địch ở vùng nông thôn giải phóng, nông dân các huyện trong tỉnh dồn về thị xã khá đông. Năm 1970, có gần 96.000 dân². Sau đại thắng mùa xuân 1975, phần lớn nhân dân các huyện trở về làng cũ. Đến năm 1982, thị xã Quảng Ngãi có 84.236 người; đến ngày 31 tháng 12 năm 1997 có 110.828 người; bình quân 3.016 người/km²³.

1. Theo *Quảng Ngãi tỉnh chí* của Nguyễn Bá Trác, xuất bản năm 1933.

2. Theo *Báo cáo của Thị uỷ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ II* (tháng 10 năm 1970).

3. *Niên giám thống kê 1977*, Phòng thống kê thị xã Quảng Ngãi.

Mang đặc trưng dân tộc Việt, đến lao động sinh sống trên vùng đất mới đầy cam go gian khổ, khắc nghiệt do thiên nhiên và chế độ phong kiến gây nên, đã hun đúc cho người dân thị xã nói riêng (cũng như người dân Quảng Ngãi nói chung) tính cách cần cù, nhẫn nại, kiệm ước, kiên nghị, bất khuất, hiếu học, thông minh, sáng tạo... Trong *Phủ biên tạp lục*, nhà bác học Lê Quý Đôn đã khái quát về Quảng Ngãi là "đất bạc, dân chăm, tính tình kiệm ước". Còn trong văn hoá dân gian miền Trung cho rằng "Quảng Ngãi hay co" (co cượng, cứng đầu), hoặc "Quảng Ngãi không đãi cũng sạn" (tức là loại người rành đời, có sạn trong đầu, không mua chuộc, lừa phỉnh, uy hiếp được). Ở thị xã có bộ máy hành chính của tỉnh, nơi tập trung văn nhân, nghĩa sĩ, lại là đất thương trường, nên còn có nhiều người "muu lược", "mối lái". Nhưng thời nào cũng vậy đại bộ phận người dân ở đây vẫn giữ lòng yêu nước, bằng chứng là phong trào cách mạng nào cũng có nhiều người tham gia.

Trước năm 1955, tuy đã từng mang tên Chánh Lộ phố, rồi thị xã Quảng Ngãi, mảnh đất này chủ yếu vẫn mang tính chất nông thôn với nền kinh tế nông nghiệp. Trên 90% cư dân vùng ven và 30% cư dân nội thị là nông dân lao động.

Suốt 500 năm qua, người nông dân thị xã đã đem tài trí, sức lao động cơ bắp vật lộn với thiên nhiên khắc nghiệt làm ra lương thực, thực phẩm để sinh sống. Diện tích đất nông nghiệp toàn thị xã là 2.077 ha, trong đó trồng lúa 746 ha, trồng màu và mía 580 ha, đất vườn 751 ha¹.

1. Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi. Tlđđ.

Để chinh phục thiên nhiên, bằng sức lao động cần cù, sáng tạo, trên dọc sông Trà, bà con nông dân thị xã đã dựng 5 bờ xe nước (bờ xe núi Ông, bờ xe đôi ở bến trâu, bờ xe chiếc, bờ xe Ngọc Áng), mỗi bờ xe chín, mười bánh đưa nước lên đồng tưới hàng trăm mẫu, bảo đảm làm hai, ba vụ/năm (2 vụ lúa, 1 vụ màu), tăng diện tích cây trồng và sản lượng lương thực, tăng năng suất lúa, mía, ngô, khoai, đậu, rau...

Cây lương thực chính của thị xã là cây lúa. Trước kia nông dân thị xã dùng các giống lúa cũ, bón phân chuồng. Lúa cấy mỗi năm 2 vụ. Vụ tháng tám, ruộng phía bắc có nước bờ xe, phía nam có nước sông Bàu Giang; vụ tháng ba nhờ nước mưa. Để cấy vụ tháng tám, bà con bỏ nhiều công sức vào việc "cuốc ải", một kỹ thuật làm đất cổ truyền, nhằm tăng năng suất lúa. Năm nào bị hạn hán, bà con xúm nhau đào ao, vét giếng, tát nước thâu đêm. Tuy phải tốn nhiều công sức, nhưng năng suất bình quân cũng chỉ đạt từ 20-25 tạ/ha.

Ngoài trồng lúa nước, nông dân thị xã còn trồng khoai lang, trái đậu, trái bắp, trồng mỳ (sắn), trồng mía, trồng dâu nuôi tằm; phát triển chăn nuôi heo, bò, gà vịt... Như vậy, từ lâu nông nghiệp thị xã đã phát triển tương đối toàn diện.

Cùng với nông nghiệp, trước kia người dân ở thị xã đã có nhiều nghề thủ công truyền thống đáng quý.

Đồng bào Chòi Dầu, Thạch Bích, Thu Phổ, Ngọc Áng, Phú Yên, Phú Mỹ, Ba La, Vạn Tượng... có nghề ép mía nấu đường thủ công đổ vào muống. Từ đường muống này, đồng bào chặt nhỏ phơi khô thành đường dấm, hoặc đập

chà nhỏ thành hạt gọi là đường cát, có hai loại "Bạch on" và "Bạch đơ"¹, từng được đóng bao xuất đi Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Trung Quốc. Từ lâu đồng bào thị xã Quảng Ngãi đã sản xuất được đường hàng hoá "Bạch on" tương đương với đường công nghiệp RS, "Bạch đơ" tương đương với đường quay máy li tâm ngày nay.

Nhiều gia đình ở Ba La, Vạn Tượng và một số làng khác khá rành trong kỹ thuật dùng mọng lúa, mọng nếp nấu thành kẹo mạch nha; dùng đường cát với trứng gà làm ra đường phôi, đường phèn; dùng đường cát với đậu phụng, mè làm thành kẹo gương... Đây là những món đường kẹo đặc sản chỉ riêng có ở Quảng Ngãi, khách vào Nam ra Bắc đã mua dùng, hoặc làm quà và đã được ca ngợi.

Thơm ngon như món mạch nha

Ngọt như đường phôi thơm qua đường phèn

Kẹo gương thanh nhã thích ăn...

Nhiều gia đình ở Chòi Dầu, Thạch Bích, Cửa Bức, Bàu Dầu, Phú Hoà Trung, Ba La, Vạn Tượng... vừa "làm ruộng ăn cơm nằm" lại vừa "để tầm ăn cơm đứng" đã nuôi tầm, kéo thao dệt đũi², ương tơ dệt lụa vàng óng ánh. Nhiều gia đình còn dệt vải, dệt the ba sợi, dệt xuyên chín sợi, dệt lãnh, dệt trầu (để viết liễn đối). Trong làng xóm ngày đêm vang tiếng thoi đưa. Năm 1943, ở thị xã đã có xưởng dệt có đến 40 khung cử bán tự động.

Ở thị xã còn có nhiều người có nghề tiện gỗ, nghề mộc

1. "Bạch on", "Bạch đơ" do ghép một từ Hán (Bạch là trắng) và một từ Pháp (on là một, deux là hai) để chỉ đường trắng loại I hoặc loại II.

2. Đũi là loại vải dệt bằng thao, dày, bền, đẹp, giống như vải kaki, người giàu thường dùng may comple.

khá tinh xảo, sản xuất đồ dùng bằng thủy tinh khá đẹp, chằm bện, hốt thuốc bắc, thợ may, cắt tóc, sửa chữa xe đạp, khâu vá, kéo xe, v.v..

Nói đến sự cần cù nhẫn nại thông minh của dân thị xã, còn phải nói đến kỹ thuật làm bánh nổ, bánh thuẫn, bánh bó dừa, kỹ thuật đánh bắt chim trời, cá nước chế biến nên những món ăn đặc sản mang hương vị độc đáo như chim mía ướp sả nướng, cá bống kho tiêu, hến và don xào hành, cá thài bai chưng cách thủy... mà ai đã một lần ăn chắc chắn khó quên.

Từ "cuộc ải", làm bờ xe nước trong sản xuất nông nghiệp, đến việc sáng tạo kỹ thuật trong các nghề tiểu thủ công nghiệp, chế biến các món ăn đặc sản nói trên chứng tỏ bản chất cần cù, thông minh, sáng tạo vốn có từ xưa của người dân trên đất thị xã.

Từ trước năm 1975, nền công nghiệp thị xã hầu như chưa có gì đáng nói.

Đến những năm 20 của thế kỷ này, vùng trung tâm tỉnh lỵ Quảng Ngãi chưa có điện. Dân nghèo thấp đèn bằng dầu dừa; nhà giàu thấp đèn dầu hoả có bóng thủy tinh (loại lớn gọi là đèn toạ). Năm 1924, ở ngã tư chính mới có một trụ đèn bằng sắt, trên đỉnh có một cái đèn lồng kính xung quanh, thấp bằng hơi axetylen (acétylène), đồng bào thường gọi là đèn hơi đá, hay là đèn cạchbua (carbure). Cứ tối đến, một phu đèn vác thang đến trèo lên đốt đèn tạo một ánh sáng xanh soi xa không quá 5 m¹. Các đường khác chịu tối. Mãi đến năm 1930, một nhà máy đèn cỡ nhỏ do Pháp xây dựng tại Gốc Gáo (phía trên Cửa

1. Nguyễn Văn Tuân: *Chàng trai đất Việt*, Nxb. Sài Gòn, 1969, t.1, tr. 170.

Tây), chủ yếu thắp sáng cho các công sở và gia đình quan lại, công chức trong nội thành. Đến thời Mỹ - nguy, Nhà máy điện diêden Quảng Ngãi mới được xây dựng (tại địa điểm ngày nay), nhưng công suất nhỏ, chủ yếu cung cấp ánh sáng phục vụ quân sự và một số đường phố chính.

Đến những năm đầu thập kỷ 40, tháp nước mới được xây dựng (cạnh bưu điện hiện nay), chủ yếu cung cấp nước cho các cơ quan nội thành và một số ít gia đình trên đường phố chính. Đến năm 1962, tháp nước bị nghiêng, có được trùng tu, nay không còn dùng nữa.

Về công nghiệp xây dựng, trừ một số công sở trong thành, Bângalô ở Cống Kiều (như khách sạn ngày nay), một số hiệu buôn lớn, một số nhà của nhà giàu... được xây dựng bằng gạch, ngói kiên cố từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, còn hầu hết nhà ở của dân đều bằng khung tre lợp rạ hoặc lợp tranh. Một số gia đình khá giả làm nhà khung gỗ lợp tranh dày.

Về giao thông, thị xã Quảng Ngãi nằm trên trục giao thông chính bắc nam của nước ta, đồng thời là đầu mối giao thông toả đi khắp các huyện lỵ, trong tỉnh.

Từ trung tâm thị xã đi huyện lỵ Sơn Tịnh 5 km, huyện lỵ Bình Sơn 20 km, huyện lỵ Trà Bồng 50 km, huyện lỵ Sơn Hà 50 km, huyện lỵ Sơn Tây 75 km, huyện lỵ Nghĩa Hành 10 km, huyện lỵ Minh Long 30 km, huyện lỵ Tư Nghĩa 5 km, huyện lỵ Mộ Đức 20 km, huyện lỵ Đức Phổ 40 km, huyện lỵ Ba Tơ 60 km, huyện đảo Lý Sơn 30 km đường biển.

Đầu thế kỷ XX, đường bộ còn hẹp, xấu, chưa có xe cộ. Quan lại triều đình đi kinh lý bằng cáng (hai người khiêng) qua từng trạm. Đồng bào đi lại trong tỉnh, đi Hội An, Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết, Đồng Nai, Gia

Định. Sài Gòn... phần lớn là đi bộ, hoặc đi ghe bầu theo đường biển (thuyền buồm, chưa có thuyền máy). Từ tỉnh lỵ qua Sơn Tịnh phải đi đò. Đến năm 1933-1935, cầu Trà Khúc mới được xây dựng. Về đường thuỷ còn có các thuyền buồm ngược xuôi trên sông Trà. Mùa gió nồm, buồm no gió, thuyền băng băng ngược dòng sông trông rất ngoạn mục. Từ ngày có công trình đại thuỷ nông Thạch Nham, nước ở hạ lưu sông Trà cạn hẳn, nên bờ xe nước và thuyền buồm xuôi ngược trên sông không còn nữa.

Đến năm 1924, toàn tỉnh chỉ có 5 chiếc xe kéo bánh sắt, sau đó là bánh cao su đặc, của các quan lại đầu tỉnh. Lúc này đã xuất hiện một ít xe đạp mang nhãn hiệu Hironnelle (chim én) do hãng Saint Etienne ở Pháp sản xuất. Chỉ một số ít nhà giàu mới có xe đạp. Trước năm 1945, ở tỉnh lỵ, có một hiệu cho thuê xe đạp. Xe ô tô lại càng hiếm. Chỉ công sứ Pháp có một chiếc xe con hiệu xitôrôn (citroen). Ô tô chở khách Quảng Ngãi chưa có, chỉ có mấy chiếc các nơi đến, đi, thường đỗ ở bến xe Vàng (đối diện rạp chiếu bóng Hoà Bình hiện nay) và bến xe ở cây xăng ngày nay để đỗ khách và lấy khách. Ngoài ra có loại xe th¹ chở thư và bưu kiện của "nhà dây thép" (tức bưu điện); mỗi ngày có một chiếc trong Nam ra, một chiếc ngoài Bắc vào, gặp nhau trước "nhà dây thép" Quảng Ngãi trong nội thành (tại địa điểm xí nghiệp may 27-7 ngày nay).

Đến năm 1920, mới có chiếc máy bay đầu tiên hạ cánh xuống một bãi đất (hồi đó gọi là trường tàu, chưa gọi là sân bay) trên ga Ông Bó. Từ quan Nam triều đầu tỉnh là

1. Do hãng STACA của Pháp sản xuất. STACA là âm đầu của hãng Société des Transports Automobiles du Ccentre Anam.

tuần vũ đến công chức, thứ dân kéo nhau lên xem cho được "con chim sắt", vì nhiều người chưa biết máy bay là gì.

Ngày 16 tháng 1 năm 1935, đường sắt từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi mới hoàn thành, nhà ga hoả xa Quảng Ngãi ra đời, nhân dân gọi là ga Ông Bó.

Để phục vụ giao thông, đến những năm cuối thập kỷ 30 mới có một gara sửa chữa xe ô tô của ông Tư Sơn với năm, bảy công nhân. Đến năm 1962, người Nhật đầu tư xây dựng nhà máy đường ở Thu Phố, công suất trên 1.000 tấn mía/ngày. Song diện tích mía còn ít và do chiến tranh nên nhà máy hoạt động kém hiệu quả.

Như vậy, về công nghiệp ở thị xã trước năm 1975 hầu như không có gì đáng kể.

Về thương nghiệp, thị xã Quảng Ngãi trước năm 1945 chủ yếu là tiểu thương, buôn gánh, bán bưng, làm dịch vụ ăn uống, giải khát. Nhờ có quan hệ buôn bán với người Hoa ở Thu Xà, với thương lái ở Cổ Luỹ, thương nghiệp thị xã phát triển dần lên. Chợ tỉnh là chợ lớn nhất, trở thành đầu mối giao thương giữa tỉnh lỵ, với các phủ huyện trong tỉnh và các tỉnh bạn. Các nhà buôn lớn, "buôn sĩ" (bán buôn chứ không bán lẻ) đều nằm trong tay Hoa kiều, Ấn kiều¹. Thương gia người Việt tại thị xã chỉ có mấy hiệu buôn vừa như Quảng Đông An, Quảng Hoà Tế, Mỹ Đông An, Phạm Hoà, Lợi An, Tân An...

Là trung tâm của vùng châu thổ sông Trà Khúc, thương nghiệp thị xã mở rộng với bên ngoài qua bến Tam Thương. Gọi là bến Tam Thương vì từ đây mở ra ba đường

1. Hoa kiều lớn nhất là tiệm buôn Vạn Thành Lợi của bà Tài; Ấn kiều có các tiệm buôn lớn của Apdul Secaurt, Apdul Waháp.

buôn bán tấp nập: đường sông Trà lên thượng nguồn, đường ra biển Đông, đường vào nội địa. Tại bến Tam Thương, thị xã nhập gỗ, củi từ trên núi đưa xuống; cá mắm, đá vôi từ miền biển, Lý Sơn đưa vào và xuất nông sản hàng hoá đi các nơi.

Thương nghiệp thị xã còn được mở rộng hơn qua việc thành lập "Nông cuộc"¹ năm 1937 và đào sông Đào năm 1938. Sông Đào được đào từ phía bắc trụ sở "Nông cuộc" ra bến giáp sông Trà (bên miếu thần hoàng), rộng từ 35 đến 40 m, nước sâu, ghe lớn có thể vào đỗ hàng hoá từ các nơi cho tỉnh lỵ và lấy đường, bắp, đậu, thuốc lá... từ tỉnh lỵ chở đi các nơi. Nhưng từ ngày kháng chiến chống Pháp, sông Đào không còn dùng nữa.

Nhìn chung kinh tế thị xã Quảng Ngãi cơ bản là nông nghiệp; từ nông nghiệp phát triển tiểu thủ công nghiệp, rồi phát triển thương nghiệp. Từ đầu thế kỷ XX đến những năm 1960-1970, các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp đã hình thành và phát triển tương đối rõ, đồng thời đã xuất hiện bóng dáng của công nghiệp điện, giao thông, cơ khí, chế biến nông sản... Nhưng cho đến năm 1975 vẫn là một thị xã với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tiểu thủ công nghiệp manh mún, phân tán, thương nghiệp nhỏ bé, công nghiệp hầu như chưa có gì.

Ngoài truyền thống cần cù thông minh sáng tạo trong lao động sản xuất, phát triển ngành nghề, người dân thị xã còn có truyền thống hiếu học. Nói về đức hiếu học, sự thông minh của người dân vùng trung tâm tỉnh Quảng

1. Tiếng Pháp gọi là Coopérative Agricola. Trụ sở tại địa điểm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Quảng Ngãi hiện nay.

Ngài từ thế kỷ trước đã có những nhà nho học tiêu biểu như:

- Cụ Bùi Tá Thế, con trai của Bắc Quận đã đọc Bài Tả



Ban Chỉ đạo và Ban biên soạn cuốn sách *Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi (1930-1975)*

làng Văn...

năm 1868. Ông là một nhà yêu nước nổi tiếng ở Trung Trung Bộ.
- Cụ Tạ Tường (1857-1942), người quán tại Gò Lăng, Chánh Lộ (nay là phường Nghĩa Lộ), đầu tiên góp đồng tiền sĩ. Tại trường thi Bình Định năm Mậu Tý (1883) ở Quảng Ngãi có 37 người thi tài, cụ đứng thủ khoa và 36 người khác đạt điểm trung bình, còn câu thơ lưu truyền đến ngày nay:

Một quyển thi, ba mươi sáu quyển bình.

1, 2: Các tác phẩm đang trưng bày tại bộ sưu tập tư liệu về Bùi Tá Hứa ở Bảo Phố ở Quảng Ngãi.

Ngãi từ thế kỷ trước đã có những nhà nho học tiêu biểu như:

- Cụ Bùi Tá Thế, con trai của Bắc Quân đô đốc Bùi Tá Hán, đỗ tiến sĩ triều Lê; kế tục nghiệp cha, đại định phương Nam của quốc gia Đại Việt, được phong tước Tử dương hầu¹.

- Cụ Bùi Thụ Phong cháu chín đời của Bùi Tá Hán, đỗ tiến sĩ triều Nguyễn. Dưới triều Vua Thiệu Trị (1841-1847), cụ được cử làm Bố chánh tỉnh Sơn Tây, hai lần được cử đi sứ Trung Quốc, nổi tiếng về ngoại giao. Sau cụ về quê lập chợ (ở trên ga Quảng Ngãi ngày nay), dân địa phương quen gọi là "Chợ Ông Bố". Đến khi xây dựng ga xe lửa Quảng Ngãi gần chợ này nên đồng bào cũng gọi là "Ga Ông Bố"².

- Cụ Nguyễn Hữu Đông thường gọi là Đông Chánh Lộ, học nhiều, hiểu rộng, từ thời Tự Đức đã được bổ nhiệm Thượng thư, thăng đồng các đại học sĩ. Là thầy dạy của Lê Trung Đình, Tạ Tương...

- Cụ Nguyễn Duy Cung (1839-1885), nguyên quán làng Vạn Tượng (nay thuộc xã Nghĩa Dũng), đỗ cử nhân năm 1868. Ông là một nhà yêu nước nổi tiếng ở Trung Trung Bộ.

- Cụ Tạ Tương (1857-1942), nguyên quán tại Gò Lãng, Chánh Lộ (nay là phường Nghĩa Lộ), đậu tam giáp đồng tiến sĩ. Tại trường thi Bình Định năm Mậu Tý (1888) ở Quảng Ngãi có 37 người dự thi, cụ đậu thủ khoa và 36 người khác đạt điểm trung bình, còn câu thơ lưu truyền đến ngày nay:

Một quyển ưu, ba mươi sáu quyển bình.

1, 2. Các sắc phong công trạng của hai cụ hiện còn lưu tại đền thờ Bùi Tá Hán ở Thu Phổ, xã Quảng Phú.

Quảng Nghĩa tình hứa đa danh sĩ.

Cụ được bổ nhiệm làm Thượng thư Bộ Lại, rồi Bộ Lễ, phụ chánh đại thần, thăng đồng các đại học sĩ, sung tổng tài quốc sử quán, kinh diên giảng quan, kiêm quản Quốc tử giám.

- Cụ Nguyễn Hữu Đàm, con trai của cụ Nguyễn Hữu Đông, đỗ tiến sĩ triều Nguyễn. Cụ đã được bổ nhiệm làm Thượng thư Bộ Lễ¹.

...

Truyền thống hiếu học thông minh này được truyền lại các thế hệ sau. Mặc dù bị đế quốc phong kiến chèn ép đủ điều, trong nhân dân thị xã vẫn xuất hiện nhiều trí thức tân học nổi tiếng, như thầy Nguyễn Tấn Đức (thân sinh phó tiến sĩ Nguyễn Tấn Đắc ngày nay); thầy Phan Tiên (thân sinh nữ tiến sĩ Phan Thị Phi Phi ngày nay); thầy Nguyễn Kỷ, hiệu trưởng Trường trung học Pháp - Việt, cô Cúc Hoa, nữ giáo viên Trường trung học Lê Khiết trong kháng chiến chống Pháp (đã hy sinh)... cùng nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng trong nước như nhà thơ Nguyễn Viết Lãm, các nhạc sĩ Đoàn Văn Đông, Lê Cường, Nghệ sĩ nhân dân Lê Thi, Trà Giang, Nghệ sĩ ưu tú Khánh Cao...

Cũng như dân tộc Việt trên cả nước, người dân thị xã Quảng Ngãi từ xưa đã chịu ảnh hưởng và sống theo lễ giáo phong kiến, theo các giáo lý của Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử. Các tín điều "quân, sư, phụ", "tam cương ngũ thường", "tam tông tứ đức", "trọng nam khinh nữ"... được xem như những luật lệ để giải quyết các mối quan hệ xã hội và gia đình. Lễ giáo phong kiến nói chung trói buộc

1. Dân Chánh Lộ trước đây thường nói xã mình có hai cụ thượng: Thượng Tạ (Tạ Tương), Thượng Nguyễn (Nguyễn Hữu Đàm).

con người trong tình trạng bị nô dịch và lạc hậu.

Mặt khác, từ xưa người thị xã có phong tục thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ; tổ chức tảo mộ, chạp mả hằng năm, là dịp hội tụ họ tộc để tưởng niệm tổ tiên và cũng để các hệ phái trong họ tộc biết nhau, thương yêu đùm bọc nhau, tránh điều không hay có thể xảy ra trong hôn nhân giữa người cùng họ tộc.

Về tín ngưỡng tôn giáo, từ xưa một số đồng bào thị xã theo đạo Phật, tìm thấy trong kinh kệ Phật học những điều răn dạy bổ ích như "từ bi hỉ xả", "ở hiền gặp lành", "ác giả ác báo"... Năm 1942, chùa Hội Phước, ngôi chùa lớn nhất ở Chánh Lộ được xây dựng. Trong đạo hữu (hiện nay trên 4.000 người), nhiều người chỉ ăn chay niệm Phật tại gia vào ngày rằm, mồng một. Số này gọi là "cư sĩ". Một số ít đồng bào theo đạo Thiên chúa từ những thập kỷ đầu của thế kỷ XX (muộn hơn nhiều nơi khác). Nhà thờ lớn tại thị xã Quảng Ngãi (phía bắc đường Trần Hưng Đạo hiện nay) được xây dựng năm 1941, chủ yếu để cho các viên chức Pháp và Nam triều hành lễ. Đến năm 1963, thực hiện chính sách phát triển "Công giáo", Mỹ - Diệm cho xây dựng thêm Nhà thờ nhỏ (phía bắc đại lộ Hùng Vương hiện nay). Số linh mục chăn chiên giảng đạo tại các nhà thờ ở thị xã đều là người nơi khác. Trước tháng 8 năm 1945, ở thị xã Quảng Ngãi còn có đạo Cao Đài và Tin lành. Đến nay còn hai hội thánh Tin lành (ở phường Trần Phú và phường Chánh Lộ). Tín đồ đạo Thiên chúa lúc cao nhất gần 3.000 người, Tin Lành non 200 người, Cao Đài non 100 người¹.

1. Số liệu cụ thể hiện lưu tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi.

Cũng như nhân dân lao động toàn tỉnh, nhân dân lao động trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi trước Cách mạng Tháng Tám 1945 đã từng chịu ba tầng áp bức bóc lột: địa chủ phong kiến, đế quốc thực dân và tư sản.

Khi xác lập được ách đô hộ ở Quảng Ngãi (1885), dưới bộ máy cai trị cấp tỉnh¹, trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi, thực dân Pháp cấu kết với triều đình nhà Nguyễn, đặt ở mỗi làng một bộ máy tay sai do một lý trưởng cầm đầu, có ngũ hương² giúp việc. Riêng Chánh Lộ phố, mỗi phường có một phường trưởng và các nhân viên phụ việc. Đến năm 1926, các phường đặt dưới quyền của một viên bang tá với 10, 12 lính đồng lo việc trị an. Các công cụ bạo lực như Sở Phòng Thành, Sở Cò (cảnh sát) đều do sĩ quan Pháp chỉ huy³. Bộ máy của nhà nước bảo hộ Pháp cũng như Nam triều là bộ máy kìm kẹp, cai trị dân, thu thuế, bắt phu, bắt lính, thực hiện các chính sách vơ vét bóc lột về kinh tế, mị dân và đàn áp về chính trị, nô dịch về văn hoá đối với nhân dân ta.

Thực dân Pháp ráo riết bóc lột sức người, sức của của Việt Nam để làm giàu cho chính quốc, thâm độc nhất là bóc lột qua sưu thuế.

1. Đứng đầu tỉnh là một viên công sứ Pháp (Résident) có toàn quyền quyết định mọi việc trong tỉnh và một viên tuần vũ Nam triều mà mọi việc làm phải được công sứ Pháp chấp thuận. Dinh công sứ và tuần vũ đều ở trong thành. Sở mật thám, Sở liên phóng, đồn lính khố xanh, đồn lính khố đỏ đều do người Pháp trực tiếp chỉ huy.

2. Ngũ hương bao gồm: hương bốn lo về tài chính, hương bộ lo về hộ tịch, sinh tử, giá thú; hương mục lo về đường sá, mục súc, rừng rú; hương dịch lo về bắt phu; hương kiểm lo về trị an.

3. Năm 1930, tên giám binh Acsina (Archinart) rất thạo tiếng Việt chỉ huy đội lính Phòng Thành; tên Ceyar chỉ huy Sở Cò.

Người dân thị xã Quảng Ngãi cũng chịu chung số phận, suốt đời phải đóng thuế đi xâu. Dã man nhất là thuế đình, tức là thuế thân, đánh vào tráng đinh từ 18 đến 60 tuổi. Từ triều Nguyễn mỗi suất thuế thân nộp 14 xu, sau tăng 30 xu/năm. Ngoài thuế, do sự thoả thuận giữa triều đình Huế với thực dân Pháp, mỗi tráng đinh còn phải đi xâu 48 ngày/năm. Đến 1897, chúng bắt đi xâu 28 ngày, còn 20 ngày phải nộp 2 đồng bạc Đông Dương bù vào thuế thân, tức là mỗi tráng đinh phải nộp 2,3 đồng thuế thân/năm, tương đương với một tạ gạo lúc bấy giờ; sau tăng lên 2,6 đồng. Ngoài thuế thân người dân còn phải nộp:

- Thuế ruộng đất từ 1 đồng, tăng lên 2,5 đồng/mẫu/năm.
- Thuế muối từ 30 xu, tăng lên 2,5 đồng/tạ.
- Thuế rượu từ 6 xu tăng lên 29 xu/lít¹.
- Thuế chợ, thuế dò, thuế bò, thuế lợn... không kể xiết.

Ai không nộp thuế, không đi xâu thì bị bắt bớ, đánh đập, tù đày. Nhiều người không có tiền nộp thuế phải đi vay nặng lãi của địa chủ, phú nông, hoặc phải bán lúa non, cầm cố ruộng vườn. Người nghèo, ngày càng xơ xác.

Chính sách khai thác thuộc địa và chính sách thuế, xâu khắc nghiệt của thực dân Pháp đã làm cho cộng đồng cư dân trên địa bàn thị xã ngày càng phân hoá giai cấp thêm sâu sắc, chia thành năm giai cấp rõ rệt:

Địa chủ: thị xã là nơi tập trung nhiều địa chủ hơn các nơi khác. Riêng xã Nghĩa Lộ có 80 địa chủ, xã Nghĩa Điền có

1. Bùi Định: *Từ điển các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa 1885-1945*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Sở Văn hoá thông tin tỉnh Nghĩa Bình (cũ), 1985, tr. 58, 61.

27 địa chủ, xã Nghĩa Đông có 12 địa chủ¹. Tuy chỉ chiếm khoảng 5% dân số nhưng các hộ địa chủ đã chiếm đến 69% ruộng đất, phần lớn là thượng đẳng điền, nhất đẳng điền². Có những người chiếm từ 60 đến hàng trăm mẫu như Tạ Tuynh, Tạ Diêu, Phạm Tường (Thống Tường)... Họ không lao động, dùng ruộng đất phát canh thu tô từ 40 đến 50% hoa lợi. Hầu hết địa chủ ở đây thường gắn với bộ máy cai trị của Pháp và Nam triều để bóc lột nông dân. Một số có khuynh hướng chuyển thành tư sản. Một số làm tay sai cho Pháp để đàn áp cách mạng. Mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân vẫn là một trong hai mâu thuẫn cơ bản ở thị xã Quảng Ngãi. Nhưng trong hai cuộc kháng chiến, có một số đã tham gia các hoạt động kháng chiến. Con em địa chủ ở đây phần lớn thuộc lớp tân học, không tham gia bóc lột, được Đảng giác ngộ đã đi theo con đường cách mạng.

Nông dân lao động: chiếm 90% dân số, nhưng chỉ có 31% ruộng đất, phần lớn thuộc loại xấu. Nhiều nông dân không có hoặc có rất ít ruộng đất, đành phải sống kiếp tá điền, làm rẽ ruộng, cày thuê, cấy mướn, nộp tô cho địa chủ. Dù thiên tai, mất mùa, hoặc nhà có người ốm, người chết, vẫn phải nộp đủ mức tô địa chủ đã quy định. Ngoài ra tá điền còn phải nộp nhiều khoản tô phụ khác nữa³. Vì vậy họ thường phải sống trong cảnh "treo hái treo niêu"⁴, đói rét, bệnh tật. Muốn sống và tiếp tục sản xuất, họ phải vay nợ lãi của địa chủ, phú

1. Số liệu trong thực hiện chính sách giảm tô năm 1950.

2. Theo *Sơ thảo lần đầu lịch sử Đảng bộ thị xã*, 1980.

3. Tô phụ là làm công hoặc quà cáp cho chủ ruộng trong các ngày lễ, tết, ma chay, cưới xin.

4. Nghĩa là hết mùa gặt thì hết gạo nấu.

nông với lãi suất 20-30%/ tháng. Tới kỳ hạn không có tiền trả nợ thì lãi mẹ đẻ lãi con¹, nhiều người không trả nổi phải đem nhà cửa, ruộng vườn thế chấp, hoặc đưa vợ con đến làm đầy tớ cho chủ nợ để trừ nợ, còn mình thì ra đường phố tìm làm bất cứ việc gì, từ lao công, khuân vác, rửa bát, kéo xe đến làm phu đắp đường... với tiền công rẻ mạt, hoặc chạy vào đồn điền đất đỏ Nam Kỳ để:

Bán thân đổi mấy đồng xu.

Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng (Tố Hữu).

Như vậy, nông dân lao động thị xã cũng như toàn tỉnh, bị rất nhiều tầng áp bức bóc lột: đế quốc, địa chủ, tư sản. Thật là:

Thuế sâu tô tức nặng nề.

Nông dân lao động trăm bề điều linh.

Vì vậy họ rất hăng hái, kiên cường, dũng cảm trong các cuộc đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, là chỗ dựa vững chắc của Đảng.

Tư sản: ở thị xã Quảng Ngãi chủ yếu là tư sản thương nghiệp. Tư sản Hoa kiều, Ấn kiều, Chà Và (kiểu dân Indonésia) có nhiều vốn liếng và ưu thế, có quan hệ gắn bó với tư sản mại bản nước ngoài, khống chế thị trường thị xã và cả tỉnh Quảng Ngãi. Tư sản dân tộc mới hình thành một số cuối thập kỷ 20, gồm nhà buôn, nhà thầu khoán, vốn liếng ít như Phạm Chung, Phạm Hoè... Là tư sản, họ thuê người làm và bóc lột sức lao động của người làm thuê từ nông thôn ra thị xã. Nhưng tư sản dân tộc ở thị xã Quảng Ngãi vẫn bị tư sản nước ngoài chèn ép, nên có ý thức dân tộc; mâu thuẫn

1. Lãi không trả được thì nhập vào vốn, từ vốn mới tính lãi mới.

giữa họ với công nhân chưa gay gắt.

Công nhân và lao động làm thuê: ở thị xã công nhân rất ít, lao động ở các ngành cơ khí sửa chữa, điện lực, giao thông vận tải, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, khuôn vác¹ ... Bên cạnh đó còn có lực lượng lao động làm thuê như rề, dệt, chạy xe ba gác, xích lô, cắt tóc, dịch vụ sửa chữa... Đây là tầng lớp vô sản thành thị. Họ thường xuyên bị thiếu công ăn việc làm, nhiều khi thất nghiệp, trừ số công nhân có tay nghề vững ở nhà máy, giao thông công chính, nhà ga xe lửa, xưởng sửa chữa ô tô Tư Sơn... Chế độ "cai thầu" giúp tư sản bóc lột công nhân, công nhân phải lao động 10-12 giờ/ngày, nhưng tiền công rất thấp. Những ngày mưa gió, lụt bão, ốm đau, bị tai nạn lao động phải nghỉ việc không được trả tiền. Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm như đục đá, làm đường xe lửa, làm đường bộ... không có dụng cụ bảo hiểm lao động. Những người công nhân bán chuyên nghiệp (phần lớn xuất thân từ nông dân nghèo, vừa làm nông, vừa làm thuê theo thời vụ) thường bị phạt, cắt xén tiền công. Số công nhân tuy ít ỏi, nhưng vẫn thường bị sa thải, đuổi việc vô cớ.

Như vậy, công nhân và lao động làm thuê ở thị xã Quảng Ngãi, một bộ phận của giai cấp công nhân Việt Nam chịu áp bức bóc lột nặng nề của đế quốc, phong kiến, tư sản, cả về kinh tế lẫn chính trị. Có áp bức có đấu tranh chống áp bức. Được Đảng lãnh đạo, giai cấp công nhân đã liên minh với nông dân tạo ra sức mạnh đấu tranh chống kẻ thù dân tộc và giai cấp.

1. Khuôn vác ở bến xe, nhà ga, bến Tam Thương, các hiệu buôn.

Tiểu tư sản: (bao gồm tiểu thương, tiểu chủ, trí thức, viên chức, người làm nghề tự do...) ở thị xã Quảng Ngãi có quan hệ mật thiết với công nhân và nông dân. Trừ một số rất ít xuất thân từ địa chủ, tư sản, quan lại, muốn ngoi lên thành tư sản, nên làm tay sai cho thực dân đế quốc và các giai cấp bóc lột, còn tuyệt đại bộ phận bị thực dân Pháp và các giai cấp bóc lột chèn ép, bóc lột đủ điều. Nhiều người cũng phải đi vay nặng lãi của địa chủ, tư sản. Vì vậy giai cấp tiểu tư sản có tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc phong kiến, phần lớn trí thức thị xã cũng như trí thức Quảng Ngãi khi được Đảng lãnh đạo, đã hợp sức với công nhân và nông dân hăng hái tham gia đấu tranh cách mạng. Qua đó, nhiều người trở thành đảng viên cộng sản, trở thành cán bộ của Đảng ta.

Từ thực trạng phân hoá giai cấp nói trên, các thành phần công nhân, nông dân, tiểu tư sản đều sống trong nghèo khổ, tối tăm, cùng chịu chung số phận của người dân mất nước. Đời sống vật chất vô cùng cơ cực. Đời sống văn hoá tinh thần cũng không sáng sủa gì hơn.

Thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân, giới hạn việc học tập ở mức thấp nhất, hòng kìm hãm nhân dân ta trong vòng tăm tối để dễ bề lừa bịp, lợi dụng, nô dịch. 95% dân ta mù chữ. Theo toàn quyển Méclanh (Merlin) thì 9/10 học sinh nông thôn Việt Nam không có năng lực học hết bậc sơ học. Vì vậy đến năm 1917, một vài làng (ở thị xã ngày nay) mới có trường sơ học yếu lược¹ gồm lớp năm, lớp tư, lớp ba, còn gọi là lớp đồng ấu, lớp dự bị, lớp sơ đẳng². Đầu năm 1925, mới có thi sơ học yếu lược

1. École élémentaire.

2. Cour enfantin, cour préparatoire, cour élémentaire (tương đương lớp 1, 2, 3 ngày nay).

đầu tiên để lấy bằng tốt nghiệp sơ học yếu lược¹. Năm 1924, ở tỉnh lỵ mới có một trường tiểu học Pháp - Việt² có lớp nhì đệ nhất, lớp nhì đệ nhị, lớp nhất³ chỉ có một lớp 40 học trò. Học xong lớp nhất thì lấy bằng tốt nghiệp tiểu học⁴. Sau đó, số học sinh tăng lên, nữ sinh học tại trường nữ sinh trong thành, còn nam sinh học tại trường tiểu học mới (địa điểm Trường Trần Quốc Tuấn hiện nay). Năm 1931, lính lê dương của Pháp (armée coloniale) chiếm trường làm nơi đóng quân. Năm 1932, lính lê dương đi nơi khác, mới trả trường cho học sinh. Năm 1931, có Trường tư thục tiểu học Vichito Huygô (đổi diện Trường Trần Quốc Tuấn ngày nay), sau chuyển thành Trường tư thục tiểu học Cẩm Bàn. Đến lúc này cả thị xã (cũng như cả tỉnh) chỉ có vài người thi đậu bằng thành chung⁵ tại Trường Quốc học Huế. Sau năm 1935, có thêm Trường tư thục Mai Xưa, có các lớp đệ nhất niên, đệ nhị niên, lên tam niên, tứ niên phải vào Quy Nhơn hoặc ra Huế học. Năm 1941, Trường tiểu học tư thục Cẩm Bàn chuyển thành Trường trung học tư thục Cẩm Bàn, dạy đến tứ niên (tương đương với lớp 7 trung học phổ thông cơ sở ngày nay).

Trong trường, thực dân Pháp thực hiện một chính sách giáo dục nhồi sọ. Học sinh lớp dự bị đã phải học tiếng Pháp. Lên lớp nhì đệ nhất, khi đến trường giao thiệp với

1. Certificat d'étude élémentaire.

2. École primaire Franco - Indigène.

3. Cour moyen premier, cour moyen deux, cour supérieure (tương đương với lớp 4, 5, 6 ngày nay).

4. Certificat d'étude primaire.

5. Certificat d'étude primari Supérieure, hay còn gọi là "Diplôme" (tương đương tốt nghiệp phổ thông cơ sở ngày nay).

thầy và bạn, học sinh phải nói bằng tiếng Pháp. Nhà trường nhối nhét cho học sinh: Nước Đại Pháp là "mẫu quốc" (nước mẹ); Việt Nam, Ai Lao (Lào), Cao Miên (Campuchia) là xứ Đông Pháp (Đông Dương thuộc Pháp - Indochine Française); không có khái niệm về Tổ quốc Việt Nam; không có cờ Việt Nam, chỉ có cờ tam tài của Pháp; không có quốc ca Việt Nam, chỉ có quốc ca Pháp. Chúng cố tình làm cho thanh niên, học sinh ta chỉ biết Faifo, Tourane, Pont Doumer, Cap Saint Jacques... chứ không biết đến Hội An, Đà Nẵng, cầu Long Biên, Vũng Tàu, Côn Đảo... Ngay một đoạn đường ngắn, đường chính trong thị xã Quảng Ngãi (từ Cửa Đông đến ngã tư chính) cũng mang tên viên công sứ người Pháp là Rue Dodey¹. Thực dân Pháp chỉ chú trọng đào tạo lớp người có học vấn đủ để làm công cho người Pháp, đủ làm việc hành chính trong chế độ nô lệ của Pháp.

Dân trí như vậy, lại bị áp bức bóc lột nặng nề, người dân thiếu ăn, thiếu mặc, ăn ở thiếu vệ sinh, nên nhiều người mắc lắm bệnh mà ngày nay hiếm khi gặp như bệnh tê phù, bệnh sâu quảng... Nhiều người mắc vào "tứ chứng nan y" (hủi, lao, xơ gan cổ trướng, ung thư). Ai đã mắc vào các bệnh này chỉ có chờ chết. Nhiều năm xảy ra dịch bệnh sốt rét, thương hàn, kiết lỵ, thổ tả, dịch hạch, đậu mùa... gây chết người hàng loạt.

Để mị dân và để chữa bệnh cho quan lại, công chức Pháp, Việt, năm 1929 thực dân Pháp cho mở nhà thương ở tỉnh lỵ, đặt tại Cửa Búc (nội thành) và cho mở đại lý

1. Nay là Đường Lê Trung Đình.

thuốc tây của dược sĩ tư Nguyễn Duy Chánh. Thuốc tây đều sản xuất từ bên Pháp, đưa sang bán. Thành thạo y tế nhà nước bảo hộ cũng tổ chức "trồng trái" (tiêm chủng để phòng bệnh đậu mùa), "nhỏ mắt" để chữa bệnh đau mắt cho dân, nhưng số người được tiêm chủng, nhỏ mắt chẳng được bao nhiêu. Hầu hết đồng bào đau ốm dựa vào thuốc bắc (nhà giàu), thuốc nam (nhà nghèo). Từ đầu thế kỷ XX, ở thị xã Quảng Ngãi có những tiệm thuốc bắc được đồng bào tín nhiệm như tiệm thuốc Quảng Tri của lương y Lê Tự Khiết, tiệm thuốc Châu Khê của lương y Trần Kỳ Phong, tiệm thuốc Quảng Minh Đường của Trương Quang Tuyển, v.v..

Khi sinh đẻ, chỉ vợ con quan lại, công chức, nhà giàu mới có tiền mời y sĩ sản khoa. Còn hầu hết phụ nữ đến kỳ sinh nở đều nhờ "bà mụ" (bà đỡ) tại chỗ. Các "bà mụ vườn" này không được học hành chuyên môn gì, chỉ làm nghề theo kinh nghiệm. Các bà cắt rốn trẻ sơ sinh bằng những dụng cụ sẵn có không được khử trùng, nên tỷ lệ trẻ sơ sinh chết vì bệnh uốn ván khá cao.

Tình hình sức khoẻ của nhân dân thị xã Quảng Ngãi cũng nằm chung trong tình trạng cả nước. Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh từ 13-20% (nghĩa là cứ 5 cháu thì chết 1 cháu); tỷ lệ tử vong trẻ em dưới một năm là 50%. Tỷ lệ chết chung là 2,6%. Tuổi thọ trung bình chỉ đến 32¹.

Trước Cách mạng Tháng Tám, ở thị xã Quảng Ngãi có rạp chiếu bóng của Nguyễn Thảng Toại (tại địa điểm công viên mi ni hiện nay), có sân quần vợt, một tiệm nháy

1. Số liệu năm 1936-1939, trích từ *Sơ lược lịch sử y tế Việt Nam*. Nxb. Y học, Hà Nội, 1995, t.I, tr.71.

trong thành, một tiệm nhảy ở đường Quang Trung, có rạp hát tư nhân của Trương Quang Luyến (tại địa điểm cơ quan phụ nữ tỉnh ngày nay). Những cơ sở trên chủ yếu dành phục vụ cho người Pháp, quan lại Nam triều và những người giàu. Khoảng năm 1938, Nguyễn Đạt Nhơn chủ trương ra *Cẩm Thành tạp chí*, in ở nơi khác chứ Quảng Ngãi chưa có nhà in; chỉ ra được hai số rồi đình bản.

Toàn thị xã có bốn hiệu sách: Minh Tân, Hồ Chư, Ích Hoà, Ngọc Quyên; nhưng có đến hàng chục nhà chứa gái mãi dâm, hàng chục tiệm hút thuốc phiện, tiệm rượu, sòng bạc... Đi trên đường phố thấy rất nhiều bản hiệu R.A (Régie Alcool) là đại lý bán rượu, R.O (Régie Opium) là đại lý bán thuốc phiện. Thực dân Pháp dùng rượu và thuốc phiện để đầu độc dân ta¹.

Điểm qua một số nét chính như trên, chúng ta cũng thấy rõ, cũng như toàn tỉnh, toàn quốc, nhân dân thị xã phải chịu đựng một cuộc sống vô cùng cơ cực và tủi nhục trong chế độ thực dân phong kiến. Vì vậy, nhân dân thị xã đã cùng với cả tỉnh, cả nước đứng lên đấu tranh giành quyền sống, giành độc lập tự do, để xoá bỏ nỗi cơ cực tủi nhục của người dân mất nước.

1. Ở Quảng Ngãi, mỗi năm chúng bán rượu và thuốc phiện thu vào 300 ngàn đồng, tương đương với 10.500 tấn lúa. Quảng Ngãi là một trong những tỉnh tiêu thụ nhiều thuốc phiện nhất (theo *Quảng Ngãi tỉnh chí* của Nguyễn Bá Trác, 1933).

Chương II

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Không cam chịu ách áp bức, bóc lột nặng nề của chế độ phong kiến, từ cuối thế kỷ XVIII, nông dân trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi ngày nay đã cùng nông dân cả tỉnh vùng lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ khởi xướng từ năm 1771.

Theo thư tịch của Quang Trung - Nguyễn Huệ và theo một số công trình nghiên cứu lịch sử trong nước thì phủ Quy Nhơn (tỉnh Bình Định ngày nay) và phủ Quảng Nghĩa (tỉnh Quảng Ngãi ngày nay) là cái nôi của phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn. Phủ Quảng Nghĩa là căn cứ "Tây Sơn tả đạo" của nghĩa quân Tây Sơn¹.

Thời ấy nhiều nông dân các làng trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi ngày nay đã tham gia nghĩa quân, rèn đúc vũ khí, vận chuyển lương thực, tham gia xây dựng nơi nuôi dưỡng, nơi tập trận cho tượng binh của nghĩa quân Tây Sơn. Theo các cụ già kể lại, nhiều địa danh ở thị xã Quảng Ngãi ngày nay, bắt nguồn từ những sự kiện lịch sử của nghĩa quân Tây Sơn hơn 200 năm trước, như:

- Tàu Tượng (ở khối 4 phường Lê Hồng Phong ngày nay) là nơi nuôi voi.

1. An Khê (Gia Lai), Vĩnh Thạnh (Bình Định) là Tây Sơn thượng đạo. Quy Nhơn - Bình Định là Tây Sơn hạ đạo. Quảng Nghĩa là Tây Sơn tả đạo. Phú Yên là Tây Sơn hữu đạo.

- Bãi Ông Bành (ở khối 4,5 phường Lê Hồng Phong ngày nay) là bãi tập của tượng binh.

- Bãi Voi (ở thôn 1 xã Nghĩa Dũng ngày nay) là nơi tắm cho voi.

- Khu mỏ Voi (ở khối 5 phường Lê Hồng Phong và khối 8 phường Trần Phú ngày nay) là nơi yên nghỉ cuối cùng của những tượng binh đã hoàn thành nhiệm vụ¹.

- Nghĩa tự quan (ở Ba La) thờ những nghĩa quân đã chết và thờ cối đá, chày đá nhân dân đã dùng giã gạo tiếp tế cho nghĩa quân Tây Sơn².

Nông dân Quảng Ngãi còn tham gia xây dựng các căn cứ nghĩa quân Tây Sơn ở núi Cà Ty (Tịnh Trà, Sơn Tịnh), An Điểm (Bình Kỵương, Bình Sơn), Tuyên Tung (giáp ranh giữa Bình Sơn và Trà Bồng). Tại vùng căn cứ này, năm 1773, Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc đã ra lệnh xuất quân đập tan toàn bộ quân chúa Nguyễn ở Quảng Nam. Mười ba năm sau (1786), cũng tại đây Nguyễn Huệ đã cùng các văn thần võ tướng nhà Tây Sơn³ tổng duyệt binh mã (cả bộ binh, kỵ binh, tượng binh, thủy binh) trước khi xuất quân ra đánh Phú Xuân (Huế).

Trong văn thần võ tướng nói trên, có cử nhân võ Bùi

1. Tháng 7-1996, khi san ủi mặt bằng làm đường giao thông nội thị, ông Nguyễn Quyết (Phan Phụ), cán bộ lưu trí ở phường Trần Phú đã phát hiện, thu giữ hai chiếc răng voi.

2. Những di tích này nay không còn nữa.

3. Trong văn thần võ tướng của nhà Tây Sơn, Quảng Ngãi có 11 người từ đại đô đốc, đô đốc, nữ tướng đến lại bộ thị lang, đại tư mã (xem *Cẩm Thành*, số 10, xuân Đinh Sửu, 1977, *Sở Văn hoá thông tin Quảng Ngãi ấn hành*).

Phú Vinh (quê xã Quảng Phú ngày nay) giữ chức nội hầu năm 1793 và cử nhân Cao Tác Trung (quê gốc ở xã Nghĩa Đông ngày nay). Hai ông đã góp nhiều tài lực, trí lực vào việc dựng nghiệp nhà Tây Sơn (1771-1802).

Như vậy, nông dân trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi ngày nay đã cùng nông dân trong tỉnh trực tiếp đóng góp sức người, sức của hưởng ứng cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn, góp phần đập tan ách thống trị của chúa Nguyễn ở Đàng Trong¹, xây dựng nên triều đại Tây Sơn tiến bộ từ năm 1773 và tiếp tục giúp nhà Tây Sơn đánh lấy Phú Xuân (Huế) năm 1786, rồi tiến thẳng ra Bắc Hà dưới ngọn cờ "phù Lê diệt Trịnh" và cuối cùng là đập tan 20 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long năm 1789, mở đầu cho thời kỳ thống nhất và phục hưng đất nước.

Khi nhà Tây Sơn sụp đổ², Gia Long lên ngôi (1802), cai trị dân ta bằng những luật lệ hà khắc. Thực dân Pháp vừa giúp Gia Long tiêu diệt phong trào nông dân Tây Sơn, vừa manh tâm thực hiện mưu đồ xâm lược Việt Nam.

Năm 1858, thực dân Pháp nã pháo hạm và cho quân đổ bộ đánh chiếm Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam. Nhiều trai tráng khỏe mạnh ở các làng thuộc thị xã Quảng Ngãi ngày nay đã lên đường giáp chiến với quân Pháp tại mặt trận Đà Nẵng dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, gây cho quân Pháp nhiều lao đao, tổn thất.

Khi thực dân Pháp buộc triều đình Huế ký Điều ước

1. Thế kỷ XVI-XVIII nước ta bị chia cắt; bắc đèo Ngang gọi là Đàng Ngoài do vua Lê, chúa Trịnh cai quản; nam đèo Ngang gọi là Đàng Trong do chúa Nguyễn cai quản.

2. Sau khi Quang Trung qua đời (1792), nội bộ nhà Tây Sơn chia rẽ, tranh giành quyền lực dẫn đến suy yếu và sụp đổ vào năm 1802.

Passaict (Patenotre) vào tháng 6 năm 1884¹, công nhân
gây ra bão lũ của Pháp đối với Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì
nhân dân các Bang thuộc thị xã Quảng Ngãi ngày nay
gây ra bão lũ cả tỉnh cả nước nhiệt liệt hưởng ứng



Toạ đàm tham gia ý kiến biên soạn cuốn sách *Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi (1930-1975)*

Pháp. Ba nghìn nghĩa quân dưới sự chỉ huy của chánh
tướng Lê Trung Đình và phó tướng Nguyễn Tự Tân, tử
mạn bắc vượt sông Trà, tấn công vào nơi thành. Lực lượng
nội ứng bên trong do các ông Nguyễn Viên (người làng

1. *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 255.

2. Phong trào các quan lại, tư thức yêu nước cùng với nhân dân nổi dậy giúp vua cứu nước, hưởng ứng chiến Cần Vương của Vua Hàm Nghi.

3. Lê Trung Đình, người làng Phú Nhai (Sông Trà); Nguyễn Tự Tân, người làng Trưng Sơn (Bình Sơn).

Phú Vinh (quê xã Quảng Phú ngày nay) giữ chức nội hầu năm 1793 và cử nhân Cao Túc Trung (quê gốc ở xã Nghĩa Dũng ngày nay). Hai ông đã góp nhiều tài lực, trí lực vào



Toạ đàm tham gia ý kiến biên soạn cuốn sách *Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi (1930-1975)* (Trong đó: số 1 là Phạm Nhó, số 2 là Hồng Nhân - tác giả)

Nhiều trai tráng khoẻ mạnh ở các làng thuộc thị xã Quảng Ngãi ngày nay đã lên đường giáp chiến với quân Pháp tại mặt trận Đà Nẵng dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, gây cho quân Pháp nhiều lao đao, tổn thất.

Khi thực dân Pháp buộc triều đình Huế ký Điều ước

1. Thế kỷ XVI-XVIII nước ta bị chia cắt; bắc đèo Ngang gọi là Đèo Ngoài do vua Lê, chúa Trịnh cai quản; nam đèo Ngang gọi là Đèo Trong do chúa Nguyễn cai quản.

2. Sau khi Quang Trung qua đời (1792), nội bộ nhà Tây Sơn chia rẽ, tranh giành quyền lực dẫn đến suy yếu và sụp đổ vào năm 1802.

Patônốt (Patenotre) vào tháng 6 năm 1884¹ công nhận quyền bảo hộ của Pháp đối với Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì nhân dân các làng thuộc thị xã Quảng Ngãi ngày nay cùng nhân dân cả tỉnh, cả nước nhiệt liệt hưởng ứng phong trào Văn Thân - Cần Vương² chống Pháp.

Cử nhân Lê Trung Đình và tú tài Nguyễn Tự Tân³ là thủ lĩnh của nghĩa hội chống Pháp ở Quảng Ngãi, dựa vào Văn Hội và Võ Hội của triều đình để tổ chức ra đội quân Đoàn kiệt và Hương binh trong các làng xã, sẵn sàng ứng nghĩa Cần Vương. Hai ông đã tập hợp được khá nhiều văn thân sĩ phu yêu nước Quảng Nghĩa, trong đó có Bùi Phụ Cát, Bùi Phụ Viên, Tạ Tương quê thị xã Quảng Ngãi ngày nay. Đồng thời hai ông còn tổ chức nghĩa quân ngay trong quân triều đình đồn trú ở nội thành Quảng Nghĩa để làm lực lượng nội ứng khi khởi sự.

Ngày 13 tháng 7 năm 1885 (ngày 1 tháng 6 năm Ất Dậu), đúng vào ngày Vua Hàm Nghi ban chiếu Cần Vương bên ngoài kinh thành Huế, đông đảo nhân dân thị xã đã theo lệnh của Cử Đình, Tú Tân hăng hái hỗ trợ việc đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi để làm cứ điểm chống Pháp. Ba nghìn nghĩa quân dưới sự chỉ huy của chánh tướng Lê Trung Đình và phó tướng Nguyễn Tự Tân, từ mạn bắc vượt sông Trà, tấn công vào nội thành. Lực lượng nội ứng bên trong do các ông Nguyễn Viên (người làng

1. *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 233.

2. Phong trào các quan lại, trí thức yêu nước cùng với nhân dân sốt sắng giúp vua cứu nước, hưởng ứng chiếu Cần Vương của Vua Hàm Nghi.

3. Lê Trung Đình, người làng Phú Nhơn (Sơn Tịnh). Nguyễn Tự Tân, người làng Trung Sơn (Bình Sơn).

Chánh Mông, nay thuộc thị xã Quảng Ngãi), Nguyễn Côn, Trần Tu chỉ huy, đã nổi dậy bắt giam bọn Lê Duy Thụy, Nguyễn Văn Dụ¹, tịch thu ấn tín, phối hợp với nghĩa quân bên ngoài, phá nhà ngục, thả phạm nhân, đánh chiếm các kho vũ khí để trang bị cho nghĩa quân rồi phát động phong trào ra toàn tỉnh. Sở dĩ nghĩa quân nhanh chóng đánh chiếm được tỉnh thành là nhờ khéo làm công tác binh vận nắm được binh lính trong thành làm nội ứng (gồm 3 vệ khoảng 750 người).

Bốn ngày sau, Nguyễn Thân² tiểu phủ sứ sơn phòng Nghĩa Định phản bội phong trào, bí mật vào Qui Nhơn đầu hàng quân Pháp, nhận lệnh và 200 khẩu súng của thực dân Pháp quay ra đánh chiếm lại tỉnh thành Quảng Ngãi. Bảy thủ lĩnh của nghĩa quân, trong đó có Nguyễn Tự Tân và Nguyễn Viện tử trận tại nội thành. Còn Lê Trung Đình bị địch bắt, không khuất phục trước mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, tra tấn của địch, đã bị thực dân Pháp xử chém tại phía bắc thành Quảng Ngãi ngày 23 tháng 7 năm 1885 tức là ngày 11 tháng 6 Ất Dậu³.

Trước lúc bị xử chém, Lê Trung Đình đã khảng khái

1. *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, sđd, tr. 264. Theo Phạm Trung Việt trong *Nước non xứ Quảng*, in lần thứ hai, nghĩa quân của Lê Trung Đình đã bắt được bố chánh Lê Đoan.

2. Nguyễn Thân, người làng Thạch Trụ (Mộ Đức), trước cũng có chân trong phong trào Cần vương, sau đó phản bội, trở thành tên Việt gian, gian ác khét tiếng, tay sai đắc lực của Pháp, đàn áp nhiều phong trào chống Pháp, giết hại rất nhiều người yêu nước. Về cuối đời bị bệnh diên, chết vào năm 1914.

3. Để ghi nhớ công lao của các nhà yêu nước đã hy sinh và để giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tỉnh Quảng Ngãi mang tên tỉnh Lê Trung Đình, huyện Bình Sơn mang tên huyện Nguyễn Tự Tân, xã Chánh Lộ mang tên xã Nguyễn Viện.

đọc bài thơ tuyệt mệnh bằng chữ Hán tràn đầy dũng khí yêu nước:

Kim nhật lung trung điều
Minh triều trở thượng ngư
Thử thân hà túc tích
Xã tắc ai kỳ thu

Dịch nghĩa:

Hôm nay chim trong lồng
Sáng mai cá trên thớt
Thân này nào đáng tiếc
Thương vận nước gặp ghênh¹.

Một số sĩ phu, nghĩa quân ở Ba La, Vạn Tượng như các ông Học Mười, Một Dũ, Bùi Sách, Phạm Cửu, Nguyễn Khiên, Bùi Hoàng, Bùi Láng, Nguyễn Thục... bị bắt. Trụ sở của nghĩa quân đặt tại nhà ông Trần Cường (thôn 1 xã Nghĩa Đông ngày nay) bị triệt hạ. Cụ Bùi Phụ Cát (tức Học Cát) ở làng Thu Phổ (nay thuộc xã Quảng Phú) bị bắt giam và hy sinh trong tù.

Cùng lúc với cuộc dấy binh vì đại nghĩa của sĩ phu yêu nước và nhân dân Quảng Ngãi; cụ Nguyễn Duy Cung, người làng Vạn Tượng (nay thuộc xã Nghĩa Dũng) đang làm án sát tỉnh Bình Định cũng đã đem bản bộ binh mã cùng các sĩ phu yêu nước tỉnh Bình Định khởi nghĩa chống Pháp. Nguyễn Duy Cung thân hành chỉ huy phòng tuyến từ cầu Ghềnh (An Nhơn) đến núi Chóp Vung (Phù Mỹ) để ngăn chặn giặc Pháp tấn công tỉnh thành từ phía biển². Phòng tuyến thủ bị vỡ, cụ lui quân về phòng thủ trong thành, bị tên Lê Bá Thân (tổng đốc Bình Định) phản bội.

1. Thơ chữ Hán và dịch nghĩa in trong *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1885-1900)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr.343.

2. Tỉnh thành Bình Định hồi đó ở huyện lỵ An Nhơn ngày nay.

bắt giam cụ và mở cửa thành đón giặc Pháp. Dịch ra sức dụ dỗ Nguyễn Duy Cung đầu hàng hòng triệt hạ ngọn cờ chống Pháp của văn thân sĩ phu Bình Định, nhưng không thể lay chuyển được ý chí yêu nước của cụ. Dịch đã xử tử cụ vào ngày 12 tháng 8 năm 1885 (tức ngày 1 tháng 7 Ất Dậu). Trước khi bị dịch hành hình, cụ đã cắn tay lấy máu viết lên vạt áo dài trắng một bức "huyết lệ tâm thư" ném ra ngoài thành để kêu gọi "đồng nhân", "đồng bào" tiếp tục chống Pháp. Linh cữu của cụ Nguyễn Duy Cung được đưa đón trọng thể về an táng tại quê nhà.

Như vậy cuộc khởi nghĩa Cần Vương chống Pháp đầu tiên ở Quảng Ngãi và Bình Định, có nhiều sĩ phu và đồng bào yêu nước ở thị xã Quảng Ngãi ngày nay tham gia, đã không thu được thành công, bị dịch chìm trong bể máu nhưng nó đã lập nên kỳ tích vẻ vang: phát cao ngọn cờ chống Pháp, cứu nước và tấm gương yêu nước, bất khuất, hy sinh của các thủ lĩnh phong trào văn thân Cần Vương mãi mãi là nguồn động viên cổ vũ cho phong trào yêu nước của nhân dân toàn tỉnh.

Sau đó, nghĩa quân Cần Vương còn hai lần tổ chức tấn công đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi. Lần thứ nhất vào cuối tháng 1 đầu tháng 2 năm 1886 do Nguyễn Bá Loan¹ chỉ huy. Lần thứ hai vào đêm 7 rạng ngày 8 tháng 12 năm 1894 do các ông Thái Thú và Nguyễn Vĩnh² chỉ huy. Nhưng cả

1. Nguyễn Bá Loan, người làng Lạc Phố, nay là Bồ Đề thuộc xã Đức Nhuận (Mộ Đức).

2. Thái Thú, người trấn Thu Xà, nay thuộc xã Nghĩa Hoà (Tư Nghĩa) đã chỉ huy nghĩa quân tiêu diệt đồn Cổ Lũy, giết tên Rònha (Regnard) chủ sự Sở thương chánh, người Pháp, vào đêm 7 tháng 12 Giáp Ngọ (1894), sau đó kéo quân lên cùng ông Nguyễn Vĩnh, tức Cừ Vĩnh, người làng An Phú (nay thuộc xã Tịnh Minh, Sơn Tịnh) để tấn công vào tỉnh thành.

hai lần đều không giành được thắng lợi.

Tiếp đến hai năm 1895-1896 là phong trào chống Pháp, cứu nước do ông Trần Du¹ cầm đầu, có sự phối hợp của một số tỉnh bạn. Nhưng rồi vì nội phản, nên bị địch đàn áp và dập tắt. Ông Trần Du bị thực dân Pháp xử chém tại bãi sông Trà Khúc vào ngày 18 tháng 3 năm 1896 (tức là ngày 5 tháng 2 Bính Thân).

Từ đây chấm dứt hoạt động của phong trào Văn thân Cần Vương sau 11 năm dấy binh khởi nghĩa chống Pháp (1885-1896). Phong trào Cần Vương về danh nghĩa là phò vua cứu nước; các thủ lĩnh còn mang hệ tư tưởng phong kiến "trung quân", dựa vào quan lại, nhà giàu; song vì mục tiêu là chống Pháp, cứu nước, nên được đông đảo sĩ phu và nhân dân trên địa bàn thị xã tích cực hưởng ứng, tham gia.

Đến đây, tuy lực lượng vẫn còn, song vì trải qua nhiều thất bại, tình hình trong nước đã có nhiều biến đổi, ngọn cờ Cần Vương không còn thích hợp với nhiệm vụ chống Pháp, cứu nước. Do vậy, những người yêu nước ở thị xã Quảng Ngãi phải đi tìm con đường cứu nước mới.

Năm 1906, hưởng ứng chủ trương của Hội Duy Tân Quảng Ngãi, những người yêu nước ở thị xã Quảng Ngãi đã tham gia phong trào "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Nhân dân thường gọi là "Phong trào đồng bào", vì hội đã dùng hai chữ "đồng bào" khi tuyên truyền vận động cho phong trào². Nhân dân các làng tham gia "nông hội", "thương hội", học chữ quốc ngữ; cùng nhau bãi bỏ các hủ tục, bỏ khăn đen áo dài, mặc quần áo cộc bằng vải thô

1. Trần Du, người làng Trung Hoà, nay thuộc xã Đức Tân (Mộ Đức).
2. Thực dân Pháp gọi là "giác đồng bào".

nội địa, bài trừ ngoại hoá, cắt bỏ búi tóc¹ ... Nhiều đồng bào đã tham gia đấu tranh chống chính sách sưu cao thuế nặng của thực dân Pháp: đòi quyền dân sinh, chống sự hà hiếp bóc lột của thực dân Pháp và địa chủ, cưỡng hào địa phương...

Nhờ đó phong trào chống Pháp, cứu nước ở thị xã Quảng Ngãi ngày nay nói riêng và toàn tỉnh nói chung, được khôi phục và phát triển. Đầu năm 1908, nổ ra một cuộc biểu tình ngòi của 500 đồng bào ở Ba La, Vạn Tượng kéo lên, Thu Phổ, Thạch Bích, Chòi Dầu kéo xuống, hầu hết là thanh niên tóc cắt ngắn, ngòi chật đường từ Cửa Tây đến trước cổng toà sứ² đưa yêu sách đòi mở trường học, mở nhà thương, giảm sưu thuế. Viên công sứ Đôđê (Daudet) đã lệnh cho tuần vũ, án sát Quảng Ngãi đưa 10 lính tập đến bắn vào đám biểu tình, làm chết 30 người, bị thương nhiều người khác. Sau đó, tên lãnh binh Phạm Kế Năng (tay sai của Pháp) xuống đến Bàu Sen, Ba La bị dân đuổi bắt. Các ông Trần Đến và Nguyễn Chót đã trói Phạm Kế Năng, đóng cũi đưa về Tịch Điện. Để đối phó, lính địch đã kéo xuống rất đông để giải thoát cho Năng và tiếp tục đàn áp phong trào. Hai ông Trần Đến, Nguyễn Chót đã bị địch sát hại. Phần lớn các nhà nho và đồng bào có đầu tóc ngắn bị bắt tống vào nhà lao, một số bị đày đi Côn Đảo.

Kết quả lớn nhất của Hội Duy Tân ở thị xã Quảng Ngãi là đã phát động được một phong trào yêu nước mới, mang màu sắc dân chủ tư sản, đã khơi dậy trong nhân

1. Thời ấy, đàn ông thường để tóc dài, búi lại thành búi tóc sau đỉnh đầu.

2. Nay là đoạn đường Lê Trung Đình từ trên trụ sở mới của Tỉnh uỷ xuống đến khách sạn Cẩm Thành.

dân lao động lòng căm thù và ý thức phản kháng cao đối với thực dân Pháp, quan lại Nam triều bán nước và cường hào ác bá địa phương. Tuy bị địch đàn áp đẫm máu, nhưng phong trào "đồng bào" của Hội Duy Tân đã tạo nên tiền đề cho cao trào "chống thuế", "chống sưu" và các phong trào khác về sau này.

Tiếp theo phong trào "đồng bào", nhân dân thị xã hưởng ứng ngay phong trào "khất thuế cự sưu" (đòi hoãn thuế, chống đi sưu).

Sau khi đặt được nền đô hộ lên nước ta, thực dân Pháp ráo riết khai thác thuộc địa để vơ vét tài nguyên, dùng chính sách thuế, sưu khắc nghiệt để bóc lột nhân dân thuộc địa làm giàu cho chính quốc. Chúng tăng thuế sưu lên rất cao (như trong chương I đã nêu), đẩy nhân dân ta vào cảnh "thập nhất cử không", nghĩa là trong 10 nhà thì 9 nhà bị vơ vét sạch không còn một thứ gì cả¹.

Sau đây là bài *Về thuế nặng phổ biến* trong nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lúc bấy giờ:

Hỡi trời cao đất dày
Thuế sưu nặng thế này
Xóm làng đành bó bụng
Bán đĩa (ao) nộp thuế Tây
Từ hương mục, cường hào
Trống mõ nện lao xao
Tiền phải mau đem nộp
Ba đồng thêm sáu hào
Tuần đình như thiên lôi
Lý trưởng mắt ốc nhồi

1. Bùi Định, *Sđđ*, tr.62.

Mồm đe nạt quát chửi
Sao ra tiên ông xơi
Cường hào thực chó má
Quát mắng suốt đêm ngày
Làm dân mình bối xối
Chỉ sướng độc quân Tây¹ .

Chính vì vậy, phong trào "khất thuế, cự sưu" đã nổ ra mạnh mẽ suốt một tháng, từ ngày 24 tháng 3 đến 23 tháng 4 năm 1908. Hàng ngàn đồng bào thị xã cùng với hàng vạn đồng bào các phủ huyện kéo về tỉnh lỵ, đưa yêu sách cho công sứ Pháp và tuần vũ Nam triều, đòi bỏ thuế đinh, giảm thuế điền, miễn đi xâu, thả những người bị bắt hồi đầu năm, tự do lập hội buôn bán...

Hiệu thuốc bắc Quảng Tri (ở trên Cửa Tây) do ông Lê Tụ Khiết² quản lý, biến thành nơi liên lạc, thông báo tin tức cho nhau và xin ý kiến của Hội Duy Tân. Từ cuối tháng 3 năm 1908, nhiều tờ yết thị đòi xử trị cần chánh Nguyễn Thân, tuần vũ Lê Từ và tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoàng... được dán nhiều nơi, từ các đường phố đến nội thành và đưa tận dinh công sứ, tuần vũ. Đồng bào thị xã đã nhanh chóng truyền miệng rộng rãi nội dung các yết thị này.

Với lực lượng đông đảo và khí thế đấu tranh quyết liệt, đồng bào thị xã và các phủ huyện đã đẩy bộ máy thống trị của thực dân Pháp và Nam triều ở tỉnh lỵ Quảng Ngãi

1. Trần Việt Ngữ: *Dân ca miền Nam Trung Bộ*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, t.I, 1963.

2. Lê Tụ Khiết, người làng An Ba, nay thuộc xã Hành Thịnh (Nghĩa Hành).

vào thế hoang mang, lúng túng. Viên công sứ Đôđê và đám tay sai buộc phải chấp nhận giải quyết một vài yêu sách của nhân dân (như cách chức tuần vũ Lê Từ) hòng xoa dịu sự phẫn nộ của quần chúng. Còn các yêu sách khác, chúng không giải quyết, hoặc giải quyết nửa vời¹.

Như lửa thêm dầu, hàng chục vạn đồng bào các phủ huyện tiếp tục kéo về tỉnh lỵ vây chặt quanh tỉnh thành, chiêng, trống, mõ ở các đình chùa nổi lên cả ngày lẫn đêm.

Hoảng sợ trước sức mạnh của đồng bào ta, địch đã ra tay đàn áp đẫm máu cuộc đấu tranh. Chúng cho bắt các ông Nguyễn Bá Loan², Lê Tự Khiết và hầu hết các thủ lĩnh Hội Duy Tân³. Ngày 8 tháng 4 năm 1908, viên công sứ Đôđê đã lệnh cho lính đứng từ trên thành bắn xối xả xuống đồng bào đang vây quanh tỉnh thành. Tại "trường tập" (phía nam tỉnh thành) địch bắn chết 7 người, làm bị thương nhiều người... Lòng căm thù địch càng dâng lên ngùn ngụt, đồng bào lập tức tổ chức khâm liệm thi hài những người chết, đeo băng tang, làm lễ "tế" những người hy sinh ngay sát chân thành, thể không lùi bước. Một bộ phận quần chúng tự động chia nhau đi bắt giam vợ con và đập phá nhà cửa của bọn làm tay sai cho Pháp, đập phá dinh cơ tên Việt gian Nguyễn Thân, đánh trả lại binh lính địch...

1. Chúng lấy lý do: Nguyễn Thân là quan to, dân phải kêu kiện ra lục bộ ở Huế mới được; thuế xâu là do cấp trên quyết định, tỉnh không có quyền sửa đổi.

2. Sau việc đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi năm 1886 không thành Nguyễn Bá Loan vào hoạt động ở các tỉnh phía nam. Năm 1908, ông trở về Quảng Ngãi tham gia lãnh đạo phong trào Duy Tân.

3. Bùi Định, *Sdd*, tr.72.

Thực dân Pháp đã điều lính Pháp và lính khố đỏ ở Bắc Kỳ vào tiếp viện cho bọn Pháp và tay sai ở tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Từ ngày 14 đến ngày 17 tháng 4 năm 1908, địch liên tục nổ súng đàn áp, khủng bố rất dã man đối với dân chúng tay không tác sát. Chỉ riêng ngày 14, thực dân Pháp cho tên lãnh binh Phạm Kế Năng dẫn 100 lính từ trong thành ra Cửa Bức, vừa đi vừa bắn bừa vào dân chúng làm chết hơn 150 người và bị thương hàng trăm người khác¹. Cuộc khủng bố kéo dài đã làm cho lực lượng quần chúng bao vây tỉnh thành đòi giảm thuế, miễn sưu dân dần và chấm dứt.

Ngày 23 tháng 4 năm 1908, thực dân Pháp đã xử chém các ông Nguyễn Bá Loan, Lê Tự Khiết và một số thủ lĩnh khác của phong trào tại bờ xe nước thuộc địa phận làng Ba La, ở phía đông tỉnh thành Quảng Ngãi. Một số người bị kết án tù từ 9 năm đến chung thân, đày đi các nhà tù Côn Đảo, Lao Bảo, Ba Tơ... Một số khác bị tù một, hai năm, giam tại nhà lao Quảng Ngãi, trong đó có ông Bùi Đặc (tức Bùi Phụ Thiệu) người làng Thu Phố, nay thuộc xã Quảng Phú².

Phong trào "khất thuế cự sưu" lúc đầu là tự phát của quần chúng - vì không chịu nổi ách áp bức bóc lột nặng nề của thực dân phong kiến - về sau được các thủ lĩnh Hội Duy Tân nắm lấy và hướng dẫn, nêu được mục tiêu cụ thể

1. Nguyễn Bá Trác: *Quảng Ngãi tình chí*, *Sđđ*, ở phía bắc Cửa Bức có địa danh "Bờ Quay" (nay thuộc phường Lê Hồng Phong) là nơi Pháp đã giết nhiều người yêu nước, có gò mả chôn những người bị giết, có miếu Âm hồn nhân dân tự lập để thờ những người bị giết.

2. Bùi Phụ Thiệu (1882-1955), người làng Phú Vạn, nay thuộc xã Nghĩa Trung (Tư Nghĩa), sau về ở làng Thu Phố.

(bỏ thuế đình, giảm thuế điền, miễn giảm đi xâu, đòi trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ...) chứ không chống thuế cự sưu chung chung; huy động được đông đảo quần chúng tham gia; có sự phối hợp đấu tranh giữa quần chúng tại trung tâm tỉnh lỵ. Nhờ vậy, phát huy được khí thế đấu tranh sâu rộng, đều khắp, buộc địch phải nhượng bộ, giải quyết một số yêu sách của nhân dân, như cách chức tuần vũ Lê Từ; thuế đình ở Quảng Ngãi trước 2,6 đồng, giảm xuống còn 2,1 đồng/người/năm; xâu trước phải đi làm liên miên, nay mỗi tháng đình mỗi năm chỉ đi làm bốn ngày công ích, hai ngày tư ích; ai không đi được có thể nộp 2 hào bạc trắng thay cho một ngày xâu... Những thắng lợi này giành được trong sự khủng bố man rợ của kẻ thù, đã khẳng định vai trò, khả năng, sức mạnh to lớn của nhân dân ở tỉnh lỵ và toàn tỉnh trong sự nghiệp chống đế quốc phong kiến. Các chiến sĩ yêu nước, nhân dân tỉnh lỵ và nhân dân Chánh Lộ vừa trực tiếp tham gia phong trào, vừa là chứng nhân lịch sử của một phong trào cách mạng rộng lớn chưa từng có và sự hy sinh nhiều xương máu của đồng bào toàn tỉnh trên mảnh đất này từ trước đến đây. Sức mạnh của phong trào và sự hy sinh oanh liệt của hàng chục thủ lĩnh, hàng trăm đồng bào yêu nước thương nòi đã cổ vũ nhân dân Chánh Lộ tiếp tục tiến bước trên con đường đấu tranh giành độc lập, tự do, cơm no, áo ấm...

Đến năm 1909, ông Bùi Phụ Thiệu ra tù cùng các ông Lê Triết, Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Điền¹ tìm bắt liên

1. Lê Triết, người làng Hiệp Phố, nay thuộc xã Hành Đức, Nghĩa Hành. Nguyễn Công Mậu, người làng Hoà Vinh, nay thuộc xã Hành Phước, Nghĩa Hành. Nguyễn Điền, người làng Trung Sơn, nay thuộc xã Bình Phước, Bình Sơn.

lạc với nhà yêu nước Thái Phiên (Quảng Nam), trở về thành lập và lãnh đạo "hội kín" chống Pháp ở Quảng Ngãi.

Hội chủ trương từ bỏ các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp trước đó, đi vào con đường hoạt động bí mật, tổ chức lực lượng cách mạng sâu trong các tầng lớp nhân dân, chuẩn bị mọi mặt, nhất là mặt vũ trang, để dùng bạo lực đánh đuổi thực dân Pháp, chọn thanh niên đi du học nước ngoài nhằm đào tạo đội ngũ trí thức lâu dài cho cách mạng.

Sau đó, tháng 3 năm 1912, Phan Bội Châu (đang ở Trung Quốc) lập ra Hội Việt Nam Quang phục với tôn chỉ: "Đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nền độc lập của nước Việt Nam, thành lập nhà nước cộng hoà dân quốc Việt Nam"¹. Năm 1913, phân hội Việt Nam Quang phục miền nam Trung Kỳ thành lập. "hội kín" ở Quảng Ngãi sáp nhập vào phân hội này.

Ngoài việc phát triển lực lượng Hội, vận động binh lính địch, phân hội Việt Nam Quang phục miền nam Trung Kỳ còn chủ trương vận động các nhà yêu nước chống Pháp trong các phong trào vừa ra tù, gia nhập Hội, cử người bắt liên lạc với Hội ở hải ngoại để có chủ trương hành động thống nhất. Ông Võ Duy Hội, người làng Vạn Tượng được chọn cử xuất dương du học ở nước ngoài.

Ông Bùi Phú Thiệu, nhân vật thứ hai trong ban lãnh đạo phân hội Việt Nam Quang phục miền nam Trung Kỳ đã được cử sang Xiêm (Thái Lan ngày nay) bắt liên lạc với các tổ chức yêu nước, lo mua sắm vũ khí để đánh Pháp. Về

1. Theo Phan Bội Châu niên biểu.

nước, ông đã mời được Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Chảm¹ vừa ra tù, gia nhập Hội. Ông còn được phân công và đã thực hiện tốt việc xây dựng căn cứ của Hội ở miền núi: xây dựng một số cơ sở rèn đúc vũ khí; khai thông con đường xuyên sơn từ Nghĩa Hành đi Minh Long, Ba Tư - Mang Đen - vào tận An Đổ (Bình Định), lên đến tận biên giới Việt - Lào. Tháng 8 năm 1915, ông bị thực dân Pháp bắt tại Ba Tư, bị tra tấn dã man, ông vẫn không khai báo. Nhờ vậy, việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Quảng Ngãi và các tỉnh nam Trung Kỳ không bị lộ, vẫn được tiếp tục bí mật khẩn trương thực hiện².

Tháng 2 năm 1915, đại biểu Việt Nam Quang phục hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi họp tại Đà Nẵng bàn một số công việc sắp đến. Tại cuộc họp các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Chảm được phân công lo xây dựng phong trào ở Quảng Ngãi.

Sau hội nghị này, lực lượng của Hội phát triển mạnh trong binh lính địch³. Tại tỉnh lỵ Quảng Ngãi có ông Huỳnh Quang Tú uỷ viên ban tài chính của Hội bí mật vận động tiền bạc, lương thực cung cấp cho quân khởi nghĩa: Võ Cư (Cai Cư), cơ sở của Hội trong lính khố xanh đồn trú tại tỉnh lỵ; Trần Thêm, cơ sở của Hội trong dinh

1. Lê Ngung, người làng Đông Phước, nay thuộc xã Bình Thanh (Bình Sơn). Nguyễn Thụy, người làng Hồ Tiểu, nay thuộc xã Nghĩa Hoà (Tư Nghĩa). Phạm Cao Chảm, người làng Xuân Phổ, nay thuộc xã Nghĩa Kỳ (Tư Nghĩa).

2. Dựa theo sách *Nhà yêu nước Bùi Phụ Thiệu*, Sở Văn hoá thông tin Quảng Ngãi xuất bản năm 1995.

3. Bùi Định, *Sdd*, tr. 89 ghi: "Toàn tỉnh tổ chức được 600 tân quân, 150 người trong binh lính địch".

công sứ Pháp... Võ Cự, Trần Thêm đã vận động được một số binh lính theo ta. Nhân dân và nhiều người giàu có ở tỉnh lỵ (thị xã) đã đem tiền bạc, của cải đóng góp cho Hội. Nhiều chị em phụ nữ lo lương thực để tiếp tế cho nghĩa quân... Nói chung, khí thế cách mạng phát triển rất cao.

Đến đầu năm 1916, nhân lúc Pháp thua Đức trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, các nhà lãnh đạo của Hội Việt Nam Quang phục ra lời khuyến cáo quốc dân đồng bào hưởng ứng khởi nghĩa, trong đó có câu "Phổ thắng Pháp chiến tranh chi nhật, tức ngã Nam độc lập chi kỳ" (Đức thắng Pháp là thời cơ giành độc lập cho nước Nam ta). Lúc này Hội đã mời được Vua Duy Tân tham gia phong trào chống Pháp. Tại nhà lao Quảng Ngãi, ông Võ Hàng (người Bình Sơn) và ông Cao Gia (người Nghệ An) lấy danh nghĩa Vua Duy Tân thảo bản hiệu triệu quốc dân đồng bào tham gia khởi nghĩa, Lê Ngung đã trực tiếp tham gia góp ý kiến bản hiệu triệu này.

Trung tuần tháng 4 năm 1916, các nhân vật trọng yếu của phân hội Việt Nam Quang phục miền nam Trung Kỳ họp tại làng Xuân Yên (nay thuộc xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn) bàn thống nhất kế hoạch khởi nghĩa vào giờ tý ngày 2 tháng 4 Bính Thìn (1 giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916); giao cho các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Chấn chỉ huy đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi và lãnh đạo khởi nghĩa toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Kế hoạch đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi được định như sau: tối ngày 2 tháng 5 năm 1916, các ông Võ Cự, Trần Thêm bố trí cho cơ sở của Hội trong binh lính địch canh gác chiếm sẵn các khu vực trọng yếu, sẵn sàng đón và cùng với tân quân bên ngoài nổi dậy chiếm giữ các

đồn trại, kho tàng và toàn bộ tỉnh thành. Nếu vì lẽ gì đó mà bên trong không mở cửa thành được thì các đội tân quân bên ngoài phải dùng thang (mang theo sắn) trèo vào phía Cửa Đông tỉnh thành, cùng lực lượng cơ sở hội trong thành hợp lực đánh chiếm tỉnh thành, bắt toàn bộ người Pháp và quan lại Nam triều giam lại đợi lệnh, không được giết¹.

Việc chuẩn bị đã hoàn tất, chỉ còn chờ lệnh là khởi sự. Nhưng đến chiều ngày 1 tháng 5 năm 1916, địch bất ngờ điều Võ Cư vào Mộ Đức. Lo cho em ruột là Võ Trung đang phục dịch tại dinh án sát Phạm Liệu, Võ Cư đã dặn em phải cẩn thận. Võ Trung sợ, xin phép Phạm Liệu về nhà, bị Phạm Liệu cật vấn nên lộ chuyện. Phạm Liệu báo ngay cho công sứ Đờ Tát-tờ (De Taste) và tuần vũ Trần Tiến Hối. Địch lập tức ra lệnh đóng cửa thành, cấm trại, bắt Võ Cư, Huỳnh Quang Tú và Hứa Thọ (phụ trách Cửa Bắc) trong đêm.

Biết tin Võ Cư bị bắt, tại dinh toà sứ, Trần Thêm lập tức thu đốt tất cả tài liệu, danh sách cơ sở cách mạng mà ông và một số bạn bè cất giữ. Vừa đốt xong, ông bị Pháp tước vũ khí và bắt giam.

Hôm sau, địch điều thêm lính khố đỏ² từ Huế vào tăng viện cho Quảng Ngãi, tuần tra, canh gác, lòng sục rất gắt gao.

1. Bùi Định, *Schl*, tr. 91, 92.

2. Lính khố đỏ người bản xứ chân quấn xà cạp bằng da màu sẫm, giữa thắt lưng trước bụng có miếng vải đỏ, là loại lính cơ động. Lính khố xanh, người bản xứ chân quấn xà cạp bằng vải xanh, giữa thắt lưng trước bụng có miếng vải xanh, là loại lính vệ binh. Piáp đặt lính khố đỏ, khố xanh là có ý miệt thị dân tộc ta là man rợ đóng khố.

Do địch cấm trại nên bên ngoài chưa hay tin bị lộ, các cánh quân khởi nghĩa ở Bình Sơn, Sơn Tịnh vẫn kéo về ẩn náu phía bắc sông Trà Khúc; cánh tân quân phía nam kéo về phía cầu Bàu Giang. Mãi đến khuya ngày 2 tháng 5, biết chắc địch đã phát hiện được kế hoạch của ta, đã canh gác bố phòng cẩn mật xung quanh tỉnh thành, các cánh quân khởi nghĩa mới giải tán.

Mấy ngày sau, các thủ lĩnh và nòng cốt của Hội Việt Nam Quang phục ở Quảng Ngãi đều sa vào tay địch. Cuộc khởi nghĩa đã bị chặn đứng.

Ngày 10 tháng 5 năm 1916, trên Bồ Quay phía bắc thành Quảng Ngãi thực dân Pháp đã xử chém các ông Nguyễn Thụy, Võ Cư, Trần Thêm, Mai Tuấn, Hứa Thọ, Mai Bút. Ông Lê Ngung chạy về nhà đốt hết giấy tờ sổ sách của Hội, rồi uống thuốc độc tự tử. Nhưng thực dân Pháp vẫn áp dụng án "Lục thi trăm niệu" (chết rồi cũng đem thi hài ra chém), chặt đầu ông mang về bêu ở tỉnh thành Quảng Ngãi. Ông Phạm Cao Chấn thoát khỏi sự truy bắt và xử chém của địch. Hàng trăm nhà yêu nước khác bị đày đi Côn Đảo, Lao Bảo, Thái Nguyên. Riêng ông Bùi Phụ Thiệu, bị bắt và kết án 16 năm tù và bị đày đi Lao Bảo từ tháng 8 năm 1915. Ông đã chống án, nên chúng đưa về nhà lao Quảng Ngãi, giam gần 9 năm, đến 1924 mới thả ông ra khỏi tù.

Sự tàn bạo của địch và tinh thần bất khuất, hy sinh oanh liệt của các thủ lĩnh và nghĩa quân trong Hội Việt Nam Quang phục đã hun đúc thêm lòng yêu nước và chí căm thù địch của nhân dân ta.

Như vậy, từ ngày có tổ chức "hội kín" chống Pháp trên

địa bàn thị xã Quảng Ngãi (1909) đến kế hoạch đánh chiếm tỉnh thành, khởi nghĩa toàn tỉnh (1916) của Hội Việt Nam Quang phục là bảy năm. Trong bảy năm đó, những chiến sĩ yêu nước và nhân dân trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi liên tục hoạt động chống Pháp, cứu nước, góp nhiều công sức, tiền của, xương máu cho công cuộc phục quốc.

Đây là thời kỳ mà ý thức và phong trào yêu nước đã mang tính chất dân chủ tư sản khá rõ, đòi tự do dân chủ, sửa đổi chính sách thuế khoá, lập chế độ cộng hoà dân quốc; đã chuẩn bị căn cứ và bạo lực cách mạng để đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Tính nhân dân của cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp lần này cũng khá đậm nét. Nhìn chung, đây là lần đầu tiên phong trào yêu nước chống Pháp ở thị xã Quảng Ngãi có chủ trương, phương châm, phương pháp cụ thể nhất quán, có tổ chức chỉ đạo tương đối chặt chẽ. Đó là nhờ các nhà yêu nước trong Hội Việt Nam Quang phục đã kế thừa, rút kinh nghiệm các phong trào trước đó. Song chỉ vì sơ suất của một người, đã dẫn tổ chức và phong trào đến đổ vỡ. Hơn nữa, so với các phong trào trước đó phong trào lần này tuy có tổ chức, phương pháp... hơn nhưng vẫn chưa có sự phối hợp trong phạm vi toàn quốc và đặc biệt là chưa có đường lối cách mạng mới do giai cấp tiên tiến triệt để cách mạng lãnh đạo.

Tuy thất bại, cuộc vận động chuẩn bị khởi nghĩa năm 1916 của Hội Việt Nam Quang phục đã gây tiếng vang lớn, để lại những ảnh hưởng tốt, những bài học

kinh nghiệm quý cho các phong trào yêu nước chống Pháp sau này.

Năm 1921, Cụ Trần Kỳ Phong¹ ở tù Côn Đảo về, sau đó đã vào thị xã Quảng Ngãi, mở tiệm thuốc bắc tại nhà ông Đường (địa điểm số nhà 350 + 352 Quang Trung hiện nay) làm nơi tuyên truyền cách mạng tinh thần yêu nước, chống Pháp, đặc biệt cụ đã truyền đạt lại một số nhận thức về Mác, Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga, mà cụ tiếp thu được qua các chiến sĩ cách mạng lúc ở tù Côn Đảo. Lúc này tiệm thuốc bắc của hai chú cháu Phan Đình Hiến (tức thầy Chín) và Phan Đình Cẩn (địa điểm số nhà 343 + 345 Quang Trung hiện nay - đối diện với nhà 350 + 352), cũng là cơ sở tuyên truyền cách mạng của cụ Trần Kỳ Phong.

Từ năm 1923, do việc toàn quyền Méclanh (Merlin) ban hành chính sách "cải cách hương thôn", vua bù nhìn Khải Định ra dụ "cải lương hương chính", phong trào yêu nước lại bùng lên với nhiều hình thức khác nhau.

Tại thị xã Quảng Ngãi, một số chiến sĩ trong các phong trào yêu nước trước kia, như các ông Lê Triết, Phạm Cao Phiêu... nhân cơ hội này hùn vốn mở hội buôn Quảng Chánh; ông Bùi Phụ Thiệu cùng một nhóm thanh niên tiến bộ mở hội buôn Nghĩa Lộ; ông Trương Quang Tuyến mở tiệm thuốc bắc Quảng Minh Đường. Hội buôn Quảng Đông An cũng tham gia hoạt động này.

Các hội buôn này cùng với nhiều hội buôn khác mọc

1. Trần Kỳ Phong (1872-1941) ở làng Châu Mạ, nay thuộc xã Bình Châu (Bình Sơn), tham gia phong trào kháng thuế năm 1908, bị địch bắt kết án tử hình, sau giảm xuống khổ sai chung thân, đày đi Côn Đảo. Sau giảm còn 11 năm tù. Tháng 3 năm 1921, ông được thả về.

lên trong tình có sự phối hợp hoạt động nhằm "chấn hưng nội hoá", bài trừ ngoại hoá, phát triển công thương nghiệp để cạnh tranh với tư bản nước ngoài. Những người có tâm huyết cho rằng dùng hàng ngoại hoá trong y phục, chùng diện nhà cửa theo "mốt" tân thời của Pháp là vừa nô lệ về chính trị, vừa nô lệ về kinh tế. Tại hội buôn Quảng Chánh có câu đối mang nhiều ý nghĩa:

Quảng giả Quảng, Quảng khai hiệp

Chánh giả Chánh, Chánh trừ tà

làm cho lòng người trong các hội buôn phần chấn, nhưng cũng không tránh khỏi sự dòm ngó theo dõi của bọn thống trị.

Các hội buôn và tiệm thuốc này là nơi liên lạc, gặp gỡ, giao dịch, tập hợp những tù chính trị đã mãn hạn, ra tù, để bàn mưu tính kế tiếp tục chống Pháp, cứu dân, cứu nước (các ông Bùi Phụ Thiệu, Lê Triết, Phạm Cao Phiêu, Trần Kỳ Phong... đều mới ra tù); tập hợp những người yêu nước trong các tổ chức bí mật như "Công ái xã", "Thiếu niên ái quốc", "Việt Nam cách mạng Đảng"...; là nơi tham gia góp vốn gây quỹ tài chính cho phong trào yêu nước, giúp đỡ những người yêu nước bị địch giam và gia đình họ. Võ Hoàn, tri phủ Tư Nghĩa, năm 1928, 1929 đã nêu trong tờ trát của mình là "tình nghi phổ diện", nghĩa là lập các hiệu buôn bán tụ tập nhiều người đáng nghi ngờ.

Hoạt động của các nhà yêu nước đã tập hợp được khá đông thanh niên tiến bộ ở thị xã đi tuyên truyền, vận động nhân dân dùng hàng nội hoá, mặc áo quần cộc, cắt tóc ngắn, học chữ quốc ngữ, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, tức là tiếp tục vận động phong trào "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" có từ năm 1906-1908.

Tại các làng quê trên địa bàn thị xã, các nhà yêu nước đã vận động nhân dân làm đơn kiện gửi tri phủ, tuần vũ, công sứ, tố cáo, vạch mặt bọn cường hào, lý hương ức hiếp nhân dân, đòi tiền đút lót, quà biếu, những lạm công quỹ, cùng các tệ nạn ăn uống, chè chén linh đình... Phong trào đấu tranh công khai đã cô lập, loại trừ một số phần tử gian ác ra khỏi bộ máy cai trị của địch, vận động đưa những người tiến bộ vào bộ máy ngũ hương để bênh vực quyền lợi cho nhân dân. Mặt khác, đồng bào còn tự lập ra các nhóm tương tế, ái hữu để tương trợ, giúp đỡ nhau, như các nhóm vòng công (giúp nhau cày, cấy, gặt), nhóm lợp nhà, nhóm trợ táng (giúp nhau khi có người chết)... Phong trào này vốn có từ lâu đời trong nông thôn, nay có cơ hội phát triển mạnh lên, có tác dụng tập hợp lực lượng nông dân, xây dựng sự đoàn kết nông thôn ngày càng tốt hơn.

Đến năm 1925-1926, trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi lại nổi lên phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (bị Pháp bắt ở Thượng Hải - Trung Quốc, năm 1925 đưa về giam tại Hà Nội) và truy điệu cụ Phan Chu Trinh (từ Pháp về nước đã đột ngột từ trần vào tháng 3 năm 1926).

Đây là hai nhà yêu nước lớn có nhiều ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân cả nước ta. Nhiều thanh niên học sinh quê Quảng Ngãi đang học ở Hà Nội, Huế... đã trở về Quảng Ngãi vận động lấy chữ ký đòi thả cụ Phan Bội Châu, rồi vận động tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Hàng trăm thân hào, thân sĩ, trí thức, giáo chức, thanh niên, học sinh trên địa bàn thị xã, năm 1925 ký tên vào các bản yêu sách đòi nhà nước bảo hộ phải trả tự do cho cụ Phan Bội Châu và năm 1926 đã tham dự lễ

truy điệu cụ Phan Chu Trinh tại nhà ông Phan Đình Cẩn (đã nói trên). Từ đây dấy lên một phong trào yêu nước cao hơn, rộng hơn ngay tại tỉnh lỵ Quảng Ngãi và vùng phụ cận.

Sự phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển lên cái thế khó kìm lại được, thực dân Pháp và tay sai đã hăm dọa quần chúng, bắt bớ bỏ tù một số người cầm đầu, nên phong trào không duy trì được bao lâu.

Như vậy, phần vì thiếu đường lối và sự lãnh đạo của một tổ chức cách mạng kiểu mới, phần vì tương quan lực lượng vẫn còn bất lợi về phía nhân dân, phần vì địch luôn luôn theo dõi, khủng bố đàn áp, nên đến cuối năm 1926, các phong trào yêu nước theo xu thế cải lương tư sản đi vào thế bế tắc. Từ đây, các nhóm tương tế, ái hữu, vòng công vẫn còn hoạt động theo truyền thống, nhưng không rầm rộ, ồn ào. Các nhóm yêu nước mang màu sắc chính trị thì bị phân hoá: bộ phận cơ hội thì co lại, lo yên phận làm ăn. Bộ phận thực sự yêu nước chân chính thì hình thành từng nhóm bí mật, tiếp tục tìm con đường mới để cứu nước.

*

* *

Đến đây (1926) nhìn lại, nhân dân trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi, đã trải qua 155 năm liên tục có mặt trong các phong trào yêu nước chống các tập đoàn phong kiến từ phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (1771); trải qua 41 năm chống thực dân Pháp và bọn Việt gian tay sai bán nước từ phong trào "Cần Vương" (1885).

Trong các phong trào yêu nước đã đi qua, nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã kiên gan vững chí, thua keo này bày keo khác, lớp này ngã xuống, lớp khác kế tục tiếp

bước tiến lên. Từ phong trào yêu nước của nhân dân đã sản sinh nhiều người con ưu tú, góp phần tích cực làm nên lịch sử hào hùng cho thị xã. Có những phong trào đã mang lại một số thành quả nhất định cho nhân dân lao động, như phong trào Tây Sơn, phong trào Duy Tân, có lúc góp phần làm sụp đổ cả một tập đoàn phong kiến, có lúc làm cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp rung rinh, kẻ thù khiếp sợ. Biết bao tên người, tên làng, tên đất, tên sông đã đi vào lịch sử các phong trào yêu nước của nhân dân thị xã Quảng Ngãi trong 155 năm ấy.

Một đặc trưng nổi bật là do vị thế tỉnh lỵ, nên thị xã Quảng Ngãi luôn luôn trở thành trung tâm của các phong trào yêu nước toàn tỉnh, luôn luôn diễn ra những cơn lốc cách mạng của nhân dân toàn tỉnh đánh thẳng vào bộ máy cai trị, đàn áp của phong kiến và thực dân xâm lược trong tỉnh; luôn luôn là ngọn cờ hiệu triệu, tập hợp, cổ vũ và biểu dương sức mạnh cách mạng của toàn dân trong tỉnh.

Chúng ta tự hào với truyền thống yêu nước của nhân dân thị xã Quảng Ngãi và của cả tỉnh Quảng Ngãi; càng tự hào và biết ơn đối với những nhà yêu nước khắp nơi trong tỉnh đã bỏ mình vì nước trên mảnh đất thị xã này, góp phần tô thắm thêm truyền thống yêu nước của nhân dân vùng trung tâm tỉnh. Tên tuổi và sự nghiệp những nghĩa sĩ, liệt sĩ luôn luôn gắn liền với lịch sử, cổ vũ cuộc đấu tranh bền bỉ của nhân dân thị xã.

Thế nhưng trong 155 năm ấy, biết bao đau rơi, máu chảy vẫn chưa có được thành công trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng quê hương, giải phóng dân tộc và giai cấp. Nguyên nhân chính là sự bế tắc về đường lối và

phương pháp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tình trạng đó:

"Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô. Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra"¹.

Từ năm 1927, bằng nhiều con đường khác nhau, những nhà yêu nước và nhân dân thị xã Quảng Ngãi tiếp thu được chủ nghĩa Mác-Lênin qua tác phẩm *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, qua tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và báo chí cách mạng do Người sáng lập. Từ đây, từng bước vững chắc, công nhân, nông dân, trí thức thị xã Quảng Ngãi nhận thức được con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Đó là con đường gắn liền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, gắn dân tộc Việt Nam với thời đại, nhằm đấu tranh cho những mục tiêu cao cả là hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Từ năm 1927, phong trào cách mạng ở thị xã Quảng Ngãi chuyển sang một thời kỳ mới với những trang sử mới rạng rỡ vẻ vang hơn.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr.3.

PHẦN THỨ HAI

TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI LÃNH ĐẠO CÁC CAO TRÀO CÁCH MẠNG- CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 (1930-1945)

Chương III

TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI, CAO TRÀO 1930-1931

Tổ chức Đảng Cộng sản ra đời

Sau bao năm tìm đường cứu nước, đến năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển các tổ chức yêu nước của người Việt Nam đang ở Trung Quốc thành Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và tìm mọi cách đưa báo chí về nước, bắt liên lạc với các tổ chức cách mạng ở trong nước đưa người ra nước ngoài để đào tạo, huấn luyện. "Đường kách mệnh" do Người giảng đã thực sự làm thức tỉnh những người cách mạng trong nước như nắng hạn gặp mưa rào.

Vào những năm 1926-1927, trong khi các tổ chức cách mạng đang có xu hướng nghiêng về chủ nghĩa cộng sản, tổ chức cơ sở Đảng Tân Việt tại thị xã do cụ Trần Kỳ Phong thành lập cũng đang nhanh chóng chuyển sang Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Nhà thuốc Châu Khê

của cụ Trần ở thị xã Quảng Ngãi biến thành nơi hội họp giao lưu của tổ chức.

Từ giữa năm 1925 đến đầu năm 1926, tại thị xã Quảng Ngãi và một số thị trấn trong tỉnh đã nổi lên phong trào chống án Phan Bội Châu (1925) và phong trào để tang Phan Chu Trinh (tháng 3 năm 1926). Các giới tân cựu trí thức, học sinh, công chức tại thị xã đều tham gia sôi nổi. Những sinh viên Quảng Ngãi học ở Hà Nội, Huế đã tham gia bãi khoá, trở về quê nhà, trong đó có Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng (học ở Hà Nội), Đặng Tông (học ở Huế)... Họ đã mang theo nhiều thông tin mới về Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, về Việt Nam cách mạng Đảng, về Nguyễn Ái Quốc và lớp học do Người lập ở Quảng Châu. Cuối năm 1926, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham gia bãi khoá ở Hà Nội và sang Trung Quốc học lớp thứ hai ở Quảng Châu do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp huấn luyện.

Lúc này, Nguyễn Thiệu đã được cụ tú Trần Kỳ Phong giúp về tài chính để đi tìm đảng mới; Trương Quang Trọng đã về đứng đầu tổ chức Tân Việt, Thanh niên trong tỉnh. Đầu năm 1927, Nguyễn Thiệu sau khi ra Bắc rồi vào Nam đã bắt mối được với tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và tham gia vào đoàn đi dự huấn luyện cách mạng tại Quảng Châu. Hè năm 1927, sau khi đã được huấn luyện và tham gia vào Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, Nguyễn Thiệu trở về tỉnh, chuyển toàn bộ tổ chức của Tân Việt, Thanh niên trong tỉnh do Trương Quang Trọng đứng đầu tham gia Tỉnh hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Từ đây, tổ chức cách mạng theo xu hướng cộng sản đã có tư tưởng, đường lối rõ. Hội viên của Hội được phát triển

manh, rộng trong tỉnh. Tại thị xã, hầu hết những nhà cách mạng cũ, trung kiên đều lần lượt tham gia như Phạm Khoa, Trần Tư, Phạm Trung Mưu, Từ Ty, Phạm Phương... kể cả cụ Trần Kỳ Phong.

Năm 1928, các hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội trong tỉnh và trong nước đòi phải chuyển Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội thành Đảng Cộng sản.

Từ đầu năm 1929 đến sau Đại hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Quảng Châu, các tổ chức cộng sản trong nước lần lượt ra đời.

Cuối tháng 7 năm 1929, tại đỉnh núi Xương Rồng (Đức Phổ), tổ chức "dự bị cộng sản" Quảng Ngãi do đồng chí Trương Quang Trọng làm Bí thư đã ra đời.

Lúc này truyền đơn của Đông Dương Cộng sản Đảng đã được rải dọc quốc lộ 1A, ở vài nơi trong nội thành Quảng Ngãi. Các nhà cách mạng trong tỉnh và ở thị xã như Trần Kỳ Phong, Cao Trí, Phạm Phương... đã nhân đó gây dư luận bàn tán xôn xao về Đảng Cộng sản.

Tháng 8-1929, hơn 20 hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Quảng Ngãi, trong đó có đảng viên "dự bị cộng sản" đều bị địch bắt đưa vào nhà lao Quảng Ngãi¹ và lần lượt đưa đi các nhà đày. Đồng chí Trương Quang Trọng, người đảng viên trung kiên, Bí thư tổ chức "dự bị cộng sản" bị bắt sau cùng vào ngày 19 tháng 8 năm 1929².

1. Địch xây nhà lao Quảng Ngãi tại khu đất góc tây bắc trong thành, địa điểm khu tập thể Sở tài chính hiện nay.

2. Phần lớn số hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội bị bắt tại tiệm thuốc bắc của Trần Kỳ Phong. Bản thân Trần Kỳ Phong cũng nằm trong danh sách này.

Các đồng chí ở thị xã đã vận động quần chúng phản đối địch bắt người và tìm mọi cách giúp đỡ các đồng chí trong lao. Các hiệu buôn Quảng Chánh, tiệm thuốc bắc Quảng Minh Đường của cụ Trương Quang Tuyền, tiệm Châu Khê của Trần Kỳ Phong đều có đóng góp tiền và thuốc cho hoạt động của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội trong tỉnh và cho những người bị địch bắt giam.

Trung tâm hoạt động của tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở thị xã tại tiệm thuốc bắc Châu Khê bị vỡ. Cụ tú Trần bị bắt. Các đồng chí còn lại tìm bắt liên lạc với các nơi trong nước.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc các tổ chức cộng sản đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tin Đảng Cộng sản toàn quốc đã được thành lập, được quốc tế thừa nhận, có chính cương vắn tắt, điều lệ và lời kêu gọi, đã làm náo nức lòng người khắp ba miền trong nước và trong tỉnh.

Tại Đà Nẵng, Xứ uỷ Đông Dương Cộng sản Trung Kỳ đã hình thành phân ban Xứ uỷ hoạt động trong các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú. Đồng chí Nguyễn Nghiêm đã bắt mối với phân ban Xứ uỷ này.

Mùa xuân năm 1930, chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Quảng Ngãi đã được xây dựng tại làng Tân Hội, Đức Phổ. Tháng 6 năm 1930, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã chính thức ra đời tại làng Hùng Nghĩa, Đức Phổ. Hầu hết các huyện trong tỉnh cũng đã có tổ chức đảng và hình thành các huyện uỷ. Các tổ chức quần chúng như nông hội đỏ, công hội đỏ, cứu tế đỏ cũng được xây dựng và phát triển.

Tại địa bàn thị xã Quảng Ngãi, từ tháng 4 năm 1930 trở đi, các chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đã lần lượt ra

đời, hầu hết đều trực thuộc huyện Tư Nghĩa.

- Chi bộ phía đông thị xã và Tư Nghĩa được xây dựng ở làng Ba La (nay thuộc xã Nghĩa Đông, thị xã Quảng Ngãi) do đồng chí Nguyễn Năng Lự làm Bí thư¹, gồm các đồng chí Nguyễn Năng Lự, Bùi Phong, Trần Tư, Nguyễn Khải.

- Chi bộ Chánh Lộ được xây dựng do đồng chí Trần Ngô làm Bí thư và các đồng chí Trần Xương, Cao Trí. Chi bộ có quan hệ với tiệm buôn Quảng Chánh, là cơ sở làm tài chính cho Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

- Chi bộ Thu Phố phía tây thị xã (nay thuộc xã Quảng Phú) được xây dựng vào khoảng cuối năm 1930, gồm các đồng chí Bùi Phụ Thiệu (Bí thư), Bùi Tá Hiệp, Nguyễn Tâm, Nguyễn Luân².

- Chi bộ Ngọc Áng lúc này cũng đã được tổ chức, trong đó có đồng chí Trần Hường, Bùi Bích tham gia.

Dấu vết lịch sử còn có thể ghi nhận là vào khoảng cuối năm 1930, đồng chí Bùi Tá Hiệp đã đưa đồng chí Nguyễn Nghiêm vào trú tại nhà đồng chí Phạm Phương để phổ biến công tác, tuyên truyền vận động học sinh. Tại đây đã xây dựng một chi bộ gồm ba đồng chí: Phạm Phương, Cao Trí và Phạm Cẩn, do đồng chí Cao Trí làm Bí thư, đồng chí Phạm Phương làm Bí thư dự bị³.

1. Về việc thành lập chi bộ này, *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, 1930 - 1945* ghi là tháng 4 năm 1930. Cũng có ý kiến Bí thư chi bộ là đồng chí Trần Tư. Chúng tôi ghi chú để tiếp tục xác minh.

2. Hồi ký của đồng chí Phạm Trung Mưu (Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa lúc này) ghi: ở Thu Phố có hai chi bộ, một ở Thu Phố, một ở Thạch Phố. Chúng tôi sẽ tiếp tục xác minh.

3. Hiện nay tại nhà đồng chí Phạm Phương có bản ghi sự kiện này, đồng chí Bùi Tá Hiệp viết tại sự kiện này vào ngày 1 tháng 9 năm 1996.

Có thể khẳng định hầu hết những chi bộ thành lập đầu tiên của huyện Tư Nghĩa đều nằm trên địa bàn thị xã ngày nay và ra đời khá sớm.

Như vậy, tại thị xã Quảng Ngãi hầu hết những người được vào Đảng đầu tiên là những người hoạt động từ các phong trào yêu nước trước khi có Đảng. Họ là những người có học, hoặc chữ nho hay chữ quốc ngữ mà nhân dân lúc bấy giờ gọi là trí thức. Anh chị em lao động, tuy chưa đứng trong hàng ngũ của Đảng nhiều, nhưng họ đều hưởng ứng và tham gia vào các tổ chức nông hội đỏ, công hội đỏ, tự vệ đỏ và các tổ chức biến tướng khác của Đảng. Các tổ chức này phát triển mạnh vào các tầng lớp thợ may, thợ giày, thợ cắt tóc, thợ mộc, phu kéo xe, buôn bán thịt, hàng xén, kể cả một số làm bồi bếp cho công sứ. Riêng hội cứu tế đỏ đã có gần 200 hội viên. Tất cả, đều là những người yêu nước, yêu quê hương và dân tộc mình tuy nhận thức về chủ nghĩa cộng sản của họ vẫn còn ít ỏi, chưa thật sâu sắc.

Các tổ chức cơ sở đảng ở thị xã ra đời cùng với Đảng bộ huyện Tư Nghĩa đã đáp ứng kịp thời yêu cầu của phong trào cách mạng ở địa phương. Một luồng sinh khí mới của phong trào cách mạng ở địa phương bùng lên sôi nổi.

Ngày 1 tháng 5 năm 1930, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, hoà chung cùng toàn quốc và trong tỉnh, Đảng bộ đã phát động một đợt rải truyền đơn, treo cờ Đảng. Trên dọc quốc lộ 1A trong tỉnh đều có truyền đơn. Tại thị xã Quảng Ngãi, các đồng chí ta đã tổ chức treo cờ Đảng ở toà sứ, ở Bàngalô (khách sạn), trước miếu Âm hồn, xóm Gốc Gáo, do đồng chí Trần Xương thực hiện¹. Bên

1. Đồng chí Võ Khuê (lính phòng thành) đã cùng đồng chí Phạm Thía ở Chánh Lộ treo cờ tại cây dầu lai trước toà sứ. Đồng chí Bạch Ngọc Phú treo cờ ở Bàngalô.

ngoài ở phía tây, cờ Đảng đã được treo rất công phu ở núi Ông. Trong nội thị, cơ sở ta trong tổ chức "hương binh đoàn kết" của địch đi tuần ban đêm đã rải truyền đơn vào tối 30 tháng 4 năm 1930. Nội dung truyền đơn vạch mặt chế độ cai trị dã man của thực dân Pháp và Nam triều, đòi giảm thuế đinh, thuế điền, thuế chợ, hoãn nợ, bỏ xấu, đòi thực hiện nam nữ bình quyền, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi độc lập tự do...

Tháng 6 năm 1930, bí thư các chi bộ ghép ở các vùng đông tây và nội thị đã họp lại để hình thành Huyện uỷ lâm thời Đảng bộ Tư Nghĩa.

Tháng 3 năm 1931, tại nhà đồng chí Lâm Quý (ở làng Ngọc Áng, Chánh Lộ, nay thuộc xã Nghĩa Chánh, thị xã Quảng Ngãi) đã mở hội nghị chính thức thành lập Huyện uỷ Tư Nghĩa, do đồng chí Phạm Trung Mưu làm Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Năng Lự, Lâm Quý, Trúc, Tông, Diệp tham gia Huyện uỷ. Lúc này xã bộ Chánh Lộ vẫn trực thuộc sự chỉ đạo của Huyện uỷ Tư Nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào xô viết Nghệ Tĩnh đã lên cao từ sau ngày 1 tháng 5 năm 1930. Để chia lửa với phong trào xô viết Nghệ Tĩnh, Xứ uỷ Trung Kỳ đã có chỉ đạo cho đảng bộ các tỉnh hưởng ứng.

Cao trào 1930 - 1931

Thực hiện chỉ thị của Xứ uỷ, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã lập tức có nhiều cuộc họp bàn kế hoạch nhanh chóng kịp thời hưởng ứng với Nghệ An xô viết.

Ngày 8 tháng 10 năm 1930, ở Đức Phổ, nơi có cơ quan Tỉnh uỷ trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo, gần 5.000 quần chúng từ các làng xã trong huyện đã mang cờ Đảng, biểu ngữ, dây, gậy, có tự vệ đỏ đi theo bùng bùng khí thế kéo về huyện lỵ Đức Phổ. Đoàn biểu tình quần chúng đột nhập vào chiếm huyện đường, đốt cháy hồ sơ, giải phóng tù nhân trong trại

giam, treo cờ, rải truyền đơn. Tri huyện Phan Lang và toàn bộ bọn tay chân của địch đã chạy thoát.

Ngòi pháo đầu tiên đã nổ giòn giã, báo hiệu một cao trào tiếp theo. Mộ Đức cũng đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình hưởng ứng ngay từ đầu với Đức Phổ. Nam Trà đã nổi dậy khá mạnh. Bắc Trà cũng kịp thời vùng lên. Những cuộc biểu tình ở Sơn Tịnh, Bình Sơn, Trà Bồng dồn dập nổ ra sau đó, mạnh nhất là Sơn Tịnh.

Ngày 17 tháng 11 năm 1930, phía tây Tư Nghĩa đã nổ ra một cuộc biểu tình tuần hành thị uy của hơn 3.000 quần chúng cách mạng, do đồng chí Từ Ty chỉ huy. Đoàn biểu tình đã ùn ùn kéo về Mỹ Thạnh, xuống Thạch Phổ rồi An Hội, Xuân Phổ, đòi bãi bỏ các thứ thuế vô lý như thuế đình, thuế dò, thuế chợ, đòi giảm nợ, giảm tô cho dân nghèo. Bọn cường hào hương lý bị lòng bất. Tên chánh tổng Nguyễn Hiệu ở Xuân Phổ phải tự thú tội xin tha chết. Thắng lợi của cuộc biểu tình ở Tư Nghĩa đã nêu cao thêm khí thế cách mạng, lôi kéo được đông đảo các giai tầng xã hội, kể cả con cái địa chủ, tầng lớp trên tham gia.

Ngày 15 tháng 1 năm 1931 (ngày 27 tháng 11 Tân Mùi), Đảng bộ huyện Tư Nghĩa huy động hơn 1.000 người ở Thu Xà, Vạn Tượng, Ba La tham gia biểu tình. Đoàn biểu tình do đồng chí Trần Tư lãnh đạo, đồng chí Bùi Phong cầm cờ, đã kéo lên tập trung ở Ba La, trừng trị tên phó tổng Mai và bắt cảnh cáo một số tên khác. Địch đã kéo đến đàn áp, bắn chết 9 người và làm một số bị thương. Đồng chí Bùi Phong bị địch bắt, dùng mọi cực hình tra tấn, nhưng đồng chí đã giữ tròn khí tiết, anh dũng hy sinh.

Sau khi các cuộc biểu tình lớn, các cuộc đấu tranh của nông dân chống thuế, chống phạt vạ vô lý, chống khủng

bổ bị đàn áp, các cuộc mít tinh nhỏ vẫn diễn ra liên tiếp trong từng làng xã thuộc thị xã. Những cuộc bãi thị ở Ba La, Thu Phổ đã xảy ra. Bọn địch ở thị xã đã báo lên cấp trên và xin thêm lực lượng lính chiến về ứng cứu, đàn áp, đối phó.

Bất chấp sự đàn áp của địch, ngày 21 tháng 1 năm 1931 hơn 4.000 nông dân ở các làng xã gần tỉnh lỵ Quảng Ngãi thị uy kéo về phía tây thành Quảng Ngãi nhưng bị địch đàn áp khốc liệt. Dưới sự lãnh đạo của xã bộ Chánh Lộ, quần chúng cách mạng tại đây đã tìm mọi cách giúp đỡ cho đoàn biểu tình.

Lúc này, đồng chí Trần Ngô, Bí thư chi bộ Chánh Lộ đã bị địch bắt cùng với đồng chí Lâm Quý và đồng chí Phan, bị giam tại nhà lao Quảng Ngãi đến giữa năm 1931. Đồng chí Nguyễn Phố thay đồng chí Trần Ngô làm Bí thư. Sau đó, đồng chí Cao Tri cũng bị địch bắt và bị kết án 5 năm tù. Đồng chí Trần Xương thay đồng chí Cao Tri làm liên lạc, bảo vệ đồng chí Nguyễn Nghiêm, Phan Thái Ất đang hoạt động ở phía bắc tỉnh và nội thị.

Mặc dù địch đã huy động cao độ lực lượng đến đàn áp, cuộc đấu tranh để chia lửa với xôviết Nghệ Tĩnh của nhân dân thị xã cùng nhân dân trong tỉnh không hề suy giảm.

Ngày 25 tháng 1 năm 1931, một cuộc biểu tình với 3.000 người của các làng Tân Mỹ, Trường Yên (Phổ An), Phú Thọ... đã kéo về Sở thương chính của địch đòi giảm thuế. Địch phải nhượng bộ.

Tiếp theo vào ngày 31 tháng 1 năm 1931, một cuộc biểu tình được tổ chức khá quy củ và đông đảo ở vùng đông Tư Nghĩa và thị xã do đồng chí Nguyễn Năng Lự chỉ huy, gồm 6.000 người. Quần chúng ở hai tổng Nghĩa Hà

và Nghĩa Hạ được huy động tham gia. Cánh thứ nhất gồm các làng Hải Châu, Hào Môn, Thu Xà, Hưng Nhơn kéo lên. Cánh thứ hai gồm các làng Cổ Luỹ, Trường Yên (Phổ An), Phú Thọ, Hồ Tiểu, Thanh Khiết, Vạn Tượng, Ba La đổ về. Cánh thứ ba gồm các làng An Phú, An Nhơn vượt sông Trà Khúc kéo sang.

Đêm đến, cuộc biểu tình cùng tập hợp đông đảo, hùng hực khí thế sẵn sàng tiến vào thị xã. Tất cả đều tập trung tại bãi cát Vạn Tượng. Bọn lính khố xanh và lê dương đã từ tỉnh kéo xuống tổ chức mai phục để đàn áp¹.

Khi đoàn biểu tình giương cao cờ Đảng kéo về Ba La, bọn lính lê dương đã xả súng bắn chết 7 người và nhiều người bị thương, bắt đi nhiều người, trong đó có đồng chí Kiều Hoàng, nhốt ở chòi canh Ba La rồi đưa về tỉnh lỵ. Nguyễn Bá Trác (tuần vũ Quảng Ngãi) đã trực tiếp chỉ huy cuộc đàn áp này. Quân chúng giải tán ra về, tổ chức chôn cất những người hy sinh, cứu chữa những người bị thương. Mặc dù bị địch đàn áp, nhưng đông đảo quần chúng đã thấy rõ được sức mạnh của mình và bộ mặt tàn ác của kẻ thù. Chúng đã phải dùng đến bọn lính chiến da trắng để đối phó với những người tay không.

1. Lúc này ở Quảng Ngãi địch có ba đại đội: hai đại đội lính da trắng, một đại đội lính bảo an dưới quyền chỉ huy của một tiểu đoàn trưởng. Quảng Ngãi và Nghệ An, Hà Tĩnh đã trở thành hai quận do toàn quyền Đông Dương lập theo Nghị định ngày 2 tháng 6 năm 1930 (theo báo *Nghệ Tĩnh tân văn* ra ngày 24 tháng 10 năm 1930 và báo *Thanh Nghệ Tĩnh* ra ngày 26 tháng 1 năm 1931, lưu tại Thư viện Thành phố Hồ Chí Minh). Báo còn viết: "Ở Quảng Ngãi, hai quận Sơn Tịnh và Mộ Đức thuộc quyền quan võ".

Ngày 2 tháng 2 năm 1931, nhân dân các huyện phía nam tỉnh lỵ đã giương cao cờ kéo về thị xã. Cuộc biểu tình kéo đến Kỳ Thọ thì bị địch đàn áp làm chết 18 người.

Những cuộc biểu tình khắp nơi gần thị xã liên tiếp nổ ra sôi động, khá quy mô và rầm rộ. Quần chúng trong nội thị đã gây dư luận vạch mặt kẻ thù, tìm mọi cách hưởng ứng các cuộc biểu tình. Họ đã khuyến can bọn lính đừng tham gia đàn áp giết đồng bào mình.

Đến lúc này số người biểu tình bị địch bắt dồn về các nhà lao, (kể cả trường học) ở nội thị đã lên đến 1.359 người¹.

Mặc dù bị đàn áp khủng bố man rợ, nhưng các cuộc biểu tình khác ở các huyện gần thị xã, nhất là ở Sơn Tịnh, ngày càng dồn dập.

Nguyễn Bá Trác đã phải đích thân cùng bọn lính bảo an, lê dương đi đàn áp. Y còn sai các tên quan lại hành hạ, hiểu dụ các huyện, tổng, xã. Y còn sáng tác bài "Đoàn kết" sặc mùi mỵ bịp, phản động.

Để chống lại luận điệu mỵ bịp của tên mua quan bán chức ấy, các đồng chí ta đã họa ngay lập tức một bài để phổ biến kịp thời trong hàng ngũ Đảng và các tầng lớp nhân dân. Bài họa viết:

Lũ bay kìa, quân tư sản, khủng bố dân ta, gọi là làm loạn.

Xưa không bảo hộ, cũng được trị an.

Lũ nó làm ngang, dân ta khổ cực.

1. Báo cáo của công sứ Quảng Ngãi, từ ngày 1 tháng 10 năm 1930 đến ngày 2 tháng 1 năm 1931. Tài liệu do tiến sĩ Kleinen, giáo sư Trường đại học Amxtécđam (Hà Lan), cung cấp cho đồng chí Phạm Nhớ.

Giả lòng nhân đức, bóc lột dân nhiều.
Lũ nó làm liều, dân ta đau khổ.
Căm thù lũ nó. thật lũ bất nhân.
Giết hại lương dân, bán làng, bán nước.
Lại bày mưu chước, nói ngược, nói xuôi.
Cách mạng xong rồi bay đùng trốn mất.
Khắp trong trời đất, chẳng những nước mình.
Quyết chí biểu tình, thành công cộng sản.
Chưa dùng súng đạn, há phải tay không.
Nhóm lại cho đông, tùy nơi nhiều ít.
Ta lại đoàn kết, ta giống trống lên.
Xã dưới làng trên cùng lòng chung sức.
Sợ gì nó bắt, sợ gì nó tìm.
Cách mạng ta nghiêm, anh em cứ vững.
Lúc đứng ta đứng, lúc đi ta đi.
Lệnh truyền chỉ huy, anh em tiến tới!
Tiến, tiến tới!
Việc làm dân chủ, ta họp thành đoàn.
Lũ nó làm ngang, ra tay cứu giải.
Không nên hoãn đãi, cấp bách trị trừng.
Cộng sản anh minh, thành công vạn tuế ¹

Bài hoạ đã đập lại những luận điệu xằng bậy của Nguyễn Bá Trác, vạch mặt tên gian thần phản bội, nâng cao chính nghĩa và khí thế cộng sản, đã có tác dụng khá sâu sắc. Nhiều người trong hàng ngũ địch cũng thuộc và thầm khen. Trong các cuộc hội họp, sinh hoạt, biểu tình đã lấy đó làm lời hiệu triệu. Một số tên đầu sỏ trong hàng ngũ chức sắc làng, tổng, bang tá đã bị xử trị, còn hầu hết

1. Hiện nay trong nhân dân còn có người thuộc bài này.

dao động, đồng tình với nhân dân, hoặc nằm im, lẩn trốn.

Trong lúc cao trào trong tỉnh và ở thị xã đang lên thì chẳng may đồng chí Nguyễn Nghiêm, người Bí thư Tỉnh uỷ đầu tiên của tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi bị địch bắt ngày 6 tháng 3 năm 1931.

Tin chẳng lành đó truyền nhanh đến đảng viên và quần chúng cách mạng thị xã. Các đảng viên còn lại ở thị xã đã cùng với đông đảo quần chúng trong tổ chức cứu tế đỏ, công hội đỏ, phụ nữ, tìm mua thuốc men, thức ăn gửi vào để chăm sóc đồng chí Nguyễn Nghiêm và những đồng chí trong các nhà lao. Người có nhiều công đóng góp trong việc này là bà Lê Thị Nhơn, một quần chúng cách mạng nghèo liên tục hoạt động trong các thời kỳ cách mạng. Nhiều hội viên cứu tế đỏ đã ủng hộ tiền bạc để dùng vào công tác cứu trợ, có người đã đóng góp 5 đồng bạc Đông Dương.

Sau khi bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm, địch tiếp tục truy tìm bắt các đồng chí lãnh đạo khác trong tỉnh.

Vào cuối tháng 3 năm 1931, địch huy động 600 dân đoàn xã Chánh Lộ phối hợp với dân đoàn xã Phú Nhơn (nay thuộc thị trấn Sơn Tịnh) đến làng Phong Niên (nay thuộc xã Tịnh Phong) cùng bọn lính của bang tá, lính khố xanh, vây bắt hai đồng chí Phan Thái Ất và Tôn Diêm. Được tin này các đồng chí ở Chánh Lộ, nhất là đồng chí Trần Xướng, Nguyễn Hội đã tìm mọi cách vận động anh em dân đoàn không tham gia vào cuộc lùng bắt này. Hơn 200 dân đoàn đã quay trở về nhà. Nhiều dân đoàn đi, nhưng không tích cực lùng tìm mà còn tạo điều kiện để hai đồng chí này trốn thoát.

Lúc này, Xứ uỷ Trung Kỳ và Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã có chỉ thị "Phải ra sức chống khủng bố của địch".

Tại thị xã, số tù chính trị bị bắt nhốt khá đông. Tiếng la ó phản đối, đấu tranh cùng với tiếng thét trong các cuộc khảo tra của địch nghe rộn người, đình tai, nhứt óc. Gia đình thân nhân những người bị bắt tấp nập đến thăm, đưa đơn kêu kiện, đưa tin, nhắn gửi, dận dò ngày đêm không ngớt.

Gần hai tháng khảo tra, cật vấn đủ điều bằng mọi hình thức, địch vẫn không thể khuất phục được đồng chí Nguyễn Nghiêm. Cuối cùng chúng đã đưa đồng chí ra bãi cát (phía tây nam cầu Trà Khúc hiện nay) để xử chém.

Ba giờ sáng ngày 23 tháng 4 năm 1931 (tức ngày 6 tháng 3 Tân Mùi), địch đã huy động lính gác đứng từ Cửa Đông thành đến ga Ông Bó, từ đầu cầu Trà Khúc đến Bàngalô, đầu súng cắm lưới lê, đưa đồng chí Nguyễn Nghiêm đến nơi xử chém. Mặc dù có thân nhân, đồng bào, đồng chí đến để tiễn đưa người thân, người đồng chí, nhà yêu nước khí phách anh hùng về nơi an nghỉ cuối cùng, nhưng bọn địch không cho ai đến gần.

Sau khi bọn địch ra về, các đồng chí ta ở thị xã đã vận động quần chúng đến khâu nối đầu đồng chí Nguyễn Nghiêm vào thân, chôn cất đồng chí ở tây nam cầu Trà Khúc. Hằng năm, mộ đồng chí được quần chúng ở thị xã hương đèn, phúng điệu. Đến ngày nước nhà hoàn toàn giải phóng, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi cùng Đảng bộ và đồng bào thị xã Quảng Ngãi đã đưa mộ đồng chí Nguyễn Nghiêm về nghĩa trang liệt sĩ núi Bút.

Để tỏ lòng thương tiếc đồng chí Nguyễn Nghiêm, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã phát động tuần lễ căm thù địch và để

tang đồng chí Nguyễn Nghiêm từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 4 năm 1931, kết hợp với biểu dương khí thế cách mạng, kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5. Các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn thị xã cùng với Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh đã đẩy lên một cao trào biểu tình, rải truyền đơn, bãi thị, mang khăn tang đi ngoài đường... phản đối nhà cầm quyền Pháp và tay sai. Tại thị xã, chị em buôn bán ở chợ, các cửa hàng đều đồng tình hưởng ứng; một số nhà buôn đóng cửa tiệm. Anh chị em tù chính trị trong nhà lao đã tuyệt thực, không đi làm khâu, ngày đêm đấu tranh. Anh chị em tù kinh tế cũng hưởng ứng đấu tranh. Bọn tay sai địch trong thị xã nằm im, ban đêm không dám ra đường, lính khố xanh, khố đỏ không dám ngang nhiên đi lùng sục.

Trong đêm 25 tháng 4 năm 1931, cờ đỏ búa liềm, biểu ngữ, truyền đơn xuất hiện ở một số nơi trong thị xã.

Trước ngày 1-5, một cuộc biểu tình lớn gồm 5.000 người được tổ chức ở phía tây thị xã do đồng chí Phạm Trung Mưu trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy, đồng chí Từ Quốc cầm cờ. Khi đoàn biểu tình vừa đến Thu Phố, chi bộ đảng ở đây đã huy động thêm quân chúng tham gia rồi kéo đến ga Ông Bó. Địch đã xả súng bắn vào đoàn biểu tình, làm 4 người chết, nhiều người bị thương, và nhiều người bị bắt đưa về thị xã. Trong số chết có ông Bùi Kính và 7 người bị thương ở làng Thu Phố (nay thuộc xã Quảng Phú). Trong số bị bắt có đồng chí Nguyễn Sâm và Nguyễn Luân. Chi bộ Thu Phố có 3 đồng chí bị tù và nhiều quân chúng cách mạng bị bắt.

Các chi bộ ở phía đông thị xã và Tư Nghĩa như Ba La, Thu Xà, Cổ Lũy... đã huy động hơn 3.000 quân chúng biểu

tình kéo lên tình, nhưng cũng bị địch chặn lại, đàn áp, giải tán.

Tuần lễ căm thù địch giết hại đồng chí Nguyễn Nghiêm và các đồng chí, đồng bào cách mạng, thiết thực kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 đã biểu dương cao độ khí thế cách mạng của quần chúng ở thị xã Quảng Ngãi cũng như toàn tỉnh Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ cộng sản tỉnh. Đây cũng là thời điểm sôi nổi nhất của cao trào 1930-1931 tại tỉnh Quảng Ngãi. Các cuộc đấu tranh còn diễn ra nhiều nơi tuy không ô ạt, quyết liệt, nhưng kéo dài đến hết năm 1931, trong lúc cao trào xôviết Nghệ Tĩnh đã chấm dứt.

Ngày 21 tháng 7 năm 1931, địch đã truy bắt được đồng chí Phan Thái Ất và các đồng chí chủ chốt của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi. Địch cũng ra sức truy lùng tìm bắt các đảng viên trong thị xã và quần chúng tham gia các tổ chức cách mạng của Đảng. Các đồng chí Đoàn Lan, Phan Sách, Võ Tri (Hy), Phạm Phương, Huỳnh Rơi... đều bị bắt giam tại nhà lao Quảng Ngãi. Địch mở nhiều cuộc vây lùng khủng bố, đốt nhà dân ở Chánh Lộ, Cửa Bức, Thu Phổ, Ba La, Vạn Tượng, đi đôi với tăng cường bộ máy đàn áp, phát triển đoàn phu, đoàn thập và bày ra các chính sách my dân, mua chuộc, chia rẽ khác.

Tuy vậy, cuộc đấu tranh của quần chúng dưới sự lãnh đạo của các chi bộ vẫn tiếp tục. Báo cáo ngày 6 tháng 10 năm 1931 của tên mật thám ở Huế đã phải thú nhận: "số rất đông đã đứng về bên Đảng Cộng sản"... "*những sự*

loạn động tuần kỳ mà Quảng Ngãi luôn luôn là nơi xảy ra"¹.

Cao trào 1930-1931 ở thị xã Quảng Ngãi cũng như ở huyện Tư Nghĩa và toàn tỉnh Quảng Ngãi đã diễn ra liên tục, quyết liệt, kéo dài đến cuối năm 1931 mà cao điểm là tuần lễ căm thù địch xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm. Hầu như tất cả các cuộc biểu tình lớn đều hướng về tỉnh lỵ. Những cuộc treo cờ, rải truyền đơn trước các cơ quan công sứ, tuần vũ đã chứng minh tinh thần dũng cảm của đảng viên và sự đồng tình hưởng ứng của đông đảo quần chúng trong thị xã, kể cả một số người trong bộ máy của địch. Tinh thần ngoan cường tấn công địch của đảng viên và quần chúng đã gây chấn động lớn trong bộ máy thống trị của địch ở thị xã và nhân dân toàn tỉnh. Phong trào đã phối hợp kịp thời với cao trào chung trong tỉnh.

Sau đợt đấu tranh đó số đảng viên ở thị xã vốn đã ít và một số bị địch bắt, có nơi không còn đảng viên, nhưng quần chúng đã nhận rõ hơn bộ mặt kẻ thù và vai trò của Đảng. Họ rất cảm phục lòng dũng cảm và lòng trung thành với đất nước của đảng viên cộng sản trước kẻ thù trong các cuộc đấu tranh, trong nhà lao cũng như trên pháp trường.

Như vậy là tổ chức cơ sở đảng vừa ra đời đã lập tức lãnh đạo nhân dân tham gia cao trào 1930-1931 kéo dài gần hai năm. Đảng viên và nhân dân trong thị xã đã phối hợp nhịp nhàng, hưởng ứng nhiệt liệt, trực tiếp tham gia đấu tranh gây chấn động lớn, làm cho kẻ thù phải gờm sợ. Tổ chức đảng ở thị xã đã được các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh như Nguyễn Nghiêm, Phan Thái Ất, Tôn

1. Tài liệu lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

Diêm... tin cậy, ra vào, ăn ở, hoạt động. Sự tin nhiệm chính trị ấy là một vốn rất quý của tổ chức đảng ở thị xã. Số đảng viên ở thị xã sa vào tay địch vẫn kiên trung bất khuất, hy sinh anh dũng. Số đồng chí còn lại vẫn tiếp tục hoạt động để chờ ngày "tái tổ" và quần chúng vẫn luôn luôn hướng về Đảng với lòng tin yêu. Nhờ đó mà trong các năm tiếp theo, phong trào cách mạng ở thị xã vẫn được duy trì và đi kịp phong trào cách mạng chung trong tỉnh.

Chương IV

KHÔI PHỤC TỔ CHỨC ĐẢNG. LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH (1932-1935)

Sau các cuộc đấu tranh trong những năm 1930-1931, tình hình chung trong nước, trong địa phương có nhiều diễn biến phức tạp.

Bọn thống trị ra sức đàn áp phong trào. Đời sống kinh tế, xã hội của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Sản lượng lúa gạo giảm sút. Giá lúa từ 0,30 đồng/ang năm 1931 đến năm 1932 chỉ bán 0,18 đồng/ang, năm 1934 chỉ còn 0,09 đồng/ang, nên chỉ đủ 1/5 chi phí. Bọn thực dân, địa chủ, ... tăng cường bóc lột, ép giá mua, tăng giá bán muối một cách độc quyền. Chúng buộc dân phải bán muối cho chúng với giá 0,35 đồng đến 0,40 đồng một tạ, rồi đem bán với giá 3,4 đến 3,6 đồng/tạ. Chúng buộc dân phải mua rượu của chúng. Chúng lại tăng thuế. Nhân dân trong thị xã cũng như toàn tỉnh hết sức điêu đứng¹.

1. Nguyễn Bá Trác: *Quảng Ngãi tỉnh chí, Tlđd.*

Đời sống vật chất đã như vậy, còn đời sống tinh thần lại càng gay gắt hơn. Hầu như trong mọi gia đình, đều có người thân bị địch bắt, bị tù đày, tra tấn. Tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng của Đảng đều bị tổn thất nặng. Tại thị xã, các chi bộ đều không còn nguyên. Các đồng chí còn lại vừa phải lo làm ăn vừa lo giúp đỡ các đồng chí bị giam cầm, các gia đình có người hy sinh, bị bắt đi tù, vừa phải hoạt động. Mặc dù thế, tháng 12 năm 1931, truyền đơn vẫn được rải ở Gò Thối Quyển, ở núi Bút¹.

Thông báo ngày 12 tháng 1 năm 1932 của khâm sứ Trung Kỳ (Huế) và công văn mật số 123 ngày 18 tháng 1 năm 1932 của mật thám Trung Kỳ báo cho công sứ và thị trưởng toàn Trung Kỳ viết: "Đảng Cộng sản ở Quảng Ngãi sẽ tổ chức kỷ niệm vào ngày 24 tháng 1 năm 1932 (nhân tròn một năm ngày biểu tình ở Tư Nghĩa và ngày mất của Lenin (!)").

Chúng lại có công văn tiếp vào ngày 1 tháng 2 năm 1932, viết: "Khám phá ra âm mưu tổ chức lại Đảng Cộng sản do những thanh niên cũ và mấy người cộng sản đã hết hạn tù hay phóng thích có điều kiện. Âm mưu đây do sự tuyên truyền của một số tù nhân nhà lao Quảng Ngãi đối với các đồng chí của họ được phóng thích, những kẻ cầm đầu đã bị bắt. Tính ra độ 20 tên"².

Đầu năm 1932, số đảng viên dự bị cộng sản và hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội trong tỉnh bị địch bắt vào cuối năm 1929 đã hết hạn tù, lần lượt trở về. Đồng chí Võ Sĩ đã cùng một số đồng chí khác thành

1. Báo *Đông Pháp* ra tháng 12 năm 1931.

2. "*Số 20 tên*" là ý chúng nói về số hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội của lính đã bị chúng bắt vào tháng 8 năm 1929.

lập Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, khôi phục tổ chức đảng ở các cấp và xúc tiến các cuộc đấu tranh.

Ngày 24 tháng 2 năm 1932, các đồng chí trong và ngoài nội thị đã tổ chức treo cờ búa liềm ở núi Bút, ở cây đa, cầu Xóm Xiết (Nghĩa Điền) nhằm nâng cao thanh thế của Đảng.

Để chuẩn bị các hoạt động mới trong thị xã, một số truyền đơn đã được các đồng chí ở Chánh Lộ tổ chức in ấn trao cho cơ sở. Truyền đơn đã đến tay một số học sinh có cảm tình với Đảng ở trường tiểu học. Trong số học sinh này có Trần Mẹo, Nguyễn Thông, Nguyễn Dụng (tức Quyết). Trần Mẹo lúc này học lớp nhất, là người tham gia in truyền đơn, đã để truyền đơn vào vở học của mình, chẳng may bị giáo viên phát hiện, bị bắt. Dịch đã tra tấn anh rất dã man và buộc phải khai truyền đơn từ đâu. Song anh đã tìm cách chống chế và nhanh chóng báo tin về cơ sở in ấn ở nhà anh Trần Lành (xóm Gốc Gáo) để xoá đi các tang vật. Trần Mẹo đã bị dịch kết án 3 năm tù khổ sai, đày đi Gi Lăng. Ở đây do đấu tranh chống lại bọn cai ngục nên anh đã bị chúng giết hại.

Ngày 27 tháng 3 năm 1932, một đợt treo cờ và rải truyền đơn đã diễn ra ở vùng phụ cận và nội thị. Dịch đã tiến hành lùng bắt ở nội thị 25 người (đảng viên và cốt cán) trong đó có các đồng chí Lâm Quý (quê Ngọc Áng thuộc Nghĩa Chánh ngày nay), Trần Xương, Nguyễn Nhi, Nguyễn Học, Cao Ủ, Nguyễn Thôi, Nguyễn Độ, Trần Lành...

Lúc này trong nhà lao Quảng Ngãi đông nghẹt tù. Anh chị em đã đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi được xử án rõ ràng. Dịch vô cùng lúng túng. Hằng ngày vợ con, người thân đến đòi được thăm viếng. Các đồng chí ở thị xã đã tìm cách bắt liên lạc với các đồng chí trong nhà lao để nắm tình hình đưa tin cho lãnh đạo tỉnh và giúp đỡ thuốc

men, thức ăn cho anh chị em.

Để kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, tối ngày 2 rạng ngày 3 tháng 5 năm 1932, hai lá cờ Đảng lại hiên ngang tung bay tại trường tập cũ, cách dinh tuần vũ và toà sứ khoảng 800 m.

Tiếp đến ngày 18 tháng 5 năm 1932, có ba lá cờ Đảng treo ở nội thành do các đồng chí ở Chánh Lộ tổ chức, trong đó có một lá được treo tại dinh tuần vũ, một lá treo tại dinh công sứ. Địch vô cùng hoảng hốt, không hiểu vì sao ngay trước dinh các nhà cầm quyền đứng đầu tỉnh vẫn có cờ cộng sản treo. Bọn chúng đã nghi ngờ nội bộ và buộc mỗi viên chức phải làm hai bản lý lịch, một bản để ở cơ quan đang làm việc, một bản để cho bọn quan lại phê về thái độ chính trị của mình¹.

Sau các hoạt động trong thị và toàn tỉnh nói trên, địch đã truy lùng bắt được các đồng chí trong Tỉnh uỷ, trong đó có đồng chí Võ Sĩ, Bí thư Tỉnh uỷ và một số đồng chí khác.

Tổ chức đảng ở thị xã và trong tỉnh bị tổn thất khá nghiêm trọng. Chưa lúc nào tù chính trị nữ trong các nhà lao lại đông như đầu năm 1933. Chị em đã kiên cường bất khuất, chịu đựng mọi cực hình và đấu tranh chống lại sự tàn ác của địch. Ngày 29 tháng 4 năm 1933, một cuộc đấu tranh tuyệt thực đã nổ ra ở nhà lao tỉnh, gây dư luận xôn xao trong, ngoài tỉnh. Khâm sứ, toàn quyền cũng phải đến tìm hiểu tình hình². Nhiều cuộc đấu lý giữa nữ tù nhân chính trị với bọn chóp bu Pháp đã được nhân dân và các

1. Theo tài liệu của cụ Nguyễn Tấn Đức, nguyên giáo học Trường tiểu học Quảng Ngãi.

2. Khâm sứ là quan cai trị người Pháp đứng đầu Trung Kỳ. Toàn quyền là quan cai trị người Pháp đứng đầu toàn Đông Dương.

đồng chí ở nội thị chứng kiến, gây thêm lòng tin, lòng tự hào về những người cộng sản, không những kiên cường chịu sự tra tấn mà còn có những lý lẽ sắc bén, nêu cao chính nghĩa dân tộc và lý tưởng cộng sản.

Tháng 3 năm 1933, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi được xây dựng lại do đồng chí Phạm Quy (Đức Phổ) làm Bí thư. Công tác khôi phục lại tổ chức và sự hoạt động của Đảng đã được xúc tiến.

Tháng 8 năm 1933, địch đưa một số tù chính trị từ nhà lao Buôn Ma Thuật về giam tại nhà lao Quảng Ngãi. Các đồng chí hoạt động bên ngoài đã thông qua các đồng chí ở thị xã bắt liên lạc với các đồng chí trong nhà lao, phối hợp tổ chức các cuộc đấu tranh mới. Ngày 7 tháng 1 năm 1934, toàn thể tù chính trị tại nhà lao Quảng Ngãi, cả nam lẫn nữ, đồng tâm tuyệt thực đòi địch phải cải thiện chế độ trong lao tù.

Để bắt mối liên lạc xây dựng lại tổ chức của Đảng, Tỉnh uỷ đã đưa hai đồng chí Bùi Định và Phạm Dương vào thị để hoạt động. Đồng chí Trần Xương cùng một số đồng chí khác tìm bắt liên lạc và tạo điều kiện cho đồng chí Bùi Định sinh sống, ăn ở hoạt động dưới hình thức làm nghề thợ may. Địch cũng đã đánh hơi biết được, gây nhiều khó dễ. Tuy nhiên, các đồng chí vẫn tìm mọi cách gây quan hệ với quần chúng lao động trong nghề, các hội bóng đá và gia đình binh lính địch để gây cảm tình và tuyên truyền đường lối của Đảng.

Lúc này, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã được củng cố lại và đảm nhận nhiệm vụ của Xứ uỷ trao làm "Ban địa phương Chấp uỷ trung Trung Kỳ". Công tác đảng và phong trào đấu tranh của quần chúng được khôi phục. Tại thị xã, các

chi bộ Ba La, Thu Phổ đã được khôi phục và lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi chia công điền, công thổ, không để bọn cường hào giành về mình phần tốt, ruộng gần, để nhân dân lãnh phần xấu, ruộng xa. Cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt trong suốt năm 1934.

Ngày 23 tháng 4 năm 1935, sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ I, Ban địa phương Chấp uỷ trung Trung Kỳ ở Quảng Ngãi đã được chuyển thành Ban cán sự nam Trung Kỳ, do đồng chí Phạm Xuân Hoà làm Bí thư.

Ngày 1 tháng 5 năm 1935, tại ga Ông Bó, công nhân làm đường xe lửa mà hầu hết là người ở các xã thuộc thị xã, đã tổ chức đợt đấu tranh chống đánh đập, phạt vạ của bọn cai ký, chống bọn chủ thầu cúp lương, phạt vạ, đòi tăng lương, cấp lương đúng kỳ, đòi được cấp thuốc men khi đau ốm và trợ cấp khi gặp tai nạn.

Không khí đấu tranh ở nội thị và trong toàn tỉnh đã làm cho bọn địch lo ngại cái mà chúng gọi là "hoạ tái tổ cộng sản".

Ở thị xã lúc này đã ra đời nhóm "*Bút đỏ*" gồm ba đồng chí: Nguyễn Hữu Thông, Trần Xương và Hồ Quảng, chuyên hoạt động mua bán sách báo có nội dung quan hệ đến hoạt động của Đảng để tuyên truyền trong quần chúng, nhất là trong học sinh. Anh chị em lao động, thợ may, thợ hớt tóc, thợ xẻ gỗ, kéo xe, khuôn vác, chị em hàng xén, bán thịt lợn, được nhóm "*Bút đỏ*" giữ quan hệ chặt. Phần đông số anh em này đều là cơ sở quần chúng của Đảng.

Nhưng vì sự lùng tìm của địch khá gắt gao, nên chúng đã thu được hồ sơ về việc tái tổ Đảng trong việc chuyển Ban địa phương Chấp uỷ trung Trung Kỳ thành Ban cán

sự nam Trung Kỳ. Một lần nữa, địch lại lùng bắt hầu hết các đồng chí cấp uỷ từ tỉnh đến huyện ở Quảng Ngãi, trong đó có đồng chí Bùi Định và các đồng chí ở thị xã.

Ngày 12 tháng 7 năm 1935, địch mở phiên toà xử án "tái tổ cộng sản" gồm 44 đồng chí. Các đồng chí ta đã biến phiên toà thành diễn đàn vạch mặt sự tàn ác vô liêm sỉ của kẻ thù và thét to: "Chỉ có quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước mới đáng xử tội. Còn chúng tôi làm cách mạng là để cứu non sông, giống nòi thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than, chỉ có công chứ không có tội tình gì hết". Các đồng chí đã đồng dục hô các khẩu hiệu:

- Hoàng Việt hình luật là gian trá!
- Đế quốc Pháp là quân cướp nước!
- Đả đảo Nam triều phong kiến tay sai bán nước!

Bọn quan toà hoảng loạn lo sợ, đã phải ra lệnh báo động và sai lính áp giải các đồng chí ta về nhà lao. Trên đường về các đồng chí đã nêu cao khí thế cách mạng, tiếp tục hô các khẩu hiệu nói trên. Nhân dân tại chỗ được chứng kiến, rất cảm phục. Các đồng chí trong thị lấy đó để làm nội dung tuyên truyền giáo dục khí tiết cộng sản cho nội bộ và nêu cao chính nghĩa cộng sản cho quần chúng.

Sau đợt hoạt động đấu tranh này, phong trào chung trong tỉnh tạm lắng. Hoạt động của Đảng ở thị và các xã xung quanh cũng đi vào chiều sâu, thận trọng hơn trước. Cuối năm 1935, các đồng chí từ nhà lao Buôn Ma Thuột về lập lại tổ chức lãnh đạo mới trong tỉnh, do đồng chí Nguyễn Công Phương chủ trì.

Từ đây, các tổ chức đảng của thị xã đã cùng nhân dân dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ cùng các đảng bộ và nhân

dân toàn tỉnh đi vào thời kỳ đấu tranh mới chống bọn phản động thuộc địa, đòi dân sinh, dân chủ và hoà bình.

Chương V

THAM GIA VÀ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG (1936 - 1939)

Tháng 6 năm 1936, Chính phủ cánh tả do Mặt trận nhân dân Pháp, có Đảng Cộng sản làm nòng cốt tham gia, đã lên nắm chính quyền ở Pháp, có nhiều hoạt động có lợi cho phong trào dân chủ trong nước và các nước thuộc địa. Sự kiện này có ảnh hưởng tích cực đến phong trào cách mạng và hoạt động của Đảng ta.

Tháng 7 năm 1936, Trung ương Đảng ta đã mở hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc) có chủ trương mới theo Nghị quyết VII của Quốc tế Cộng sản: "Tạm gác khẩu hiệu đánh đuổi đế quốc Pháp và giai cấp địa chủ, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày" mà "phải tập trung vào chống kẻ thù trước mắt là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai, giành quyền dân chủ, cải thiện dân sinh, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình thế giới, chống nguy cơ phát xít. Phải hình thành một mặt trận rộng rãi bao gồm nhiều tầng lớp quần chúng, tận dụng và phát triển mọi hình thức tổ chức công khai hợp pháp để hoạt động".

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, Mặt trận nhân dân Đông Dương đã được lần lượt tổ chức ở khắp ba miền Trung, Nam, Bắc. Ở tỉnh Quảng Ngãi, phong trào nổi lên rầm rộ và được hưởng ứng khắp nơi. Nhiều đồng chí trong

tỉnh được cử vào Nam để học hỏi kinh nghiệm tổ chức. Cùng với sự chuẩn bị các mặt và tham gia các đoàn đi vào Nam, ra Huế, phong trào cách mạng ở thị xã cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Các hình thức tập hợp rộng rãi quần chúng được khôi phục và hoạt động. Nhóm "*Bút đờ*" lại có điều kiện để xúc tiến công tác. *Tín thành thư quán* do Tỉnh uỷ Quảng Ngãi lập tại thị xã, chuyên bán sách báo nhằm tán phát các tài liệu công khai của Đảng, đã gây ảnh hưởng tốt. Đồng chí Nguyễn Hữu Thông đã tham gia tích cực vào việc hình thành và hoạt động của *Tín thành thư quán*.

Từ đầu năm 1936, nhất là trong ngày 1-5, ở nội thị và vùng ven thị, cờ Đảng và truyền đơn lại được treo và rải nhiều nơi.

Cuối năm, đi đôi với công tác phục hồi các tổ chức quần chúng rộng rãi, phát triển các tổ chức hợp pháp mới như hội đá bóng, thợ may... nhân dân trong thị xã dưới sự hướng dẫn của các đồng chí trong tổ chức đảng đã chuẩn bị để đón tiếp và đưa kiến nghị cho phái đoàn Mặt trận Bình dân Pháp sang thăm Đông Dương, sẽ đến Quảng Ngãi. Cùng với nhân dân toàn tỉnh, công việc chuẩn bị ở thị xã rất khẩn trương, chu đáo và hết sức tích cực; vừa vận động đông đảo quần chúng tham gia đón tiếp vừa vận động người thay mặt nhân dân đưa kiến nghị cho phái đoàn.

Ngày 1 tháng 3 năm 1937 (tức ngày 19 tháng 1 Đinh Sửu), Gôđa dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp đã đến thị xã Quảng Ngãi. Dịch tìm đủ mọi cách ngăn cản không cho quần chúng được tiếp xúc với phái đoàn. Tuy vậy, đông đảo quần chúng toàn tỉnh, kể cả đồng bào ở miền núi, cùng nhân dân thị xã đã đứng đông nghịt từ đầu cầu Trà Khúc vào núi Bút. Các con

đường ngang dọc trong thị xã đều kín người. Họ nêu cao những biểu ngữ cùng với tiếng hô "*Hoan hô phái đoàn Mặt trận Bình dân Pháp*". Gôđa đã phải xuống xe để tiếp đồng bào trước sự hăm hực, tức giận của bọn công sứ, tuần vũ Quảng Ngãi. Chúng không ngờ thời gian quá gấp mà Đảng bộ Quảng Ngãi đã huy động được quần chúng đông đảo đến thế. Chúng đã phải tức tối và nói với các đồng chí ta:

"Dân chúng như ở trong túi các anh".

Tại dinh công sứ, Gôđa đã phải tiếp và nhận các kiến nghị của đoàn đại biểu nhân dân Quảng Ngãi, do cụ Trần Kỳ Phong làm trưởng đoàn, trao cho. Trong khi đó, nhân dân bên ngoài vẫn đứng trước dinh hô vang các khẩu hiệu hoan hô phái đoàn và nêu các yêu sách của mình.

Các đồng chí ở thị xã, ngoài việc huy động nhân dân tham gia đấu tranh, còn huy động quần chúng tiếp tế nước uống cho các đoàn từ các hướng vào tham gia cuộc biểu dương lực lượng này. Có thể nói đây là sự chứng minh uy tín của Đảng và tinh thần cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc đón toàn quyền Bờrêviê tại thị xã Quảng Ngãi vào tháng 5 sau đó cũng được tổ chức đảng ở nội thị huy động đồng bào tham gia đông đảo.

Năm 1937, ở thị xã và các xã thuộc thị xã đã có những hoạt động và chứng kiến nhiều sự kiện khá sôi nổi chẳng khác nào cao trào 1930-1931, nhưng không bị đàn áp và bắt bớ nhiều. Nhờ vậy, tổ chức đảng ở thị xã sau đó đã góp phần giúp Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị mở rộng tại địa điểm gần ga Ông Bó vào ngày 13 tháng 6 năm 1937 (tức là ngày 5 tháng 5 Đinh Sửu) nhằm kiểm điểm tình

hình và có chủ trương mới. Tuy nắm sát kế bên bộ máy đàn áp đầu sỏ của địch trong tỉnh, cuộc hội nghị vẫn bảo đảm tiến hành thuận lợi, an toàn.

Vào cuối năm 1937 đầu năm 1938, đồng chí Bùi Định sau khi ra khỏi tù, đã đến thị xã để tham gia xây dựng tổ chức đảng và phong trào. Chi bộ đảng ở thị xã lúc này có các đồng chí Nguyễn Hữu Thông, Trần Xướng (tức Một Phở), Hồ Giảng. Hoạt động của nhóm "*Bút đỏ*" đã được các hội ái hữu hưởng ứng. Hội ái hữu thợ may đã có những hoạt động tích cực. Trong khi tham gia mai táng mẹ anh Nguyễn Tấn Luật (hội viên hội ái hữu thợ may), đồng chí Bùi Định viết và đọc một bài diếu văn gây xúc động mạnh trong quần chúng. Ngày 20 tháng 11 Đinh Sửu, hội làm giỗ tổ thợ may để tập hợp lực lượng chuẩn bị cho việc thành lập hội chính thức. Ngày 7 tháng 8 năm 1938, hội ái hữu thợ may ở nội thị đã được xây dựng tại Trường Mai Xưa¹. Hội đã bầu ban trị sự, do ông Phạm Tấn làm trưởng ban. Một số đồng chí của ta được Đảng bố trí vào hội là Trương Quang Giao làm thư ký, Trần Xướng, Bùi Định tham gia vào ban trị sự. Hội ái hữu thợ may đã có những việc làm cụ thể thiết thực trong việc tương trợ cho hội viên về đời sống, về nghề nghiệp, là một trong những hội hoạt động tích cực nhất, có sự lãnh đạo chặt chẽ của tổ chức đảng ở thị xã.

Lúc này, nhân dân trong thị xã được các đồng chí ở Chánh Lộ huy động tham gia phong trào ủng hộ dự án

1. Trường Mai Xưa do Trần Trọng Hải làm hiệu trưởng. Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Trần Trọng Hải được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng thị xã.

thuế của Viện dân biểu, phản đối dự án thuế của thực dân Pháp, cử những người ra tham gia hội nghị đấu tranh ở Huế và ký vào các bản kiến nghị gửi lên cho khâm sứ Trung Kỳ.

Để tăng cường công tác đảng, trên bãi sông Trà Khúc, gần thị xã, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Ngãi cũng đã được tổ chức lại, có cấp trên về dự.

Tại thị xã, ngoài chi bộ Chánh Lộ được đồng chí Nguyễn Thành Nghi xây dựng lại, hoạt động từ tháng 3 năm 1938, do đồng chí Nguyễn Hữu Thông làm Bí thư, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Chi bộ Ngọc Áng cũng được xây dựng lại do đồng chí Nguyễn Thế Minh làm Bí thư gồm các đồng chí Nguyễn Y, Nguyễn Hương, Bùi Bích, Hồ Trân, trực thuộc Huyện uỷ Tư Nghĩa.

Các hội ái hữu trong quần chúng đều đưa đơn yêu cầu chính quyền công nhận hợp pháp để hoạt động. Trước áp lực chung, bọn cầm quyền buộc phải chấp nhận. Nhóm "Đoàn kết tương trợ" trong thợ hồ, thợ mộc được phát triển. Ở các xã vùng nông thôn của thị xã, các hội "đoàn kết", "ái hữu" trong bản cố nông cũng được xây dựng để giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, khi đau ốm, cưới xin, ma chay. Các hội này đã phát huy tác dụng mạnh trong các cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền rất có hiệu quả. Nhóm tát nước ở thôn Phú Hoà Đông do ông Đặng Liên làm nhóm trưởng được xếp loại khá về sinh hoạt và nội bộ.

Ngày 14 tháng 7 năm 1939, nhân ngày Quốc khánh Pháp một cuộc mít tinh lớn để phản đối chiến tranh đã được Tỉnh uỷ tổ chức tại trường tập thị xã Quảng Ngãi¹.

1. Trường tập là nơi tập của lính khố xanh, vừa là sân vận động của thị xã lúc đó, nay thuộc khối 2 phường Nguyễn Nghiêm.

Đồng chí Nguyễn Hữu Thông cùng các đồng chí trong chi bộ Chánh Lộ đã cùng các đồng chí chi bộ Ngọc Áng và các xã thuộc thị xã huy động đông đảo quần chúng tham gia và đảm nhận việc bảo vệ cán bộ, hậu cần cho cuộc mít tinh, biểu tình này. Đồng chí Nguyễn Hữu Thông đã trực tiếp đi đón các đồng chí lãnh đạo và quần chúng nhập thị.

Từ mờ sáng đã có hàng ngàn quần chúng từ các nơi kéo về trường tập. Đến 10 giờ, lực lượng quần chúng đã khá đông. Đồng chí Bùi Định đứng lên diễn thuyết đòi phòng thủ Đông Dương, đòi bãi bỏ các thứ thuế vô lý, đòi cải thiện đời sống, chống chiến tranh. Bọn địch đã xông đến bắt đồng chí Bùi Định. Đồng chí Phan Chất (Phan Tâm) lên thay đồng chí Bùi Định tiếp tục diễn thuyết. Cuộc truy bắt của địch lại tiếp tục. Quần chúng vây địch, giành lại các đồng chí Bùi Định, Phan Chất, Cao Ngưu, Nguyễn Xuân Dương. Cuộc đấu tranh nổ ra quyết liệt.

Tên Bùi Trọng Lệ (trùm mật thám của Pháp ở Quảng Ngãi) đã phải trực tiếp tổ chức giữ các đồng chí này. Đến chiều một cuộc biểu tình nổ ra từ Cửa Tây tỉnh thành. Đồng chí Mai Thị Ẽn đứng lên diễn thuyết và đòi thả những người bị bắt. Địch ra mặt đàn áp và bắt đồng chí Mai Thị Ẽn cùng một số người khác.

Tình uỷ lại phát động lấy chữ ký của hàng trăm người phản đối địch đàn áp cuộc biểu tình và đòi thả những người bị bắt. Tất cả đảng viên và nhiều đồng bào trong thị xã đã tham gia ký tên.

Tháng 10, địch ra mặt đàn áp phong trào. Chúng đã trắng trợn kết án đồng chí Bùi Định 10 năm tù, đồng chí Phan Chất 5 năm tù, Cao Ngưu và Nguyễn Xuân Dương 3

năm tù, đưa đi đày. Nhiều đồng chí bị địch đưa đi các nhà tù trong tỉnh như Trà Bồng, Gi Lăng, Ba Tơ và các nhà đày trong nước như Buôn Ma Thuột, La Hy và nhiều nơi khác.

Cao trào đấu tranh công khai, hợp pháp, đòi dân sinh dân chủ đã không còn điều kiện tiếp tục. Số đảng viên còn lại vẫn âm thầm hoạt động, tìm mối để xây dựng lại tổ chức, phong trào. Cơ sở đảng và quần chúng ở thị xã tuy không bị tổn thất nhiều nhưng cũng lảng xuống, hoạt động chờ thời cơ mới.

Ba năm hoạt động và đấu tranh bằng các hình thức công khai hợp pháp, nhưng phong trào có nhiều hình thức, không bị gò trong những quy định của chính quyền địch. Những cuộc biểu tình khá rầm rộ, những cuộc mít tinh lớn có diễn thuyết, những cuộc treo cờ Đảng và rải truyền đơn nhiều nơi ở nội thị, ngay trong dinh tuần vũ, công sứ, đã làm cho địch phải gờm sợ tinh thần cách mạng của quần chúng ở thị xã Quảng Ngãi. Uy tín của Đảng ngày càng được nâng cao. Hầu hết những cuộc đấu tranh lớn đều tập trung về thị xã. Các tổ chức cơ sở đảng và nhân dân thị xã chẳng những tận mắt thấy tai nghe những gì do Đảng lãnh đạo và diễn ra trước mắt mình mà còn đóng góp công sức vào việc tổ chức, phục vụ các cuộc đấu tranh ấy với tinh thần trách nhiệm cao. Đó cũng là niềm tự hào của tổ chức đảng và nhân dân thị xã.

Những kinh nghiệm về đấu tranh công khai đồng thời bảo toàn và phát triển lực lượng bí mật đã được đúc kết để vận dụng vào thời kỳ mới, thời kỳ chống chiến tranh thế giới của chủ nghĩa đế quốc và phong trào cứu quốc để giành chính quyền về tay mình.

Chương VI

THAM GIA VÀ LÃNH ĐẠO CAO TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1940-1945)

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Nhân loại đang đứng trước hoạ diệt vong do bọn phát xít gây nên. Tháng 6 năm 1940, phát xít Đức cầm đầu phe trục, đã tuyên chiến với Pháp. Tháng 9 năm 1940, Chính phủ Pháp đại diện cho tư bản phản động Pháp đã cam tâm đầu hàng Đức một cách hèn nhát. Bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương ngày càng lùi bước trước sức ép của quân Nhật, để quân Nhật kéo vào Đông Dương. Nhân dân Việt Nam phải chịu đựng cảnh "*một cô hai chồng*". Để ru ngủ nhân dân ta, chúng ra sức bày trò "Pháp - Việt đề huề", nêu khẩu hiệu "*Cần lao, gia đình, Tổ quốc*" lập lờ đánh lộn con đen, để lôi kéo thanh niên ta vào lối sống ăn chơi sa đọa, đi lính giúp "*mẫu quốc*", chết thay cho chúng.

Trước tình hình đó, từ tháng 11 năm 1939 đến tháng 11 năm 1940 Trung ương Đảng đã có các cuộc hội nghị lần thứ 6 và lần thứ 7 để chuyển hướng chiến lược nhằm đánh đổ đế quốc và bè lũ tay sai, giành độc lập dân tộc, chống chiến tranh, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất.

Tháng 2 năm 1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã từ Trung Quốc trở về nước, mang theo tư tưởng, đường lối mới của Quốc tế Cộng sản và tấm lòng ái quốc nồng nàn vốn có của mình. Tháng 5 năm 1941, tại núi rừng Việt Bắc, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám, chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh và các

đoàn thể cứu quốc. Người đã giữ thư kêu gọi toàn dân
đoàn kết đánh đuổi Nhật - Pháp với lời lẽ vô cùng xúc
động: *Đàn là một số dài trong. Đã làm trâu ngựa cho*



Mùa thu 1938, các đồng chí ở các địa phương về Chánh Lộ họp bàn công tác với trang phục như đi ăn giỗ. Từ trái sang: Trần Lương (Trần Nam Trung) (Mộ Đức), Nguyễn Cát (Sơn Tịnh), Phạm Trung Mưu (Tu Nghĩa) (sau Nguyễn Cát), Nguyễn Công Phương (Nghĩa Hành), Nguyễn Tín (Mộ Đức) (sau Nguyễn Công Phương), Nguyễn Hữu Thông (Bí thư chi bộ Chánh Lộ), Lê Thị Nhơn (Chánh Lộ), Nguyễn Chánh (Sơn Tịnh) (người ngoài cùng)

Ảnh Nguyễn Ngoan và Nguyễn Nghĩa cung cấp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr. 197, 198.

2. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (sơ thảo)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, t.1, tr. 344.

THAM GIA VÀ LÃNH ĐẠO CAO TRÀO GIẢI PHÓNG
DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1940-1945)



Đồng chí TRẦN XƯỚNG

- Một trong ba đảng viên cộng sản đầu tiên thuộc chi bộ Chánh Lộ - thành lập tháng 4-1930
- Bí thư chi bộ Chánh Lộ từ tháng 9-1942
- Bí thư chi bộ xã Nghĩa Lộ sau Cách mạng Tháng Tám 1945

Tháng 2 năm 1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã từ Trung Quốc trở về nước, mang theo tư tưởng, đường lối mới của Quốc tế Cộng sản và tâm lòng ái quốc nồng nàn vốn có của mình. Tháng 5 năm 1941, tại núi rừng Việt Bắc, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám, chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh và các

đoàn thể cứu quốc. Người đã gửi thư kêu gọi toàn dân đoàn kết, đánh đuổi Nhật - Pháp với lời lẽ vô cùng xúc động: "*Dân ta một cổ đôi lòng. Đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật*"... "*Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: Toàn dân đoàn kết*"¹.

Ngày 25 tháng 10 năm 1941. Việt Nam độc lập đồng minh, tức Việt Minh đã công bố tuyên ngôn, chương trình, điều lệ của mình. Tuyên ngôn đã nói rõ: "Nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời chúng ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật - Pháp, trừ khử Việt gian.

Mở con đường sống ấy cho đồng bào, Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời, chào các bạn"².

Ở Quảng Ngãi, các đồng chí trong tù cùng các đồng chí bên ngoài vẫn không ngừng hoạt động. Ảnh hưởng của các sự kiện trên thế giới và trong nước đã thúc giục nhiệt tình yêu nước cách mạng cháy bỏng của họ.

Đầu năm 1942, tại căng an trí Ba Tư, một chi bộ đảng được thành lập do đồng chí Nguyễn Đôn phụ trách. Tiếp theo đó, đồng chí Hoàng Tấu từ nhà tù Buôn Ma Thuột đã được đưa về căng an trí Ba Tư. Đồng chí lập tức gia nhập vào chi bộ và sau đó hình thành Ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi, vừa làm nhiệm vụ của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, vừa xúc tiến việc tổ chức các đoàn thể cứu quốc của Việt Minh mà đồng chí đã được tổ chức đảng ở nhà lao Buôn Ma Thuột phổ biến.

1, Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr. 197,198.

2. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (sơ thảo)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, t.1, tr. 344.

Để đẩy mạnh hơn nữa phong trào tiến lên cho kịp thời cơ biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước đem lại nhiều thuận lợi cho cách mạng, Ban vận động cứu quốc (Tỉnh uỷ Quảng Ngãi) do đồng chí Hoàng Tấn đứng đầu đã tổ chức một cuộc rải truyền đơn và treo cờ rộng khắp trong toàn tỉnh và một số nơi khác ngoài tỉnh vào đêm 16 rạng ngày 17 tháng 7 năm 1943. Lần đầu tiên chương trình Mặt trận Việt Minh được in và rải ở ba địa điểm: Liên Trì (Bình Sơn), gần núi Bút (nam thị xã Quảng Ngãi) và ở Vĩnh Hưng (chợ Cung - Đức Phổ). Đồng thời cờ đỏ sao vàng cũng lần đầu tiên xuất hiện, cùng với truyền đơn được rải ở cầu Cát thuộc địa phận La Hà (nay là xã Nghĩa Thương) Tư Nghĩa.

Một cuộc biểu dương lực lượng với khí thế cách mạng khá sôi nổi. Bọn địch hết hoảng, kinh hoàng.

Tại thị xã Quảng Ngãi, các đồng chí còn lại trong thị xã vẫn hoạt động và hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống địch khủng bố, bóc lột, bắt lính, thu mua, cướp giật hàng hoá do nhân dân làm ra để cung ứng cho chiến tranh.

Bọn mật thám Quảng Ngãi trắng trợn bắt các đồng chí Trần Xướng, Nguyễn Hữu Thông, Lương Thế Kỳ và một số quần chúng. Địch tra khảo và đe dọa bỏ tù nhiều người. Tuy nhiên, trước khí phách kiên cường của các đồng chí và quần chúng, địch không có cơ sở để bỏ tù mà phải lần lượt trả tự do cho các đồng chí.

Tháng 9 năm 1942, đồng chí Nguyễn Hữu Thông. Bí thư chi bộ nội thị đã từ trần vì bệnh. Anh em trong chi bộ vô cùng thương tiếc và cử đồng chí Trần Xướng làm Bí thư chi bộ.

Các hội ái hữu thợ may vẫn tăng cường hoạt động.

Ngày 20 tháng chạp âm lịch lệ giỗ tổ vẫn được tiến hành tại đó đã trao đổi nhiều tin tức về thời sự và phong trào Việt Minh.

Anh chị em tiểu thương ở chợ tỉnh dưới sự lãnh đạo của chi bộ và sự hướng dẫn của cơ sở đã tiến hành cúng tế ở đình Bồn Diện. Họ đã đấu tranh chống lại sự đánh đập và đòi hỏi vô lý của bọn cảnh sát. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt khá quy mô với bọn cảnh sát, một số chị em đã bị chúng bắt giam, trong đó có chị Huỳnh Thị Liên (vợ đồng chí Bùi Định). Vào tù, chị Huỳnh Thị Liên đã gặp đồng chí Huỳnh Thị Mỹ (vợ đồng chí Trần Lương) cùng nhau bàn kế hoạch liên lạc giữa anh chị em tù trong nhà lao Quảng Ngãi với anh chị em ở bên ngoài. Nhờ đó, sau khi chị Huỳnh Thị Liên được ra tù, đã vận động chị Lê Thị Quít ở Cửa Bức giả bán rượu lậu để dịch bắt vào nhà lao, chuyển cho chị Huỳnh Thị Mỹ một con dao nhọn. Nhờ con dao này, chị Huỳnh Thị Mỹ đã đục tường nhà lao thoát ra ngoài hoạt động...

Những hoạt động rải truyền đơn, treo cờ Đảng do Ban vận động cứu quốc tỉnh (Tỉnh uỷ Quảng Ngãi) chủ trương đã được tiến hành nhiều hơn, sát tận thị xã, đã là những cơ hội, sự kiện thúc giục thêm các đồng chí trong Đảng cùng cơ sở cách mạng trong và ngoài thị xã hoạt động mạnh hơn, tuy bị địch kiểm soát gắt gao hơn.

Sau đợt hoạt động sôi nổi ấy, địch ráo riết lùng ráp, vây bắt các đồng chí trong Tỉnh uỷ. Ban vận động cứu quốc cùng một số khá đông đồng chí và cơ sở ở phía nam tỉnh, trong đó có đồng chí Hoàng Tấu.

Đồng chí Hoàng Tấu đã bị địch tra tấn đến chết tại nhà lao Quảng Ngãi vào năm 1944, trước lúc đi xa đồng

chí đã khẳng định trước kẻ thù: "Nhất định một năm nữa chúng tôi sẽ giành độc lập".

Lúc này phong trào cách mạng toàn quốc đang đi lên. Tuy phong trào cách mạng ở thị xã Quảng Ngãi có gặp một số trở ngại, tổ chức bị hao tổn nghiêm trọng, nhưng ảnh hưởng của cách mạng đang lan rộng, khí thế cách mạng không hề suy giảm, vẫn còn nhiều điều kiện để khôi phục tổ chức và phát triển phong trào.

Năm 1944, các đồng chí Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương lần lượt được địch đưa từ nhà lao Buôn Ma Thuột về căn cứ an trí Ba Tơ. Các đồng chí đã nhanh chóng cùng các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn bắt tay vào việc khôi phục lại tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, đồng thời cũng làm nhiệm vụ Tỉnh uỷ lâm thời (vừa được khôi phục) do đồng chí Trương Quang Giao chủ trì¹.

Công tác bắt mối lại cơ sở ở nam và bắc tỉnh được xúc tiến mạnh. Công tác đào tạo, huấn luyện đảng viên cơ sở được tiến hành khẩn trương. Công tác in ấn, tấn phát tài liệu, lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, truyền đơn cũng được đẩy mạnh. Tình hình diễn biến nhanh chóng và thuận lợi cho cách mạng. Trung tâm lãnh đạo cách mạng toàn tỉnh đã được củng cố, tăng cường và phát huy ảnh hưởng.

Để đề phòng bọn Pháp ở Đông Dương phối hợp cùng quân Đồng minh đánh mình, Nhật đã tiến hành cuộc đảo chính trong toàn quốc vào ngày 9 tháng 3 năm 1945.

1. Lúc này dùng từ "chủ trì" hay "phụ trách", tức vừa là Bí thư Tỉnh uỷ vừa là Trưởng ban vận động cứu quốc tỉnh.

dựng lên chính quyền mới thân Nhật do Trần Trọng Kim làm thủ tướng.

Tại thị xã Quảng Ngãi, cuộc đảo chính của Nhật lật Pháp được tiến hành khá nhanh gọn. Tuy nhiên nó cũng gây không ít sự mơ hồ trong một số quần chúng và một số đảng viên đã mất liên lạc với Đảng. Một số người đã đứng ra cộng tác với Chính phủ Trần Trọng Kim, ca tụng Nhật.

Được tin Nhật đảo chính Pháp, Tỉnh uỷ lâm thời tại cảng an trí Ba Tư đã họp và quyết định thoát cảng an trí về các địa phương vận động quần chúng tiến hành khởi nghĩa từng phần. Đồng thời vận động đồng đảo anh em ở cảng an trí cùng cơ sở Việt Minh ở Ba Tư tiến hành khởi nghĩa cướp chính quyền ở huyện lỵ Ba Tư.

Ngày 11 tháng 3 năm 1945, cuộc khởi nghĩa Ba Tư nổ ra và giành thắng lợi. Ngày 12 chính quyền cách mạng ở Ba Tư được thành lập, ban hành các quyền dân chủ cho nhân dân và xoá bỏ các tàn tích áp bức bóc lột của bọn phong kiến đế quốc.

Được tin cuộc khởi nghĩa Ba Tư đã giành thắng lợi và căn cứ Ba Tư được xây dựng có đội quân du kích tập trung thoát ly mà hầu hết là các đảng viên qua các thời kỳ cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng cách mạng và đảng viên hết sức phấn khởi. Sức cổ vũ của cuộc khởi nghĩa thật là to lớn. Tất cả các lực lượng quần chúng đảng viên trong tỉnh đều tham gia vào hàng ngũ cứu quốc và các công tác khác, nhất là ủng hộ du kích Ba Tư.

Sau cuộc khởi nghĩa Ba Tư, các đồng chí không tham gia vào đội du kích lên chiến khu Cao Muôn, đã rời cảng an trí về đồng bằng cổ động phong trào cứu quốc, xây dựng lực lượng và vận động ủng hộ du kích Ba Tư theo sự

phân công của tổ chức. Căng an trí Gi Lăng cũng được giải thoát, nhiều đồng chí đã trở về địa phương hoạt động. Đồng chí Phạm Trung Mutu thoát căng an trí Gi Lăng về Tư Nghĩa phát triển lực lượng cứu quốc, hình thành Ban vận động lâm thời cứu quốc huyện.

Đồng chí Trần Huy từ căng an trí Gi Lăng về tham gia Ban vận động cứu quốc tỉnh (sau được chuyển thành Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh), đã được phân công đến công tác ở thị xã.

Cuối tháng 3, đồng chí Nguyễn Thành Nghi và đồng chí Bùi Định đã thoát khỏi trại giam Đắc Tô về Quảng Ngãi, trực tiếp đến Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh (Tỉnh uỷ Quảng Ngãi) nhận công tác. Được Tỉnh uỷ giao nhiệm vụ, hai đồng chí đã về công tác trực tiếp tại thị xã Quảng Ngãi.

Về thị xã đồng chí Nguyễn Thành Nghi bắt liên lạc với đồng chí Trần Xương, giao công tác cho chi bộ đồng thời giới thiệu đồng chí Xương với đồng chí Phạm Trung Mutu ở Xuân Phổ, người phụ trách Ban vận động cứu quốc huyện Tư Nghĩa (lúc này ở Tư Nghĩa chưa hình thành tổ chức đảng).

Tháng 4 năm 1945, đồng chí Bùi Định "được Tỉnh uỷ cử tham gia Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh"¹. Đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Tỉnh uỷ, đã giới thiệu đồng chí Bùi Định với đồng chí Phạm Trung Mutu, rồi qua đồng chí Mutu trực tiếp với đồng chí Trần Xương. Đồng chí Bùi Định và Trần Xương đã cùng nhau bàn bạc, lập chương

1. Theo hồi ký của đồng chí Bùi Định, (lúc này đồng chí Bùi Định chưa phải là đảng viên).

trình kế hoạch hoạt động. Đồng chí Bùi Định được phân công phụ trách công tác chung ở thị xã, chuyên công tác binh vận, công vận, kể cả nhà ga và đường sắt. Đồng chí Trần Xương phụ trách công tác vận động các giới thợ thủ công, nông dân và dân nghèo trong thị.

Công tác vận động thợ thủ công (thợ may, thợ cắt tóc...) tương đối thuận lợi. Cơ sở cũ của ta còn khá đông. Cuối tháng 4 đầu tháng 5, đã hình thành một chi hội công nhân cứu quốc tại thị xã do đồng chí Trần Xương làm thư ký. Đồng chí Hồ Giảng tham gia vào chi hội này.

Về công tác binh vận, cơ sở ta bắt mối được anh Cao Hùng ở Cửa Đông thị xã đã tuyên truyền và giác ngộ anh Cao Thanh Trà (em ruột anh Hùng) là cai trong đồn khố xanh. Qua Cao Thanh Trà, đến giữa tháng 5 năm 1945 đã xây dựng được một tổ binh nhân cứu quốc tại thị xã gồm 3 người. Đến cuối tháng 7 năm 1945, đã hình thành một chi hội binh nhân cứu quốc 10 người tại thị xã và một số cơ sở ở các đồn lẻ. Lúc này địch đã điều một số cơ sở binh nhân đi nơi khác. Anh Cao Thanh Trà, trước khởi nghĩa cũng bị địch điều đi Lý Sơn. Số cơ sở ta trong đồn khố xanh có một người làm đội đã tìm giao cho ta một khẩu súng vào cuối tháng 5 năm 1945.

Việc vận động công nhân hoả xa cũng khá thuận lợi. Đầu tháng 5, đồng chí Bùi Định đã liên hệ được anh Hà Văn Dư (người Đà Nẵng, em ruột anh Hà Văn Tính) là cơ sở cũ của cách mạng. Tháng 5 năm 1945, đã hình thành chi hội công nhân cứu quốc ngành hoả xa, gồm các anh: Dư, Thế, Bửu, Hoài, Liêm¹ rồi phát triển ra Quảng Nam, vào Bình

1. Anh Thế sau đi bộ đội, hy sinh; anh Bửu sau làm Thứ trưởng Bộ Cơ khí luyện kim; anh Liêm sau làm sĩ quan hậu cần ở Hà Nội.

Định. Công nhân cứu quốc phát triển tương đối nhanh. Được Tỉnh uỷ đồng ý, đồng chí Bùi Định đã mời đồng chí Hà Văn Tính ở Đà Nẵng vào làm Bí thư chi hội công nhân cứu quốc ngành hoả xa vào cuối tháng 5 năm 1945.

Nông hội trong thị xã cũng thông qua anh Cao Hùng tổ chức được một chi hội vào cuối tháng 5, rồi sau đó phát triển khá nhanh.

Đầu tháng 6, chi hội thanh niên cứu quốc cũng đã được xây dựng có các anh Cao Hùng (ở bắc thị xã), Nguyễn Tùng, Huỳnh Vinh, Đoàn Thành...

Cuối tháng 6, được sự chi viện của phụ nữ tỉnh, có chị Phạm Thị Trinh trực tiếp giúp đỡ, chi hội phụ nữ cứu quốc thị xã đã hình thành do đồng chí Trần Xương trực tiếp vận động tổ chức, hầu hết là cơ sở cũ.

Đầu tháng 7, các tổ chức cứu quốc đã phát triển rộng, mạnh khắp các phường. Các vùng xung quanh thị cũng đã phát triển các tổ chức cứu quốc ở Ba La, Vạn Tượng, Thu Lộ, Thu Phổ... hình thành hệ thống từ xã lên đến huyện, tỉnh. Tỉnh uỷ còn chỉ đạo đẩy mạnh công tác vận động công chức, tiểu thương, trí thức, tiểu chủ ở thị xã. Trong công chức đồng chí Cao Hùng đã phát triển được ông Lợi ở "Sở dây thép" (bưu điện). Đồng chí Bùi Định đã vận động được ông Đào Trọng Hiến phụ trách thú y tỉnh và một số người khác.

Cuối tháng 7, ở thị xã tổ chức đảng đã chọn người trong thanh niên cứu quốc tổ chức thành tự vệ cứu quốc để chuẩn bị khởi nghĩa.

Như vậy đến cuối tháng 7 năm 1945, tại Chánh Lộ, ta có các tổ chức cứu quốc: công nhân hoả xa, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, tự vệ cứu quốc... Đảng viên

ở thị xã còn rất ít. Các tổ chức cứu quốc đã đảm nhận hầu hết các công tác. Khi du kích Ba Tơ chuyển về đồng bằng, việc vận động ủng hộ du kích Ba Tơ đạt kết quả khá. Việc tập luyện của tự vệ, du kích cứu quốc ở các làng xã, xung quanh thị và cử người tham gia đội du kích Ba Tơ phát triển mạnh. Hầu hết vùng nông thôn, Việt Minh đã áp đảo chính quyền địch, nhiều lý hương làng xã ngã theo Việt Minh, tại thị xã không khí chính trị rất thuận lợi cho phong trào cứu quốc. Quần chúng đã công khai bàn luận tình hình thời sự với nhau và cả với công chức, binh lính địch. Tuần vũ Lương Trọng Hối buộc phải thả đồng chí Trần Ruộng và trả lại số tiền ủng hộ du kích Ba Tơ mà nhân dân Đức Phổ đã quyên góp.

Chiến tranh thế giới lần hai đã đến hồi kết thúc. Hồng quân Liên Xô trên đà thắng lợi. Đức quốc xã đã đầu hàng. Một loạt các nước Đông Âu được giải phóng. Liên Xô đã chuyển lực lượng về phía đông cùng các nước Đồng minh khác đánh Nhật. Nhật đã phải lùi dần và bị Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông, đội quân tinh nhuệ nhất ở Đông Bắc Trung Quốc. Hai quả bom nguyên tử của Mỹ thả xuống đất Nhật. Quan quân Nhật đã phải tính chuyện đầu hàng. Nhiều tên trùm hiếu chiến trong Chính phủ Nhật đã tự sát.

Trước tình hình đó, Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (ra đời vào trung tuần tháng 6 năm 1945 ở Tân Trào do Bác Hồ lãnh đạo) đã ra lệnh khởi nghĩa vào ngày 13 tháng 8 năm 1945¹.

1. Ở Quảng Ngãi đã có cuộc họp tại Lâm Lộc vào trung tuần tháng 7 để hình thành tổ chức lãnh đạo chung toàn Trung Kỳ; thông qua kế hoạch khởi nghĩa do Tỉnh ủy Quảng Ngãi khởi thảo; cử Trần Quý Hai, Nguyễn Chí Thanh ra tham gia Hội nghị Tân Trào. Tháng 4 năm 1945, đồng chí Trần Huy đã được cử ra bắt liên lạc với Trung ương.

Khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, mặc dù quân Nhật ở Thái Bình Dương chưa nhận được lệnh này, trưa 14 tháng 8 khi được tin của đồng chí Hiền từ Huế về, Thường trực Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã họp cấp tốc và ra chỉ thị số 8, phát động cuộc khởi nghĩa trong toàn tỉnh vào chiều ngày 14 tháng 8 năm 1945.

Tại thị xã, từ 9 giờ sáng ngày 14 tháng 8 năm 1945, các đồng chí Bùi Định, Trần Xương đã được tin Nhật đầu hàng. Trưa ngày 14, đồng chí Bùi Định đã có mặt "tại nhà bà Toàn và nhà ông Giáo Lược"¹ ở Thi Phổ Nhì (cơ quan Tỉnh uỷ) và nhận lệnh khởi nghĩa.

Chiều ngày 14, đồng chí Bùi Định về ngay thị xã, triệu tập hầu hết các đồng chí phụ trách các đoàn thể cứu quốc để bàn kế hoạch tiến hành khởi nghĩa trong đêm. Trong cuộc họp, các đồng chí có mặt đều phấn khởi và bắt tay ngay vào việc huy động quần chúng tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngay trong đêm 14 "anh em công nhân xe lửa và nhà máy đèn đã tháo gỡ các máy chủ yếu cất giấu, làm điện trong thị xã tắt, xe lửa không chạy được"². Anh em công nhân hoá xa, nhà ga đã được tập trung về Thu Phổ. Các chợ không họp, các cửa hàng và dịch vụ đều đóng cửa. Quần chúng chuẩn bị vũ khí, cờ, băng, tuần hành bên ngoài nội thành.

Trong nội thành đang gặp trở ngại là đồng chí phụ trách binh nhân cứu quốc trong đồn khố xanh (lúc này

1,2. Theo hồi ký của đồng chí Bùi Định, người được Uỷ ban vận động cứu quốc và Tỉnh uỷ Quảng Ngãi giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo tổng khởi nghĩa tháng Tám ở thị xã Quảng Ngãi.

đóng ở Cửa Đông, đồn khố xanh cũ đóng ở phía tây do quân Nhật chiếm đóng) thay đồng chí Cao Thanh Trà phụ trách hội, đã bị địch giữ chặt trong đồn, nên kế hoạch cướp đồn chưa tiến hành được trong đêm 14, phải hoãn lại đêm 15 tháng 8 cùng với việc khởi nghĩa trong nội thành.

"Đêm 15 Chi hội binh nhân cứu quốc trong đồn khố xanh được tự vệ xã (Chánh Lộ - người viết ghi chú thêm) hỗ trợ đã nổi dậy chiếm đồn khố xanh, thu toàn bộ vũ khí gồm 36 súng trường, một trung liên, một số súng lục"¹. Toàn bộ lính trong đồn đã nhanh chóng tham gia khởi nghĩa. Những cai đội và binh lính không phải là hội viên cứu quốc, được đưa về tập trung ở Ba La để học tập, giáo dục và cho về địa phương. Cùng trong đêm, đồn khố đỏ ở ngoài thành (chỗ hậu cần Tỉnh đội ngày nay) cũng được tự vệ và quần chúng bên ngoài cùng Việt Minh ở Thu Phố, Thu Lộ do đồng chí Phan Phụ (Nguyễn Quyết) phụ trách xông vào chiếm và thu toàn bộ vũ khí. Đồn khố đỏ lúc này chỉ còn 10 tên lính. Sở mật thám cũng được quân khởi nghĩa chiếm trong đêm, thu toàn bộ hồ sơ; tên chủ sở Bùi Trọng Lệ cùng bọn tay chân chạy trốn xuống nhà Giám Thủ (Vạn Tượng). Ngày 17 ta đã bắt Bùi Trọng Lệ và tay chân của y. Toàn bộ lính Nhật trong nội thành ta chưa động đến và chúng không có phản ứng gì trước các hoạt động của ta trong nội thị.

Tối 16 tháng 8, quần chúng khởi nghĩa đã xông vào chiếm dinh tỉnh trưởng và các công sở khác, thu toàn bộ hồ sơ, tiền bạc, vũ khí... Lương Trọng Hối không bị bắt giữ

1. *Tlđđ.*

vì xét ông đã có thái độ ngả theo ta và muốn giao chính quyền cho Việt Minh. Ta giữ Lương Trọng Hối để làm môi giới giữa ta và Nhật.

Như vậy, từ tối 14 đến tối 16 tháng 8 năm 1945, chính quyền ở thị xã và vùng xung quanh thị xã đã về tay quân khởi nghĩa do Việt Minh quản lý.

Khi ta giành được chính quyền các cấp trong toàn tỉnh, kể cả thị xã, quân Nhật còn lại rải rác nhiều nơi đã tập trung vào thị xã. Trong nội thị chúng còn một trại ở đồn khố xanh cũ (ở Cửa Tây). Bên ngoài còn một tổ quân Nhật đóng ở ga Ông Bó và một tổ đóng ở nhà Đình Chấn Thông (Hoa kiều), trước khu bệnh viện đa khoa hiện nay. Một tên Nhật ở nhà Đình Chấn Thông đã bị ta bắt được, nộp cho Ủy ban khởi nghĩa thị xã.

Ngày 15 tháng 8, Nhật đã cho một xe lên Xuân Phổ, đến gần cơ quan Tỉnh uỷ (vừa từ Mộ Đức chuyển ra) lục tìm. Ta đã trao đổi với tên thông ngôn, tên này xé cờ của ta, nên cả bọn chúng đều bị quân khởi nghĩa ở đây trừng trị. Chiều 16 tháng 8, chúng cho một trung đội kéo lên Xuân Phổ để lùng sục đòi lại xác chết. Quân chúng khởi nghĩa cùng tự vệ địa phương, được sự hợp lực của trung đội du kích Ba Tơ do đồng chí Phan Diệt chỉ huy, đánh tiêu diệt 6 tên và làm bị thương nhiều tên, chúng phải rút. Đồng chí Phan Diệt hy sinh trong trận này. Lẻ tẻ một số nơi Nhật cũng tỏ ra hung hăng, đã bị quân chúng khởi nghĩa và du kích Ba Tơ đánh, trong đó có các trận ở Ba La, Ngọc Áng, đồn thương chánh Cổ Lũy, nhất là trận ở Mỏ Cà (Thị Phổ, Mộ Đức).

Ở thị xã tuy quân Nhật đông, nhưng không có hành

động gì đáng kể. Chúng đã giữ đồng chí Bùi Định khi đồng chí vào trực tiếp thương lượng với chúng. Sau đó, đồng chí Trần Tống được Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi phân công tham gia đàm phán với Nhật. Ngày 18 tháng 8 ta và Nhật bắt đầu thương lượng. Ngày 21 tháng 8, cuộc điều đình giữa ta và Nhật có tiến triển tốt. Tỉnh uỷ ra thông tri cho các cấp bộ tổ chức cho nhân dân đi lại, sinh hoạt, họp chợ, làm ăn, mua bán bình thường để giải quyết một phần khó khăn cho nhân dân, không bao vây Nhật như trước.

Ngày 23, 24 cuộc điều đình giữa ta và Nhật đã đi đến kết quả cuối cùng. Ta và Nhật cùng ký một bản hiệp ước¹ vào chiều ngày 25 tháng 8 năm 1945 (tức ngày 18 tháng 7 Ất Dậu). Hiệp ước viết:

"Chiều ngày 18 tháng 7 An Nam.

Bản hiệp ước giữa Việt Minh Quảng Ngãi và quân đội Nhật có những điều kiện sau đây:

1. Quân Nhật không can thiệp vào việc nội trị Việt Nam và các cuộc vận động quần chúng của Việt Minh.

2. Việt Minh không xâm phạm quân Nhật, dán yết thị và truyền đơn chống quân Nhật nữa.

3. Quân Nhật tuyệt đối không đánh nhân dân Việt Nam và quân đội Việt Nam; quân đội Việt Nam và nhân dân Việt Nam (hoặc quân đội Việt Minh) tự ý đánh quân Nhật thì quân Nhật sẽ kiên quyết đối phó. Về bên Việt Minh cũng vậy, tuyệt đối không đánh quân Nhật; nhưng nếu quân Nhật tự ý đánh quân Việt Minh thì Việt Minh cũng kiên quyết đối phó lại như thế"².

1. Từ dùng trong tờ ký giữa ta và Nhật.

2. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Quân khu V, Đà Nẵng.

Hiệp ước ký hai bản bằng chữ Nho, mỗi bên giữ một bản.

Đại biểu quân đội Nhật là Tân Bình bộ đội trung thôn đại úy ký vào văn bản.

Đại biểu Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi là đồng chí Trần Song (tức Trần Tống) ký vào văn bản.

Sau ngày ký, Nhật gấp rút rút quân về Đà Nẵng. Quân du kích Ba Tư được đưa vào canh gác các công sở cùng với các đồng chí trong Tỉnh uỷ và Việt Minh tỉnh nhập thành nội, dùng các cơ quan của chính quyền thực dân phong kiến vừa bị đánh chiếm để làm nơi đóng cơ quan.

Ngày 30 tháng 8 năm 1945, một cuộc biểu dương lực lượng toàn tỉnh, từ các hướng tấp nập kéo về tỉnh lỵ, cờ xí rợp trời tiếng hô khẩu hiệu rền vang, dự lễ ra mắt Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Ngãi do cụ Trần Toại làm Chủ tịch.

Chính quyền cách mạng lâm thời tại thị xã Quảng Ngãi cũng được thành lập ngay sau khi khởi nghĩa thắng lợi.

Cuộc đấu tranh yêu nước lâu dài của nhân dân Quảng Ngãi cũng như nhân dân thị xã từ ngày chưa có Đảng đến khi có sự lãnh đạo của Đảng trong vòng 15 năm (1930-1945) đã đi đến thành công.

Trong mọi phong trào, khi bí mật cũng như lúc công khai hợp pháp, hoạt động của tổ chức đảng và nhân dân thị xã không vắng mặt bất cứ lúc nào. Họ đã trực tiếp tham gia bằng mọi hình thức tại trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của một tỉnh có truyền thống cách mạng kiên cường. Hầu như tất cả những sự kiện mang tính thời sự

sôi động, rộng lớn đều được xảy ra tại nơi này nên đảng viên, quân chúng vừa được chứng kiến, vừa tích cực tham gia hoạt động, đấu tranh và cũng tự thấy mình lớn lên từng bước cùng với Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh tiếp tục cuộc chiến đấu lâu dài để giành độc lập tự do cho đất nước và dân tộc, tiến lên xây dựng một xã hội không còn áp bức, bóc lột như mơ ước của họ.



Ngày 2-9-1945, nhân dân thị xã mít tinh tuân hành chào mừng Cách mạng Tháng Tám thành công và chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập

Ảnh Nguyễn Nghĩa cung cấp

* Nguyễn Tiến Cang (tức Hùng) Bí thư Đảng kiêm Chủ nhiệm Việt Minh thị xã Quảng Ngãi từ đầu năm 1946 (người ngồi giữa, áo sơ mi trắng)

* Trần Đức Tú (bên trái, áo bờludông xám) Phó Bí thư Đảng, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã Quảng Ngãi năm 1946

* Huỳnh Dịch (bên phải) phụ trách Bưu điện thị xã Quảng Ngãi năm 1946

Ảnh Trần Đức Từ cung cấp



PHẦN THỨ BA

**XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, THAM GIA
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945-1954)**

Chương VII

**XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI PHÁT TRIỂN THỰC LỰC
KHÁNG CHIẾN Ở NAM BỘ VÀ MIỀN NAM TRUNG BỘ
(TỪ THÁNG 9 NĂM 1945 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 1946)**

Sau những cuộc khởi nghĩa tháng Tám, nhân dân ta đã giành được chính quyền toàn quốc từ tay phát xít Nhật. Một không khí phấn khởi tung bừng bao trùm khắp đất nước. Dân tộc ta từ những đêm đen nô lệ đã trở thành một dân tộc tự do. Đất nước từ một thuộc địa đã được độc lập. Các tổ chức chính trị, vũ trang của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng từng hoạt động trong thời kỳ bí mật, nay đã công khai hoạt động, được nhân dân ta yêu mến tự hào. Ai cũng muốn được đứng trong hàng ngũ Việt Minh, quân giải phóng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi căn bản ấy. Đảng ta và nhân dân ta cũng gặp không ít khó khăn, những khó khăn tưởng chừng khó có thể vượt qua.

Trước hết là tình hình trong nước; ta vừa giành được chính quyền với nền tài chính kiệt quệ, kinh tế lạc hậu.



Đồng chí Phan Phụ (Quyết)
Bí thư chi bộ xã Nghĩa Lộ từ tháng 10-1946

Nạn đói đã và đang diễn ra hầu như khắp mọi nơi, nhất là ở miền Bắc. Hai triệu người đã chết và hàng triệu người đang sống vất vưởng. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp bị đình đốn, sa sút, ngưng trệ. Hàng hoá khan hiếm, nạn mù chữ chiếm tỷ lệ khá lớn, chính quyền cách mạng vừa mới ra đời còn đang củng cố, cán bộ chưa có kinh nghiệm và chưa được đào tạo. Bọn phản động và những phần tử bất mãn trong nước đã cấu kết với bọn đế quốc bên ngoài tìm cách gây rối, lật đổ, âm mưu giành lấy chính quyền.

Bên ngoài, bọn thực dân Pháp đang triển khai lực lượng, hòng chiếm lại nước ta một lần nữa. Chúng đã thoả thuận với bọn Anh, Tàu Tưởng... lấy danh nghĩa Đồng minh ào ạt kéo quân vào nước ta. Đó là một tình hình vô cùng phức tạp, gây cho ta vô vàn khó khăn. Nền độc lập của ta vừa mới xây dựng như đang ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

Trước tình hình đó, ngày 25 tháng 8 năm 1945, đồng chí Hồ Chí Minh đã về Hà Nội. "Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam" do Đại hội quốc dân Tân Trào bầu ra đã được cải tổ thành Chính phủ lâm thời. Nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ, nhiều uỷ viên Việt Minh trong Chính phủ tự nguyện nhường chỗ cho những người không phải Việt Minh.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại vườn hoa Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, đọc bản Tuyên ngôn độc lập trước cuộc mít tinh gần một triệu người. Người đã tuyên bố với toàn thể nhân dân trong nước và thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà độc lập và tự do đã ra đời. Tuyên ngôn độc lập đã

mở đầu bằng một chân lý lịch sử.

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"¹.

Liên sau đó, trong bức thư gửi nông dân toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên hai nhiệm vụ cấp bách:

"Hiện nay chúng ta có hai việc quan trọng nhất: cứu đói ở Bắc và kháng chiến ở Nam"².

Ngày 4 tháng 9 năm 1945. Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà ra sắc lệnh xây dựng quỹ độc lập và tổ chức tuần lễ vàng.

Một khối lượng lớn công tác cách mạng cần kíp mà nhân dân ta vừa giành được chính quyền đã phải đem tinh thần cách mạng tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu thực hiện.

Trước mắt là phải lo xây dựng, củng cố chính quyền, phát triển thực lực cách mạng, tổ chức và động viên mọi lực lượng chống đói, cứu đói, trấn áp bọn phản động, tham gia chống địch.

Sau ngày 30 tháng 8 năm 1945, ngày ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Ngãi, chính quyền cách mạng các cấp trong tỉnh bắt đầu củng cố, tăng cường hoạt động.

Việc xây dựng chính quyền ở thị xã cũng như ở các địa phương trong toàn tỉnh Quảng Ngãi được đề ra khá

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, t. 4, tr.1.

2. *Sđđ*. tr.65.

sớm. Chỉ sau khởi nghĩa một ngày, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa (thực chất là Tỉnh ủy Quảng Ngãi) đã có chỉ thị "lập chính quyền cách mạng của nhân dân ở các làng, tổng, phủ, huyện và tỉnh".

Sau khi Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời cùng các cơ quan tỉnh về đóng tại thị xã, đông đảo nhân dân thị xã đã tham gia ngày lễ ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Ngãi tại sân vận động tỉnh (sân vận động Diên Hồng ngày nay), vừa lo phục vụ giữ gìn trật tự, canh gác bảo vệ các cơ quan tỉnh, vừa lo hậu cần cho cuộc biểu dương lực lượng và cuộc mít tinh này.

Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thị xã Quảng Ngãi đã được thành lập do ông Trần Trọng Hải làm Chủ tịch, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Nghĩa Lộ do đồng chí Hồ Trân làm Chủ tịch, đóng cơ quan tại đình Chánh Lộ¹.

Trước đó, để đảm bảo công tác trật tự trị an trong thị xã khi các cấp chính quyền ra mắt nhân dân, Ban trật tự thị xã Quảng Ngãi đã được thành lập vào ngày 18 tháng 8 năm 1945, do đồng chí Phạm Trân làm trưởng ban, các đồng chí Nguyễn Nhân, Võ Thành Toại làm phó ban, đồng chí Nguyễn Thọ làm thư ký. Ban trật tự thị xã Quảng Ngãi nằm dưới sự chỉ đạo và chỉ huy của Ban trinh sát tỉnh Lê Trung Đình.

1. Trong cuộc tọa đàm lịch sử tháng 3 năm 1997 tại Thị ủy Quảng Ngãi, có ý kiến: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thị xã là ông Hoàng Ngọc Phiến. Còn ông Trần Trọng Hải làm Chủ tịch sau khi bầu cử Hội đồng nhân dân các làng xã và chính thức bầu ra Ủy ban thị xã. Chúng tôi sẽ tiếp tục xác minh sau.

Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ra Sắc lệnh số 14-SL về tổ chức tổng tuyển cử để bầu Quốc hội.

Ngày 1 tháng 1 năm 1946, Chính phủ liên hiệp lâm thời ra mắt ở Hà Nội. Chính quyền các cấp trong tỉnh được củng cố thêm một bước; tỉnh Lê Trung Đình 2 và các phủ huyện được lấy lại tên cũ. Các tổng được bãi bỏ. Các phủ và châu đều thống nhất gọi là huyện. Các xã cũ trở thành thôn và sáp nhập thành các xã lớn.

Ngày 5 tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: "Ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình"¹.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, dưới sự cổ vũ của Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, nhân dân thị xã đã cùng với đồng bào trong toàn tỉnh nô nức kéo đến đình làng (nơi Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đóng trụ sở) làm nhiệm vụ lịch sử của mình. Hầu hết cử tri đều ăn mặc chỉnh tề đi tham gia bỏ phiếu, bầu người đại diện cho mình vào Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Không khí trong ngày bầu cử như một ngày hội lớn chưa từng có. Cử tri đã được nghe các cán bộ Việt Minh tuyên truyền giải thích ý nghĩa của việc bầu cử Quốc hội. Nhiều người đã thuộc lòng các bài về về lại lịch 8 ứng cử viên để tự mình chọn bầu 7 người. Có thể nói cử tri thị xã không một ai không tham gia bầu cử, góp phần đưa con số cử tri toàn tỉnh đi bầu cử lên đến 271.187 người. Cuộc bầu cử đã diễn ra trật tự, an toàn và đúng theo sự lãnh đạo, hướng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.144.

dẫn của Đảng, rất phù hợp với lòng dân.

Tiếp đến ngày 14 tháng 4 năm 1946, cử tri thị xã theo đơn vị hành chính mới tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và xã khoá đầu tiên.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 1946, Ủy ban hành chính thị xã Quảng Ngãi chính thức ra đời do đồng chí Trần Trọng Hải làm Chủ tịch, đồng chí Trần Đức Từ làm Phó Chủ tịch, đồng chí Huỳnh Địch làm thư ký¹.

Ủy ban hành chính xã Nghĩa Lộ² do đồng chí Hồ Trân làm Chủ tịch.

Các ngành văn hoá, giáo dục, tuyên truyền, công an, cũng ra đời...

Đi đôi với việc xây dựng củng cố chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc trong thị xã cũng được phát triển và hình thành các ban lãnh đạo, có hệ thống từ trên đến tận cơ sở.

Mặt trận Việt Minh thị xã đã được củng cố do đồng chí Nguyễn Tiến Cang (tức Hùng) làm chủ nhiệm.

Các đoàn thể thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, nông dân cứu quốc, công nhân cứu quốc nhanh chóng phát triển rộng rãi hội viên và hình thành ban chấp hành các cấp. Phật giáo cứu quốc và Công giáo cứu quốc cũng được tổ chức, tham gia vào Mặt trận Việt Minh. Anh chị em học sinh, các cháu thiếu nhi tham gia vào các tổ chức văn hoá cứu quốc, thiếu nhi cứu quốc³. Mặt trận đoàn kết rộng rãi

1. Theo báo *Đời sống mới* số đặc biệt ra ngày 15 tháng 8 năm 1946 do Ủy ban hành chính, Việt Minh và Hội văn hoá cứu quốc xuất bản.

2. Từ đây các xã ở Tư Nghĩa lấy chữ "Nghĩa" đứng đầu.

3. Hiện nay chưa biết ai là người lãnh đạo các tổ chức này ở thị xã, nên chưa ghi rõ tên. Chỉ mới biết anh Phan Phụ làm Thường trực Việt Minh phụ trách thanh niên, sau đó làm Bí thư thanh niên cứu quốc; anh Thương (hay Thanh) làm nông dân cứu quốc... Ngày giờ cụ thể cũng dựa vào ngày chung của tỉnh.

các tầng lớp nhân dân không phân biệt giàu nghèo, lương giáo tại thị xã thực sự làm nền tảng cho chính quyền, thực sự tự nguyện hăng hái tham gia mọi mặt công tác. Sinh hoạt của các tổ chức khá chặt chẽ, sôi nổi. Ai cũng muốn được dự, được tham gia hội họp, học tập, công tác để được nghe những tin mới, học những danh từ mới của cách mạng, đóng góp tài sức cho tổ chức.

Cuối năm 1946, các hội mẹ bình sĩ, bạch đầu quân cũng lần lượt được tổ chức khắp các thôn xóm, phố phường trong thị xã.

Về mặt quân sự khi mới giành được chính quyền đã có các đơn vị du kích Ba Tơ trong chi đội Phan Đình Phùng đóng tại đồn khố xanh cũ đảm nhận. Các lực lượng tự vệ và du kích cứu quốc ở các xã, thôn, khối phố trong thị xã đã hình thành những đơn vị du kích nam nữ, mỗi thôn có từ một tiểu đội đến một trung đội tham gia luyện tập, học tập, canh gác thường xuyên, bảo vệ chính quyền và trật tự an ninh. Lực lượng bảo vệ của tỉnh đảm nhận một phần lớn công tác bảo vệ trật tự và an ninh tại thị xã.

Về tổ chức đảng, lúc mới giành được chính quyền, Tỉnh uỷ phân công người phụ trách công tác đảng ở thị xã. Đến năm 1946 đã xây dựng được một chi bộ để trực tiếp lãnh đạo các ngành quân dân chính ở thị xã do đồng chí Nguyễn Tiến Cang (tức Hùng) làm Bí thư và kiêm chủ nhiệm Việt Minh, đồng chí Trần Đức Từ, Phó Bí thư, làm Phó Chủ tịch thường trực Uỷ ban hành chính thị xã¹.

1. Về công tác đảng sau khởi nghĩa, có ý kiến cho rằng đồng chí Hồng Ứng làm Bí thư Thị uỷ lâm thời, sau đó là đồng chí Nguyễn Tiến Cang làm Bí thư. Chúng tôi chưa xác minh được.

Chi bộ Chánh Lộ, ngoài hai đồng chí Trần Xương và Hồ Trân là đảng viên cũ, đã kết nạp thêm các đồng chí Phan Phụ (tức Quyết), Nguyễn Hữu Tùng, hình thành chi bộ dự bị, do đồng chí Trần Xương làm Bí thư kiêm chủ nhiệm Việt Minh xã.

Tháng 7 năm 1946, chi bộ Chánh Lộ đã kết nạp thêm một số đồng chí, một số đồng chí đã được chuyển lên chính thức và được bổ sung thành chi bộ chính thức. Trong Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc, chính quyền và các lực lượng vũ trang ở thị xã đã có đảng viên trực tiếp đảm nhận trách nhiệm lãnh đạo.

Tháng 10 năm 1946, chi bộ tiến hành hội nghị, có cấp trên về dự, đã bầu ra chi uỷ chính thức mới, do đồng chí Phan Phụ làm Bí thư.

Ngày 11 tháng 11 năm 1945, Đảng ta ra tuyên bố "tự giải tán". Thực chất của sự "tự giải tán", đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói vào năm 1951 tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II: "Việc Đảng tuyên bố tự giải tán, sự thật là Đảng rút vào bí mật và dù bí mật, Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân"¹.

Để thi hành chủ trương đó của Đảng, tại thị xã, "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" đã được tổ chức. Một số người ngoài Đảng, có cảm tình với Đảng, kể cả một số nhân sĩ, trí thức cũng tham gia một số hoạt động của "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác. Họ cảm thấy hài lòng vì được Đảng tin, được học tập, hiểu biết về Đảng, gần gũi Đảng, ước

1. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1961.



Tỉnh và thị xã tổ chức triển lãm "Quảng Ngãi giành chính quyền" tại "Hoàng Cung" (nơi nghỉ của nhà vua mỗi khi đi kinh lý) vào ngày 15 tháng chạp Ất Dậu - tức ngày chủ nhật 17-1-1946

Ảnh Nguyễn Ngoan và Nguyễn Nghĩa cung cấp

Chi bộ Chánh Lộ, ngoài hai đồng chí Trần Xương và Hồ Trần là đảng viên cũ, đã kết nạp thêm các đồng chí Phan Phụ (tức Quyết), Nguyễn Hữu Tùng, hình thành chi



Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam đóng tại Đồn khố đồ thị xã Quảng Ngãi năm 1946 (Chủ tịch Nguyễn Sơn (mặc đồ trắng, ngồi giữa, đầu chéo), Phó Chủ tịch Phan Tử Lăng (thắt cà vạt trắng, ngồi sau bên phải Nguyễn Sơn), Ủy viên trưởng quốc phòng Nguyễn Chánh (đứng bên trái Nguyễn Sơn); các thành viên khác: Phạm Kiệt, ngồi bên phải Phan Tử Lăng; Phan Phong, áo trắng quần đen, đứng sau Nguyễn Chánh; tiếp theo bên trái Phan Phong là ba đồng chí : Phan Tâm, Lê Trọng Thủy, Tạ Bá Tường (Phượng)

cứu chủ nghĩa Mác. Họ cảm thấy hai lòng vì được Đảng tin, được học tập, hiểu biết về Đảng, gần gũi Đảng, ước

L. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1961.

mong được đứng trong hàng ngũ Đảng là khuyên răn con cháu mình phấn đấu theo Đảng. Về sau, tại thị xã, nhiều người trong tầng lớp trên, viên chức nhà nước (cũ), địa chủ, nhập sĩ đã từ bỏ lập trường cũ và đứng trong hàng ngũ của Đảng và trung thành với Đảng qua bao biến thiên của đất nước.

Về kinh tế, để thi hành chủ trương ổn định tình hình, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng nền kinh tế nước nhà, ở thị xã đã có nhiều phong trào sâu rộng.

Nhân dân thị xã đã nhiệt liệt hưởng ứng chỉ thị ngày 25 tháng 11 năm 1945 về tăng gia sản xuất, chống đói của Đảng theo khẩu hiệu "tác đất tác vàng", "không một tác đất bỏ hoang" và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập"¹.

Dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, một phong trào tăng gia sản xuất, chống, cứu đói đã được tiến hành đều khắp. Các mảnh đất ven đường, ven sông, sườn đồi ở thị xã đều biến thành các đám rau, bắp, sắn, khoai lang. Lời ca động viên: "Sắn khoai ta gắng trồng từ sườn non đến bờ sông..." được vang lên khắp nơi. Các viên chức nhà nước, các thầy cô giáo và học sinh đều vui vẻ hưởng ứng tăng gia sản xuất để tham gia xây dựng chế độ mới, chế độ cách mạng; được gần gũi với nông dân, để tự rèn luyện mình và tăng thêm mức sống cho bản thân và gia đình khi mà chế độ mới chưa có phụ cấp lương bổng. Tất cả đều

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.115.

phát huy tinh thần cách mạng tự lực, tự cường, tham gia kháng chiến kiến quốc.

Các bờ xe nước được củng cố và phát triển thêm, đêm ngày đưa nước về đồng cho lúa thêm bông, khoai sắn thêm củ, cây cối thêm đơm hoa kết trái. Các nghề trồng dâu, nuôi tằm, nghề mộc, làm đường phôi, đường phèn được khuyến khích tiếp tục phát triển. Chợ tỉnh và các chợ nhỏ tại các phường xã ở thị xã vẫn buôn bán tấp nập, đông vui. "Những hợp tác xã thợ rèn nông, công cụ và khí giới ở thị xã (tỉnh lỵ) và hợp tác xưởng thợ may, thợ giày cũng lần lượt được tổ chức"¹.

Đi đôi với việc tăng gia sản xuất, nhân dân thị xã dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, đã chăm lo công tác cứu, chống đói trong địa phương mình và cho đồng bào miền núi, miền biển trong tỉnh.

Lúc này, không chỉ nhân dân một số nơi trong thị xã và tỉnh Quảng Ngãi bị đói, lạt mà đồng bào miền Bắc cũng đang bị nạn đói đe dọa nghiêm trọng.

Hồ Chủ tịch đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước, ngay từ khi mới giành được chính quyền, cùng với việc mở phong trào tăng gia sản xuất, hãy ra sức cứu, chống đói.

Hưởng ứng lời kêu gọi thiết tha thấm đượm lòng nhân nghĩa, thương yêu những người nghèo khổ, tình đồng bào "Người trong một nước phải thương nhau cùng", nhân dân thị xã cùng nhân dân trong tỉnh có nhiều hành động cụ thể, thiết thực. Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, sự tổ chức thực hiện của chính quyền và Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc, cán bộ và đảng viên gương mẫu đi đầu hướng dẫn cho gia đình và đồng đảo quần chúng thực

1. Báo *Đời sống mới*, số đặc biệt ra ngày 15 tháng 8 năm 1946.

hiện. Mỗi một bữa ăn, khi lấy gạo nấu cơm phải bớt đi một ít bỏ vào hũ gạo tiết kiệm cứu, chống đói. Chị em phụ nữ từ già đến trẻ đều hết sức tự nguyện tham gia. Không có gạo thì khoai, củ, không một gia đình nào không có hũ gạo tiết kiệm. Hầu hết cán bộ mỗi tháng nhận ăn ba bữa. Tất cả số gạo tiết kiệm đó được gửi ra đồng bào miền Bắc mà câu ca dao thời đó đã phản ánh tấm lòng của nhân dân ta:

Ai đi Nam Định, Ninh Bình,

Gửi theo nắm gạo chút tình miền Nam.

Nhân dân thị xã đã tham gia đóng góp với nhân dân toàn tỉnh hàng trăm tấn gạo, hàng chục tấn muối cho đồng bào Ba Tư, vùng ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh... và số gạo đồng tâm cứu đói trong toàn tỉnh cho đồng bào miền Bắc đến ngày 19 tháng 6 năm 1946 lên 600 tấn¹.

Về văn hoá giáo dục, mặc dù thị xã là trung tâm chính trị, văn hoá, có nhiều trường học tập trung, nhưng đa phần nhân dân, nhất là các tầng lớp nhân dân lao động còn thất học.

Ngoài các trường trung, tiểu học công, tư trong thị xã như Cẩm Bàn, Mai Xưa, trường tiểu học và trường nữ sinh được tiếp tục mở. Tại tỉnh lỵ đã mở thêm trường trung học Lê Khiết với 500 học sinh. Các thầy vẫn vui vẻ tham gia dạy với phụ cấp ít ỏi. Các cháu nghèo được khuyến khích đi học. Hội bảo trợ học hội ở thị xã đã được thành lập có nhiều hoạt động thiết thực trong việc sửa chữa trường lớp, đóng mới bàn ghế, góp phần phụ cấp cho giáo viên, động viên con em nhà nghèo đi học với sự trợ giúp một phần của Hội².

1. Xem *Đề cương dự thảo lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi 1930-1945* - bản đánh máy, tr. 15 - tài liệu lưu tại bộ phận Lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quỹ bảo trợ học hội trong toàn tỉnh mỗi tháng thu 2,5 vạn đồng. Xem dự thảo *Cuộc kháng chiến chống Pháp của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi*.

Ngoài việc chăm lo các trường lớp trong hệ thống giáo dục phổ thông, phong trào bình dân học vụ dành cho lớp người lớn tuổi mù chữ, ít học, đã được đẩy lên sôi nổi. Nhân dân lao động thị xã đã nhiệt tình hưởng ứng. Họ dùng đình làng, nhà hội, các lớp phổ thông để làm nơi học vào các buổi trưa, buổi tối. Nhiều nơi không có điện, họ dùng đèn dầu để học vào ban đêm. Nội dung các bài học, ngoài học chữ cái, học đánh vần còn học đọc các câu ca dao ca ngợi chế độ mới, ca ngợi lãnh tụ Hồ Chí Minh, bồi dưỡng tình yêu đối với đất nước, nhân dân, anh hùng, chiến sĩ...; ai cũng thấy trong cái chữ có nhiều điều hay, mới lạ, bổ ích cho bản thân mình.

Chỉ trong hai khoá đầu tiên của bình dân học vụ, nhân dân thị xã đã có hàng vạn người thoát nạn mù chữ. Nghĩa Lộ là một trong những xã được thanh toán nạn mù chữ khá sớm¹.

Thế là sau khi thành lập Nha bình dân học vụ ở Trung ương ngày 8 tháng 9 năm 1945, với lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhân dân thị xã đã hưởng ứng bằng tất cả tấm lòng mến yêu chế độ mới, yêu lãnh tụ đã chăm lo đến lợi ích sống còn của dân tộc. Họ luôn nhớ câu Người đã khẳng định: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"². Cần khẳng định một điều có ý nghĩa đối với phong trào bình dân học

1. Trong tỉnh đã có 94.839 người thoát nạn mù chữ; giảm số người mù chữ từ 95% thời Pháp thuộc xuống còn 60%. Khoá thứ ba có 2.349 lớp, trong đó có 1.906 lớp công cộng, 355 lớp tư gia, số người đi học là 59.524, số người học bổ túc là 9.227, số giáo viên từ 5.042 lên đến 5.594 người hoạt động không lương, *Tlđđ*.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.8.

vụ ở thị xã: hầu hết những người tham gia học đều là nhân dân lao động. Họ đã được chế độ mới do Đảng lãnh đạo giúp đỡ, tạo điều kiện và đã cố gắng phi thường trên mặt trận văn hoá, mặt trận "chống giặc đói", để từ đó bước lên vị trí làm chủ cả mặt văn hoá, giáo dục, khoa học, mà với chế độ cũ không mấy ai trong họ đạt đến.

Trên mặt trận văn nghệ, ở thị xã, nơi nhân dân có khá nhiều khả năng, các tổ chức đảng, đoàn thể cứu quốc và Mặt trận Việt Minh cùng với chính quyền đã tổ chức, huy động nhiều anh chị em văn nghệ sĩ tham gia. Thi sĩ Nguyễn Viết Lãm, nhạc sĩ Văn Đông, Lê Cường, họa sĩ Nguyễn Thế Vinh, Đường Ngọc Cảnh, ca sĩ Lê Thi... cùng nhiều anh chị em tham gia sáng tác, biểu diễn ở địa phương đã góp phần thúc đẩy phong trào văn nghệ trong toàn tỉnh. Tại thị xã đã tổ chức một đội tuyên truyền văn nghệ do anh Thái Đức Hoàng làm đội trưởng. Hoạt động của số anh chị em văn nghệ sĩ cùng với phong trào sáng tác tự biên tự diễn trong từng thôn xóm, phố phường ở thị xã rất sôi nổi. Nhiều bài thơ, ca dao, hò, vè, kịch ngắn cùng với những bài hát mới như "Đoàn vệ quốc quân", "Cùng nhau đi hồng binh", "Khỏe vì nước"... đã được phổ biến, trình diễn rộng rãi, được nhân dân, nhất là thanh thiếu nhi, học sinh rất ưa thích.

Những câu thơ hay đã được nhiều người thuộc để tự động viên mình và đi tuyên truyền động viên người khác tham gia đấu quân giết giặc.

Nội dung của văn nghệ lành mạnh, đi vào lòng người, phục vụ cho việc động viên nhân dân tham gia kháng chiến kiến quốc.

Vào tháng 11 năm 1946, tại tỉnh lỵ diễn ra một tuần

lễ văn hoá và tổ chức nhiều cuộc triển lãm tranh ảnh.

Đi đôi với các hoạt động giáo dục, văn nghệ, việc giữ gìn vệ sinh phòng bệnh cũng được tổ chức thực hiện khá chu đáo. Phong trào "tam tinh tứ diệt", ăn cơm bằng đũa hai đầu, làm hố xí, quét dọn nhà cửa ngăn nắp, thực hiện cuộc vận động "ăn sạch, ở sạch, uống sạch", phát triển rộng rãi. Phong trào trồng cây thuốc nam, luyện tập thể dục, thể thao cũng được xây dựng và phát triển.

Đặc biệt là việc tổ chức ma chay, cưới xin đã theo nếp sống mới, đơn giản, lành mạnh, ít tốn kém.

Nạn bói toán, trộm cắp, hút thuốc phiện, cờ bạc hầu như đã được mọi người thấy đó là một điều có hại cho nhà, cho nước, không được chế độ mới cho phép mà hết sức bài trừ. Bản thân những người đã mắc phải cũng tự thấy sai lầm nên ra sức tự nguyện khắc phục, từ bỏ.

Để chăm lo cho số các cháu nghèo, người nghèo, nhà tế bần đã được duy trì và tổ chức theo tinh thần mới, lấy tên là "trại nhà nghèo" do ông Trần Trọng Hải, Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã làm giám đốc. Những người nghèo khổ không nơi nương tựa đã được nuôi nấng. Trại ngày càng được mở rộng. Nhân dân đã đóng góp trên một vạn đồng cho trại hoạt động. Hồ Chủ tịch đã gửi thư cho trại với những lời lẽ vô cùng xúc động vào ngày 19 tháng 5 năm 1946, sau khi Người nhận được quà của trại mừng sinh nhật Người.

Quan hệ thôn xóm, làng xã, khối phố, giữa các gia đình, họ tộc, nhân dân với cán bộ chiến sĩ, chính quyền với quần chúng đều toát lên tình đồng bào, đồng chí tốt đẹp. Những bước khởi đầu về xây dựng đời sống mới, nền văn hoá mới đã được phát huy suốt trong cuộc kháng chiến

xứng đáng là một thời có nếp sống văn hoá mẫu mực đáng được học tập ngày nay và mãi mãi về sau.

Tham gia kháng chiến ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

Như chúng ta đã biết từ tháng 9 năm 1945, sau khi ta vừa giành được chính quyền, thực dân Pháp được quân Anh ủng hộ đã gây hấn, triển khai đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng ra nhiều nơi khác ở Nam Bộ. Nhân dân Sài Gòn Chợ Lớn và nhân dân Nam Bộ, dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ Nam Bộ, đã lập tức đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng "ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến", nhân dân thị xã Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã làm nhiều việc thiết thực. Thanh niên đã nô nức đầu quân và tình nguyện vào Nam chiến đấu. Hàng ngàn thanh niên ở các phường, xã đã xung phong tình nguyện nhập ngũ. Cho đến năm 1946, số thanh niên đầu quân đã chiếm 85% thanh niên tại địa phương; góp vào số người đầu quân vào Nam của toàn tỉnh là 10 chi đội với 15.000 quân¹.

Những câu thơ cô đọng của Nguyễn Viết Lãm lại vang lên:

Đây Trường an và ngoài nữa Thăng Long,

Mấy trăm năm mạch máu vẫn chung dòng.

Dù cách trở bởi bao vòng sông núi

Tình khăng khít xa xôi nhưng gần gũi

Có ai đành nghĩ đến cảnh phân chia

Đất nằm đây thương nhớ đất trong kia².

1. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1988, tr. 97.

2. Những câu thơ do các cựu chiến binh thời ấy nhớ lại, chưa rõ xuất xứ và sự chính xác của lời, nhưng người viết vẫn ghi lại vì nó rất khớp với tình hình lúc bấy giờ.

Với tấm lòng này, ở Quảng Ngãi, đơn vị du kích Ba Tư (do đồng chí Truyền Nga làm chính trị viên), sau đó các đơn vị khác như Trương Quang Trọng, Huỳnh Quang Lầu, Phạm Rõ... tiếp tục vào Nam ngay từ những ngày đầu kháng chiến. Những người con thân yêu của nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã tham gia vào hầu hết các đơn vị này.

Nhân dân thị xã còn tổ chức các cuộc đón đưa, thăm viếng, trao quà các đoàn quân Nam tiến từ các tỉnh miền Bắc trên các chuyến tàu hoả vào Nam dừng lại ở ga Quảng Ngãi.

Để chăm lo công tác thương binh, liệt sĩ, Hội giúp binh sĩ bị nạn được thành lập từ những ngày cuối tháng 9 năm 1945. Ngày đồng tâm giúp đồng bào Nam Bộ kháng chiến được tổ chức. Nhân dân thị xã đã cùng với nhân dân toàn tỉnh ngay từ ngày đầu đã thu được 15.000 đồng¹. Trung tuần tháng 3 năm 1946, một tuần lễ giúp binh sĩ bị nạn lại được tổ chức, thu được 10 vạn đồng, gửi cho anh em binh sĩ ngoài mặt trận 2.000 bộ quần áo, 506 chiếc mền, 200 cây vải, 37 đôi giày và 9.000 đồng.

Để có vũ khí cho Vệ quốc đoàn, giải phóng quân đánh giặc, từ trung tuần tháng 10 năm 1945, nhân dân thị xã nhất là chị em phụ nữ từ trẻ đến già, từ nông dân đến những người buôn bán ở chợ, chị em lao động đến những cô giáo, học sinh... đã hưởng ứng nhiệt liệt tuần lễ vàng, góp hàng chục kilôgam vàng, bạc, đồng, cùng với toàn tỉnh đạt tỷ lệ cao nhất trong toàn quốc².

1. Bạc Đông Dương của Ngân hàng Pháp.

2. Theo bản thống kê của Ủy ban tài chính Trung Bộ ngày 22 tháng 11 năm 1946, trong tuần lễ vàng, tỉnh Quảng Ngãi thu được 258 nén vàng ta (39,290 kg); 109 nén vàng tây (13,640 kg), tổng cộng được

Các mặt công tác được tiến hành theo tinh thần Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc ra ngày 25 tháng 11 năm 1945 của Trung ương Đảng. Chỉ thị đã được các chi bộ học tập, quán triệt và thực hiện. Đảng viên ở thị xã đã được trang bị những tư tưởng cơ bản về đường lối của Đảng để vận động quần chúng và đi đầu gương mẫu thực hiện.

Các cơ quan của tỉnh, của Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam cũng đã có nhiều hoạt động trong thị xã Quảng Ngãi.

Vào những ngày 17, 18, 19 tháng 12 năm 1945, đồng chí Lê Văn Hiến thay mặt Chính phủ - đã đến thị xã Quảng Ngãi để kiểm tra công tác và phổ biến tình hình nhiệm vụ mới. Tổ chức đảng ở thị xã đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn để chào mừng đồng chí Lê Văn Hiến và tiễn đưa 1.000 chiến sĩ Quảng Ngãi đi vào Nam giết giặc, tiễn đưa 50 chiến sĩ sang giúp bạn Lào. Đồng chí Lê Văn Hiến đã đọc thư của Hồ Chủ tịch và thư của Chủ tịch quân sự uỷ viên hội Võ Nguyên Giáp. Cuộc mít tinh đã động viên khí thế của quân dân thị xã hăng hái tham gia kháng chiến và kiến quốc.

Ngày 9 tháng 6 năm 1946, Đại hội thanh niên toàn tỉnh được mở tại thị xã để biểu dương tinh thần đấu tranh và đoàn kết của các tầng lớp thanh niên. Đại hội đã cổ vũ đông đảo thanh niên hăng hái lên đường tham gia giết giặc ở miền Nam và thực hiện các mặt công tác cách mạng. Đại hội đã được tổ chức đảng tại thị xã tận tình

52,930 kg vàng đã nộp cho quỹ vào ngày 22 tháng 10 năm 1945. Ngoài vàng còn có 107 kg bạc và 14.000 kg đồng để đúc đạn - tài liệu lưu tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

giúp đỡ và huy động đông đảo thanh niên tham gia biểu diễn văn nghệ phục vụ và bảo vệ Đại hội.

Phong trào đầu quân, tham gia vào các tổ chức và hoạt động cách mạng của nhân dân thị xã Quảng Ngãi ngày càng sôi nổi.

Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3, cũng như Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946, do Bác Hồ ký kết, đã bị thực dân Pháp ra mặt phá hoại.

Ngày 26 tháng 11 năm 1946, bọn Pháp ở tàu chiến ngoài biển đã nã pháo hạm, bắn sáu quả đại bác vào nhiều nơi ở thị xã Quảng Ngãi như ở sân ga, Tàu Tượng... và sau đó chúng lại tiếp tục bắn phá nhiều nơi, làm hư hại một số nhà cửa. Lúc này cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ đã lan rộng. Quân Pháp cũng đã tiến đến các tỉnh Tây Nguyên.

Đồng chí Nguyễn Sơn¹ là một trong những cán bộ lãnh đạo cao cấp đã sớm được Trung ương đưa vào làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam, đóng tại thị xã Quảng Ngãi. Ông đã mở trường lục quân tại thị xã và trực tiếp giảng dạy cho học viên. Nhân dân thị xã, nhất là các bà mẹ, các chị đã thường xuyên đến thăm trường và ủng hộ cho trường lương thực, thực phẩm. Ở đây, đồng chí Nguyễn Sơn đã có nhiều hoạt động đóng góp trực tiếp không những về mặt quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang mà còn mở nhiều cuộc nói chuyện rất bổ ích đối với các giới và nhất là đối với thanh niên, giới văn hoá văn nghệ...

1. Năm 1948, đồng chí Nguyễn Sơn được Chính phủ phong quân hàm thiếu tướng.

Đặc biệt cũng vào cuối tháng 11 năm 1946, đồng chí Phạm Văn Đồng, được Trung ương Đảng và Chính phủ cử làm đại diện tại miền Nam Trung Bộ, đã về thị xã Quảng Ngãi. Nhân dân thị xã hết sức vui mừng đón tiếp người con thân yêu của Quảng Ngãi, người lãnh đạo của Đảng và Chính phủ đã về đến quê nhà.

Những sự kiện trên đã giúp cho tổ chức đảng và nhân dân ở thị xã sớm tiếp thu các chủ trương của Đảng và được động viên tinh thần để đi vào cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương VIII

XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, BẢO VỆ VÙNG TỰ DO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1947-1954)

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc đã bùng nổ. Quân dân toàn quốc đã anh dũng đứng lên đánh quân Pháp xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Người nói:

"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Người kêu gọi đồng bào toàn quốc: "Chúng ta phải đứng lên!". "Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh,

thắng lợi nhất định về dân tộc ta"¹.

Để tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều công tác về tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Giữa năm 1947, thị xã Quảng Ngãi được nhập vào huyện Tư Nghĩa².

Đi đôi với công tác sắp xếp lại tổ chức, một số mặt công tác cần kíp phải được tiến hành.

Chính quyền thị xã Quảng Ngãi có nhiệm vụ huy động nhân dân góp phần di chuyển các cơ quan của tỉnh và Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam về nông thôn. Nhân dân thị xã, nhất là nhân dân Nghĩa Lộ đã ngày đêm góp phần di chuyển các cơ quan trên về hướng Nghĩa Hành, Sơn Tịnh.

Đảng bộ đã tổ chức cho đồng bào thị xã di chuyển về Chợ Chùa, Hành Thuận, Hành Minh (Nghĩa Hành); An Hội, Nghĩa Lâm, Sông Vệ, Nghĩa Phương (Tư Nghĩa); Đồng Cát, Thạch Trụ (Mộ Đức); Phước Lộc, Ba Giam, Đồng Ké (Sơn Tịnh); Châu Ổ (Bình Sơn)... Đó là một công tác hết sức công phu và phức tạp. Đến nơi mới đồng bào vừa lo làm nhà cửa lại vừa phải tìm nghề để sinh sống và đóng góp cho kháng chiến. Anh chị em lao động làm thuê, kéo xe, làm thợ phải chuyển nghề làm ăn. Bà con buôn bán thì được đưa đến các thị trấn nhỏ. Bà con Hoa kiều cũng được đưa về những vùng thích hợp, một số đã được đưa lên Trà Bồng. Tuy vậy, một số đồng bào lâu nay sống

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 480.

2. Có ý kiến cho rằng đến năm 1948-1949 mới sáp nhập thị xã Quảng Ngãi với huyện Tư Nghĩa. Chúng tôi sẽ tiếp tục xác minh.

ở hai bên quốc lộ 1A vẫn còn bám trụ và chuyển lên ở ngã năm Quán Âm để tiếp tục nghề buôn bán. Ở đây có điều kiện ăn ở phân tán, kín đáo hơn. Việc tổ chức chuyển đồng bào về nông thôn và thị trấn phải tiến hành từ đầu năm 1947 cho đến cuối năm 1948 mới ổn định. Nhiều người đã chuyển đến chỗ mới rồi lại chuyển về chỗ cũ. Đến khi công tác phá hoại được tiến hành triệt để, họ mới ổn định ở nơi mới chuyển đến.

Ngày 16 tháng 1 năm 1947, Bác Hồ đã gửi thư cho đồng bào cả nước kêu gọi đồng bào "Phá hoại để kháng chiến... Đánh thì phải phá hoại... phải phá đi, để chặn Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng..."¹.

Đi đôi với việc chuyển đồng bào đi các nơi, tổ chức đảng thị xã nhất là chi bộ Nghĩa Lộ còn phải lãnh đạo nhân dân tham gia phá hoại cầu đường, nhất là phá hoại nhà cửa ở nội thị và xung quanh.

Để tiến hành công tác phá hoại ở thị xã, vào tháng 4 năm 1947 Ban phá hoại đã được thành lập do đồng chí Trần Đức Từ. Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính thị xã làm trưởng ban. Ngoài số đồng bào ở thị xã Ủy ban kháng chiến tỉnh còn huy động đồng bào toàn tỉnh tham gia công tác này. Các lực lượng thanh niên, nông dân, phụ nữ ở các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn đều mang cơm gạo đến tham gia phá hoại nhà cửa, bờ thành. Hầu hết nhà trong nội thành thuộc các cơ quan, các ngôi nhà tầng ở bên ngoài đều bị phá. Riêng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 25.

thành cổ, bờ tường cao 4m, đã phải tốn đến hàng triệu ngày công để đập phá. Trong khi phá hoại nhà cửa, một số người bị thương, có người đã chết vì tai nạn. Cả thị xã chỉ còn giữ lại 3 ngôi nhà, đến nay vẫn còn. Đó là khách sạn Đồng Xuân (ở ngã tư Hùng Vương - Phan Đình Phùng), nhà Chấn Ký và nhà Sin Seng của người Hoa ở ngã tư chính. Việc phá hoại nhà cửa và thành cổ là một sự hy sinh khá lớn tỏ rõ quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân thị xã.

Các đồng chí ở ga Quảng Ngãi đã cùng với nhân dân tiến hành tháo gỡ thanh ray, tà vẹt ở đường tàu để lấy sắt thép làm vũ khí. Cầu Trà Khúc đã bị phá sập, dùng tre làm cầu nổi để đồng bào qua lại. Nhân dân thị xã còn tổ chức phá hoại các con đường đi về các hướng Nghĩa Hành, Ba La và đường số 1. Việc phá hoại nhà cửa, cầu đường của thị xã đã được tiến hành từ giữa năm 1947 đến cuối năm 1948.

Nhân dân bám trụ tại chỗ được tổ chức lại việc ăn ở, sản xuất cho thích hợp. Nhà đồng bào đều có đào hầm trú ẩn để đề phòng máy bay hoặc tàu thủy địch bắn phá. Sinh hoạt, học tập được tiến hành ban đêm. Một số nghề mới ra đời. Nghề làm mũ tre lợp vải thành mũ cối bộ đội được phát triển ở Phú Mỹ Trung, Cửa Búc. Nghề làm thủy tinh (chai lọ, ống đựng thuốc tiêm) của ông Ý và một xưởng làm giấy bằng bẹ chuối, rơm rạ đã được xây dựng. Nghề may gia công, làm giày cho bộ đội được cơ quan quân nhu của cấp trên đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Về dệt, ngoài việc tiếp tục nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa, nhân dân còn kéo sợi dệt vải xita và đã phát triển nhiều máy dệt.

Nghề làm đồ gỗ, mua bán gỗ cũng được tiếp tục ở bến Tam Thương. Ở Ba La, Vạn Tượng nghề làm đường vẫn được nhân dân duy trì, mặc dù đến năm 1948 hưởng ứng phong trào thi đua tự túc, nhân dân đã bớt diện tích trồng mía để trồng bông. Trong khi bớt mía để trồng bông, nhân dân Ba La lại phát triển nghề dệt.

Các chợ trong thị xã và các xã kế cận đều nhóm họp ban đêm. Ở ngã năm Quán Ấm, việc buôn bán vẫn tập nập sầm uất. Hàng từ An Tân vào cũng như hàng từ đây đi các hướng khá phong phú. Để tạo điều kiện cho việc giao lưu hàng hoá, thuyền đò đưa khách từ bến Tam Thương đi Phú Thọ (xuống biển) và đi Đồng Ké (lên nguồn) được duy trì và tổ chức phù hợp với tình hình mới. Xe chở khách từ thị xã đi các nơi cũng được duy trì một số chiếc. Hầu hết các xe đều chạy bằng than củi.

Đường xe lửa được sử dụng chạy từ An Tân đến Phú Yên. Ngoài những đoàn tàu có đầu máy kéo, còn phát triển "caminhông ray" (xe hơi cải tiến đi trên đường ray tàu hoả), xe goòng để đưa khách và cán bộ đi lại. Con đường xe lửa và cầu xe lửa qua sông Trà Khúc thường xuyên bị địch đánh phá. Nhân dân thị xã thường xuyên tổ chức canh gác giữ cầu, đồng thời tích cực tham gia sửa chữa.

Tháng 3 năm 1948. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có chỉ thị phát động phong trào thi đua yêu nước nhằm mục đích làm cho kháng chiến mau thắng lợi, kiến quốc mau thành công.

Hồ Chủ tịch đã kêu gọi: "Sĩ, nông, công, thương, binh, gái trai già trẻ, toàn thể quốc dân ta, vô luận ở địa vị nào, làm công việc gì, phải ra sức tham gia cuộc *Thi đua yêu*

nước, tức là tăng gia sản xuất"¹.

"Người người thi đua
Ngành ngành thi đua
Ngày ngày thi đua
Ta nhất định thắng
Địch nhất định thua"².

Dưới sự lãnh đạo của cấp trên, chi bộ Nghĩa Lộ cũng như nhân dân thị xã đã hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, tham gia sản xuất tự túc, xây dựng lực lượng hậu phương, phục vụ tiền tuyến, ủng hộ hết mình cho kháng chiến.

Trước hết là việc tăng gia sản xuất lúa gạo, hoa màu. Những mảnh đất ven sông, ven đê, vườn nhà đều được tận dụng trồng lúa, ngô, rau, khoai. Việc bớt mía để trồng bông đã được thực hiện, mỗi nhà đều trồng 10 cây bông. Để sản xuất nông nghiệp phát triển, việc trồng giống mía mới từ Phú Yên đưa ra đã được nhân dân tích cực hưởng ứng. Việc cấy cà nhiều lúc phải làm ban đêm để tránh máy bay địch đánh phá.

Về thủy lợi, đi đôi với việc vét giếng, đào ao, việc dùng cần vọt để tát nước đã trở thành phong trào rộng rãi, các bờ xe nước cũ vẫn được duy trì. Hai bờ xe nước mới được dựng lên ở Cửa Bức. Năm 1952, nhân dân Nghĩa Lộ và các xã được huy động lên Nghĩa Kỳ để đào kênh Tư Nghĩa đưa nước về tưới các cánh đồng trong xã và khu đông Tư Nghĩa. Kênh Bàu Giang đã được khai thông. Mương Bàu Dung cũng được khơi dòng. Kênh Nghĩa Đông được tiếp nối từ Ba La đến Vạn Tượng. Nhờ có nước nên các cánh đồng từ một vụ đã đưa lên hai vụ.

1, 2. *Sđđ.* tr. 418, 557.

Nước sông Trà chảy qua núi Bút
Nông dân mình được chút thành thơi
Nước về đắp đập mương khơi
Cho mùa tứ quý bởi bởi ngát xanh.

Những câu thơ của nhà thơ Tế Hanh nói lên niềm vui khi nước về đồng trong những ngày ấy và tác dụng của việc đắp đập khai mương làm thủy lợi ở đây lúc bấy giờ. Để giữ được các bờ mương, bờ xe, phân phối nước, dưới sự lãnh đạo của chính quyền, ban quản trị các bờ xe, các con mương đã thường xuyên chăm lo bảo vệ, sửa chữa tu bổ. Có lúc phải dùng các đầu máy xe hơi chạy than để tham gia đưa nước về đồng. Nước là hàng đầu để tăng tổng sản lượng lương thực. Nhờ đó mà nhân dân Nghĩa Lộ và các xã thuộc thị xã đã góp phần vào việc đảm bảo lương thực, thực phẩm, cải thiện đời sống nhân dân, đóng góp cho nhu cầu của kháng chiến.

Vấn đề giảm tô, giảm tức, thi hành chính sách ruộng đất cũng được đặc biệt chú ý và từng bước giải quyết.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, một số công điền đã được chia cho cử tri. Ruộng đất của Việt gian đã bị tịch thu để cấp cho một số dân nghèo. Việc giảm tô, giảm tức mặc dù đã có sự hướng dẫn của trên, nhưng chưa được thực hiện triệt để. Việc ăn chia giữa tá điền và chủ điền tuy có khác trước, nhưng trên cơ sở thương lượng thoả thuận giữa hai bên.

Năm 1953, để đưa cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi quyết định, việc bồi dưỡng sức dân lại càng được đặc biệt chú ý.

Ngày 25 tháng 1 năm 1953, trong báo cáo chính trị ở hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch rõ:

"Mấy năm trước, vì hoàn cảnh đặc biệt mà ta chỉ thi hành giảm tô, giảm tức, như thế là đúng.

Nhưng ngày nay, kháng chiến đã 7 năm, đồng bào nông dân hy sinh cho Tổ quốc, đóng góp cho kháng chiến đã nhiều và vẫn sẵn sàng hy sinh, đóng góp nữa. Song họ vẫn là lớp người nghèo khổ hơn hết, vì thiếu ruộng hoặc không có ruộng cày. Đó là một điều rất không hợp lý.

Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện thì phải thiết thực *nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân*"¹.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Nghĩa Lộ và các xã thuộc thị xã đã được học tập các chỉ thị về chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ. Đông đảo nông dân, nhất là anh chị em bần cố nông đã được phát động. Số địa chủ và phú nông đã được Mặt trận Liên Việt tiến hành thuyết phục để hưởng ứng và tự nguyện thi hành đúng việc giảm tô, giảm tức và nộp phần đất đã quy định để đem chia cho bần cố nông. Số đảng viên và cán bộ là địa chủ như Tạ Tuynh (đảng viên - Chủ tịch xã Nghĩa Lộ), Võ Loát (nhân sĩ)... đều chấp hành đúng chính sách ruộng đất của Đảng. Họ thuyết phục gia đình, vợ con gương mẫu thực hiện đúng những điều chính quyền cách mạng đã quy định.

Trong việc chia công điền, nhân dân Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông, Nghĩa Điền dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đã tự nguyện san sẻ cho nhau. Những thôn nhiều công điền nhường bớt cho những thôn ít hoặc không có. Tình yêu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.7, tr. 15-16.

giai cấp, làng xóm láng giềng càng gắn bó thêm.

Việc thi hành chính sách ruộng đất đã đem lại một nguồn lợi thực sự bồi dưỡng sức dân, động viên được những tiềm năng tham gia kháng chiến của đông đảo nhân dân lao động và con em họ ở chiến trường. Vai trò và khí thế của nhân dân lao động lên cao.

Để trực tiếp tham gia bảo vệ hậu phương, đánh địch ở tiền tuyến, các xã Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông, Nghĩa Điền đều có Ban chỉ huy xã đội dân quân. Lực lượng dân quân đã được tổ chức trong từng thôn, xã. Riêng ở Nghĩa Lộ mỗi thôn có từ một đến hai trung đội dân quân thường xuyên được tập luyện. Từ năm 1948, số dân quân ở đây đã được đưa ra chiến trường Quảng Nam để tham gia tác chiến. Những lúc có địch đổ bộ từ dưới biển lên hay hành quân từ trên xuống (như địch xuống Sơn Hà năm 1950, 1951, xuống sông Re, Ba Tư 1952), dân quân các xã thuộc thị xã đều được huy động tham gia tác chiến hay phục vụ chiến trường. Việc canh gác bảo vệ xóm làng vẫn được thường xuyên, bảo đảm an ninh cho nhân dân. Từ năm 1949 đến năm 1954, ở Nghĩa Lộ đã có hai đại đội du kích. Một đại đội ở phía bắc do đồng chí Phan Biên làm đại đội trưởng. Đại đội ở phía nam do đồng chí Lê Học làm đại đội trưởng. Cả hai đều dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ban chỉ huy xã đội, do đồng chí Nguyễn Thiệu làm xã đội trưởng, đồng chí Đoàn Thành, thường vụ chi uỷ làm chính trị viên.

Ngoài số dân quân du kích tham gia tác chiến ở một số chiến trường, luyện tập bảo vệ hậu phương, rất đông anh em thanh niên tham gia vào các lực lượng bộ đội địa phương của huyện, của tỉnh và các đơn vị chủ lực của Khu V.

Làng chiến đấu ở các xã được xây dựng. Giao thông hào và hầm trú ẩn được đào đắp khá tốt trong từng gia đình và những nơi công cộng. Bộ máy công an được chăm lo củng cố ở hầu khắp thôn, xã đi đôi với việc giáo dục tinh thần cảnh giác chống gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch trong đông đảo nhân dân.

Công tác chăm nuôi bộ đội, thương bệnh binh cũng được đặc biệt chú ý.

Hầu hết các gia đình thuộc thị xã đều có "hũ gạo nuôi quân", "con gà kháng chiến". Mỗi khi anh em dân quân luyện tập, hay anh em bộ đội di chuyển đến làng, các mẹ, các chị đều đến viếng thăm, ury lạo. Các mẹ, các chị còn thường xuyên đến các bệnh xá, bệnh viện cho quà, tặng thuốc và tham gia nuôi dưỡng, chăm sóc thương bệnh binh.

Số anh em thương bệnh binh nặng được chi bộ đảng và chính quyền các xã thuộc thị xã động viên các gia đình nhận về nuôi dưỡng chăm sóc. Nhiều anh em thương binh từ các mặt trận An Khê, Đà Nẵng, Hạ Lào... được các gia đình ở thị xã nhận về nuôi. Có nhà nuôi một đến hai người từ một tháng đến hai năm. Nhiều anh em thương binh đã được nhận làm con nuôi, được các mẹ chăm lo hạnh phúc gia đình như tình máu mủ ruột thịt. Số thương binh được các mẹ, các chị thuộc các gia đình ở thị xã nhận nuôi đã lên đến hàng ngàn người. Tình nghĩa giữa bộ đội và nhân dân rất mặn mà, chân tình, gắn bó như cá với nước.

Không chỉ trực tiếp nuôi thương bệnh binh, nhân dân

các xã thuộc thị xã đã tham gia đóng góp vào các quỹ phục vụ kháng chiến hàng trăm tấn lúa, rất nhiều ruộng đất trâu bò¹.

Để thiết thực tham gia kháng chiến ở tiền tuyến, ngoài số thanh niên xung phong vào các lực lượng vũ trang đi các chiến trường, đồng bào Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông, Nghĩa Điền đã đi dân công phục vụ các chiến dịch. Mỗi khi có lệnh, nam cũng như nữ đều tình nguyện đi dân công vận chuyển lương thực, vũ khí đến các chiến trường, tải thương về các bệnh viện, bệnh xá. Từ năm 1952 đến đầu năm 1954 ta mở nhiều chiến dịch lớn, nhất là chiến dịch Bắc Tây Nguyên. Chúng ta đã huy động hầu như toàn lực số dân công phục vụ ở chiến trường có rừng núi trùng điệp đầy gian khổ này. Hầu hết số người còn sức khoẻ đều đi phục vụ chiến trường, tổ chức thành hàng ngũ có chỉ huy chặt chẽ. Mỗi xã hình thành một đoàn gồm nhiều toán dân công, có phân công chỉ uỷ viên, đảng viên cùng đi để lãnh đạo dân công địa phương mình hoàn thành nhiệm vụ. Có người ở hoả tuyến cùng các đơn vị chiến đấu tham

1. Theo tài liệu *Kháng chiến về mặt kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi* (lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh) toàn tỉnh đã thu được quỹ phục vụ kháng chiến như sau:

- Phụ thu kháng chiến từ năm 1949 được: 2.600 tấn thóc.
- Quỹ quân lương 1950: 1.800 tấn thóc.
- Quỹ đảm phụ chuyển mạnh sang tổng phản công từ năm 1951 đến ngày 31 tháng 3 năm 1953 được 515.725.447 đồng (cả tiền mặt và lúa, vàng, bạc, đường, trâu, bò, ngựa, nôi đồng, vải, ruộng đất, hiến vĩnh viễn và có thời hạn quy thành tiền mặt).
- Thuế nông nghiệp từ năm 1951 đến năm 1954 được 49.207.128 kg thóc.
- Thuế công thương nghiệp các loại từ năm 1952 đến năm 1954 được 2.131.253.768 đồng.

gia đào hầm, vận chuyển vũ khí, bắt tù binh, tải thương. Dân công đã được tổ chức đi theo đợt hàng tháng, ba tháng. Có người đi suốt cả một mùa chiến dịch. Họ đã khắc phục rất nhiều khó khăn gian khổ. Tối đến phải ngủ ven rừng, góc núi, bờ suối, lưng đèo. Gặp mưa đội mưa mà đi. Gặp địch phục kích, đánh địch mà tiến. Nhiều người đã hy sinh. Anh chị em đi dân công rất an tâm phục vụ chiến trường vì ở nhà đã có chi bộ tổ chức việc chăm sóc và giúp đỡ gia đình. Đặc biệt là phong trào thực nghiệp của chị em phụ nữ: chị em đã học tập và đảm đương các công việc mà xưa nay vốn dành cho nam giới. Họ cày bừa, đan lát, đánh tranh lợn nhà; thay thế chồng, con, người thân trong công việc hậu phương và gia đình để người đi phục vụ tiền tuyến được an tâm.

Các mặt xây dựng ở hậu phương về văn hoá, giáo dục, xây dựng các đoàn thể chính trị, chính quyền và Đảng cũng được quan tâm đẩy mạnh.

Ở Nghĩa Lộ, Nghĩa Dõng, Nghĩa Điền đều có các trường tiểu học. Phong trào bình dân học vụ vẫn được duy trì và ngày càng nâng cao. Số người học bổ túc văn hoá từ nhân dân đến cán bộ ngày càng tăng lên đáng kể. Nhờ đó, nhiều người đã có thêm kiến thức để tham gia các công tác mà Đảng và nhân dân giao phó. Đêm đêm tiếng loa từ các chòi thông tin vẫn vang lên báo tin thắng lợi ở các chiến trường, thành tích các mặt công tác ở địa phương cũng như trên toàn quốc. Không khí xóm làng tươi vui ấm áp tình người. Tuy địch đã dùng máy bay bắn phá, ném bom nhiều lần ở một số nơi như: Ngã năm - Quán Ấm, Phú Yên ba, Chòi Dầu, Cửa Bức, Tàu Tượng, nhà ga và nhất là cầu Trường Xuân, gây cho ta một số thiệt hại, nhưng

nhân dân vẫn không hề nao núng. Dịch cũng đã tổ chức hoạt động gián điệp, rải truyền đơn, tung tin thất thiệt, hù dọa, chia rẽ hàng ngũ nhân dân ta. Nhưng nhân dân vẫn được các chi bộ đảng giáo dục thấy rõ âm mưu kẻ thù, cảnh giác cách mạng được nâng cao. Ba không: không biết, không nghe, không thấy được nhân dân xem như là điều cần thiết để đối phó với bọn chúng.

Về Đảng, như trên đã nói, lúc đầu Tỉnh ủy đã cử người phụ trách thị xã. Đến năm 1946 đã xây dựng được một chi bộ để lãnh đạo các mặt công tác ở thị xã, do đồng chí Nguyễn Tiến Cang (tức Hùng) làm Bí thư. Giữa năm 1947, đơn vị thị xã được giải thể. Chánh Lộ đã trực thuộc huyện Tư Nghĩa. Ở Chánh Lộ và sau đó là Nghĩa Lộ. Từ chi bộ dự bị với số ít đảng viên cuối năm 1946, đến năm 1954, số đảng viên đã lên đến hàng ngàn đồng chí trong tổng số dân gần 14.000 người. Đảng viên đã có mặt hầu khắp các thôn, xóm, các ngành, các giới, các cấp chính quyền. Số đảng viên được phát triển qua các đợt từ những năm 1947, 1948 và đông đảo nhất là vào những năm 1949, 1950, năm Đảng có chủ trương phát triển Đảng mạnh mẽ. Nhiều đồng chí đã được đưa đi học tập các lớp huấn luyện ngắn ngày đến dài ngày để hiểu biết sâu hơn về Đảng, đảm nhận các mặt công tác của Đảng phân công và làm tròn nhiệm vụ.

Trong các buổi sinh hoạt đảng luôn luôn có phổ biến thời sự, có kiểm điểm các mặt công tác và đề ra chương trình kế hoạch cho thời gian tới; thường xuyên có tự phê bình và phê bình từ cấp ủy đến cá nhân đảng viên, đấu tranh tư tưởng, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất

đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật để xứng đáng với danh hiệu đảng viên cộng sản.

Ngoài việc tiến hành sinh hoạt hằng tháng, cấp trên còn mở các cuộc chỉnh huấn, chỉnh đảng, mang tính bắt buộc cho tất cả đảng viên, cán bộ các cấp trong những năm 1948, 1949; nhất là cuộc chỉnh đảng năm 1952 vào thời điểm đang chuẩn bị thi hành chính sách ruộng đất. Nhờ đó mà các chủ trương lớn của Đảng được đông đảo đảng viên nhận thức đúng và chấp hành triệt để.

Chi bộ Nghĩa Lộ sau năm 1949 đã phát triển cả trong tầng lớp trên. Nhiều đảng viên xuất thân là địa chủ, đã từ bỏ lập trường giai cấp bóc lột, đứng trên lập trường giai cấp công nhân, gương mẫu trong công tác được giao phó các công tác quan trọng của Đảng. Nhờ đó mà việc thi hành chính sách giảm tô, giảm tức, chia công điền, tạm cấp hay chia ruộng đất, được tiến hành thuận lợi. Rất nhiều đồng chí ở Nghĩa Lộ đã được Đảng điều động lên cấp trên, đi các chiến trường Tây Nguyên, địch hậu Cực Nam, Đông Miên, Hạ Lào... đều nêu cao ý chí chiến đấu của người đảng viên cộng sản.

Trong suốt cuộc kháng chiến, chi bộ Nghĩa Lộ đã ba lần tiến hành bầu chỉ uỷ vào các năm 1946, 1949 và 1952.

Người bí thư đầu tiên là đồng chí Trần Xương. Sau đó vào tháng 10 năm 1946, khi đã hình thành chi bộ chính thức, đồng chí Phan Phụ (tức Quyết) được bầu làm Bí thư.

Năm 1949, đã tiến hành Đại hội chi bộ, đồng chí Nguyễn Thế Minh được bầu làm Bí thư, sau một thời gian, đồng chí Võ Đình Trị được chỉ định làm Bí thư.

Năm 1952, đồng chí Võ Đình Trị được Hội nghị toàn thể chi bộ bầu làm Bí thư và sau đó, đồng chí Đình Minh

được chỉ định thay thế trong một thời gian ngắn, đến khi Hiệp định Giơnevơ ký kết.

Như vậy, sau khi giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, nhân dân thị xã dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng đã hăng hái tiến hành kháng chiến và kiến quốc cùng với nhân dân toàn tỉnh và cả nước. Chỉ tính riêng thời gian gần hai năm hình thành đơn vị thị xã, rất nhiều mặt công tác trong xây dựng chế độ mới và tham gia kháng chiến đã được tiến hành khá tốt. Giai đoạn tiếp đó, khi tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ huyện Tư Nghĩa truyền thống cách mạng đó của cán bộ và nhân dân thị xã vẫn tiếp tục được phát huy. Tổ chức đảng và nhân dân thị xã đã có những đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

PHẦN THỨ TƯ

**GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC ĐẾN TOÀN THẮNG
(1954-1975)**

Chương IX

**CHUYỂN HƯỚNG TỔ CHỨC, GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG
ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH TỪ 1954 ĐẾN 1959**

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi. Chính phủ Pháp buộc phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (20 tháng 7 năm 1954) với nội dung chính: công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Vĩ tuyến 17 là ranh giới quân sự tạm thời. Bắc vĩ tuyến 17 do Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà quản lý, Nam vĩ tuyến 17 do quân đội Liên hiệp Pháp tạm thời quản lý. Quân viễn chinh Pháp phải rút hết về nước. Từ 20 tháng 7 năm 1955 bắt đầu hiệp thương giữa hai miền và tiến hành tổng tuyển cử trong cả nước vào tháng 7 năm 1956 để hoà bình thống nhất nước nhà. Không bên nào được khủng bố trả thù những người đã làm việc cho bên kia.

Ngày 22 tháng 7 năm 1954, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi

cán bộ, chiến sĩ và đồng bào cả nước:

"Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng.

Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi.

Đấu tranh để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ¹.

Tại Quảng Ngãi, 8 giờ sáng ngày 1 tháng 8 năm 1954 bắt đầu thực hiện lệnh ngừng bắn. Không khí hoà bình tràn về làm xôn xao xúc động lòng người. Dưới sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, các chi bộ đảng, đoàn thể quần chúng các xã vùng thị xã Quảng Ngãi mở sinh hoạt chính trị, giải thích cho đảng viên, nhân dân thấy rõ ý nghĩa thắng lợi to lớn của việc ký kết Hiệp định Giơnevơ; làm cho đồng bào, đồng chí thấm nhuần sâu sắc những lời căn dặn đầy tình thương yêu của Hồ Chủ tịch đối với miền Nam "đi trước về sau". Ngày 2 tháng 9 năm 1954, hàng ngàn đồng bào vùng thị xã cùng hàng vạn đồng bào các huyện nông thôn, miền núi kéo về sân bay Quảng Ngãi dự cuộc mít

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.7, tr.322.

tỉnh lớn do tỉnh và Liên khu V tổ chức để chào mừng ngày Quốc khánh và mừng chiến thắng. Đường phố, thôn xóm rực rỡ cờ hoa, biểu ngữ.

Trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, bên cạnh niềm vui mừng chiến thắng, hoà bình; còn có nỗi lo âu day dứt khi nghĩ về những ngày sắp đến phải sống dưới sự kìm kẹp của đối phương; cùng với niềm vui đoàn tụ còn có nỗi buồn chia ly khi phải xa người thân yêu đi tập kết.

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, sau 80 ngày kể từ ngày ngừng bắn, quân đội ta rút khỏi tỉnh lỵ Quảng Ngãi và toàn bộ phía bắc sông Trà Khúc, giao cho quân đội Liên hiệp Pháp đến tiếp quản¹.

Trong cuộc đấu tranh sắp đến, vùng tỉnh lỵ Quảng Ngãi sẽ có những khó khăn thử thách mới rất nghiêm trọng. Là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá của tỉnh, các cơ quan đầu não cấp tỉnh của địch và bọn phản động đủ các loại khắp các nơi sẽ tập trung đến đây. Cán bộ, đảng viên ta quen hoạt động công khai ở vùng tự do, nay phải chuyển sang hoạt động bí mật mà hầu hết chưa có kinh nghiệm. Nhân dân từ chỗ có chính quyền bảo vệ lợi ích của mình, có lực lượng vũ trang cách mạng và đấu tranh vũ trang, phải chuyển sang chịu sự cai quản của chính quyền địch và phải tiến hành đấu tranh chính trị trong tương quan lực lượng mới bất lợi cho ta. Cách mạng phải tạm thời chuyển vào thế giữ gìn lực lượng. Đây là những thay đổi căn bản về thế và lực, về nội dung, phương châm và phương pháp đấu tranh. Mặt khác, ta

1. Sau 100 ngày từ nam sông Trà Khúc đến bắc sông Vệ. Sau 300 ngày từ nam sông Vệ đến đèo Bình Đê và toàn tỉnh Bình Định.

cũng có những thuận lợi lớn. Nhân dân vùng tỉnh lỵ gốc là nông dân lao động, có tinh thần yêu nước nồng nàn và truyền thống cách mạng bất khuất kiên cường, đã đi theo Đảng và được Đảng giác ngộ trưởng thành gần 1/4 thế kỷ, nhất là trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, đã từng được hưởng những quyền lợi thiết thực do chế độ mới mang lại. Lực lượng đảng viên ở đây khá đông, đã được rèn luyện trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Là trung tâm của tỉnh, nên bên cạnh sự chỉ đạo của Huyện uỷ Tư Nghĩa, còn được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, sự hiệp đồng chiến đấu của các huyện bạn, sự chỉ đạo và chi viện của Khu, của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Theo sự chỉ đạo của cấp trên, các chi bộ trên địa bàn thị xã tập trung sức lo ổn định tình hình chính trị tư tưởng trong nội bộ và nhân dân, sắp xếp số cán bộ và con em cán bộ tập kết ra Bắc; sắp xếp tổ chức đảng gọn nhẹ để tiện chỉ đạo và hoạt động trong tình hình mới...

Ngoài việc tổ chức học tập sinh hoạt chính trị từ trong chi bộ ra các đoàn thể, cán bộ, đảng viên đã bám sát quần chúng, tìm cách ổn định nơi ăn, chốn ở, việc làm cho số đồng bào mới hồi cư; giúp đỡ xây dựng hoặc tu sửa những nhà cửa bị địch đánh phá trong 9 năm; vận động quần chúng góp được hàng trăm nghìn đồng tín phiếu, hàng chục tấn gạo và nhiều thuốc men để cứu đói, cứu đau cho những gia đình nghèo. Nhiều cán bộ, bộ đội đêm đêm dạy cho thanh thiếu nhi những bài hát cách mạng. Những việc làm này đã để lại tình cảm tốt đẹp lâu dài trong lòng dân thị xã.

Tháng 8 năm 1954, đồng chí Bùi Tại, Phó Bí thư

Huyện uỷ Tư Nghĩa được phân công phụ trách vùng nội thị và các xã Nghĩa Lộ, Nghĩa Điền, Nghĩa Đông... Theo chủ trương của cấp trên, Ban chuyển hướng hoạt động xã Nghĩa Lộ được thành lập do đồng chí Đinh Minh, huyện uỷ viên, làm trưởng ban, đồng chí Tạ Công Hiến (Mai Lương) làm phó ban. Ban chuyển hướng đã sắp xếp đưa một số cán bộ xã, thôn đi tập kết ra Bắc để đào tạo cán bộ cho địa phương sau này, đồng thời lựa chọn bố trí một số cán bộ, đảng viên ở lại, hình thành các chi bộ nhỏ, phân công đảng viên trụ bám những nơi xung yếu, xây dựng tổ chức hợp pháp, biến tướng để che giấu hoạt động của Đảng, xây dựng đường dây liên lạc hợp pháp và bất hợp pháp, mở lớp huấn luyện cho các đồng chí ở lại về phương châm, phương pháp hoạt động bí mật, đấu tranh chính trị, tranh thủ và nắm người trong nguy quân, nguy quyền.

Tại các xã trên địa bàn thị xã cũng hình thành các chi bộ gọn nhẹ. Chi bộ Nghĩa Lộ do đồng chí Đinh Minh làm Bí thư. Chi bộ Nghĩa Điền do đồng chí Bùi Tá Đổng làm Bí thư. Chi bộ Nghĩa Đông do đồng chí Lương Ngọc Diệp (Hồng Hồng) làm Bí thư.

Tại các phường nội thị, thành lập ba chi bộ mới¹.

- Chi bộ Bắc Lộ Phường (Cửa Đông, Cửa Búc, Tàu Tượng, Chợ Cũ, Thạch Bích, ngã ba Bồ Đề) do đồng chí Đoàn Thành làm Bí thư.

- Chi bộ Nam Lộ Phường (Cửa Đông lên ngã ba Bồ Đề) do đồng chí Nguyễn Huệ làm Bí thư.

- Chi bộ Thu Lộ Phường (ngã ba Bồ Đề lên ga) do

1. Về việc thành lập ba chi bộ nội thị còn có những ý kiến khác nhau. Chúng tôi sẽ tiếp tục xác minh sau.

đồng chí Tạ Công Kỳ làm Bí thư.

Các chi bộ đã rà soát lại từng đảng viên, chọn giao nhiệm vụ cụ thể cho một số đồng chí, chuẩn bị cơ sở trụ bán và các phương tiện cho hoạt động bí mật. Số đảng viên còn lại cho "tạm lắng", tạm ngừng sinh hoạt để bảo toàn lực lượng. Nhà bà Trương Thị Thưa và nhà bà Lê Thị Tuấn (tại Nghĩa Lộ) là những trạm liên lạc giữa các chi bộ với cấp trên.

Ngày 25 tháng 10 năm 1954, Tỉnh uỷ họp tại một địa điểm gần cầu Cây Bứa (xã Nghĩa Phương, Tư Nghĩa) để nghe phổ biến và bàn kế hoạch thực hiện Chỉ thị ngày 5 tháng 9 năm 1954 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Tình hình mới và nhiệm vụ mới của các đảng bộ miền Nam". Sau hội nghị, Thường vụ Tỉnh uỷ thành lập Ban cán sự Đảng thị xã Quảng Ngãi trực thuộc Tỉnh uỷ, phân công đồng chí Nguyễn Phú Soại, tỉnh uỷ viên, bí danh là Trí, làm trưởng ban; đồng chí Nguyễn Bá Xuân (nguyên cán bộ Liên hiệp công đoàn tỉnh) làm phó ban, đồng chí Hà Thúc Ngọc (quê Nghĩa Lộ) làm uỷ viên (hoạt động hợp pháp)¹. Sau đó có bổ sung thêm một số đồng chí, trong đó có đồng chí Lê Hoà, người Nghĩa Lộ.

Để che mắt địch, đồng chí Xuân đóng vai thợ mộc ở một trại gỗ, đồng chí Hà Thúc Ngọc mở tiệm bán thuốc tây, đồng chí Đoàn Thành đóng vai thợ nề tại thôn La Tá...

Được Thường vụ Tỉnh uỷ đồng ý, Ban cán sự Đảng thị xã đã chọn và phân công đồng chí Nguyễn Tình (cán bộ công đoàn tỉnh trong kháng chiến chống Pháp) hoạt động

1. Về việc thành lập Ban cán sự Đảng thị xã cuối năm 1954 còn có ý kiến khác nhau. Chúng tôi sẽ tiếp tục xác minh sau.

trong giới lao động, bà Lê Thị Ngọc Sương (đã tham gia phong trào 1936-1939) hoạt động trong giới trí thức; một số đồng chí khác hoạt động trong các nghiệp đoàn ô tô, trong giới công thương gia, thanh niên, học sinh, giáo chức...; bố trí các ông Hồ Chư (ở Cửa Bức), Phan Quang Luân (người Tĩnh Sơn, Sơn Tĩnh) mở hiệu sách làm cơ sở hoạt động hợp pháp ở thị xã. Tỉnh uỷ còn cấp tiền và chỉ đạo Ban cán sự Đảng thị xã mua xe ô tô lập công ty vận tải, mua thiết bị lập nhà in, giao cho một số đồng chí ở Tư Nghĩa, Bình Sơn, Đức Phổ, đứng ra hoạt động. Các cơ sở này vừa là cơ sở hoạt động cách mạng hợp pháp, vừa làm tài chính cho Tỉnh uỷ.

Ngày 28 tháng 10 năm 1954, ta tiến hành bàn giao tỉnh lỵ Quảng Ngãi cho đối phương tại lầu Chấn Ký (nhà ông Đinh Chấn Thông, nay thuộc phường Trần Phú). Để biểu dương lực lượng quần chúng cách mạng, ta đã tổ chức một cuộc mít tinh tuần hành trên đường phố với khẩu hiệu "Hoan nghênh uỷ hội quốc tế", "Yêu cầu nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ"... có hàng ngàn người tham gia.

Tại cuộc bàn giao, đã diễn ra cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên giữa ta và địch. Đại diện quân đội Pháp hoạch hoạc: "Ngoài kia chúng tôi giao nhiều nhà cửa, máy móc, sao ở đây chẳng có gì". Đồng chí Võ Văn Đặng, đại diện bên ta đập lại ngay: "Bom đạn các anh đánh phá Quảng Ngãi tám, chín năm nay, nhà cửa, máy móc nào còn". Cuối cùng phía Pháp đã phải ký biên bản bàn giao, thừa nhận những thành tựu về nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giáo dục, y tế mà ta đã xây dựng, cam kết thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo đảm việc làm cho những

giáo viên, bác sĩ, nhân viên y tế dưới thời Việt Minh.

Để phô trương lực lượng và thanh thế trong việc tổ chức tiếp quản tỉnh lỵ Quảng Ngãi, các đơn vị quân Pháp, quân nguy được xe cơ giới đưa vào tỉnh lỵ giữa hai hàng lính gác dày đặc từ bờ nam sông Trà Khúc vào trung tâm.

Từ đây, cán bộ, đảng viên, nhân dân vùng thị xã Quảng Ngãi sống trong kìm kẹp ngọt ngào, đàn áp đẫm máu, phồn vinh giả tạo dưới chế độ thực dân mới do đế quốc Mỹ dựng nên.

Tháng 7 năm 1954, Trung ương Đảng ra Nghị quyết 6, xác định: Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ là tiêu diệt bằng được phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ; xây dựng chính quyền tay sai phát xít Ngô Đình Diệm...; xây dựng lại và nắm quyền chỉ huy quân nguy... Biện pháp chiến lược cơ bản của chúng là thực hành tố cộng, diệt cộng tập trung đánh phá cách mạng miền Nam vô cùng khốc liệt...¹.

Những gì diễn ra ở vùng thị xã Quảng Ngãi (cũng như toàn tỉnh, toàn miền Nam) từ cuối năm 1954 đã chứng minh cho những nhận định sáng suốt của Trung ương Đảng.

Dịch lẩy vùng trung tâm tỉnh lỵ đặt ra xã Cẩm Thành, chia thành bốn ấp: Bắc Môn, Bắc Lộ, Nam Lộ,

1. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.38,39.

Thu Lộ. Xã Nghĩa Lộ đổi tên thành xã Tư Chánh. Chúng đưa một số tên phản động từ các nơi khác đến và sử dụng bọn phản động tại chỗ dựng lên bộ máy nguy quyền. Bọn bất mãn, trộm cắp, bất lương đã ngóc đầu dậy làm tay sai cho địch. Có sự chỉ huy yểm trợ của Ty cảnh sát quốc gia Quảng Ngãi, địch đã tập trung lực lượng đánh thẳng vào cán bộ, đảng viên ta và những người kháng chiến cũ tại Nghĩa Lộ và vùng phụ cận.

Hầu hết đảng viên ở đây (trong kháng chiến chống Pháp hoạt động công khai) đều bị địch bắt, tra tấn, tù đày. Từ cuối năm 1954 đến năm 1956, địch mở bốn đợt "tố cộng" nhằm vô hiệu hoá đảng viên, buộc đảng viên ly khai Đảng. Địch dùng súng và lưới lê tập trung dân đến sân vận động Diên Hồng, chợ Ông Bó, đình Ba La... để chứng kiến những trò hề tiện nói trên; chúng xuyên tạc các chính sách của Đảng ta trong kháng chiến chống Pháp, nói xấu cộng sản.... Rất nhiều đảng viên bị địch liên tục gọi đến dọa nạt, khủng bố tinh thần, "giao nhiệm vụ" để bôi lem trước quần chúng.

Đối với quần chúng, địch liên tục tổ chức học tập "tẩy não", hòng "loại trừ những ảnh hưởng cộng sản ra khỏi đầu óc dân chúng", học tập "tố cộng", bắt con tố cha, vợ tố chồng, bà con láng giềng tố cáo lẫn nhau, gây nên cảnh vô luân, nghi ngờ, mất đoàn kết, hoang mang trong nhân dân. Địch còn phân quần chúng thành ba loại:

Loại A là những người dân "bất hợp pháp", gồm cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ.

Loại B là những người dân "nửa hợp pháp" gồm gia đình có người tập kết, có liên quan với những người kháng chiến cũ.

Loại C là những người dân không liên quan đến cách mạng. Phương châm của địch là "Dựa vào loại C, đánh vào loại A, làm cho loại B khiếp sợ và khuất phục".

Địch còn tìm cách bắt ép nhân dân vào các tổ chức, đảng phái phản động, nhất là Quốc dân đảng, Đảng cần lao nhân vị, Phụ nữ liên đới, Thanh niên cách mạng quốc gia... để làm chỗ dựa cho chế độ Mỹ - Diệm. Mỹ-Diệm còn đề ra chương trình: "cải cách điền địa", "hữu sản hoá dân vô sản", thực chất là cướp ruộng đất của nông dân được chia trong kháng chiến chống Pháp để cấp cho bọn tay sai của chúng. Mặt khác, địch còn biến vùng thị xã Quảng Ngãi thành nơi tiêu thụ hàng hoá thừa ế của Mỹ, là nơi trực tiếp chưng diện bộ mặt phồn vinh giả tạo bởi chính sách kinh tế thực dân mới của Mỹ.

Địch còn ra sức tuyên truyền cho cái gọi là "quốc gia dân tộc", cho học thuyết "duy linh", "cần lao nhân vị", một thuyết duy tâm nhằm thủ tiêu tinh thần đấu tranh của quần chúng. Đối với tầng lớp trí thức, tiểu thị dân, thanh niên, học sinh... địch tìm mọi cách nhồi nhét tâm lý tự ti trước sức mạnh quân sự, kinh tế, khoa học kỹ thuật của Mỹ, phục Mỹ, sợ Mỹ, không dám chống Mỹ; áp đặt văn hoá Mỹ, lối sống Mỹ, phá hoại truyền thống văn hoá dân tộc... Các tiệm nháy, tiệm thuốc phiện, nhà chứa, sòng bạc đã mất đi trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, nay mọc ra nhan nhản. Riêng đối với thanh thiếu nhi, địch tăng cường thực hiện âm mưu "bôi đen bọn trẻ để cộng sản không nhuộm đỏ lại được".

Mặc dù địch ra sức đánh phá, khủng bố, dụ dỗ, lừa bịp, mua chuộc, song những cán bộ, đảng viên, quần chúng cốt cán được bố trí ở lại vẫn trụ bám, vượt mọi gian

khô hiểm nguy, đi sâu đi sát để tuyên truyền giáo dục, nắm quần chúng, giữ vững niềm tin cách mạng cho quần chúng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống địch.

Rút kinh nghiệm qua các cuộc đấu tranh với địch ở Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) và Bình Dương (Bình Sơn)¹ có tác động đến tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng ở vùng thị xã, cấp trên đã chỉ đạo vận dụng pháp lý của Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh buộc địch thi hành hiệp định, nhưng phải bảo tồn lực lượng ta, tránh bộc lộ lực lượng để xảy ra tổn thất. Mặt khác, Tỉnh uỷ cũng quyết định đưa một số đồng chí bị lộ đi tập kết ra Bắc. Lúc này có một số đồng chí bị địch truy lùng gắt gao, phải vào Quy Nhơn để tập kết.

Những tháng cuối năm 1954 đầu năm 1955, nhiều đồng bào ta đưa đơn kiến nghị, hoặc khiêng người bị địch đánh đập tra tấn đến Uỷ ban quốc tế tố cáo tội ác địch, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ. Nhiều đồng bào yêu nước tìm mọi cách giúp đỡ cách mạng, như quyên góp thuốc men chuyển vào cứu chữa anh chị em bị địch tra tấn trong nhà tù; hoặc tìm cách cung cấp thuốc men, vải, giấy, võng dù... cho cán bộ ở vùng căn cứ. Nhiều phụ nữ khôn khéo che mắt địch, giữ vững đường dây liên lạc hợp pháp, đổi tiền Đông Dương cho cán bộ ta, nuôi giấu, bảo vệ cán bộ cách mạng. Nhiều đồng bào cất giữ ảnh Bác Hồ, cờ đỏ sao vàng, bạc tín phiếu (trong tờ bạc tín phiếu có ảnh Bác Hồ).

Biết thị xã Quảng Ngãi, cũng như toàn tỉnh Quảng

1. Vụ Tịnh Thiện xảy ra ngày 21, vụ Bình Dương xảy ra ngày 22 tháng 11 năm 1954. Đồng bào ta cam tức đã nổi dậy diệt một số tên tay sai của Mỹ - Diệm.

Ngãi là vùng tự do suốt 9 năm chống Pháp, nhân dân có truyền thống cách mạng kiên cường, địch đã dùng nhiều thủ đoạn đánh phá thâm độc. Chúng đưa cả những đơn vị lính Nùng của Pháp, lính "tử vì đạo" từ miền Bắc vào để đàn áp, hòng dập tắt phong trào yêu nước ở đây. Đi đôi với học tập "tố cộng", địch tung nhiều cảnh sát, mật vụ truy tìm bắt bớ các cán bộ, đảng viên nằm vùng, hoặc chuyển vùng từ nơi khác đến, kể cả những người chỉ tình nghi". Điển hình như vụ bắt đồng chí Nguyễn Tình và gần 100 người khác ở địa bàn thị xã Quảng Ngãi.

Từ năm 1954 đến năm 1957, hầu như nhà nào cũng có người bị bắt, xã nào cũng có trại giam. Nhà giam Vườn Ương và phòng nhì Pháp cũ chật ních tù nhân. Nhà lao Quảng Ngãi chỉ có thể chứa 500 tù, địch đã bắt nhốt vào đây 5.000 người.

Với quốc sách "tố cộng, diệt cộng", với khẩu hiệu "dĩ dân diệt cộng", "giết lầm hơn bỏ sót", với thủ đoạn bắt bớ tràn lan, tra tấn bằng nhục hình, "bí mật thủ tiêu cộng sản", trộn thuốc độc vào thức ăn để giết hại tù chính trị, vô hiệu hoá đảng viên... địch đã gây cho ta nhiều tổn thất.

Các chi bộ đảng và hầu hết các tổ chức hoạt động công khai hợp pháp, các đường dây liên lạc đều bị địch phá vỡ. Hàng trăm đảng viên và người kháng chiến cũ bị địch tra tấn giết hại rất dã man. Đồng chí Bùi Tại, Phó Bí thư Huyện uỷ Tư Nghĩa, phụ trách Nghĩa Lộ bị địch tra tấn đến chết tại nhà lao Huế. Đồng chí Hà Thúc Ngọ, đồng chí Nguyễn Ý (cơ sở của tỉnh) bị địch giết hại, tịch thu toàn bộ tài sản. Các đồng chí Nguyễn Bá Xuân, Đinh Minh bị tra tấn nhục hình. Đồng chí Bùi Thiệp ở xã Nghĩa Đông bị địch thủ tiêu bí mật. Các đồng chí Lương Ngọc Diệp

(Nghĩa Dũng), Bùi Phụ Thiệu (Nghĩa Điền) bị địch giết tại nhà lao Quảng Ngãi...

Các đồng chí ta có đủ ý chí cách mạng và dũng khí cộng sản, nhưng sợ vi phạm Hiệp định Giơnevơ, nên có người có súng trong tay cũng không dám đánh trả địch khi bị chúng vây đuổi.

Nhiều đảng viên và người kháng chiến cũ sa vào tay địch, vẫn giữ vững ý chí đấu tranh và niềm tin vào thắng lợi của cách mạng. Các đồng chí Bùi Tại, Nguyễn Ý, Bùi Phụ Thiệu, Lương Ngọc Diệp... thà chịu chết chứ nhất định không khai báo, đầu hàng địch. Đồng chí Bùi Tá Đồng giả cắt thanh đới của mình để khỏi nói; khi bị địch đưa đến trước xác chết của cha (Bùi Phụ Thiệu) đe dọa "Mày sẽ chết như cha mày", đồng chí ung dung đáp: "Cha tôi đã hoàn thành nhiệm vụ" và tố cáo tội ác của địch. Đồng chí bị chúng bỏ đói bảy ngày, chết trong nhà tù. Bà Nguyễn Thị Luyện ở Gò Nại, nuôi các đồng chí Bùi Tại, Đình Minh, Nguyễn Bá Xuân trong nhà. Khi các đồng chí này bị bắt, địch cũng bắt bà để tra khảo, bà không khai, không nhận và chỉ một mực nói: "Đó là các ông buôn bò vào xin nước uống". Địch đưa đồng chí Đình Minh ra đối chất: "Bà biết người này không?", bà thản nhiên đáp: "Biết! ông này đi cày, thường gửi cày ở nhà tôi"... Trên mảnh đất thị xã có thể kể hàng trăm, hàng ngàn tấm gương nêu cao tinh thần yêu nước tận trung với Đảng, tận hiếu với dân như thế. Các đồng chí, đồng bào bị địch giam trong nhà tù đã tuyệt thực đấu tranh, tẩy chay các trò hề "ly khai Đảng", "xé cờ Đảng"; liên tục đòi cải thiện đời sống. Một số trí thức cách mạng ở Nghĩa Lộ, trong đó có đồng chí Trần Đức Oanh, bị địch bắt đưa ra nhà lao Thừa

Phủ (ở Huế) mở toà án xử về "tội phá rối trật tự an ninh quốc gia, âm mưu ám sát Trưởng ty cảnh sát Nguyễn Tiến Lữ". Nhưng trước lý lẽ đanh thép khôn khéo của anh em, địch không có chứng cứ để kết tội, phải thả về.

Số bị bắt, bị tù, khi thả ra, địch buộc phải trình diện Ty cảnh sát tỉnh hằng tháng, trình diện quận hằng tuần, trình diện nguy quyền xã hằng ngày. Mặc dù vậy, nhiều đồng chí, đồng bào vẫn tìm cách bí mật liên lạc với nhau để hoạt động.

Tỉnh uỷ chỉ đạo phong trào tại vùng thị xã qua Ban cán sự Đảng thị xã. Đường dây liên lạc của tỉnh từ căn cứ xuống nhà chị Bình (ở Đồng Ké, Tịnh Giang, Sơn Tịnh), nhà anh Ái (tức là Mai - Trúc, ở Nghĩa Lâm), chị Dũng (Nghĩa Hoà), chị Bích (Nghĩa Phương) là liên lạc hợp pháp. Các cơ sở hợp pháp bên trong còn báo cáo tình hình cho Tỉnh uỷ qua hộp thư chết¹, tại cuộc họp, hoặc trực tiếp ra gặp liên lạc. Cụ Lãng "tức Lái" ở Tịnh Hà, anh Tân, anh Cổ (ở Tịnh Giang) làm nghề chài lưới đã từng đưa đón cán bộ ra vào thị xã Quảng Ngãi.

Từ cuối năm 1955, Tỉnh uỷ đề ra chủ trương: giữ vững phong trào ba vùng: miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Xây dựng chi bộ và các tổ chức quần chúng bí mật, phục hồi và phát triển các tổ chức hợp pháp. Đẩy mạnh công tác binh, địch vận, đưa người của ta vào hoạt động trong nguy quân, nguy quyền. Đẩy mạnh việc tuyên truyền bí mật và công khai, lập các tổ tuyên truyền ở chỗ

1. Một địa điểm bí mật, được quy định trước để người báo cáo đạt báo cáo vào giờ nhất định, người đến nhận vào một giờ khác, hai người không biết nhau.

đồng người như thị xã, thị trấn...¹.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ (tháng 4 năm 1956), Ban cán sự Đảng thị xã đã chỉ đạo tổ chức một số cuộc đấu tranh công khai đòi hiệp thương hai miền, tổng tuyển cử trong cả nước; chống khủng bố đàn áp nhân dân, đòi địch thả những người bị bắt, đòi các quyền dân sinh, dân chủ... Truyền đơn, khẩu hiệu từ căn cứ theo đường sông Trà Khúc xuống, hoặc giấu trong chân màn, sách vở của học sinh từ Đức Phổ, Mộ Đức ra đã tung bay tại thị xã, cổ vũ cho đợt đấu tranh. Hàng trăm lượt quần chúng kéo đến trụ sở nguy quyền xã Cẩm Thành, quận Tư Nghĩa, hoặc Toà hành chính tỉnh đòi thả ông Nguyễn Tinh² và bà Lê Thị Nhơn, đòi trả lại tiệm thuốc tây cho gia đình ông Hà Thúc Ngọ.

Trong các cuộc học tập "tố cộng", nhiều lúc quần chúng đấu tranh trực diện với địch, như khi bọn tâm lý chiến huênh hoang: "Cộng sản bị diệt hết rồi, đừng trông đợi vô ích" thì quần chúng đập lại ngay: "Hết rồi, sao ngày nào các ông cũng bắt vào tù hàng chục người". Hoặc khi chúng giả giọng dụ dỗ chị em có chồng tập kết: "Lấy lính quốc gia vàng đeo dây cổ. Lấy lính Việt Minh cực khổ muôn năm", nhiều chị em đã thẳng thừng đáp: "Lấy lính quốc gia vàng đeo có lúc. Lấy lính Cụ Hồ hạnh phúc suốt đời". Có những cụ già đặt nhiều câu hỏi trước bọn chỉ đạo "tố cộng": "Quốc gia nói cộng sản cướp công kháng chiến, nhưng lúc đánh Tây, quốc gia ở đâu, sao thấy toàn cộng sản"; "Nói quốc

1. Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm, Sđd, tr.153.

2. Hoàng sự trước áp lực đấu tranh của nhân dân, địch đã đưa đồng chí Nguyễn Tinh ra giam ở đảo Lý Sơn.

gia kháng chiến, sao nhiều người trong bộ máy quốc gia đã làm việc cho Tây"; "Cộng sản kêu gọi đánh Tây giành độc lập, nay mới có hoà bình, dân đói, họ kêu gọi sản xuất để được no ấm, vậy sao quốc gia nói họ xấu, xấu ở chỗ nào? "... Những câu hỏi dồn dập như vậy làm cho địch không trả lời được, nhiều khi chúng phải giải tán lớp học.

Qua tuyên truyền vận động cách mạng, một số trí thức ở thị xã đã đứng về phía nhân dân chống Mỹ - Diệm như các nhà giáo Nguyễn Định, Nguyễn Tấn Đức, bác sĩ Hoàng Bá (giám đốc bệnh viện)... Ta còn liên hệ để tranh thủ Phạm Đình Nghị (tỉnh trưởng nguy quyền từ tháng 5 năm 1955; sau đó do mâu thuẫn nội bộ địch, chúng chuyển Nghị vào Sài Gòn).

Trong nhà lao, anh em tù chính trị đấu tranh chống việc địch đưa một số phần tử phạm tội trộm cướp vào cai quản khổng chế tù chính trị, chống việc địch bớt xén tiền ăn, gạo của người tù; đòi ra sông Trà Khúc tắm giặt, đòi phát thuốc chữa bệnh, đòi cải thiện đời sống... Địch phải chấp nhận giải quyết một số vụ việc.

Dưới sự chỉ đạo của cấp trên, ta đã đưa đồng chí Cao Tử là một giáo viên, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Nghĩa Lộ trong kháng chiến chống Pháp (năm con trai, con gái của đồng chí Cao Tử về sau đều trở thành cơ sở cách mạng của thị xã) làm đại diện xã Tư Chánh. Địch phải dùng Cao Tử để trưng diện bộ mặt nguy quyền ở đây. Đồng chí đã khôn khéo từ chối thực hiện các vụ bắt bớ của địch, hoặc báo trước cho cán bộ, cơ sở ta tránh né. Đại diện xã không đi bắt người thì đám áp trưởng cũng không dám làm. Ta cũng nắm được áp trưởng

Thu Lộ (Nguyễn Liên, người Nghĩa Hoà).

Cuối năm 1956, Nghĩa Lộ và các xã phụ cận nằm trong diện địch mở chiến dịch "tố cộng" đợt II, nhằm "tiêu diệt tận gốc các phần tử cộng sản", "thanh lọc dân cư". Chúng cho cảnh sát lùng sục ngày đêm, tổ chức bọn tình báo, mật vụ trà trộn vào các trường học để theo dõi truy bắt cán bộ, cơ sở cách mạng. Địch còn lập ra "trung tâm cải huấn" (địa điểm công an tỉnh hiện nay), "trung tâm thẩm vấn" (địa điểm Sở địa chính hiện nay) để giam cầm, tra tấn những cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng bị bắt. Tại trung tâm thẩm vấn, địch xây nhiều ô nhỏ, tù nhân bị nhốt vào đây, không đứng thẳng, không nằm duỗi chân được mà còn liên tục bị tra tấn bằng dùi cui, kim, đinh, búa, sắt nung đỏ, bằng điện và cả bằng rắn, rết...

Lúc này, đồng chí Lê Hoè, uỷ viên Ban cán sự Đảng thị xã bị địch bắt. Tình uỷ điều động đồng chí Nguyễn Công Phụng, hoạt động trong nghiệp đoàn ô tô, bổ sung vào Ban cán sự.

Bọn Mỹ - Diệm ra rả kêu gọi "lấp sông Bến Hải", "Bắc tiến". Xe quân sự của địch kẻ khẩu hiệu "Bắc tiến" chạy rông khắp đường phố, đường làng.

Từ cuối năm 1955 đến năm 1957, "là thời kỳ khó khăn đen tối nhất của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Mọi tư tưởng yêu nước, tình cảm thiêng liêng, quyền lợi tối thiểu, sinh hoạt lành mạnh của con người đều bị chà đạp"¹.

Trong tình thế khó khăn như vậy, tuy chỉ còn rất ít đảng viên và cốt cán, các đồng chí Cao Tửu, Nguyễn Bồng

1. Trích Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III (10-1968), Tạp chí Cờ Hồng của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, Tlđđ, tr. 13.

(Nghĩa I.ộ), Bùi Ba, Nguyễn Hữu Lân (Nghĩa Đông), Cao Xoan (Nghĩa Dũng ngày nay), Nguyễn Hội, Nguyễn Tự, Nguyễn Nhung (Nghĩa Điền)... vẫn trụ bám, hoạt động, giữ liên lạc với cấp trên. Qua các đồng chí, một số cơ sở cốt cán vẫn kiên trì tuyên truyền vận động quần chúng, giữ vững niềm tin cách mạng, giữ vững số cơ sở cách mạng và quần chúng tốt.

Đến năm 1958, Ban cán sự Đảng thị xã Quảng Ngãi được Tỉnh uỷ truyền đạt tinh thần Nghị quyết tháng 6 năm 1956 của Bộ Chính trị: "Đấu tranh chính trị không có nghĩa là tuyệt đối không dùng hình thức vũ trang tự vệ trong hoàn cảnh nhất định"¹ và tinh thần bản *Đề cương cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị đang công tác ở miền Nam viết từ tháng 8 năm 1956: "Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó, không có con đường nào khác..."². Những chủ trương này của Đảng thực sự là bước chuyển hướng đường lối cách mạng miền Nam, đến Quảng Ngãi có muộn, nhưng đã tạo cho đồng chí, đồng bào thị xã Quảng Ngãi một niềm tin và sức bật mới.

Sau đó, Ban cán sự Đảng thị xã cũng tiếp thu được tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi (họp tại Gò Rô, Trà

1. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - thắng lợi và bài học*, Sđd, tr. 40.

2. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 78.

Phong, tháng 7 năm 1958). "Động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết xung quanh Đảng, vì nợ nước, thù nhà, hãy đứng lên chống Mỹ - Diệm đến cùng. Kêu gọi thanh niên không đi lính làm bia đỡ đạn cho Mỹ - Diệm: binh lính, sĩ quan, nhân viên, nguy quyền hãy quay về với nhân dân, hoặc tìm cơ hội phục vụ cách mạng...". Đại hội Gò Rô đã thực sự góp phần tạo nên bước phát triển cách mạng mạnh mẽ trong toàn tỉnh, trong đó có thị xã Quảng Ngãi.

Những tháng cuối năm 1958, lực lượng mật của ta đã diệt tên ác ôn Võ Hoàng (xã Cẩm), Bí thư Đảng cần lao nhân vị, quận trưởng Ba Tư vừa về thăm nhà tại Chợ Mới (Tỉnh Hà, Sơn Tịnh); diệt tên Phan Đình Trực, đại diện xã Bình Chương và tên Cửu Dực, đại diện xã Bình Nguyên (Bình Sơn) đã trực tiếp tác động đến thị xã Quảng Ngãi. Đồng chí và cơ sở trong nội thị và vùng ven loan truyền các tin trên, gây phấn khởi trong quần chúng, gây hoang mang cho địch.

Từ cuối năm 1958, Tỉnh uỷ giải thể Ban cán sự Đảng thị xã, điều động đồng chí Nguyễn Phú Soại về tỉnh, giao việc chỉ đạo địa bàn thị xã cho Huyện uỷ Tư Nghĩa.

Để đối phó với phong trào cách mạng đang trong xu thế phục hồi, phát triển và trấn an cho bọn nguy bên dưới, ngày 23 tháng 3 năm 1959, Mỹ - Diệm tuyên bố đặt "Miền Nam Việt Nam trong tình trạng chiến tranh". Tiếp đó ngày 6 tháng 5 năm 1959, Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10-59 cho bọn tay chân bên dưới được quyền bắn giết những người cách mạng không cần xét xử.

Tháng 1 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương

Đảng (khoá II) họp và ra Nghị quyết 15 khẳng định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân"... "dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân". "Đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ"... "thắng lợi cuối cùng nhất định về ta"¹.

Tinh thần Nghị quyết 15 được triển khai đến cơ sở, quần chúng, phong trào cách mạng tỉnh nhà (trong đó có thị xã Quảng Ngãi) như nắng hạn gặp mưa rào, "như một luồng điện chạy đến mọi người, gây niềm phấn khởi tin tưởng vô hạn, thổi bùng lên khí thế cách mạng của quần chúng"².

Ngay sau đó, đồng chí, đồng bào thị xã Quảng Ngãi nhận được tin cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi nổ ra từ ngày 28 tháng 8 năm 1959 đã giành được thắng lợi vang dội. Sự lo lắng hoang mang, đối phó bị động của bọn chóp bu nguy quân nguy quyền Quảng Ngãi không lọt qua được con mắt nhạy cảm chính trị của cơ sở và quần chúng cách mạng thị xã. Những tiếng bom rền, pháo dội cùng với hàng đàn máy

1. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr.102.

2. *Cờ Hồng*, tạp chí của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, *Tlđđ*, tr.14.

bay địch hồi hải kéo về để đối phó với phong trào cách mạng miền tây tỉnh nhà, chúng tỏ cách mạng đã chuyển lên thế tiến công, càng làm cho đồng bào thị xã thêm phấn khởi tin tưởng.

Các đảng viên và cơ sở bên trong của thị xã đã gia tăng công tác tuyên truyền miệng, phát huy thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, của phong trào diệt ác, nổi dậy chống Mỹ - Diệm ở nhiều nơi... Qua đó tấn công chính trị tư tưởng vào hàng ngũ địch. Lúc này "ở thị xã Quảng Ngãi, trong tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ, công chức, học sinh các trường Bồ Đề, Trần Quốc Tuấn và phu khuân vác đã nổ ra các cuộc đấu tranh phản đối Luật 10-59, phản đối thuế má, phụ thu lạm bổ"¹.

Tháng 9 năm 1959, các đồng chí Võ Trọng Nguyễn, Mai Lương, Trần Luận, Tạ Huy (Vũ Tiến Đạt), Bùi Đại, Trần Mỹ (tập kết ra Bắc) được Trung ương chọn cử về miền Nam để tham gia chống Mỹ, cứu nước tại địa phương.

Từ đây, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, được phong trào chung trong tỉnh, trong miền cổ vũ và có cán bộ tăng cường, phong trào chống Mỹ - Diệm ở thị xã Quảng Ngãi từng bước được phục hồi và phát triển.

Trải qua sáu năm 1954-1959, dưới sự chỉ đạo của

1. Nam 1959, thuế điền thổ tăng gấp đôi, hoặc nội phụ thu 50%; quỹ kiến thiết mỗi cử tri từ 70 đồng tăng lên 300 đồng; di xâu từ 5 ngày lên 15 ngày (*Báo cáo tình hình Khu V* - tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Trung ương Đảng - hồ sơ số 1530).

Đảng, nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã tiến hành cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - kẻ thù giàu mạnh, nham hiểm hơn thực dân Pháp gấp nhiều lần.

Trong cuộc đấu tranh một mất một còn của thời kỳ này, mấy năm đầu ta còn có một số thiếu sót như mơ hồ, ảo tưởng và máy móc một chiều thực hiện Hiệp định Giơnevơ, chưa thấy hết bản chất, âm mưu của kẻ thù, còn lúng túng trong phương hướng, phương châm, phương pháp đấu tranh với kẻ thù mới. Trong sáu năm này tổ chức và lực lượng của Đảng, của đồng bào yêu nước tại thị xã Quảng Ngãi đã phải chịu đựng nhiều hy sinh tổn thất vì quốc sách "tố cộng, diệt cộng" của Mỹ - Diệm. Có lúc hầu hết cơ sở cách mạng bị tan vỡ, phong trào tạm lắng. Hàng trăm người con ưu tú của quê hương bị tra tấn nhục hình, giết hại dã man, thủ tiêu bí mật. Hàng ngàn người bị bắt bớ tra tấn, tù đầy thành tàn phế, gia đình ly tán, tài sản không còn.

Mặc dù vậy, Mỹ - Diệm vẫn không thể tiêu diệt hết những người cộng sản, không thể nào xoá bỏ được ảnh hưởng và uy tín của Đảng trong quần chúng, cũng như chưa lúc nào dập tắt được phong trào chống Mỹ - Diệm của nhân dân thị xã Quảng Ngãi. Đảng viên và cơ sở cách mạng của Đảng vẫn tồn tại trong quần chúng. Nhân dân thị xã Quảng Ngãi vẫn một lòng hướng về Đảng, Bác Hồ và miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Ngọn lửa cách mạng vẫn được giữ gìn ấp ủ, nung nấu trong lòng nhân dân thị xã, dần dần được tiếp thêm sinh khí, đang trong xu thế bùng cháy không thể lực thù địch nào ngăn chặn được.

Chương X

THAM GIA LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO TRÀO ĐỒNG KHỞI, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA MỸ - NGUY (1960-1965)

Sau thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi cuối năm 1959, của đồng khởi ở miền Nam từ đầu năm 1960, phong trào cách mạng miền Nam có những bước phát triển mới, cao hơn. "Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu"¹.

Để đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân ta, địch ra sức thực hiện những âm mưu, thủ đoạn quyết liệt, thâm độc. Năm 1960 ở Quảng Ngãi, địch đã mở nhiều cuộc càn quét đánh phá vùng căn cứ, vùng mới giải phóng; mở hàng chục cuộc "hành quân cảnh sát" tại thị xã và các thị trấn nhằm truy lùng "Việt cộng", ngăn chặn hành lang giữa thị xã với vùng nông thôn, "không để dân tiếp tế cho cộng sản".

Tháng 2 năm 1960, Đại hội đại biểu lần thứ I tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi họp chỉ rõ phương hướng cho phong trào cách mạng toàn tỉnh: "Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng

1. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr.163.

thế kìm kẹp bên dưới, phá khu tập trung dân, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn"¹. Tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: "Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới"². Tiếp đó, ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, thông qua tuyên ngôn và chương trình hành động 10 điểm, cụ thể hoá đường lối cách mạng miền Nam nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.

Những sự kiện chính trị quan trọng trong năm 1960 và các phương hướng nhiệm vụ nêu trên đã soi sáng con đường cách mạng cho cán bộ và nhân dân thị xã Quảng Ngãi. Cộng vào đó, những bức thư, tấm ảnh từ miền Bắc chuyển về tận tay những gia đình có người tập kết và những cuộc diệt ác, chống càn thẳng lợi ở các huyện miền núi, đồng bằng trong tỉnh liên tục dội về thị xã, đã gây thêm niềm tin tưởng phấn khởi trong nhân dân, đập tan

1. *Sđd*, t.II, tr. 135.

2. Trích *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I* (trong kháng chiến chống Mỹ) - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

luận điệu xuyên tạc của địch "Bảy cộng sản Bắc Việt đeo lên cộng đu đủ không gãy". Những sự kiện và tình hình trên gây nên tâm trạng lo âu cho đám nguy quân, nguy quyền.

Ngày 28 tháng 1 năm 1961, Kennodi vừa nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ đã tuyên bố tiến hành cuộc "chiến tranh đặc biệt" hòng cứu vãn sự sụp đổ của nguy quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Cốt lõi của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt"; xương sống của nó là tăng cường nguy quân, nguy quyền, tăng vũ khí và cố vấn quân sự Mỹ, thực hiện quốc sách "áp chiến lược" hòng "tát nước để bắt cá" tách cán bộ, đảng viên ra khỏi quần chúng.

Địch thực hiện kế hoạch Stalây - Taylo âm mưu "bình định" miền Nam Việt Nam trong vòng 18 tháng (1961-1962) và kế hoạch Giônxon - Mácnamara âm mưu "bình định" miền Nam Việt Nam trong vòng hai năm (1963-1964).

Đối với Quảng Ngãi, địch thành lập "Biệt khu Quảng Ngãi" trực thuộc Bộ tổng tham mưu nguy Sài Gòn, đưa xuống 30 cố vấn Mỹ, thành lập sư đoàn bộ binh 25 nguy để củng bảo an đánh phá phong trào; thực hiện chế độ quân quản vùng thị xã, thị trấn. Ngô Đình Nhu (em trai và là cố vấn của Diệm) đích thân ra Quảng Ngãi chỉ thị cho tay sai địa phương: "Muốn tồn tại ta phải đập lên oán hờn của dân chúng để thực hiện cho được quốc sách áp chiến lược"¹.

Để ngăn chặn không cho lực lượng ta áp xuống thị xã

1. *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi*, Sdd, tr.101.

và kìm kẹp khống chế nhân dân, địch đã dựng lên một số chốt điểm, bót gác từ tây Tư Nghĩa đến Hành Dũng và cho rào nhiều lớp kềm gai, dựng nhiều bót gác xung quanh xã Tư Chánh, chỉ trừ mấy công ra vào, tối đóng chặt có lính canh gác lúc giờ nghiêm. Đồng thời ra sức bắt lính, tăng cường lực lượng bảo an, cảnh sát, phát triển lực lượng dân vệ mỗi xã một, hai trung đội. Năm 1963 lực lượng nguy tăng lên 20 lần so với năm 1960; cố vấn quân sự Mỹ từ 30 tên tăng lên 450 tên¹. Địch còn ráo riết phát triển "Phụ nữ liên đới", "Thanh niên cộng hoà"... để tiện bắt lính tăng quân. Mặt khác, chúng cưỡng ép dân vào các tôn giáo, nhất là Công giáo, thực hiện chính sách chia rẽ lương giáo để chống phá cách mạng. Ở thị xã Quảng Ngãi chúng xây dựng thêm nhà thờ Công giáo. Ở đường phố, thôn xóm, chúng lập ra "ngũ gia liên bảo", "thập gia liên bảo" có nhiệm vụ theo dõi nhau và mỗi nhà phải có một mõ tre để báo động khi có "Việt cộng xâm nhập"; lập ra "thùng thơ dân nguyện" nhằm "dĩ dân diệt cộng", truy cứu xét hỏi những người và việc tình nghi liên quan đến Việt cộng. Địch còn tung nhiều mật báo, chỉ điểm, cộng tác viên giám sát các nhà trọ học sinh, các nhà chùa, trường học, chợ quán... để theo dõi hoạt động của ta, và ra sức cưỡng bức những gia đình liên quan với cách mạng "đi dinh điền" ở Long Khánh, mua chuộc lừa bịp một số gia đình "thiện chí với quốc gia" bằng cách cho vay nông tín, cấp phát lúa mì, bán rẻ phân bón... Đây không chỉ là thủ đoạn kinh tế mà còn là thủ đoạn chính trị, cô lập phân biệt đối xử với gia đình cách mạng, gây mâu thuẫn, chia rẽ trong nhân dân

1. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*. Sđd, tr.226.

ta. Những âm mưu và thủ đoạn trên có gây cho ta những khó khăn nhất định.

Trước tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị và nghị quyết mới, chỉ rõ phương hướng, phương châm đấu tranh của cách mạng miền Nam. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ của Trung ương. Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chỉ thị "Phát động quần chúng đấu tranh chính trị, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động vũ trang hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, động viên con em tham gia cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang làm cơ sở cho đấu tranh chính trị và phong trào lâu dài về sau"¹.

Tinh thần những nghị quyết, chỉ thị nói trên từng bước thâm nhập vào cán bộ, đảng viên, cơ sở và quần chúng cách mạng thị xã, tạo nên một lực lượng vật chất mới để chiến thắng kẻ thù.

Cuối năm 1961, Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng Quảng Ngãi được thành lập. Sau đó Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Tư Nghĩa cũng ra đời do ông Nguyễn Sửu (tức Giáo Hường - sống hợp pháp) làm Chủ tịch, đã tăng thêm niềm tin cho đồng bào trên địa bàn thị xã.

Trong các năm 1960-1961 có thêm một số đồng chí ở miền Bắc, trong đó có đồng chí Nguyễn Nghĩa (người Nghĩa Lộ), Bùi Đức Hùng (người Thu Phố) về tăng cường lực lượng chỉ đạo và hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp tại vùng thị xã. Cuối năm 1961, Khu V đưa một đội đặc công gồm bảy chiến sĩ do đồng chí Trần Văn Luyện (người xã

1. Chỉ thị đầu năm 1962 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về "tổ chức quần chúng" - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

Cẩm Châu, thị xã Hội An) làm đội trưởng về hoạt động tại vùng thị xã Quảng Ngãi. Đội công tác đông Tư Nghĩa cũng được thành lập, do đồng chí Mai Lương làm đội trưởng. Các xã Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Nghĩa Điền, Nghĩa Đông... là địa bàn hoạt động của đội. Đội đã xây dựng được một số cơ sở cách mạng bên trong, trong đó có anh Huỳnh Đoàn Mai, học sinh trường Trần Quốc Tuấn. Năm 1962, Ban bảo vệ an ninh tỉnh hình thành bảy tiểu ban, trong đó có tiểu ban III (gọi tắt là B3) chuyên trách công tác điệp báo và an ninh đô thị¹, địa bàn trọng điểm là thị xã Quảng Ngãi. Tháng 6 năm 1962, B3 giao nhiệm vụ cho anh Huỳnh Đoàn Mai (Mai Hoàng) hoạt động hợp pháp trong sinh viên, học sinh để đẩy mạnh phong trào đấu tranh hợp pháp.

Theo sự chỉ đạo của cấp trên, các lực lượng công tác thị xã đã xác định: trước tình hình mới cần đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở thị xã và vùng ven. Trọng tâm công tác trước mắt là ra sức xây dựng hậu cứ, hành lang, bàn đạp, đưa lực lượng ta bám sát địa bàn, phát triển thực lực cách mạng bên trong, từ phát triển cơ sở tiến lên phát triển đảng, xây dựng tổ chức đảng, để lãnh đạo vận động nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chính trị, tấn công vũ trang, binh tế vận, đập tan kế hoạch của địch lập ấp chiến lược, đánh phá cách mạng tại địa bàn trọng điểm này.

Đội công tác ra sức xây dựng hậu cứ ở Đá Sơn, học tập phương pháp hoạt động bí mật và nắm bước vận động

1. *Lịch sử công an nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (1954-1975)*, Công an Quảng Ngãi xuất bản năm 1995, t. II, tr. 69, 70.

quần chúng (điều tra, tuyên truyền, đưa vào tổ chức, huấn luyện, đưa ra hành động), xây dựng hành lang bàn đạp ở Nghĩa Kỳ, bố trí hệ thống thông tin liên lạc... Sau một thời gian chuẩn bị, các đồng chí Mai Lương, Nguyễn Sâm, Võ Quới đã thọc sâu vào Nghĩa Lộ bám trụ tại nhà bà Nguyễn Thị Luân (ở Gò Nại) để quan sát, điều tra nắm tình hình phục vụ cho việc định kế hoạch hoạt động lâu dài.

Sau đó đội công tác, tiểu ban điệp báo và an ninh đô thị của tỉnh, đội đặc công của khu tiến hành xây dựng cơ sở, mở rộng địa bàn đứng chân, phát triển thực lực cách mạng ở vùng ven và nội thị; phối hợp vận động tổ chức các cuộc đấu tranh chính trị, tấn công vũ trang vào hàng ngũ địch, gây thanh thế cho cách mạng, phát động quần chúng đứng lên chống Mỹ - Diệm mạnh mẽ hơn.

Đường dây liên lạc đã được xây dựng từ căn cứ đến vùng thị xã, đầu mối từ anh Năm (dân tộc Hrê) ở Sơn Nham chuyển tài liệu xuống Tịnh Giang. Nhà chị Bình ở Tịnh Giang là trạm nhận, giao tài liệu cho anh Năm và đón đưa cơ sở lên căn cứ¹. Chị Hồng ở Nghĩa Lâm là liên lạc hợp pháp của tiểu ban điệp báo và an ninh đô thị vào thị xã. Căn cứ bàn đạp được xây dựng ngày càng gần nội thị.

Do phong trào cách mạng phát triển và tình hình nhiệm vụ mới yêu cầu, đầu năm 1963 đội công tác đông Tư Nghĩa chia thành 2. Đồng chí Mai Lương phụ trách chung và trực tiếp làm đội trưởng phía bắc; đồng chí Trần Đại làm đội trưởng đội phía nam. Từ đây ta đã xây dựng đường dây giao thông liên lạc nhiều tuyến. Có tuyến làm

1. Về sau anh Năm hy sinh; chị Bình bị lộ phải thoát ly.

nhiệm vụ chuyển giao tài liệu, đưa đón cán bộ và chiến sĩ ra vào thị xã. Có tuyến vận chuyển chất nổ, vũ khí từ căn cứ vào, chuyển gạo, muối, vải... ra căn cứ. Có tuyến liên lạc hợp pháp từ Đức Phổ ra, từ Tịnh Kỳ lên gặp cơ sở mật bên trong để truyền đạt nhiệm vụ và nhận báo cáo. Cuối năm 1964, đội vận chuyển đường sông được thành lập, gồm 12 người, do đồng chí Huỳnh và đồng chí Ninh chỉ huy¹ dùng ghe chở cán bộ, chiến sĩ, vũ khí nhập thị và chuyển thương binh ra vùng căn cứ của ta.

Những công việc trên đã được thực hiện trong điều kiện hết sức khó khăn: địch tuần tra canh gác gắt gao, truy lùng ta ráo riết; song nhờ trí thông minh sáng tạo của các cán bộ, đảng viên, quần chúng và sự giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân toàn tỉnh, quân dân thị xã đã từng bước vượt qua khó khăn để giành thắng lợi.

Nhờ quyết tâm trụ bám, kiên trì vận động và tổ chức, đội công tác đã giúp xây dựng được một số chi bộ đảng:

Chi bộ Nghĩa Lộ thành lập ngày 19 tháng 5 năm 1962 tại nhà anh Võ Cao Sơn (Phú Yên II) gồm 5 đảng viên: Nguyễn Bổng, Lê Thành, Đoàn Săn, Lê Chuông, Nguyễn Vỹ do đồng chí Nguyễn Bổng làm Bí thư.

Chi bộ Nghĩa Điền thành lập đầu năm 1963 tại nhà đồng chí Nguyễn Hữu Nhung, gồm 5 đảng viên: Nguyễn Hữu Nhung, Nguyễn Hội, Nguyễn Tự, Trần Cao Tôn, Nguyễn Giáo do đồng chí Nguyễn Hữu Nhung làm Bí thư.

Chi bộ Nghĩa Đồng thành lập đầu năm 1963 tại nhà đồng chí Nguyễn Hữu Lân, gồm 3 đảng viên: Bùi Ba,

1. Đồng chí Huỳnh sau năm 1975 có thời gian làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tịnh Khê - Sơn Tịnh.

Nguyễn Hữu Lân, Cao Xoan do đồng chí Bùi Ba làm Bí thư.

Cuối năm 1963 đầu năm 1964, thành lập chi bộ nội thị gồm 3 đảng viên: Phạm Tào, Lê Thị Thứ, Phạm Thị Loan do đồng chí Phạm Tào làm Bí thư.

Năm 1965, thành lập chi bộ Bắc Môn gồm 3 đảng viên: Lê Thị Dục, Đặng Hảo, Lê Thị Tự do đồng chí Lê Thị Dục làm Bí thư.

Ngoài 5 chi bộ còn có một số đảng viên đơn tuyến do Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Tư Nghĩa và tiểu ban điệp báo an ninh đô thị của tỉnh trực tiếp phụ trách, giao nhiệm vụ.

Tuy việc tổ chức kết nạp đảng viên mới, thành lập chi bộ phải tiến hành trong điều kiện tuyệt đối bí mật, nhưng vẫn đảm bảo đúng nguyên tắc, đủ cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, gây xúc động trong lớp đảng viên bí mật này.

Công tác xây dựng đảng về mặt chính trị tư tưởng cũng được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Đảng viên, cán bộ luôn được giáo dục rèn luyện theo hướng củng cố niềm tin vào đường lối, chủ trương, phương pháp hoạt động của Đảng; tin quần chúng, coi lòng dân là chỗ dựa cơ bản nhất; tự tin mình và tin đồng chí mình; thắng không kiêu, bại không nản, thắng cùng hưởng, bại cùng chịu; không tranh công, không đổ lỗi cho ai; không ngại ác liệt, không sợ hy sinh, luôn đề cao cảnh giác với địch... Nhờ đó, cán bộ, đảng viên đã phát huy được bản chất tốt đẹp của người cộng sản, len lỏi, bám sát quần chúng để tuyên truyền vận động cách mạng, lãnh đạo và cùng quần chúng đấu tranh chống địch.

Như vậy, trong chống "chiến tranh đặc biệt" của địch, nội thị và vùng ven thị xã Quảng Ngãi có sự lãnh đạo của

tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đơn tuyến tại chỗ. Đây là một việc có ý nghĩa chính trị cực kỳ to lớn sau bao năm "tố cộng, diệt cộng" của địch; đây cũng là một nguyên nhân có tính chất quyết định để chiến thắng kẻ thù.

Đi đôi với việc xây dựng đảng, các chi bộ bên ngoài và bên trong đặc biệt chú trọng xây dựng căn cứ lõm để tiến có thể đánh, lui có thể thủ. Trước hết đó là căn cứ trong lòng dân. Các đồng chí cán bộ, đảng viên đã đi sâu tuyên truyền giáo dục xây dựng cơ sở mật, thực hiện theo phương án "ba ba nút nhánh", ngăn cách, bí mật; vừa vận dụng tình cảm gia đình, vận động những người thân trong nhà và bà con họ hàng mình đứng vào hàng ngũ chống Mỹ, cứu nước; qua lực lượng này mở rộng diện thu hút những người khác, xây dựng các đoàn thể cách mạng và nắm tình hình chính trị tư tưởng số người làm việc cho địch. Từ năm 1963, một số căn cứ lõm ở vùng ven và nội thị, từ năm, bảy gia đình đến một xóm đã được xây dựng. Nhờ vậy mà Gò Nai, Gò Gai (Nghĩa Lộ), Thạch Phổ (Nghĩa Điền), Thôn Ba (Nghĩa Đông), Thôn Sáu (Nghĩa Dũng ngày nay)... được các đồng chí ta gọi là "Nghệ An đỏ" hoặc là "Vùng Liên Xô" trong lòng thị xã Quảng Ngãi. Ở những nơi này đã xây dựng được lực lượng an ninh, du kích mật, các tổ chức quần chúng.

Tại các căn cứ lõm, việc xây dựng hầm bí mật được coi trọng. Từ năm 1961, các đơn vị hoạt động ở thị xã đã rút một số thợ rèn, thợ mộc lên căn cứ Đá Sơn đóng nắp hầm bí mật, rèn cuốc, xà beng để đào hầm. Mỗi hầm có thể chứa từ 2 đến 4 người, có ống thông hơi lên chỗ kín đáo. Tổ đào hầm đã đào một hầm thí nghiệm, nguy trang kỹ, xong báo cho các đồng chí khác tìm, nhưng không tìm ra.

Sau đó mới triển khai đào hầm ở vùng ven thị. Có hầm cho cán bộ, đội công tác, lực lượng vũ trang; có hầm chứa vũ khí, hầm chứa gạo mẩm, hầm cất giấu tài liệu hoặc thư từ... Có người còn dựa vào thế bất ngờ làm những hầm che giấu lực lượng ta. Điển hình là đồng chí Cao Tửu (là đại diện xã Tư Chánh) ngày nào cũng có địch vào ra nhà đồng chí, thế mà đồng chí đã dùng tấp-lô xây một căn hầm ngay trước sân nói là "đề phòng Việt cộng pháo kích". Căn hầm này đã nhiều lần che giấu cán bộ, chiến sĩ ta; có lần đã nuôi giấu cả một tiểu đội đặc công của đồng chí Luyện ém vào đánh địch bên trong. Về sau một số đồng chí còn đào hầm bí mật sát bờ sông Trà, miệng hầm nằm dưới nước, địch không tài nào phát hiện được.

Cũng trong thời gian này, được sự chỉ đạo của cấp trên, các lực lượng ta bên ngoài và các chi bộ đảng bên trong phối hợp hoạt động, liên hệ với đồng chí Đinh Minh và các đồng chí trong nhà lao, để đưa một số đồng chí ta thoát tù. Tháng 10 năm 1961, trên cử liên lạc từ Nghĩa Lâm xuống đón một số đồng chí thoát tù lên căn cứ, trong đó có đồng chí Việt Anh (ở Bình Sơn, sau này là tỉnh uỷ viên, đã hy sinh). Năm 1962 địch thả đồng chí Đinh Minh. Sau đó đồng chí Đinh Minh gặp đồng chí Mai Lương, Nguyễn Nghĩa để nhận nhiệm vụ hoạt động hợp pháp ở nội thị.

Các chi bộ bên ngoài và bên trong còn phối hợp nhau vận dụng 5 bước công tác vận động quần chúng, điều tra tìm hiểu cụ thể từng đối tượng có quan hệ với cách mạng, với miền Bắc, với địch, với các tôn giáo ra sao, để từ đó tuyên truyền vận động phù hợp với từng đối tượng. Với cách này từ 1962 đến 1965, ta đã xây dựng được hàng

trăm cơ sở các loại (cơ sở chính trị, binh tề vận, du kích, an ninh mật; cơ sở trong quân chúng lao động, học sinh, giáo chức, tôn giáo, đảng phái, ngoại kiều, binh lính, sĩ quan và nhân viên nguy quyền...). Trong đó có một số cơ sở do tình xây dựng và chỉ đạo như: Lê Cao Hoàng, thường vụ tỉnh uỷ Quốc dân đảng; Huỳnh Liệu, trưởng phòng tiếp liệu của cảnh sát nguy Quảng Ngãi. Có số cơ sở do huyện Tư Nghĩa xây dựng và chỉ đạo như Phạm Tấn Tới, chủ tịch hội đồng hương chính xã Cẩm Thành (mang bí số X20); Cao Cừ, cảnh sát trưởng xã Tư Bình (Nghĩa Đông); Trần Tế Á phụ trách y tế xã Cẩm Thành... Những cơ sở trên đã cung cấp cho ta nhiều tin tức quan trọng, hoặc tung tin giả cho địch để ta kịp thời đối phó... Qua các cơ sở này, ta còn nắm được một số người trong nguy quân, nguy quyền xã, thôn, ấp, tạo thêm thuận lợi cho hoạt động của ta. Ta còn chú trọng xây dựng được nhiều cơ sở trong học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề. Năm 1963 ta đưa 4 cơ sở nòng cốt trong học sinh (Nguyễn Vĩ Đại, Nguyễn Thanh Quới, Huỳnh Thanh Châu, Bùi Quang Sơn) lên căn cứ. Đồng chí Tư Thuận, Phó Bí thư Khu uỷ V đã gặp, động viên và giao nhiệm vụ về tổ chức lực lượng cách mạng trong thanh niên, học sinh, đẩy mạnh đấu tranh công khai hợp pháp, liên lạc phối hợp hoạt động với sinh viên học sinh Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, vận động thanh niên học sinh thoát ly tham gia chống Mỹ, cứu nước. Sau đó ta thường xuyên đưa các cơ sở nội thị lên căn cứ để huấn luyện bồi dưỡng tư tưởng cách mạng và phương pháp hoạt động bí mật. Bên cạnh số cơ sở bí mật mang vỏ hợp pháp, tỉnh còn xây dựng được tờ điệp báo A1, do đồng chí Lê Tấn Quỳnh (chủ nhà in Tân

Lập) phụ trách. Tổ đã tiếp cận gây được cảm tình với một số tên cầm đầu nguy quyền, cảnh sát ở tỉnh và xã Cẩm Thành, nên đã thu được nhiều tin tức cơ mật của địch, phục vụ cho Tỉnh uỷ chỉ đạo kịp thời, sát đúng tình hình, làm thất bại nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch¹, xây dựng nơi chứa vũ khí của đội đặc công Khu V tại hiệu thuốc tây Tân Thanh; xây dựng một tiểu đội du kích mật tại thôn 6 Nghĩa Dũng ngày nay làm nhiệm vụ bảo vệ bộ phận chỉ đạo cánh đông thị xã...

Như vậy, trong một thời gian ngắn ta đã xây dựng được địa bàn đứng chân vùng ven và căn cứ lõm, khôi phục được một số chi bộ đảng, phát triển được nhiều cơ sở cách mạng bên trong. Từ đây ta phát động quần chúng, tổ chức lực lượng cách mạng, đưa phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở thị xã Quảng Ngãi ngày càng lên cao.

Để cổ vũ phong trào đấu tranh của quần chúng ta mở nhiều đợt phân phát truyền đơn, treo cờ, băng khẩu hiệu cách mạng trong lòng thị xã. Các đồng chí và cơ sở ta có nhiều sáng kiến như: cột một viên đá nhỏ vào một góc lá cờ, tối ném lên các cành cây cao, sáng ra cờ tung bay nhiều nơi, quần chúng phấn khởi, kẻ thù hoang mang lúng túng. Truyền đơn chống Mỹ - Diệm, binh tề vận được giấu trong các gánh rau, chèn từ bốn hướng nhập vào thị xã. Có những bó truyền đơn gói hồ bằng lá chuối bỏ dọc đường, xe ô tô chạy qua làm cho truyền đơn tung bay khắp đường phố. Có những xấp truyền đơn được nhúng nước đặt trên cây cao, sau một lúc nắng gió làm cho truyền đơn khô và bay theo chiều gió. Có những truyền đơn nhét

1. *Lịch sử Công an nhân dân Quảng Ngãi (1954-1975)*, Sđd, t.II, tr.72.

trong bao thuốc lá bỏ ngoài đường, bỏ tận cổng ngõ, cơ quan đồn bắt nguy, hoặc nhà ở của bọn cầm đầu... Bằng những cách làm này, chủ trương chính sách của Đảng, của Mặt trận dân tộc giải phóng và tin chiến thắng của ta đến với nhân dân, kẻ địch không tài nào đối phó được.

Trong thời kỳ này, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng thị xã nổi lên khá mạnh, có tổ chức, có chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ. Ở các xã vùng ven, nhiều cuộc đấu tranh chống bắt dân đi dinh điền, chống lập ấp chiến lược, chống bắt lính, chống cướp công điền đã nổ ra, buộc địch phải chấp thuận yêu sách. Có nơi đồng bào không chịu rào ấp, hoặc ban ngày rào, ban đêm phá. Ở nội thị, anh chị em lao động nghiệp đoàn ô tô, xe ngựa, xe ba gác, phu khuân vác đấu tranh đòi địch cung cấp gạo, giảm thuế, giảm giá hàng. Học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề tổ chức hội thảo, diễn thuyết, ra báo tường ... vừa tập hợp lực lượng, vừa đấu tranh chống "quân sự hoá học đường", chống bắt lính, đòi "phi chính trị hoá" các trường học (không chấp nhận chính trị Mỹ - Diệm). Nhiều cuộc đấu tranh tập hợp hàng trăm quần chúng kéo đến cơ quan đại diện xã Cẩm Thành, hoặc đến thẳng toà hành chính tỉnh đấu lý, đấu lẽ với địch cả ngày, có khi hai, ba ngày, buộc địch phải chấp nhận yêu sách. Trong Phật giáo nổi lên phong trào cầu siêu cho Thích Quảng Đức tự thiêu ở Sài Gòn, phản đối Mỹ - Diệm đàn áp Phật giáo, đã lôi cuốn nhiều phật tử xuống đường, làm cho nguy quyền Quảng Ngãi lúng túng bị động đối phó.

Cùng với đấu tranh chính trị ta đã thực hiện một số vụ diệt ác, một số trận đánh vũ trang trong lòng thị xã, nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phá lỏng thế kìm

keo, gây thanh thế cho cách mạng, hỗ trợ và thúc đẩy đấu tranh chính trị phát triển cao hơn. Tiêu biểu có các trận đánh sau đây:

- Đêm 21 tháng 8 năm 1962, đội đặc công của Quân khu V chủ động phối hợp với đội công tác huyện và du kích mật, đánh vào đặc khu Quảng Ngãi. Sau 30 phút chiến đấu từ Cửa Đông lên Cửa Tây, ta diệt hàng chục tên địch, có 4 cố vấn Mỹ, một số sĩ quan nguy, đánh sập 11 nhà lính, phá một xe Jeep. Đây là trận đánh đầu tiên vào trung tâm đầu não của nguy quân, nguy quyền Quảng Ngãi từ sau 1954, nơi mà địch cho là "bất khả xâm phạm". Tuy số địch bị diệt không nhiều, nhưng trận đánh đã có tiếng vang lớn ở Quảng Ngãi và khu vực miền Trung; gây cho địch hoang mang lo sợ; góp phần hỗ trợ và tác động sâu rộng đến phong trào chung của thị xã và cả tỉnh. Trong trận này, đồng chí Mai Trúc bị thương, bị địch bắt, không khai báo đầu hàng và đã hy sinh anh dũng¹.

- Trận bắt ngờ bắt được tên Tuý, mật báo viên của địch. Chín giờ sáng một ngày tháng 5 năm 1963, tên Tuý mò đến nhà một cơ sở của ta ở Nghĩa Dũng. Lúc đó trong nhà có mấy đồng chí của ta đang ở, đóng vai quân nguy trong những bộ quần áo rằn ri. Tên Tuý giả đi mua heo để dò la. Anh em ta đã xáp tới: "Mày chẳng đi mua heo gì cả mà đến đây để tìm bắt liên lạc với cộng sản. Chúng tao phục ở đây lâu rồi, nay mới tóm được mày. Mày sẽ bị trừng trị". Tên Tuý sợ quá liền móc túi chìa thẻ mật báo viên của địch ra. Anh em ta đã bắt nó và xử trị trong đêm.

- Trận chiến đấu của 4 dũng sĩ Vạn Tượng (Nghĩa

1. Có người nói đồng chí Trúc bị lạc đường bị địch bắt thủ tiêu.

Dũng) ngày 17 tháng 8 năm 1963. Sau khi một số ác ôn các xã vùng đông thị xã bị ta tiêu diệt, địch ráo riết phản kích, tổ chức càn quét, xăm hằm, hồng truy bắt lực lượng ta. Ngày 17 tháng 8 năm 1963 vào lúc 11 giờ trưa, địch phát hiện một hầm bí mật của đội công tác cánh đông tại thôn Thiện Mỹ (thôn 6 Nghĩa Dũng). Do có phương án từ trước, nên khi bị lộ, bốn đồng chí (Nguyễn Mai bí danh là An, Nguyễn Cửa bí danh là Quyết ở Nghĩa Dũng, Nguyễn Sâm bí danh là Châu ở Nghĩa Hoà và Lê Tuấn ở Nghĩa Hiệp) đã bung lên đánh trả địch. Bị phản công bất ngờ địch hoang mang bỏ chạy. Bốn đồng chí nhanh chóng vận động đến thôn 5, chiếm ngôi nhà kiên cố của ông Tạ Thành làm công sự chiến đấu. Địch huy động hơn một tiểu đoàn cộng hoà, bảo an từ thị xã kéo xuống cùng với dân vệ bao vây xung quanh nhà, gọi hàng hồng bắt sống bốn chiến sĩ ta. Không kết quả, địch liên tục mở các đợt tấn công để tiêu diệt ta. Bốn đồng chí đã lợi dụng tường nhà kiên cố, tiết kiệm từng viên đạn, đợi địch tới gần mới nổ súng diệt chúng. Cuộc chiến đấu giữa bốn chiến sĩ ta với hơn 200 tên địch kéo dài từ hơn 12 giờ trưa đến 18 giờ chiều. Hàng chục tên địch đã bị bỏ xác, nhiều tên khác bị thương. Khi hết đạn các đồng chí đã đập nát súng, mỗi đồng chí cầm một quả lựu đạn xông thẳng vào đội hình địch, tung lựu đạn tiêu diệt thêm được nhiều tên địch và các đồng chí đã anh dũng hy sinh. Cuộc chiến đấu và hy sinh của bốn dũng sĩ Vạn Tượng chứng minh lòng dũng cảm ngoan cường, lách lút đánh nhiều của các chiến sĩ thị xã Quảng Ngãi, tăng thêm niềm tin trong nhân dân, góp phần củng cố và phát triển phong trào cách mạng của thị xã. Tinh thần sẵn sàng xả thân vì nước của bốn chiến sĩ



Đội công tác đồng Tư Nghĩa, địa bàn hoạt động chính là Nghĩa
Điền, Nghĩa Lộ, Nghĩa Đồng - thành lập từ 1962. Từ phải sang: đồng chí
Sơn, Khâm, Xoang, Mỹ, Thắng, Miên, Hiền (Tạ Công Hiền - Mai
Lương), Thứ, Thiện, Tiến - Đồng chí Mai Lương làm đội trưởng

Ảnh chụp tại Tĩnh Kỳ năm 1964 - Mai Lương cung cấp

Vạn Tượng đã để lại trong nhân dân sự khâm phục, tiếc thương và làm cho quân thù khiếp sợ.

Trong năm 1962-1963 có hàng chục trận tấn công vũ trang, diệt ác ở nội thị và vùng ven. Tiếng súng đã nổ từ hai phía ở thị xã Quảng Ngãi. Lực lượng cách mạng được khôi phục và phát triển, phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang chống Mỹ - Diệm dấy lên ngày càng mạnh đã góp phần cùng toàn tỉnh, toàn miền, toàn quốc đẩy chế độ Mỹ - Diệm đến khủng hoảng nghiêm trọng.

Trước tình thế đó ngày 1 tháng 11 năm 1963, đế quốc Mỹ thực hiện chính sách "thay ngựa giữa dòng", giật dây đám tướng nguy trẻ làm đảo chính, giết anh em Diệm Nhu, đưa đám tướng lĩnh thân Mỹ hơn lên cầm đầu nguy quyền Sài Gòn, để tiếp tục đẩy cỗ xe chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam.

Tháng 12 năm 1963, kỳ họp thứ 9 Trung ương Đảng (khoá III) quyết định nhiều vấn đề chiến lược về cách mạng miền Nam, tiếp tục khẳng định đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song, cả hai đều có vai trò quyết định cơ bản, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu mới của đấu tranh vũ trang...

Sau khi Nghị quyết 9 của Trung ương, các tổ chức đảng ở thị xã Quảng Ngãi tiếp thu được phương hướng nhiệm vụ do Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đề ra: "Động viên quân dân toàn tỉnh kiên quyết đánh bại "chiến tranh đặc biệt" của địch. Ra sức xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào ba mũi giáp công ở thị xã, thị trấn, diệt sinh lực địch, phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ..."¹.

1. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*, Sdd, tr.234.

Quán triệt nghị quyết của Đảng, chớp thời cơ dịch đang khủng hoảng rối loạn sau đảo chính Diệm, các bộ phận công tác ở thị xã Quảng Ngãi đã phát động những đợt đấu tranh mới, rộng hơn, mạnh hơn. Nhiều xã, ấp, cơ sở ta huy động nhân dân đấu tranh đòi nguy quyền đưa bọn cần lao nhân vị tay sai Diệm Nhu ra xét xử. Nhân cơ hội này, ta tiêu diệt được một số ác ôn khét tiếng. Học sinh, giáo chức, phật tử, gia đình binh sĩ và thương phế binh nguy biểu tình tuần hành trên các đường phố. Một bộ phận kéo ra Đà Nẵng phối hợp với Đà Nẵng đấu tranh đòi trừng trị bọn tay chân nguy hiểm của Mỹ - Diệm. Một bộ phận đông hơn, kéo đến toà hành chính tỉnh, giương cao khẩu hiệu "Đả đảo Mỹ - Diệm", "chống khủng bố", "chống tham nhũng", "Đặng Văn Tất phải từ chức" (Đặng Văn Tất là tay chân của Mỹ - Diệm, làm tỉnh trưởng Quảng Ngãi). Trước áp lực quần chúng, để xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân, đám tay chân thuộc phe đảo chính buộc phải cách chức một số tay sai Diệm từ tỉnh đến xã, ấp, đưa bọn chúng ra đấu tố trước dân. Đặng Văn Tất cũng bị cách chức và tịch thu tài sản gồm 22 triệu đồng và tám lượng vàng¹. Trong các tháng 11-12 năm 1963 và tháng giêng năm 1964, ta đã diệt một số ác ôn, phá rã một số mâm tế xã, ấp từ vùng ven vào nội thị, làm cho bộ máy nguy quyền ở các nơi này rệu rã, mất hiệu lực.

Trong năm 1964, hàng vạn lượt quần chúng nông thôn nhập thị và quần chúng thị xã xuống đường đấu tranh chính trị chống địch, tăng gần 10 lần so với năm 1963. Riêng tháng 7 năm 1964 có bốn cuộc nhập thị lớn.

1. *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Ngãi*, Sđđ, tr. 195.

ta gọi là "chợ nhồi". Mỗi cuộc đồng bào ở nông thôn kéo vào ém tại thị xã từ ngày trước, được nhân dân tại chỗ cung cấp ăn uống đầy đủ, bố trí chỗ ở và có kế hoạch bảo vệ chu đáo. Sáng hôm sau cán bộ chỉ huy và khẩu hiệu đấu tranh từ ngoài vào, phát tín hiệu tập trung quần chúng xuống đường. Các đoàn biểu tình tuần hành hô vang các khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Mỹ và bọn tay sai". Các cuộc đấu tranh này thường là bất ngờ đối với địch, chúng không kịp ngăn chặn đối phó.

Giữa năm 1964, Hội nghị đại biểu sinh viên, học sinh Quảng Ngãi họp tại bãi sông Trà Khúc để thành lập Ban Chấp hành Hội thanh niên học sinh, sinh viên giải phóng Quảng Ngãi. Sau đó các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề lập Ban Chấp hành. Tại một cơ sở bí mật ở nội thị, Hội đã ra báo *Con đường sáng* in rônêô, mỗi tháng một số do đồng chí Nguyễn Vĩ Đại làm chủ bút và ra tờ báo hợp pháp mang tên *Tranh đấu* để hướng dẫn và cổ vũ phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên chống Mỹ - nguy. Báo ra được sáu số, đến lúc anh em thoát ly và một số bị bắt thì đình bản. Từ đây phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên, thanh niên thị xã Quảng Ngãi đã có Đảng lãnh đạo, lại có tổ chức đoàn thể riêng của mình, nên tập hợp được lực lượng đông hơn, tổ chức chỉ đạo đấu tranh phù hợp, kịp thời hơn. Trong đấu tranh chính trị để chống địch, ta thực hiện phương châm "Học sinh là ngòi pháo, Phật giáo là áo choàng".

Phát huy vai trò "ngòi pháo" trong đấu tranh chống địch, tháng 8 năm 1964 trên 1.000 học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề, Chấn Hưng xuống đường giương

cao các khẩu hiệu: chống bắt lính, phản đối hiến chương Vũng Tàu, Nguyễn Khánh phải từ chức¹. Thanh niên, học sinh thị xã Quảng Ngãi còn phối hợp với thanh niên, học sinh, sinh viên Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn đấu tranh chống địch đánh rớt thí sinh để bắt lính; phát động phong trào học tập Nguyễn Văn Trỗi²; phản đối đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc... Trong một lần kéo ra chi viện cho phong trào ở Đà Nẵng, địch chặn ngoài cầu Châu Ổ bắn chết hai học sinh. Thanh niên, học sinh thị xã Quảng Ngãi còn kéo xuống Tịnh Khê hỗ trợ cho đồng bào chống địch khủng bố sau việc ta diệt tên xã trưởng ác ôn Trương Quang Nho.

Cùng với đấu tranh chính trị, các đội công tác, cơ sở hợp pháp đã tấn phát hàng ngàn truyền đơn vào các đồn bốt, gia đình binh sĩ nguy, nhân viên nguy quyền, làm cho họ thấy rõ thế thất bại của Mỹ - nguy, thế tất thắng của cách mạng, vạch cho họ con đường cứu nước và tự cứu mình là quay về với nhân dân lập công chuộc tội. Từ đó một số binh lính và nhân viên nguy quyền bỏ việc, chống lệnh đi càn, nếu bị buộc đi càn thì cũng không hung hăng như trước. Một số binh lính mang súng về với cách mạng. Có tiểu đội dân vệ rã ngũ tập thể, ta xây dựng thành tiểu đội du kích của ta.

Nhờ kết hợp ba mũi giáp công ta đã đánh bại kế hoạch của địch thực hiện thí điểm chiến dịch "chim ưng" tại

1. Sau khi lật đổ Dương Văn Minh và lên làm Thủ tướng kiêm Tổng tư lệnh quân nguy, ngày 31 tháng 1 năm 1964, Nguyễn Khánh đã ký hiến chương Vũng Tàu bán đứng Cam Ranh cho Mỹ 99 năm.

2. Nguyễn Văn Trỗi một thanh niên Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động bí mật và hy sinh tại Sài Gòn trong vụ giết hụt Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mácnamara.

Nghĩa Dũng. Tại đây địch đã đưa một cuộc cảnh sát quân, một đoàn xây dựng nông thôn, một trung đội biệt kích, hai trung đội dân vệ, định quét sạch lực lượng ta, thanh lọc quần chúng trong một năm (bắt đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 1964). Quân chúng đã dùng lý lẽ đấu tranh, vận động lính nguy "chớ làm điều ác hại dân". Sau một thời gian theo dõi nắm được quy luật hoạt động của địch, 17 giờ ngày 25 tháng 10 năm 1964, du kích mật cùng lực lượng của trên đã nổ súng tấn công vào cơ quan hội đồng xã Tư Bình (Nghĩa Dũng) diệt gọn một cuộc cảnh sát, một trung đội dân vệ và một số tên khác. Bọn địch còn lại tháo chạy, huỷ bỏ việc thực hiện thí điểm kế hoạch "chim ưng" ở đây.

Cũng từ năm 1964, nhiều thanh niên, học sinh ở thị xã Quảng Ngãi đã thoát ly lên căn cứ tham gia kháng chiến. Trong đó có 8 người bổ sung cho đơn vị 95 (đơn vị lực lượng vũ trang huyện Tư Nghĩa), về sau đều hy sinh.

Nhân dân nội thị và vùng ven đã góp công, góp của nuôi dưỡng toàn bộ lực lượng ta hoạt động trên địa bàn, đóng góp chuyển lên căn cứ mỗi năm hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Nhân dân rất thương cán bộ chiến sĩ ta vì thấy anh em quá cực khổ, lại chấp nhận sẵn sàng hy sinh vì quê hương, đất nước nên mỗi lần anh em vào có gì họ cũng cho, gặp địch lòng họ sẵn sàng bảo vệ, hoặc dẫn đường lẩn tránh. Và họ cũng khéo léo nhắc nhở anh em ta: "Anh nào sợ chết thì lên núi ở, đừng đi đầu hàng, khai báo, làm khổ dân, gây tổn thất cho cách mạng".

Như vậy là có Đảng lãnh đạo, có tổ chức, có tuyên truyền vận động cách mạng thì có phong trào cách mạng.

Có phong trào cách mạng của quần chúng thì ta phát triển được thực lực cách mạng, đánh được địch, tiếp tục đưa phong trào tiến lên.

Tháng 9 năm 1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương "giành một thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới", "Tranh thủ thời cơ cố gắng đánh bại hoàn toàn quân nguy trước khi quân Mỹ nhảy vào"¹.

Tháng 1 năm 1965, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II chủ trương: "Giải phóng toàn bộ nông thôn (cả đồng bằng và miền núi), bao vây thị xã và thị trấn, tiến lên giải phóng toàn tỉnh"². Đối với thị xã, Tỉnh uỷ còn chỉ rõ: "Tăng cường lãnh đạo thị xã, thị trấn, ra sức xây dựng cơ sở và thực lực cách mạng, chuyển trung tâm đấu tranh chính trị, binh vận vào đô thị, sẵn sàng khởi nghĩa toàn tỉnh khi có thời cơ"³. Sau đó, Tỉnh uỷ cùng Bộ tư lệnh Quân khu V quyết định mở chiến dịch hè 1965 mang tên "chiến dịch Lê Độ" nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng nông thôn đồng bằng, hướng chính là tây bắc thị xã Quảng Ngãi.

Thực hiện chủ trương trên, các lực lượng ta tại thị xã đã hiệp đồng với các huyện bạn và lực lượng của trên tấn công địch, giành thắng lợi giòn giã đều khắp trong toàn tỉnh. Đỉnh cao là chiến thắng Ba Gia lịch sử cuối tháng 5

1. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr. 267.

2. *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Ngãi*, Sđd, tr. 201.

3. *Chỉ thị về chiến dịch xuân hè 1965 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi* - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

năm 1965¹. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường miền Nam, một trung đoàn ta tiêu diệt một chiến đoàn địch, đơn vị ứng chiến lớn nhất của quân chủ lực nguy lúc đó². Phối hợp với hướng chính, các lực lượng ta cũng đã tấn công và nổi dậy, giải phóng một vùng rộng lớn phía đông thị xã, tạo lợi thế về hành lang bàn đạp cho ta vào nội thị.

Bị đòn đau tại mặt trận tây Sơn Tĩnh và nhiều nơi khác, địch tổ chức nhiều mũi phản kích hòng chiếm lại những vùng đã mất, trong đó có mũi phản kích xuống vùng đông thị xã vào tháng 6 năm 1965. Biết được ý đồ của địch, các lực lượng vũ trang của trên và du kích các xã Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông phối hợp bí mật bố trí phục kích đón đánh địch. Khi địch lọt vào trận địa của ta tại Nghĩa Đông, ta đồng loạt nổ súng, làm cho địch bất ngờ không kịp phản ứng, đội hình rối loạn, phải tháo chạy về thị xã. Trong trận này, ta diệt một đại đội cộng hoà, hai trung đội dân vệ, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn bảo an. Cùng lúc, ta còn đánh vào hội đồng xã Tư Quang (Nghĩa Điền), diệt một tiểu đội dân vệ. Với những chiến công trên, lực lượng vũ trang ta đã góp phần bẻ gãy mưu đồ phản kích của địch, giữ vững vùng làm chủ và tranh chấp ven đô, buộc địch phải co cụm về phòng thủ thị xã.

Ngày 3 tháng 6 năm 1965, được sự hỗ trợ của đấu tranh quân sự và phối hợp với đấu tranh quân sự, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã huy động 10 vạn người từ các huyện kéo

1. Ba Gia, địa danh trên bản đồ quân sự địch, nằm tại xã Tịnh Bắc. Nhưng chiến thắng Ba Gia diễn ra tại Tịnh Sơn và Tịnh Bình (Sơn Tĩnh).

2. Xem Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr. 273- 274.

vào thị xã "hỏi tin tức", nhiều phụ nữ mang khăn tang đi đòi chồng con, gây náo động lớn. Nguy quyền, nguy quân ở đây hoang mang dao động mạnh¹. Cùng với đồng bào ở nông thôn, hàng ngàn đồng bào ở thị xã tham gia xuống đường, hoặc phục vụ cơm nước cho đồng bào ở nông thôn nhập thị. Đây là cuộc biểu dương lực lượng quần chúng lớn nhất tại thị xã kể từ cuối năm 1954. Sau đó liên tục nổ ra nhiều cuộc biểu tình nhập thị của đồng bào ở nông thôn và vùng ven, phản đối Mỹ - nguy càn quét, khủng bố, trả thù, đàn áp Phật giáo. Trong báo cáo tháng 6 năm 1965 của tỉnh trưởng Quảng Ngãi gửi lên cấp trên có đoạn viết: "10 giờ ngày 18 tháng 6 năm 1965, cộng sản lồng vào kích động Phật giáo biểu tình. Dân chúng 6 xã Sơn Tịnh, 9 xã Tư Nghĩa và một số dân ở Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn cùng học sinh ở các trường thị xã bãi khoá, kéo đến tập trung ở chùa Tịnh Hội làm lễ cầu siêu những chiến sĩ trận vong tại Ba Gia, phản đối nhà cầm quyền tiếp tục chiến tranh"².

Đến đây, nhìn lại phong trào cách mạng ở thị xã Quảng Ngãi từ năm 1960 ta thấy: Lực lượng ta hoạt động tại thị xã từng bước được tăng cường, thực lực cách mạng bên trong, nhất là tổ chức đảng ở cơ sở, cơ sở nội tuyến, các lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận được xây dựng, củng cố và phát triển ngày càng mạnh. Ta phát động được những cao trào đấu tranh chính trị rộng lớn, đặc biệt là từ cuối năm 1963 đến giữa năm 1965, hạ uy thế địch làm cho chúng hoang mang dao động mạnh, nâng cao uy thế cách

1. *Sdd.* t.II, tr. 273- 274.

2. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

mạng. Ta cũng vận động thuyết phục hàng trăm gia đình binh sĩ, nhân viên nguy quyền, lôi kéo chống, con em bỏ việc, bỏ ngũ; xây dựng được một số cơ sở nội tuyến ở cấp chóp bu của tỉnh, quận, xã, phục vụ cho ta, chủ động đối phó với địch và tạo nên một số chiến công quan trọng. Đấu tranh vũ trang ở thị xã tuy còn yếu, nhưng ta cũng diệt được một số tên ác ôn nguy hiểm, lần đầu tiên đánh thẳng vào cơ quan đầu não của địch tại đặc khu, phá rã một số mâm tế xã, ấp; đánh phản kích, phục kích tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

Để tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, đưa phong trào phát triển, lập được những thành tích chiến công nói trên, cán bộ, đảng viên và quân dân thị xã đã phải chịu nhiều hy sinh tổn thất, nhất là đợt tan vỡ cơ sở năm 1963. Chi bộ Nghĩa Đông cả ba đồng chí đều hy sinh, riêng đồng chí Nguyễn Hữu Lân bị địch tra tấn chết trong tù. Chi bộ Nghĩa Điền cả 5 đồng chí đều bị địch bắt và bắn chết. Chi bộ Nghĩa Lộ có 5 đồng chí, hy sinh 3 (còn lại đồng chí Nguyễn Bổng, Bí thư, về sau là thị uỷ viên hợp pháp, nhưng cũng đã hy sinh năm 1974; nay chỉ còn đồng chí Lê Thành). Hai đồng chí Võ Quới, Nguyễn Sâm tham gia đội công tác huyện, hoạt động tại thị xã từ năm 1960, đến năm 1963 đều hy sinh. Đồng chí Lê Tấn Quỳnh tổ trưởng điệp báo A1 của tỉnh, Cao Cừ, cảnh sát trưởng Tư Bình (Nghĩa Đông) cơ sở nội tuyến hoạt động ngay trong lòng địch một thời gian dài, sau bị lộ, địch bắt tra tấn và đày giam tại nhà tù Côn Đảo (đến năm 1975 mới được giải thoát).

Đó là chưa kể do sự non yếu của một số đồng chí ta trong việc xây dựng cơ sở cốt cán đã gây ra một số tổn

thất đáng tiếc. Như trường hợp sử dụng tên L.T.B (một tên điệp báo hai mang). Tên B đã chỉ điểm cho địch bắt trung úy Minh trưởng ban quân báo của tỉnh và gây cho ta một số thiệt hại khác¹.

Tuy có bị tổn thất, hy sinh, nhưng các lực lượng hoạt động tại thị xã đã đúc rút được kinh nghiệm, tăng cường công tác chính trị tư tưởng, áp dụng đúng nguyên tắc tổ chức ngăn cách, bí mật, nên sau đợt tan vỡ năm 1963, ta đã nhanh chóng củng cố tổ chức, phát triển cơ sở, phát triển thực lực ba mũi giáp công bên trong. Cuối năm 1964, chi bộ Nghĩa Lộ đã phát triển lên 10 đảng viên; đội công tác xã được củng cố cả số lượng lẫn chất lượng; phát triển thêm lực lượng vũ trang, an ninh, du kích mật, đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ, nông dân... Từ thực lực này thị xã đẩy mạnh việc phối hợp với các huyện bạn đẩy mạnh phong trào đấu tranh, góp phần làm nên chiến thắng Ba Gia lịch sử.

Chiến thắng Ba Gia cùng với ba mũi giáp công tấn công địch ở khắp các chiến trường Quảng Ngãi, trong đó các chi bộ đảng và quân dân thị xã Quảng Ngãi đã góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai.

Đánh bại "chiến tranh đặc biệt" của địch, ta đã giữ được quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng, tạo thế trận mới. Ta có thêm nhiều kinh nghiệm chuyển khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng; kết hợp tấn

1. Tên L.T.B đã bị lực lượng bí mật của ta ở Bình Sơn trừng trị năm 1972.

công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Đảng viên đã bám chắc trong dân thì dân bám chắc đất, lực lượng vũ trang bám chắc địch. Những yếu tố cơ bản trên, cộng với sự chi viện ngày càng lớn của miền Bắc đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi để tiếp tục tiến lên đánh thắng địch trong giai đoạn sau.

Chương XI

THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỊ XÃ THAM GIA ĐÁNH THẮNG "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1968)

Trước tình thế chiến lược "chiến tranh đặc biệt" bị phá sản, ngày 1 tháng 4 năm 1965, Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ do Tổng thống Giôn-xơn cầm đầu, quyết định chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ", đưa quân viễn chinh Mỹ ồ ạt đổ vào chiến trường miền Nam trực tiếp xâm lược nước ta hùng:

- Tiêu diệt lực lượng chủ lực và cơ quan lãnh đạo kháng chiến của ta ở miền Nam.

- "Bình định" nông thôn, quét sạch cơ sở chính trị của ta.

- Tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, chặn đứng sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, uy hiếp hậu phương cách mạng miền Nam, làm lung lay quyết tâm kháng chiến của ta.

Tháng 5 năm 1965, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ đổ vào chốt một số điểm ở đông bắc huyện Bình Sơn.

Sau đó các đơn vị từng sở của Mỹ và chư hầu như: sư đoàn bộ binh số 1, sư đoàn bộ binh 25 "tia chớp nhiệt đới", sư đoàn kỵ binh bay số 1, sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, lữ đoàn "Rồng xanh" (lính Nam Triều Tiên đánh thuê cho Mỹ) thay nhau đến Quảng Ngãi. Từ năm 1954 đến 1965, nhân dân ta phải đương đầu chủ yếu với các lực lượng của chính quyền tay sai do Mỹ huấn luyện, viện trợ và chỉ huy, nay phải trực tiếp chiến đấu với quân viễn chinh Mỹ xâm lược và quân đội tay sai, với bộ máy chiến tranh khổng lồ chưa từng có trong lịch sử chiến tranh xâm lược nước ta, "một cuộc chiến tranh tàn bạo nhất trong lịch sử loài người"¹.

Trước tình hình đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào ta tỏ ra băn khoăn lo lắng v.v..

Thấu hiểu tư tưởng, tình cảm của đồng bào, trong lời kêu gọi ngày 20 tháng 7 năm 1965, Hồ Chủ tịch chỉ rõ: "Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn". Bác còn khẳng định: "Địch nhất định thua! Ta nhất định thắng!"². Đồng chí, đồng bào và chiến sĩ ta như được tiếp thêm sinh lực mới tiến lên quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Giặc Mỹ vừa đặt chân lên đất Quảng Ngãi đã bị quân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr. 371.

2. *Sđđ*, t.11, tr.470, 474.

dân ta ra đòn trùng trị"¹.

Đứng trước tình hình nhiệm vụ mới, trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở thị xã, để chỉ đạo kịp thời ba mũi giáp công ở vùng thị xã, hội nghị Tỉnh uỷ (từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 5 năm 1965) quyết định thành lập đơn vị "thị xã Quảng Ngãi" trực thuộc tỉnh (tách khỏi huyện Tư Nghĩa) bao gồm xã Cẩm Thành (nội thị), xã Nghĩa Lộ và xã Nghĩa Điền. Tỉnh uỷ điều động một số huyện uỷ viên các huyện, cán bộ các ngành của tỉnh, một số đồng chí tập kết về cùng với số đảng viên hiện còn, hình thành đảng bộ và bộ máy lãnh đạo thị xã Quảng Ngãi; chỉ định Ban cán sự thị xã gồm 5 đồng chí. Đồng chí Trần Vỹ (tức Văn) được cử làm Bí thư; đồng chí Tạ Công Hiền (tức Mai Lương) được cử làm Phó Bí thư. Các đồng chí: Nguyễn Tạc (Bình Sinh), phụ trách tổ chức; Hồ Bảy (Xường), phụ trách quân sự; Hoàng Thanh Trà, phụ trách an ninh².

Ngày 18 tháng 8 năm 1965, Ban cán sự Đảng thị xã họp phiên chính thức đầu tiên tại nhà anh Nguyễn Văn Lâm (thôn 6, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa). Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đại diện Thường vụ Tỉnh uỷ, cuộc họp tập trung bàn về xây dựng, tổ chức bộ máy; xây dựng căn cứ, hành lang, bàn đạp; lập chương trình và kế hoạch

1. Cuối tháng 5 năm 1965, du kích xã Bình Đông diệt 7 tên Mỹ đầu tiên. Sau đó Nguyễn Phụng du kích xã Bình Mỹ diệt 21 tên Mỹ, Đào Văn Luyện 14 tuổi ở xã Bình Thạnh diệt 14 tên Mỹ...

2. Đến cuối năm 1965, đồng chí Bạch Tống thay đồng chí Hồ Bảy, đồng chí Nguyễn Hồng Thái thay đồng chí Hoàng Thanh Trà (đồng chí Bảy và đồng chí Trà về tỉnh).

hành động, đẩy mạnh công tác phát động tư tưởng cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào tạo niềm tin cho mọi người hăng hái bước vào cuộc chiến đấu trực tiếp với quân Mỹ. Tiếp tục phát triển thực lực cách mạng tại chỗ, động viên nhân tài vật lực phục vụ kháng chiến...

Đơn vị thị xã và Ban cán sự Đảng thị xã ra đời trong lúc hầu hết cơ sở đảng bên trong bị địch đánh phá bẽ vỡ, cán bộ các huyện, các ngành trong tỉnh mới tập hợp về còn bở ngỡ với địa bàn mới, phần lớn chưa nắm được phương thức hoạt động đô thị. Đã vậy, bọn nguy quân nguy quyền ở đây được quân Mỹ hà hơi tiếp sức đang ráo riết truy lùng đánh phá cơ sở cách mạng bên trong, nống ra cần quét đánh phá vùng ven hòng ngăn chặn ta từ vùng giải phóng tiến vào thị xã.

Giữa lúc đơn vị thị xã mới thành lập, gặp nhiều khó khăn thì tin vui chiến thắng Vạn Tường ngày 18 tháng 8 năm 1965¹ làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ và đồng bào thị xã. "Đây là đòn phủ đầu oanh liệt giáng vào lính thủy đánh bộ Mỹ, - một binh chủng vốn được xem là ưu tú nhất của quân đội Mỹ. Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân và dân ta có khả năng đánh bại quân Mỹ mặc dù chúng chiếm ưu thế về số lượng, về hỏa lực và sức cơ động"².

Sau thất bại ở Vạn Tường, địch lấy thị xã Quảng Ngãi

1. Trần Vạn Tường, một trung đoàn chủ lực ta cùng quân dân đồng Bình Sơn đánh trả 8.000 lính thủy đánh bộ Mỹ với hàng tram máy bay, tàu chiến, xe tăng. Chỉ trong một ngày chiến đấu ta diệt 919 tên Mỹ, bắn cháy 22 xe tăng, xe bọc thép và 13 máy bay Mỹ.

2. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr.302-303.

làm căn cứ bàn đạp của binh đoàn Orégon (gồm bốn lữ đoàn Mỹ, một lữ đoàn Nam Triều Tiên và một trung đoàn nguy) để đánh phá vùng giải phóng và hậu cứ ta. Quân cơ động Mỹ - nguy thường xuyên tập trung về nội thị và vùng ven, có lúc đến hai trung đoàn, hàng trăm xe tăng, xe cơ giới, 20,30 khẩu pháo các loại. Để ổn định chỗ đứng quân, địch thực hiện quân sự hoá bộ máy nguy quyền, đưa đại tá Lê Bá Khiếu, rồi đại tá Tôn Thất Khiên thay nhau làm tỉnh trưởng Quảng Ngãi. Địch tăng cường phòng thủ thị xã, tăng cảnh sát dã chiến, cảnh sát đặc biệt, hình thành lực lượng thám sát, mở rộng hệ thống chốt phòng thủ vành đai, án ngữ ở các ấp Yên Phú, Ngọc Điển, Nghĩa An Đông, Thạch Phổ... Bên trong chúng mở các cuộc hành quân cảnh sát, tăng giới nghiêm, thiết quân luật, cấm trại, báo động.. Mặt khác địch còn phát triển lực lượng CIA, "biệt đội sưu tầm", "cảnh sát hoạt vụ", "ủy ban hỗn hợp tình báo"... nhằm tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, chiêu hồi, chiêu hàng.

Để huy động toàn lực đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch, được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ban cán sự Đảng thị xã vừa khẩn trương xây dựng bộ máy, tăng cường công tác chính trị tư tưởng từ trong Đảng ra quần chúng, vừa đẩy mạnh hoạt động từ vùng ven vào nội thị. Trong một thời gian ngắn, Ban cán sự đã làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trên địa bàn quán triệt nội dung tinh thần Nghị quyết 12 (tháng 12 năm 1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III): "Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách

mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà"... "Kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên chiến trường chính là miền Nam"... "Phương châm chiến lược chung là... đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính..."¹ .

Đồng thời Ban cán sự Đảng còn làm quán triệt nghị quyết tháng 1 năm 1966 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi: "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ loại chiến tranh nào"... "Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt", thi đua đạt danh hiệu "dũng sĩ diệt Mỹ", "dũng sĩ diệt nguy", khẩn trương xây dựng lực lượng, đẩy mạnh ba mũi giáp công, giành thắng lợi trong mùa khô đến..."². Trong bốn mục tiêu nghị quyết Tỉnh uỷ đề ra, Đảng bộ và quần dân thị xã phải trực tiếp thực hiện hai mục tiêu: tiêu diệt được nhiều sinh lực địch và đẩy mạnh công tác đô thị. Trong các đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng thời kỳ này, Ban cán sự Đảng còn tập trung quán triệt bốn quan điểm cơ bản của Đảng (cách mạng không ngừng, bạo lực, đấu tranh lâu dài, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng) và xác định tư tưởng "cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh". Mỗi cán bộ, đảng viên được điều động về thị xã, tiêu chuẩn đầu tiên là phải trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, thể hiện bằng tinh thần chiến đấu cao, không ngại ác liệt, không sợ hy sinh, dám xông xáo, trụ bám ở các vùng ven và nội thị.

Trước tình hình đế quốc Mỹ tiếp tục ô ạt đưa quân

1. *Sđđ*, t.II, tr.308, 309.

2. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*, *Sđđ*, tr.271.

viên chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam từ 18 vạn tên năm 1965 lên 39 vạn tên năm 1966, ngày 17 tháng 7 năm 1966 Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và nêu bật ý chí của toàn dân tộc: "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Trong mọi công tác trên địa bàn thị xã thời kỳ này. Ban cán sự đặc biệt coi trọng công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng, làm cho ý chí "Không có gì quý hơn độc lập tự do" thấm sâu vào đảng viên, quần chúng, biến thành sức mạnh vật chất để chiến đấu và chiến thắng quân thù. Từ các chi bộ đến các lực lượng vũ trang, đội công tác, lực lượng mật... đều nêu cao tinh thần "Thề cùng giặc Mỹ có tao không mày".

Trong một thời gian ngắn Ban cán sự Đảng thị xã đã hình thành được các ban tổ chức, tuyên huấn, quân sự, an ninh, đấu tranh chính trị, ba đội công tác (cánh tây, cánh đông, cánh bắc)... Để tiếp cận vùng ven và nội thị, các đường hành lang từ hậu cứ đến các căn cứ lõm được củng cố:

Từ Phú Sơn (Nghĩa Kỳ) xuống Chánh An, Hành Thuận, Nghĩa Điền, vào Gò Gai, Yên Phú (Nghĩa Lộ), Thu Lộ, Nam Lộ.

Từ Tân Mỹ (Nghĩa An) qua Xuân Quang, Thanh Khiết, ngược sông Trà Khúc lên Bắc Môn, Bắc Lộ.

Từ Tịnh Sơn xuống Tịnh Hà, Đông Dương (Tịnh Ấn), vượt sông Trà Khúc vào Thạch Bích, Chòi Dầu, Tàu Tượng.

Từ Tịnh Khê, Tịnh Kỳ lên Tịnh Thiện, Tịnh Long, vào

Đại Nham, Phù Khế, Ba La, Tịch Điền, Phú Mỹ Hạ, Nghĩa Lộ, ấp Nam Lộ...

Do yêu cầu nhiệm vụ cách mạng từ cuối năm 1966 đến đầu 1968, Tỉnh uỷ quyết định mở rộng địa giới hành chính thị xã, bao gồm bốn ấp nội thị, toàn bộ xã Nghĩa Lộ (địch gọi là Tư Chánh), xã Nghĩa Điền (địch gọi là Tư Quang), xã Nghĩa Đông (địch gọi là Tư Bình) và thôn Đông Dương xã Tịnh Ấn (Sơn Tịnh). Để tiện chỉ đạo hoạt động, Thị uỷ đặt mật danh cho các ấp nội thị là A, các thôn xóm vùng ven là B, như sau:

- A1 là ấp Bắc Lộ; A2 là ấp Bắc Môn; A3 là ấp Nam Lộ; A4 là ấp Thu Lộ.

- Xã Nghĩa Lộ chia thành sáu B: B1 gồm Thạch Bích, Tàu Tượng, Chòi Dầu; B2 gồm Tịch Điền, Lâm Quý, thôn 1 xã Nghĩa Lộ (tức Nghĩa Chánh ngày nay); B3 gồm Phú Mỹ hạ, Gò Nại, Gò Hống; B4 gồm Phú Yên 1,2,3, Gò Trảy; B5 gồm Phú Mỹ Thượng, Phú Mỹ Trung, Gò Gai; B6 gồm Cổ Đàn, Quán Đàn, La Tá.

- Xã Nghĩa Điền chia thành 2B: B7 gồm Phú Hiệu, Chánh An, Thuận Hoà, An Điền, An Long, Nghị Bình, Bình An, Phú Hoà Tây; B9 Phú Hoà Bắc, Phú Hoà, Thu Phổ.

- Xã Nghĩa Đông chia thành hai B: B8 là Ba La; B11 gồm Vạn Tượng, Phù Khế, Đại Nham. B10 là thôn Đông Dương (xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh).

Ban cán sự Đảng thị xã chú trọng chỉ đạo nắm lại các cơ sở, đảng viên cũ, xây dựng thêm một số nòng cốt đầu mối, thành lập ban cán sự B1, B3, B4. Chi bộ B4 có ba đảng viên do đồng chí Nguyễn Bổng làm Bí thư.

Đầu năm 1967, Tỉnh uỷ quyết định thành lập Thị uỷ

Quảng Ngãi gồm 7 đồng chí¹, do đồng chí Đỗ Việt Thanh (Chín Hoa), uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ trực tiếp làm Bí thư Thị uỷ, đồng chí Mai Lương làm Phó Bí thư (Đồng chí Trần Vỹ về tỉnh). Tháng 8 năm 1967, Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban thành phố của tỉnh làm tham mưu giúp Tỉnh uỷ chỉ đạo phong trào thị xã, thị trấn, chỉ định đồng chí Đỗ Việt Thanh làm trưởng ban (vẫn giữ chức Bí thư Thị uỷ), Đồng chí Nguyễn Nghĩa làm phó trưởng ban. Từ tháng 2 năm 1968 đến tháng 7 năm 1969, các đồng chí Võ Trọng Nguyễn, Nguyễn Nghĩa, Mai Lương, lần lượt được Tỉnh uỷ chỉ định làm Bí thư Thị uỷ.

Cùng lúc này, Tỉnh uỷ điều động thêm một số cán bộ chủ chốt các huyện, các ngành bổ sung cho thị xã, tăng cường Thị uỷ lên 13 đồng chí (5 uỷ viên Thường vụ, 6 thị uỷ viên chính thức, hai thị uỷ viên dự khuyết). Đến năm 1968 - 1969, Thị uỷ được tăng cường với tổng số 25 đồng chí, có 2 thị uỷ viên hợp pháp² là đồng chí Nguyễn Bồng mang mật danh "không" và Đỗ Cao Đệ mang mật danh "505". Cùng với số đảng viên của tỉnh điều động về, Thị uỷ đã khẩn trương phát triển đảng viên mới, thành lập các chi bộ mới, đưa Đảng bộ thị xã lên 20 chi bộ với 124 đảng viên³, trong đó có 5 chi bộ hợp pháp bên trong (B1, B3, B4, B5, B8) và một số đảng viên đơn tuyến.

Được Tỉnh uỷ chỉ đạo, Thị uỷ đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đảng cả về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức,

1. Theo Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ 1. Báo cáo chỉ nêu số lượng thị uỷ viên, không nêu tên cụ thể.

2, 3. Theo Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ 1.

tập trung vào việc giáo dục rèn luyện đảng viên, xây dựng chi bộ. Thị uỷ bốn tốt¹. Cuối năm 1968, có hai chi bộ và 64 đảng viên đạt tiêu chuẩn bốn tốt, số còn lại hầu hết đạt trung bình. Xây dựng chi bộ, đảng viên bốn tốt là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc bám địa bàn, bám dân, bám đánh địch đạt yêu cầu chất lượng ngày càng cao. Đồng thời Thị uỷ còn chú trọng xây dựng mối quan hệ công tác theo những quy định cụ thể giữa chi bộ đội công tác và chi bộ bên trong. Chi bộ của đội công tác làm nhiệm vụ truyền đạt nghị quyết chỉ thị của cấp trên và phối hợp với chi bộ bên trong bàn kế hoạch biện pháp thực hiện. Chi bộ bên trong có trách nhiệm chính trong việc nắm nghị quyết chỉ thị của cấp trên, nắm vững phương châm hoạt động bí mật trong lòng địch, chủ động tìm giải pháp thực hiện tại địa bàn, tránh ỷ lại trông chờ bên ngoài.

Đi đôi với việc xây dựng đảng, Đảng bộ thị xã tập trung xây dựng, phát triển thực lực cách mạng tại chỗ. Cán bộ các ban ngành và đội công tác thị xã cuối năm 1966 có 33 người đến cuối năm 1968 tăng lên 70 người; từ 3 đội công tác năm 1966 đến năm 1968 tất cả các A,B có 12 đội công tác. Lực lượng an ninh lúc mới thành lập có 5 cán bộ nghiệp vụ và hai tổ trình sát vũ trang, 8 chiến sĩ, đã phát triển thành hai trung đội (mỗi trung đội có 24 chiến sĩ) và hàng chục cơ sở an ninh mật. Ban quân sự lúc

1. Bốn tốt gồm có:

- Lập trường, quan điểm, tư tưởng, đạo đức tốt.
- Chiến đấu tốt, công tác tốt.
- Quan hệ với quần chúng tốt
- Lao động sản xuất tự túc tốt.

đầu có 5 đồng chí và một số chiến sĩ trong các đội công tác vũ trang, đến năm 1968 đã phát triển lên 40 chiến sĩ biệt động, 15 đội du kích mật vùng ven và nội thị; tỉnh tăng cường cho thị xã đội đặc công 506B và đại đội 95 của Bình Sơn¹.

Đến năm 1968, các đoàn thể quần chúng đã được hình thành và phát triển khá. Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng thị xã có 19 chi đoàn với 232 đoàn viên, trong đó có 4 chi đoàn hợp pháp với 26 đoàn viên và 16 đoàn viên đơn tuyến. Ngoài ra còn có 120 hội viên Thanh niên giải phóng. Đoàn viên và hội viên bên trong là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên, học sinh tại thị xã. Hội phụ nữ giải phóng thị xã có 7 chi hội với 122 hội viên, trong đó có 28 tổ gồm 96 hội viên bên trong và 28 hội viên đơn tuyến. Nông hội xây dựng được 20 tổ với 84 hội viên bên trong và 22 hội viên đơn tuyến². Công đoàn xây dựng được 99 cơ sở trong công nhân lao động nội thị³. Trừ một số đoàn viên Thanh niên nhân dân cách mạng ở các đơn vị vũ trang, các cơ quan của Thị uỷ, còn hầu hết hội viên các đoàn thể đều sinh sống, hoạt động cách mạng trong lòng thị xã. Đây là lực lượng nòng cốt trong đấu tranh chính trị, nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ; sản xuất và đóng góp tiền của phục vụ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở thị xã và cả tỉnh.

1, 2. Theo *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ I*.

3. Theo *Tổng kết phong trào công nhân lao động và công tác công đoàn trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975*, Liên hiệp công đoàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thị uỷ chỉ đạo tiếp tục xây dựng mạng lưới cơ sở nội tuyến, cơ sở hợp pháp ngày càng rộng, mạnh, trong đó có những cơ sở rất tốt. Tiêu biểu là ông Tạ Khiêu (tức Ấm Ba). Nhà ông bên đồn bảo an, lính nguy thường ra vào. Ông thường công khai giáo dục răn đe chúng: "Bay làm gì thì làm nhưng phải giữ lấy thân tao sợ lắm!". Ông đã nuôi giấu nhiều đồng chí lãnh đạo của thị, của tỉnh mỗi khi vào thị xã. Sau đó ông Tạ Khiêu được kết nạp vào Đảng và làm Bí thư chi bộ A4 cho đến ngày giải phóng. Theo ý kiến của Thị uỷ ông đưa con trai là Tạ Kiều (cơ sở ta) vào cảnh sát nguy để có điều kiện hợp pháp bảo vệ cán bộ ta. Có lần Tạ Kiều đã ra Sơn Tịnh chở đồng chí Phạm Nam Tào (nay là Giám đốc công an tỉnh) vào thị xã Quảng Ngãi để nắm tình hình địch.

Thời kỳ 1965-1968, thực lực cách mạng ở thị xã phát triển rộng khắp hơn trước. Từ tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng, lực lượng bên ngoài đến lực lượng bên trong, từ lực lượng chính trị đến vũ trang, binh tế vận... được xây dựng thành hệ thống từ cấp thị trở xuống, được lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy thống nhất trên địa bàn toàn thị xã. Đây là thời kỳ Tỉnh uỷ điều động cán bộ, đảng viên, chiến sĩ từ các ban ngành của tỉnh, các huyện bạn bổ sung chi viện cho thị xã khá nhiều so với trước đó.

Cũng trong thời kỳ này, Thị uỷ đã có nhiều nỗ lực trong chỉ đạo phát động và tổ chức quần chúng đẩy mạnh ba mũi giáp công, góp phần xứng đáng vào việc đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch đúng với tinh thần của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ Phạm Thanh Biên căn dặn cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thị xã khi truyền đạt Nghị quyết 12 của Trung ương và nghị quyết tháng 1 năm

1966 của Tỉnh uỷ: "Phải kiên định và kiên quyết đấu tranh bằng sức mạnh tổng hợp của hai chân ba mũi giáp công mới đánh thắng được chiến tranh cục bộ của địch. Một ngành, một đội, một người cũng phải thực hiện ba mũi giáp công".

Về đấu tranh chính trị, từ ngày quân Mỹ vào, Đảng bộ đã huy động các tầng lớp nhân dân thị xã dấy lên phong trào đấu tranh chống Mỹ với tinh thần dân tộc và yêu nước ngày càng cao. Hầu như người dân nào cũng căm ghét quân Mỹ xâm lược và bọn tay sai bán nước. Tháng nào, tuần nào cũng có truyền đơn khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Mỹ xâm lược", "Đế quốc Mỹ cút đi", "Đả đảo Thiệu, Kỳ bán nước" xuất hiện nhiều nơi trong thị xã. Cuối năm 1965 đầu 1966, phối hợp với những đòn tiến công quân sự đánh Mỹ - nguy khắp nơi và phối hợp với nhân dân Đà Nẵng nổi dậy làm chủ thành phố (trong 76 ngày đêm, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1966), các tầng lớp nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã xuống đường với khí thế sôi động, góp phần làm mất ổn định hậu phương và làm thất bại kế hoạch mùa khô thứ nhất (1965 -1966) của địch.

Phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã lên đến đỉnh cao khi lính Nam Triều Tiên tàn sát dã man trên 400 đồng bào xã Bình Hoà (Bình Sơn),180 đồng bào xã Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) vào tháng 12 năm 1966. Tháng 1 năm 1967, hàng ngàn đồng bào thị xã cùng hàng vạn đồng bào Bình Sơn, Sơn Tịnh mang khăn tang nhập thị, phản đối lính Nam Triều Tiên giết người, đòi nhà cầm quyền trừng trị bọn giết người, đòi bồi thường cho những gia đình nạn nhân. Tiếng hô khẩu hiệu và tiếng thét căm hờn của hàng vạn quần chúng "Nợ máu phải trả bằng máu" đã làm náo

động cả thị xã, làm cho địch hoang mang lo sợ. Cao trào đấu tranh chính trị này cùng với các đòn tiến công quân sự đã tiêu diệt hàng trăm lính Nam Triều Tiên ở các nơi, nhất là tiêu diệt toàn bộ một tiểu đoàn Nam Triều Tiên ở đồi Quang Thạnh (Tỉnh Thọ)... đã giáng những đòn chí mạng vào bọn lính đánh thuê này làm cho chúng phải hoảng sợ, có một số tên đã tự tử.

Cùng thời gian này, 160 công nhân lái xe, bốc vác thị xã đấu tranh nhiều ngày đòi quyền dân sinh dân chủ, hàng ngàn thanh niên, học sinh thị xã tiếp tục đấu tranh chống quân sự hoá học đường, chống bắt lính, chống Mỹ xâm lược, đòi "Nước Việt Nam của người Việt Nam". Một số nòng cốt của phong trào được triệu tập lên căn cứ bồi dưỡng về tư tưởng cách mạng, phương pháp tổ chức, chỉ huy đấu tranh công khai hợp pháp, rồi trở về tiếp tục tổ chức lực lượng đẩy mạnh đấu tranh chống địch. Trong Phật giáo thị xã nổi lên phong trào đòi lật đổ Thiệu Kỳ, tẩy chay bầu cử Tổng thống, Quốc hội lưỡng viện của chúng vào ngày 3 tháng 9 năm 1967. Phong trào phát triển lên đỉnh cao khi đại đức Thích Hạnh Đức tự thiêu tại chùa Tỉnh hội. Hai vạn đồng bào, tăng ni, Phật tử xuống đường gây xôn xao dư luận, làm cho địch hoang mang lo sợ¹. Sau vụ này, một số Phật tử đã tham gia Mặt trận dân tộc giải phóng, một số thoát ly phục vụ các cơ quan kháng chiến, trong đó có đại đức Thích Minh Quang được đưa về công tác tại Ban thành phố của tỉnh (sau đó hy sinh tại Nghĩa Lâm trên đường công tác), ni cô Thích Tâm Nhuận

1. *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Ngãi 1930-1975*, Sdd, tr. 221, 222.

tham gia đường dây liên lạc hợp pháp từ vùng giải phóng vào thị xã...

Đồng bào vùng ven thường xuyên đấu tranh chống địch mỗi khi có sự việc xảy ra, nhất là chống phát quang, dồn dân, giới nghiêm, hành quân cảnh sát, cản trở việc làm ăn của dân, chống bắt lính, đòi cứu đói, cứu đau, bồi thường khi có người bị thương vì lựu đạn, mìn, đạn lạc của địch, khi có nhà bị cháy. Nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào ở Yên Phú (Nghĩa Lộ) Thuận Hoà, Chánh An (Nghĩa Điền)... đã giành thắng lợi.

Song song với đấu tranh chính trị, mũi tấn công vũ trang tại thị xã Quảng Ngãi cũng trở nên sắc nhọn quyết liệt theo tinh thần chỉ đạo của cấp trên "Đưa chiến tranh vào tận sào huyệt của địch". Tháng 9 năm 1965, trinh sát vũ trang thị xã đánh trận đầu tiên vào trạm kiểm soát phía đông, diệt một số địch, đánh cháy một xe Jeep. Đầu năm 1966, ta đánh sập nhà lầu Ty cảnh sát Quảng Ngãi, diệt nhiều địch, có 6 tên Mỹ. Tháng 7 năm 1966, ta diệt tên Võ Cảnh, phó đại diện ác ôn xã Tư Bình và đánh diệt một trung đội thám báo dưới Cửa Đông, thu hai súng trung liên, 4 súng ga-răng. (loại súng Mỹ mới đưa sang).

Vào chiến dịch thu 1967, cuối tháng 7 ta tấn công vào Sở cảnh sát Tài Nguyên, Ty xã hội. Ty thông tin (phía nam cầu Trà Khúc) diệt 20 tên cảnh sát, phá huỷ 1 xe Jeep, đánh thiệt hại nặng trụ sở của địch. Sau đó, thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, Thị uỷ huy động lực lượng vũ trang 4 đội công tác và lực lượng bên trong phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh, đặc công của Quân khu tấn công vào 18 mục tiêu trong thị xã vào đêm 30 tháng 8 năm 1967, chủ yếu là lao xá tỉnh và trại giam Gò Lãng.

Tại lao xá tỉnh, ta tiêu diệt bốn lô cốt, chiếm lĩnh lao xá, sử dụng cơ sở nội tuyến mở khoá 50 phòng giam, giải thoát tất cả tù chính trị. Chỉ trong 30 phút chiến đấu ta tiêu diệt nhiều tên địch, giải thoát gần 1.400 tù chính trị (tại Lao xá tỉnh gần 1.000, trại giam Gò Lãng hơn 400). Năm giờ sáng toàn bộ tù chính trị được đưa về vùng giải phóng an toàn. Đây là chiến công xuất sắc đầu tiên tại thị xã Quảng Ngãi, được thực hiện bằng ba mũi giáp công đạt hiệu quả cao. Chiến công này làm rung chuyển cả thị xã, cả bọn địch trong tỉnh, buộc địch từ chỗ phản công trong mùa khô 1967, phải chuyển sang bị động đối phó, bỏ dở nhiều cuộc càn quét vào vùng giải phóng của ta, rút lực lượng về phòng thủ thị xã.

Sau khi ta giải phóng nhà lao, mỗi đội công tác A, B của thị xã tăng thêm được bốn đến năm chiến sĩ, đại đội 506 B đặc công tăng lên 120 tay súng.

Cùng với tấn công vào các mục tiêu, diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, trong các năm 1966-1968, ta còn chú trọng đẩy mạnh diệt ác trừ gian phá lỏng thế kìm kẹp của địch ở cơ sở, phát huy uy lực của cách mạng, hỗ trợ quần chúng đấu tranh chống địch.

Bọn ác ôn tập trung ở thị xã có nhiều loại, nhiều cấp, kể cả bọn ác ôn ở các xã, huyện khác, khi có động cũng chạy vào thị xã ẩn nấp. Cho nên thị xã trở thành địa bàn diệt ác. Tỉnh diệt, thị diệt, xã, phường diệt; biệt động, an ninh vũ trang, trinh sát vũ trang, du kích mật, cơ sở nội tuyến đều tham gia diệt ác. Có khi các lực lượng mật của các huyện, xã, nông thôn cũng vào thị xã tìm diệt ác ôn địa phương. Vì có nhiều cơ sở nội tuyến, đơn tuyến của ta hoạt động bí mật trong hàng ngũ địch, nên việc chỉ đạo

diệt ác phải rất chặt, không để xảy ra "Quân ta diệt quân mình". Muốn diệt tên nào, cơ sở bên trong phải lập hồ sơ, đội công tác và an ninh thị có ý kiến xác nhận, Thường vụ Thị uỷ duyệt. Với những tên chớp bu, quan trọng phải được Thường vụ Tỉnh uỷ duyệt. Sau đó, lên phương án diệt thông qua Thường vụ Thị uỷ. Trước khi diệt còn phải rà lại xem nó vẫn gian ác hay đã có chuyển biến tốt. Giữa Thị uỷ và các huyện uỷ bạn cũng có sự phối hợp chặt trong chỉ đạo diệt ác ở thị xã. Trong diệt ác, cán bộ, chiến sĩ ta có nhiều sáng tạo, như vụ diệt tên trung đội trưởng dân vệ ác ôn ở xã Nghĩa Đông. Sau khi điều tra biết tên này hay vào một cái quán quen, bỏ thất lưng, lựu đạn, súng ở giường, lên gác chơi với gái, một nữ du kích mặt vào rút chốt lựu đạn ra gần hết, gài khuy ở vạt giường, khi nó xuống lấy thất lưng lên bị lựu đạn nổ tan xác; hay tại rạp Kiến Thành, nhân dịp tổ chức kỷ niệm ngày thành lập quân đội Nam Triều Tiên, một tổ biệt động của ta lấy mìn hẹn giờ bỏ trong quả bóng đá, tìm cách đưa vào rạp, đã diệt nhiều sĩ quan Mỹ - nguy, Nam Triều Tiên và rất nhiều vụ khác.

Phong trào diệt ác đã gây tác động mạnh đến tinh thần của địch, làm chúng hoang mang, dao động, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, binh tế vận của ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, với tinh thần yêu nước nồng nàn và quyết tâm đánh Mỹ, diệt nguy, quân dân thị xã đã đẩy mạnh tiến công địch bằng ba mũi giáp công vào trung tâm sào huyệt của Mỹ - nguy, làm rối loạn hậu phương địch, góp phần đánh bại hai kế hoạch mùa khô 1965-1966, 1966-1967 của địch.

Sau thất bại liên tiếp trong hai mùa khô, đế quốc Mỹ

tiếp tục tăng quân viễn chinh Mỹ, chũu hầu vào miền Nam Việt Nam lên 54 vạn tên cùng với hơn 55 vạn quân nguy. mưu toan mở mùa khô thứ ba.

Tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa sau đó được Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 1 năm 1968) thông qua thành nghị quyết Trung ương. Thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chủ trương: "Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực phi thường, quyết tâm cao độ, thực hiện tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt vào Tết Mậu Thân - 1968"¹. Tỉnh uỷ còn quyết định thành lập Ban chỉ đạo trọng điểm, trực tiếp chỉ đạo tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở thị xã do đồng chí Phạm Thanh Biên, Bí thư Tỉnh uỷ trực tiếp làm trưởng ban; đồng chí Đỗ Việt Thanh, Nguyễn Nghĩa phụ trách nội thị, đồng chí Trần Vỹ (Văn), cánh bắc; đồng chí Võ Trọng Nguyễn, cánh nam; đồng chí Việt Anh, cánh tây; đồng chí Hồng Giao, cánh đông.

Thị uỷ đã gấp rút mở đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt làm cho toàn Đảng bộ và quân dân thị xã nhận thức rõ: đây là một chiến dịch lớn quy mô toàn miền Nam, hướng tiến công chủ yếu không phải là rừng núi, nông thôn mà là đô thị, đối với Quảng Ngãi là thị xã và các quận lỵ. Mục tiêu tiến công chủ yếu là nhằm vào các cơ quan đầu não chiến tranh, trung tâm chỉ huy, hậu cứ của Mỹ - nguy. Thời gian tấn công không vào các thời điểm thông thường mà đúng vào dịp Tết Nguyên đán Mậu Thân. Phương châm phải thực hiện là kết hợp tấn công quân sự với nổi

1. Nghị quyết cuối tháng 12 năm 1967 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi.

dậy của quần chúng. Từ đó động viên các đơn vị, đoàn thể, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, hội đoàn viên quyết tâm chiến đấu và chiến thắng. "Tất cả để chiến thắng", "Chính quyền về tay nhân dân".

Được Tỉnh uỷ chỉ viện. Thị uỷ đã chỉ đạo xuất bản tờ báo *Vùng lên* (cơ quan ngôn luận của Mặt trận dân tộc giải phóng thị xã Quảng Ngãi) và in hàng vạn truyền đơn, khẩu hiệu, cờ Mặt trận dân tộc giải phóng, để tán phát vào thị xã trong chiến dịch. Lực lượng hợp pháp bên trong, nhất là học sinh cũng làm nhiều băng, cờ, khẩu hiệu bướm phục vụ chiến dịch.

Lực lượng địch tại thị xã tháng 1 năm 1968 thường xuyên đến đi gồm 7 tiểu đoàn cộng hoà, 1 tiểu đoàn Mỹ có 10 xe tăng; cơ động tại chỗ có 9 đại đội bảo an, 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 1 đại đội thám báo, 11 trung đội nghĩa quân...

Được cấp trên và các huyện bạn chỉ viện, ta đã tập trung một lực lượng lớn phục vụ tổng tiến công và nổi dậy ở thị xã. Về vũ trang có tiểu đoàn đặc công 401 của Quân khu với 2 súng phun lửa; tiểu đoàn hoả lực 407, các tiểu đoàn bộ binh 20, 81, 83 của tỉnh; đại đội đặc công 506B, đại đội trinh sát vũ trang an ninh, đại đội 32 (sau đổi thành đại đội 93) và toàn bộ an ninh, du kích mật của thị xã; đại đội đặc công 95 của Bình Sơn, đại đội bộ binh 75 của Tư Nghĩa. Để tăng cường lực lượng chiếm lĩnh và quản lý thị xã (khi có thời cơ), ngày 21 tháng 1 năm 1968 Tỉnh uỷ quyết định thành lập thêm một trung đoàn hỗn hợp, do đồng chí Trần Tây Sơ (Thu Hảo) làm trung đoàn

trưởng, đồng chí Mai Lương (Bí thư Thị uỷ) làm chính uỷ¹. Về lực lượng đấu tranh chính trị và nổi dậy, Tỉnh uỷ huy động 2/3 cán bộ, đảng viên của các cơ quan, ban ngành tỉnh, đồng thời huy động các huyện bạn hàng chục tiểu đoàn với gậy, dĩa dao, rựa xuống đường nhập thị. Thị uỷ tổ chức hàng chục đại đội ở vùng ven và nội thị sẵn sàng nổi dậy.

Toàn bộ lực lượng trên theo kế hoạch và sự chỉ đạo chung của Tỉnh uỷ và Thị uỷ, đã chia thành các cánh ếm sát chung quanh thị xã từ trước tết. Riêng lực lượng trinh sát và đội công tác thị xã đã có một bộ phận bám sâu vào bên trong làm nhiệm vụ từ trước. Các đồng chí uỷ viên Thường vụ và thị uỷ viên được phân công phụ trách các cánh A, B. Ngoài thị uỷ viên hợp pháp tại chỗ, Thị uỷ còn phân công đồng chí Mỹ Lệ (thị uỷ viên) bên ngoài vào hoạt động hợp pháp để trực tiếp tham gia chỉ đạo phong trào nổi dậy của quần chúng; tổ chức một lực lượng giao liên hợp pháp ở các cánh phục vụ cho việc chỉ đạo được kịp thời. Một số cơ sở bị lộ từ 1956-1957 chạy lên Gia Lai, Kon Tum, nay về quê ăn tết cũng được huy động tham gia tổng công kích, tổng khởi nghĩa (sau đó một số đồng chí đã hy sinh).

Đúng 2 giờ 30 phút ngày mồng 2 Tết Mậu Thân, phối hợp với toàn miền, toàn tỉnh, quân dân ta trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi đã nhất loạt tấn công vào đặc khu, đại bản doanh Bộ tư lệnh sư đoàn 2 ngụy, toà hành chính,

1. *Lịch sử công an nhân dân Quảng Ngãi (1954-1975)*, Sđt, t.II, tr. 181.

Tỉnh đoàn bảo an, Ty cảnh sát, đài phát thanh, sân bay, trung tâm cải huấn, ga Ông Bó, nhà lao... Suốt ngày mồng hai tết, nhiều đơn vị ta tấn công và trụ bám bên trong, đánh diệt được nhiều địch. Nhiều trận chiến đấu diễn ra ác liệt từ vùng ven đến nội thị, đánh vào Bộ tư lệnh sư đoàn 2 nguy, ta diệt một đại đội bảo vệ, một đại đội biệt kích. Bộ đội ta chiếm từng góc nhà, từng đường phố, đánh sập nhiều lô cốt, bắn cháy nhiều xe quân sự, đẩy lùi các đợt phản kích của địch, diệt hàng trăm tên. Các đội công tác, đội tuyên truyền vũ trang của thị xã dùng loa pin cổ động cho tiến công và nổi dậy. Các cơ sở bên trong huy động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá ấp, phá tế, bắt được nhiều tên tề nguy, cảnh cáo bọn làm tay sai cho Mỹ. Hàng vạn truyền đơn, khẩu hiệu, báo *Giải phóng* của tỉnh, báo *Vùng lên* của thị xã và nhiều cờ Mặt trận, băng khẩu hiệu lớn được tung ra cổ vũ nhân dân thực hiện tổng tiến công, nổi dậy. Trung đoàn hỗn hợp chiếm lĩnh từ cầu Xóm Xiết xuống Phú Yên, Gò Quán... đón lõng đường đi Nghĩa Hành, bắt được một số địch chạy lên Chợ Chùa; đồng thời dẫn, chỉ đường cho anh chị em tù chính trị về vùng giải phóng.

· Tiếp theo, lực lượng vũ trang còn mở hai đợt tấn công vào thị xã (ngày 4 và 29 tháng 2 năm 1968). Nhiều đơn vị địch chưa kịp khôi phục, củng cố đã tiếp tục bị tiêu diệt. Ta đánh vào Tỉnh đoàn xây dựng nông thôn, diệt nhiều tên ác ôn bình định, tiêu diệt một tiểu đoàn cộng hoà mới đến chốt ở đây; đánh vào đài phát thanh, phá huỷ hai bộ máy; pháo kích vào sân bay và trung đoàn bộ trung đoàn 4 nguy ở Rừng Lãng, làm chết hàng trăm tên địch; một số kho xăng, kho vũ khí, lô cốt của địch bị phá huỷ.

Kết quả chung trong chiến dịch Xuân Mậu Thân, trên

địa bàn thị xã, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, diệt gọn một tiểu đoàn và bốn đại đội cộng hoà, ba đại đội bảo an, một đoàn "bình định nông thôn"; bắn cháy một số xe tăng, máy bay, phá huỷ kho tàng của địch, thu nhiều vũ khí và quân trang quân dụng... Một lần nữa ta giải thoát gần 1.000 tù chính trị tại nhà lao Quảng Ngãi đưa về căn cứ an toàn.

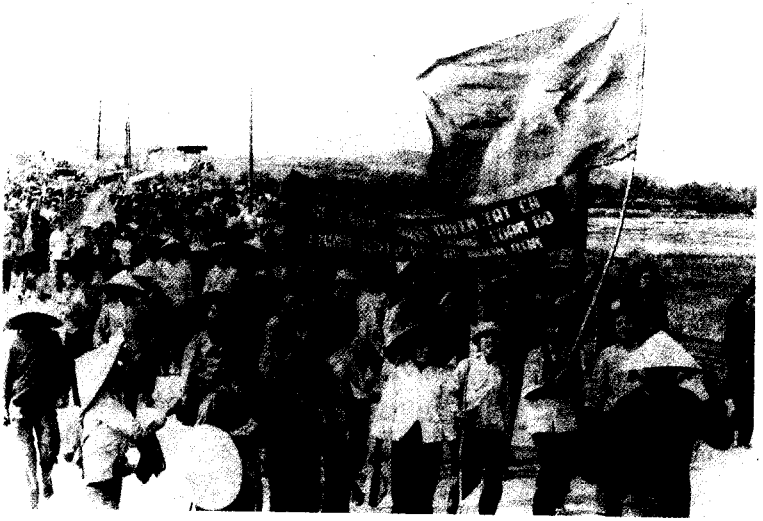
Riêng lực lượng của thị xã Quảng Ngãi, trong mấy ngày đầu của chiến dịch đã diệt và làm tan rã 225 tên địch, bắt sống 36 tên, bắn cháy và phá huỷ 7 xe quân sự của địch, thu 30 súng các loại và nhiều phương tiện chiến tranh khác¹.

Sau những đòn tấn công quân sự, các tiểu đoàn, đại đội đấu tranh chính trị từ Đông Sơn, Sơn Tịnh kéo vào bắc cầu Trà Khúc; tây Tư Nghĩa, Nghĩa Hành kéo xuống ngã năm Quán Âm; Mộ Đức kéo ra phối hợp với đông Tư Nghĩa kéo lên bờ xe đôi... với khí thế rầm rộ nổi dậy tấn công vào thị xã. Do địch biết trước và đề phòng ngăn chặn nên không có bộ phận nào lọt được vào thị xã mà chỉ có quân chúng bên trong nổi dậy diệt ác, phá ấp, dẫn đường, tiếp tế cho bộ đội, rải truyền đơn, treo cờ, khẩu hiệu... cổ vũ cho cuộc tấn công và áp đảo tinh thần địch.

Khi các lực lượng của trên rút ra bên ngoài, lực lượng vũ trang và các đội công tác thị xã vẫn tiếp tục chốt giữ ở các xã vùng ven, đánh địch phản kích trong suốt mùa xuân 1968.

Trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, tại

1. Thành tích lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Quảng Ngãi (để nghị tuyên dương đơn vị anh hùng).



Quân chúng vũ trang khởi nghĩa các huyện kéo vào thị xã Quảng Ngãi trong Chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968

Ảnh Nguyễn Nghĩa cung cấp



Đoàn đại biểu Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (tháng 9-1973), gồm các đồng chí Mai Lương, Huỳnh Thị Mỹ, nữ đồng chí Mai, Nguyễn Thị Vân - chụp ảnh kỷ niệm với một số đồng chí lãnh đạo tỉnh. Từ trái sang: hàng trước: đồng chí Tám Tâm (Ủy viên Thường vụ Khu uỷ V), Võ Thị Tâm, Huỳnh Thị Mỹ, nữ đồng chí Mai, Nguyễn Thị Vân; hàng sau: Nguyễn Nghĩa, Lê Tấn Toà, Đoàn Nhật Nam, Mai Lương, Võ Trọng Nguyễn, Trần Đức Oanh

Ảnh Huỳnh Thị Mỹ cung cấp



Đông bào Phật giáo tập trung tại chùa Tỉnh Hội (thị xã) cầu nguyện cho hoà bình và đấu tranh chống Mỹ - Thiệu vi phạm Hiệp định Pari - đầu năm 1973

Ảnh Nguyễn Nghĩa cung cấp



Thanh niên, sinh viên, học sinh và đông bào thị xã Quảng Ngãi xuống đường chống Mỹ - Thiệu và tấn công bọn cảnh sát nguỵ - năm 1974

Ảnh Nguyễn Nghĩa cung cấp

thị xã Quảng Ngãi xuất hiện khá nhiều tấm gương vì nước quên thân, vì dân phục vụ. Tiêu biểu như đồng chí Nguyễn Hợp, trung đội trưởng đơn vị đặc công 506B bị thương nặng, biết mình khó qua khỏi đã nằm vắt người trên hàng rào kẽm gai, làm cầu cho đồng đội vượt lên tiêu diệt địch và đã hy sinh anh dũng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ luôn sẵn sàng đánh địch và hy sinh ngay giữa nội thị. Đồng chí Lê Mai, uỷ viên Thường vụ Thị uỷ, chính trị viên Thị đội; đồng chí Nguyễn Tạc (Bình Sinh) uỷ viên Thường vụ Thị uỷ; đồng chí Phạm Văn Tiến (Phạm Thung), thị uỷ viên, Thị đội trưởng, luôn bám sát các đơn vị, trực tiếp chỉ huy thọc sâu đánh thẳng vào các cơ quan đầu não của địch và đã anh dũng hy sinh. Trong chiến đấu kiên cường oanh liệt, đã có 68 liệt sĩ phải nằm lại giữa lòng thị xã (đồng đội không kịp đưa ra), địch đã gom lại tước xăng đốt cháy rồi đem chôn chung một hố¹.

Trong lực lượng đấu tranh chính trị có nhiều đồng bào nêu cao tinh thần quyết tâm "thà chết không lùi bước". Cán quân hàng ngàn người tiến vào phía bắc cầu Trà Khúc, có những người cầm cờ, băng khẩu hiệu bị địch bắn ngã gục, lập tức có người khác xông lên tiếp tục giương cao cờ, băng khẩu hiệu cổ vũ đoàn quân tiến tới...

Tuy có bị tổn thất và không giành được chính quyền, nhưng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của ta ở thị xã Quảng Ngãi vào đầu Xuân Mậu Thân đã giành được thắng lợi to lớn có ý nghĩa về nhiều mặt. Đây là một chiến

1. Sau giải phóng, hài cốt 68 liệt sĩ đã được đưa vào nghĩa trang liệt sĩ. Năm 1990, thị xã đã xây dựng một phù điêu hoành tráng tại phường Nguyễn Nghiêm để tưởng niệm 68 liệt sĩ này.

dịch tấn công đồng loạt, đánh trúng đánh đau vào cơ quan đầu não tại căn cứ sào huyệt quan trọng nhất của địch ở tỉnh Quảng Ngãi. Bọn chóp bu nguy quyền tỉnh bỏ chạy ra Lý Sơn, Chu Lai. Bộ máy nguy quyền thị xã tê liệt. Lần đầu tiên lực lượng ta trụ bám làm chủ ban ngày tại nội thị; nhân dân vùng ven đã phá rã bộ máy kìm kẹp của địch, thực sự làm chủ xã thôn mình. Địch phải rút bỏ hàng chục cứ điểm ở nông thôn, đưa chủ lực nguy về ứng cứu, giải vây, phòng thủ thị xã. Quân dân ta ở nông thôn chóp lấy thời cơ diệt địch, giành dân, mở rộng vùng giải phóng.

Trong chiến dịch Xuân Mậu Thân, ta vừa tấn công tiêu diệt địch vừa phát triển thực lực mạnh lên. Hai trăm thanh niên thị xã đã thoát ly gia nhập bộ đội giải phóng, trong đó 50 thanh niên Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông bổ sung cho đại đội 75 của đông Tư Nghĩa. Hàng chục thanh niên nội thị thoát ly đi phục vụ cách mạng ở căn cứ. Một số cơ sở bí mật bên trong đã công khai hoạt động trong chiến dịch, được đưa ra bổ sung cho các đội công tác thị xã. Mặt khác ta đã kéo được một số thanh niên thị xã ra các xã giải phóng xung quanh, tuyên truyền, giáo dục, xây dựng thành cơ sở, đưa về hoạt động cách mạng trong lòng thị xã.

Trong chiến dịch, toàn bộ lực lượng ta đứng ở vùng ven, vào nội thị, đều được nhân dân thị xã nuôi dưỡng, bảo vệ. Nhân dân còn đóng góp cho cách mạng khá nhiều. Đại đội đặc công 506B xuống cánh đồng có lúc nhận được hàng tấn gạo. Chỉ trong hai đêm đồng bào Nghĩa Đông đã góp trên 1.000 ang lúa. Ta đánh thắng ở Bầu Lát, ấp Phú Mỹ Hạ, đồng bào góp một con bò, sáu con heo để bồi

dưỡng cho bộ đội. Có gia đình chồng làm việc cho nguy, vợ đóng góp cho giải phóng 250 kg lúa. Đồng bào các ấp trong nội thị đóng góp cho giải phóng nhiều tiền, vải, thuốc men, thực phẩm...

Thực tế trên chứng tỏ qua chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, tinh thần yêu nước và cách mạng của nhân dân thị xã Quảng Ngãi được thể hiện khá cao.

Những chiến công và thành tích của Đảng bộ và quân dân thị xã Quảng Ngãi đã góp phần xứng đáng cùng toàn tỉnh, toàn miền làm phá sản kế hoạch của địch mở cuộc tấn công mùa khô thứ 3, làm rối loạn hậu phương địch, đảo lộn thế chiến trường bất lợi cho địch, "làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ", buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, tạo nên bước ngoặt của chiến tranh.

Để đẩy nhanh tốc độ xuống thang chiến tranh, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, thực hiện chủ trương của cấp trên, Thị ủy tiếp tục huy động lực lượng mở hai đợt tấn công địch tại thị xã vào hè và thu năm 1968.

Lúc này địch rút về phòng thủ thị xã, xây dựng thêm lô cốt quanh các cơ quan, chia vùng khoanh ô từng khu phố, đường phố, dựng công sự dã chiến, đặt những ụ súng trên những nhà lầu, thiết quân luật từ 16 giờ hôm trước đến 8 giờ sáng hôm sau. Địch ráo riết truy lùng, bắt bớ một số cơ sở ta, đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, xuyên tạc thắng lợi Mậu Thân của ta. Vùng tây Tư Nghĩa, hậu cứ và là bàn đạp quan trọng của thị xã, bị địch dùng máy bay B52 ném bom rải thảm.

Mặc dù vậy, quân dân ta vẫn tiếp tục tấn công và nổi

dậy trong lòng thị xã. Đêm 8 tháng 4 năm 1968, lực lượng trinh sát vũ trang bên trong dùng mìn hẹn giờ đánh vào rạp Kiến Thành, diệt và làm bị thương nhiều sĩ quan, công chức Mỹ-ngụy, tổ trinh sát này được tặng danh hiệu "dũng sĩ", dùng tên của hai chiến sĩ đánh trận này đặt tên là "tổ dũng sĩ Hải Đường"; được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tặng Huân chương Giải phóng hạng Ba¹.

Từ ngày 5 đến ngày 30 tháng 5 năm 1968, ta mở đợt tấn công từ Ba La đánh lên tiểu khu, diệt một đại đội cộng hoà, hai đội bảo an; đánh vào Tỉnh đoàn xây dựng nông thôn, ga Ông Bó, Ty cảnh sát, nhà máy điện, đánh chiếm và làm chủ đường Phan Bội Châu (nay là đường Hùng Vương) và đường Võ Tánh (nay là đường Nguyễn Nghiêm), trụ lại ban ngày đánh địch phản kích diệt nhiều tên, pháo kích vào sân bay, Rừng Lãng, Tỉnh đoàn bảo an... gây cho địch nhiều thiệt hại.

Từ 20 tháng 7 đến 30 tháng 9 năm 1968, ta đánh vào thị xã 49 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, diệt gọn 3 đại đội cộng hoà, 3 đại đội bảo an, 1 trung đội xây dựng nông thôn, phá huỷ 3 máy bay, 10 xe quân sự, thu 73 súng các loại... Riêng các lực lượng của thị xã đã đánh 35 trận (du kích mật đánh 11 trận) diệt 528 tên địch, có nhiều tên ác ôn "bình định", trong đó có trận đánh xuất sắc vào cơ quan hội đồng xã Tư Chánh và ấp Gò Phú, diệt 105 tên địch, có tên Lương Vang là CIA².

1. *Lịch sử công an nhân dân Quảng Ngãi*, Sdd, t.II, tr. 123.

2. Theo *Báo cáo số 164*, ngày 5-10-1968 của *Thị uỷ Quảng Ngãi* - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ngãi - hồ sơ số 306.

Cùng với tấn công quân sự, lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng cũng liên tục tấn công địch. Quyết liệt nhất là hàng vạn quần chúng thị xã đã xuống đường cùng hàng vạn đồng bào Sơn Tịnh và các huyện bạn nhập thị, tố cáo tội ác dã man của giặc Mỹ đã giết hại một lúc 504 đồng bào Sơn Mỹ vào ngày 16 tháng 3 năm 1968. Thị uỷ chỉ đạo mở đợt phát động căm thù trong toàn Đảng bộ và quân dân thị xã "Biến căm thù thành sức mạnh, bắt giặc Mỹ phải đền nợ máu". Đồng bào kéo đến toà tỉnh trưởng đưa đơn, kiến nghị đòi bồi thường nhân mạng, bồi thường thiệt hại, trừng trị bọn lính Mỹ giết người. Sau đó, nhiều đồng bào trực tiếp gặp Trần Văn Đôn và các quan chức do nguy quyền Sài Gòn cử ra điều tra sự vụ, vạch trần sự thật về tội ác của giặc Mỹ. Thanh niên, học sinh dùng xe gắn loa phóng thanh chạy khắp phố phường tố cáo tội ác giặc Mỹ, hô vang các khẩu hiệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh: "Đả đảo giặc Mỹ khát máu", "Đế quốc Mỹ cút đi". Đồng bào Phật giáo tổ chức lễ cầu siêu cho các oan hồn Sơn Mỹ tại chùa Tĩnh Hội và các chùa khác, tố cáo tội ác giặc Mỹ.

Trong chiến dịch hè thu 1968, các lực lượng ta bên ngoài và bên trong đã rải, dán 11.320 truyền đơn, áp phích, treo 7 cờ Mặt trận, tổ chức 12 cuộc mít tinh có trên 1.300 người dự, 209 cuộc đấu tranh trực diện với địch. Trong đó có cuộc đấu tranh của 50 tăng ni Phật tử ở B4, buộc địch bồi thường một triệu đồng vì bắn phá hỏng chùa Quang Minh. Ở các B ta giành quyền làm chủ ở khu vực có 7.500 dân. Những lúc lực lượng ta làm chủ ở ngã năm, ở các đường phố, vùng ven, đồng bào sẵn sàng tiếp tế cơm, nước, đường, sữa... Ở ngã năm đồng bào đưa 9 chín chiến

sĩ ta ra khỏi vòng vây của địch và chôn cất chu đáo 10 liệt sĩ của ta. Riêng chiến dịch mùa thu có 50 thanh niên bên trong chạy ra tình nguyện gia nhập quân giải phóng, bổ sung cho các lực lượng của thị xã và của tỉnh¹. Mặt khác, ta còn gặp gỡ nhiều gia đình binh sĩ nguy, gửi thư cho một số sĩ quan, binh lính, nhân viên nguy quyền, nêu rõ chính sách 10 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng, thông báo cho họ biết Mỹ thua phải xuống thang chiến tranh, kêu gọi họ quay về với nhân dân. Qua đó, từ đầu xuân đến tháng 9 năm 1968 có 3 trung đội nghĩa quân, 175 lính cộng hoà của sư đoàn 2 và lính bảo an rã ngũ; toàn bộ phòng vệ dân sự B4, B5, B6 bỏ ngũ, đi nơi khác hoặc ra vùng giải phóng.

Tóm lại, từ giữa năm 1965 Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi được thành lập. Từ đó đến năm 1968, được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, sự chi viện hết lòng của tỉnh và các huyện bạn, Đảng bộ và quân dân thị xã đã phát triển và xây dựng thực lực cách mạng vững mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng, đưa ba mũi giáp công tấn công vào tận căn cứ sào huyệt quan trọng nhất của địch tại Quảng Ngãi, giành được nhiều thắng lợi to lớn.

Theo thống kê chưa đầy đủ, từ 1965-1966 Đảng bộ và quân dân thị xã cùng với các lực lượng của trên tác chiến tại địa bàn thị xã đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 5.000 tên địch (trong đó diệt hàng trăm tên Mỹ, hàng trăm tên sĩ quan nguy từ thiếu úy đến thiếu tá, hàng trăm tên ác ôn, bắt sống trên 500 tên); diệt gọn một tiểu đoàn và 8 đại

1. Theo Báo cáo số 164, ngày 5-10-1968 của Thị uỷ Quảng Ngãi - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ngãi - hồ sơ số 306.

đội cộng hoà, 8 đại đội bảo an, 1 trung đội thám báo, 2 đoàn "bình định nông thôn", phá huỷ 54 xe quân sự (có 13 xe tăng, xe bọc thép), 10 máy bay, thu trên 400 súng các loại và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Cao trào đấu tranh chính trị tiếp tục phát triển mạnh, có những cuộc đấu tranh tập trung hàng ngàn quần chúng xuống đường trực diện tấn công vào quân đội viễn chinh Mỹ, phối hợp với hàng vạn quần chúng nông thôn nhập thị, gây rối loạn hậu cứ địch, làm cho chúng hoang mang lo sợ, nhất là trong đấu tranh chống các vụ thảm sát ở Bình Hoà, Sơn Mỹ, đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi bồi thường thiệt hại do địch gây nên. Đồng bào vùng ven đã đứng lên giành được quyền làm chủ ở các mức độ khác nhau. Đồng bào nội thị có nơi có lúc cũng đã giành được quyền làm chủ cả ban đêm và ban ngày. Công tác binh địch vận đã đi vào chiều sâu, xây dựng thêm nhiều cơ sở trong binh lính, sĩ quan, nhân viên nguy quyền, làm rã ngũ, đào ngũ nhiều trung đội, tiểu đội, và hàng trăm binh lính, nhân viên nguy quyền.

Những thắng lợi trên của Đảng bộ và quân dân thị xã Quảng Ngãi đã góp phần xứng đáng vào việc đánh thắng chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ; tạo thế, tạo đà đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp tục tiến lên.

Tuy vậy, ta cũng còn những khuyết nhược điểm. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III họp tháng 10 năm 1968, đồng chí Mai Lương thay mặt đoàn đại biểu Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi phát biểu có tính chất tổng kết như sau:

"... Thời gian qua, Tỉnh uỷ đã đặc biệt quan tâm chỉ

đạo phong trào và công tác thị xã, đã tập trung nhiều cán bộ và sức lực để đẩy mạnh phong trào thị xã, nhất là từ đầu xuân đến nay. Nhờ đó, tuy Đảng bộ thị xã mới được thành lập, cũng đã có nhiều tiến bộ trong việc xây dựng thực lực bên trong; phối hợp ba mũi giáp công giữa bên ngoài và bên trong, liên tục đánh sâu, đánh trúng, diệt được nhiều tên ác ôn đầu sỏ quan trọng; quần chúng bên trong cũng đã nổi dậy với chất lượng ngày càng cao.

"... Nhưng rõ ràng là thời gian qua, việc xây dựng thực lực bên trong chưa kịp với yêu cầu, nên tiếp thu sự chỉ viện của trên, của Tỉnh uỷ, của các đảng bộ bạn chưa tốt; trong Đảng bộ thì đánh giá địch, ta chưa thật sâu, chưa thật đúng, còn hữu khuynh; sự chỉ đạo của Đảng bộ chưa toàn diện, công tác mở rộng mặt trận, tranh thủ tầng lớp trên còn hạn chế"¹.

Tuy còn những thiếu sót khuyết điểm, song những thành tích mà Đảng bộ và quần dân thị xã Quảng Ngãi giành được là vô cùng to lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở giai đoạn sau. Đánh giá về thành tích của Đảng bộ và quần dân thị xã trong lễ tuyên dương tại Đại hội, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đã khẳng định: "Đảng bộ thị xã là một đảng bộ mới thành lập nhưng đã quyết tâm lãnh đạo quần chúng nổi dậy chống địch lập vành đai. Công tác binh vận đạt nhiều thành tích khá. Xây dựng được nhiều cơ sở. Lực lượng Đảng, Đoàn, tự vệ mật phát triển và hoạt động tốt; có kế hoạch bảo toàn lực lượng cách mạng, thực hiện phương châm càng đánh càng mạnh"².

1, 2. *Cờ Hồng*, tạp chí của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, số đặc biệt, tr. 58, 59, 67.

Lời tuyên dương trân trọng này đã cổ vũ Đảng bộ và quần dân thị xã Quảng Ngãi tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững chắc hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo.

Chương XII

THAM GIA ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

(1969-1972)

Thất bại trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" đế quốc Mỹ chuyển sang "phi Mỹ hoá" cuộc chiến tranh, sau điều chỉnh thành học thuyết "Việt Nam hoá chiến tranh".

Từ năm 1969, thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" dịch chuyển từ "tìm diệt" sang "quét và giữ", chuyển "bình định" lên thành "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt".

Đối với thị xã Quảng Ngãi, địch tập trung về đây 2 tiểu đoàn cộng hoà, 1 tiểu đoàn công binh, 3 đại đội thám báo, 4 đại đội cảnh sát, 10 đại đội chuyên môn (không thám, trinh sát, truyền tin, chiến tranh chính trị, vận tải, quân vụ sửa chữa), 2 trung đội quân cảnh, 1 đại đội bảo an, 1 chi đoàn cơ giới, 12 máy bay trinh sát và vận tải, 15 trung đội nghĩa quân, 175 tên Mỹ (đặc khu 100 tên, lãnh sự quán 25 tên, Chấn Ký 25 tên, CIA 25 tên). Ngoài ra còn có 23 trung đội dân vệ, 12 trung đội phòng vệ dân sự, 9 trung đội thanh niên tân trang¹.

1. Theo Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ I - Tlđd.

Địch ráo riết bắt lính, dồn quân theo lệnh của tỉnh trưởng Tôn Thất Khiên: "Ra sức xây dựng địa phương quân làm tròn nhiệm vụ phòng thủ thị xã, để cộng hoà rảnh tay bình định". Bất kỳ nửa đêm, mờ sáng chúng cũng có thể nổ súng ập vào nhà dân bắt tất cả những người mạnh khoẻ vào lính, không kể lứa tuổi, bắt cả học sinh, giáo viên, công chức vào lính. Địch còn xây công sự ngầm, ổ tác chiến trong nội thị, tăng cường hành quân cảnh sát, liên tục lùng sục đánh phá cơ sở cách mạng; liên tục tổ chức học tập "tố cộng" tố giác nội tuyến ta, hòng "quét sạch Việt cộng nằm vùng", "thuần khiết dân" để đảm bảo an toàn bên trong; kiểm soát gắt gao dân chúng ra vào thị xã, liên tục hành quân ở vùng ven, càn quét đánh phá lên phía tây, xuống phía đông, có tháng 5 trận, có trận có hàng chục xe tăng hỗ trợ, lập thêm nhiều lô cốt, chốt điểm, tháp canh phía Nghĩa Thắng, Nghĩa Hành xuống, phía Nghĩa Đông, Nghĩa Hoà lên, rào kẽm gai dọc bờ nam sông Trà Khúc; dàn nghĩa quân, dân vệ làm hàng rào canh gác bên ngoài cộng với phục kích, gài mìn, lựu đạn... tạo thành thế bảo vệ dày đặc quanh thị xã. Để kim kẹp chặt dân hơn nữa, địch lập ra cái gọi là "ấp tân sinh". Xây dựng Phú Mỹ Hạ thành ấp kiểu mẫu toàn tỉnh, rào kẽm gai hai bên đường đi và xung quanh ấp, chỉ để cổng không quá một mét tối đóng chặt cổng, có phòng vệ dân sự canh gác. Dã man tàn bạo nhất là địch đã cày ủi, xúc dân, lập vành đai trắng xung quanh thị xã, hòng cô lập và ngăn cách thị xã với vùng giải phóng nông thôn rộng lớn của ta.

Mặt khác địch ra sức củng cố tổ chức Quốc dân đảng, phát triển Đảng dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu (đồng bào ta gọi là "đảng dân chủ") và tổ chức một số đảng phái

mới như Nhân xã đảng (cải biên Đảng cần lao nhân vị của Ngô Đình Diệm), Đảng công nông. phong trào quốc gia cấp tiến, mặt trận cứu nguy dân tộc... hòng làm chỗ dựa cho Mỹ - Nguy giành dân với ta. Quốc dân đảng với tay nắm Phật giáo, lực lượng nguy quân và xây dựng nông thôn, mỗi đảng viên nắm 10 cử tri trở lên. Nhân xã đảng tích cực nắm Thiên chúa giáo, nhân dân tự vệ và bọn đầu hàng để chống ta. Dịch còn tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu an; chúng thực hiện "tình báo hoá" quân nguy, đảng phái, tôn giáo, "tình báo hoá nhân dân", cho ra đời các đội "phượng hoàng", "thiên nga" hoạt động hù dọa, lôi kéo cán bộ, chiến sĩ ta; mở các chiến dịch "hội làng an dân", "tìm về quê hương", "hậu phương thương tiễn tuyến" để lũng đoạn tư tưởng quân chúng, vơ vét sức người sức của phục vụ cho "Việt Nam hoá chiến tranh". Dịch còn cho thành lập tổ chức "nghiệp đoàn lao động", "nông liên hội", "tổ hợp"... cho vay tiền mua máy nước, kinh doanh, hòng lừa bịp mua chuộc quần chúng.

Cùng với các thủ đoạn trên, dịch ra sức củng cố bộ máy nguy quyền xã Cẩm Thành, các ấp nội thị, các xã thôn vùng ven bị rệu rã trong Tổng tiến công và nổi dậy của ta năm 1968. Dịch chọn những tên phản động nắm bộ máy nguy quyền các cấp, chui vào các trường học, các phong trào công khai hợp pháp để khống chế nhân dân và đối phó với ta.

Về phía ta, một năm sau Tổng tiến công và nổi dậy 1968 đã giành được nhiều thắng lợi to lớn, tình hình thị xã biến chuyển có lợi cho cách mạng. Song thực lực ta cũng bị tổn thất, quân số chưa được bổ sung.

"Một số cán bộ, chiến sĩ, cơ sở ta tỏ ra mệt mỏi, gồm ngại địch, không dám trụ bám địa bàn, có tư tưởng ý lại trông chờ lực lượng của trên, trông chờ đàm phán, ảo tưởng hoà bình, ngán lâu dài, bi quan, thiếu tin quần chúng, ý chí chiến đấu giảm sút... Một số đội công tác dạt ra xa, hoạt động bị ngừng lại một thời gian sau"¹.

Trước tình hình ấy, theo sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Thị uỷ đã mở một đợt sinh hoạt chính trị vào dịp kỷ niệm thành lập Đảng (ngày 3 tháng 2 năm 1969), khẳng định những thắng lợi toàn diện và những mặt yếu của thị xã trong năm 1968, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tư tưởng lệch lạc, động viên toàn Đảng bộ và quần dân thị xã thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong thư chúc mừng năm mới (ngày 1 tháng 1 năm 1969):

"Vì độc lập, vì tự do.

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Thực hiện Nghị quyết tháng 4 năm 1969 của Bộ Chính trị, Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chủ trương: "Ra sức xây dựng thực lực, tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn, củng cố và phát triển thế làm chủ vùng ven, xây dựng và thuần khiết tốt bàn đạp, xây dựng thế trụ bám. Đồng thời xây dựng cơ sở, nắm dân, làm chủ trong nội thị. Kết hợp giữa tấn công địch phía trước và đánh địch phản kích càn quét ở phía sau. Ra sức diệt ác diệt các lực lượng kìm kẹp, nỗ lực giành dân"².

1 Trích Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ I -Thđd.

2. Trích Nghị quyết ngày 27 tháng 5 năm 1969 của Thường vụ Tỉnh uỷ tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

Tháng 3 năm 1969, tỉnh giải thể tiểu đoàn 81, chỉ để lại một đại đội tăng cường cho thị xã gọi là đại đội 81. Thị uỷ đã củng cố lại các đơn vị vũ trang, các đội công tác, sắp xếp bố trí lực lượng chỉ đạo chỉ huy ở các cánh với chủ trương: "Liên tục tấn công diệt kẹp, phá vành đai, giành dân, trụ bám, củng cố hành lang bàn đạp, đẩy mạnh hoạt động trong địa bàn, đánh nhỏ, đánh liên tục, phá âm mưu của địch "quét và giữ" thị xã.

Một số đồng chí uỷ viên Thường vụ Thị uỷ được phân công chỉ đạo các cánh:

- Đồng chí Nguyễn Văn Ngọc chỉ đạo cánh đông.
- Đồng chí Nguyễn Hồng Thái chỉ đạo cánh bắc.
- Đồng chí Hoàng Văn Ái chỉ đạo cánh nam.

Tháng 5 năm 1969, đồng chí Việt Thanh được điều động lên cấp trên. Tỉnh uỷ cử đồng chí Nguyễn Nghĩa, tỉnh uỷ viên, Phó ban an ninh tỉnh về làm Bí thư Thị uỷ. Đồng chí Hoàng Văn Ái ra phụ trách cánh bắc (thay đồng chí Thái về tỉnh). Tỉnh uỷ điều động đồng chí Huỳnh Thị Ngọc Sương về thị xã bổ sung vào Thị uỷ, phân công phụ trách cánh nam và binh tế vận.

Thị uỷ chỉ đạo các cánh bám vào nội thị, đưa phong trào mọi mặt của thị xã tiếp tục phát triển. Các cánh đã phát động quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phá kẹp, giành dân, làm chủ, xây dựng thực lực cách mạng. Hàng vạn truyền đơn, khẩu hiệu, báo *Giải phóng*, báo *Vùng lên*, thư chúc tết của Bác Hồ được tung vào thị xã, phát huy thắng lợi Mậu Thân, cổ vũ nhân dân tiếp tục đấu tranh góp phần "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào".

Được các đơn vị thuộc sư đoàn 3 Quân khu V (nay là

sư đoàn Sao vàng) và của tỉnh hỗ trợ, các lực lượng vũ trang thị xã đã phối hợp với toàn tỉnh mở các chiến dịch xuân, hè, thu 1969.

Các đại đội 90, 91, 93, 81, 506A, 506B, lực lượng A3, A2¹ và các lực lượng mật vừa đánh địch càn nống ra vùng ven, vừa thọc sâu đánh địch trong nội thị, tấn công vào nhiều mục tiêu, có những mục tiêu bị đánh đi đánh lại nhiều lần.

Phong trào diệt ác phá kìm, giành dân, làm chủ liên tục phát triển. Đến cuối năm 1969, ta đã làm chủ B có 17.668 người dân, làm chủ C có 14.813 người dân, lỏng kẹp 13.617 người dân, chỉ còn bị địch kẹp 17.878 người dân².

Nhân dân thị xã cùng với nhân dân nông thôn nhập thị, tham gia 20 cuộc đấu tranh lớn có trên 36.000 lượt người và 500 gia đình binh sĩ nguy tham gia, 500 vụ đấu tranh lẻ tẻ, gửi đơn kêu kiện chống địch phát quang, rào làng, bắt lính, giới nghiêm, đòi tự do đi lại làm ăn, bồi thường thiệt hại, cứu đói, cứu đau... Có vụ hàng trăm đồng bào nằm tại Trường Tư Chánh B một thời gian dài, đòi địch làm lại nhà, chống địch đốt phá, bắn pháo, gài mìn, lựu đạn... Nhờ đấu tranh đồng bào đã giữ được hàng trăm ngôi nhà khỏi bị đốt, giành được hàng trăm thanh

1. A3 là trinh sát vũ trang, A2 là an ninh đô thị.

2. Làm chủ A là có chi bộ đảng, các đoàn thể giải phóng, tập hợp và huy động được quần chúng; làm chủ B là quần chúng giác ngộ cách mạng, đội công tác và cơ sở nắm được dân, trụ bám, hoạt động thường xuyên tại chỗ; làm chủ C là ban ngày địch kiểm soát, ban đêm đội công tác và cơ sở có thể hoạt động.

niên khỏi bị bắt lính, phá trên 10.000 m rào vi, buộc dịch bồi thường 3.270 tấn tôn và 1.914.000 đồng¹. Trong Phật giáo nổ ra nhiều cuộc đấu tranh chống Mỹ - nguy ám hại thượng toạ Thích Giải Hậu; hàng vạn phật tử tập trung về các chùa cầu siêu cho ông; 5.000 phật tử và đồng bào xuống đường ngày 8 tháng 3 năm 1969 đòi dịch thả nhà sư yêu nước Thích Thiện Minh; hơn 20.000 phật tử và đồng bào xuống đường trong ngày lễ Phật Đản ngày 15 tháng 4 Kỷ Dậu (ngày 30 tháng 5 năm 1969) đòi văn hồi hoà bình...

Thanh niên, học sinh tiếp tục chống "quân sự hoá học đường", chống bắt lính, chống tổ chức trại hè Lý Sơn. Học sinh Trường Trần Quốc Tuấn và Bồ Đề biên soạn hai cuốn sách *Khởi điểm* và *Khai sáng* nêu bật truyền thống đấu tranh đánh giặc giữ nước của dân tộc, kêu gọi thanh niên, học sinh chống Mỹ - Thiệu.

Các đòn tấn công vũ trang, chính trị nói trên, cùng với việc Mỹ xuống thang chiến tranh, tác động mạnh đến binh lính, sĩ quan, nhân viên nguy quyền, làm cho chúng càng thêm hoang mang, dao động, nhiều tên bỏ trốn. Nhưng có số đã trốn cũng không thoát, như vụ 14 tên (gồm CIA, xây dựng nông thôn, nhân viên Ty điền địa, ác ôn lưu vong) trốn dưới ao rau muống ở Phú Mỹ Trung, đã bị nhân dân và lực lượng ta bắt ngày 12 tháng 5 năm 1969². Ta đã gửi trên 1.000 thư tranh thủ và thư cảnh cáo

1. Theo Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ I - Tlđd.

2. Theo Báo cáo ngày 25 tháng 5 năm 1969 của Thị uỷ - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 310.

đến binh lính, sĩ quan, nhân viên nguy quyền và gia đình họ. Các đại đội bảo an ở ga Ông Bó, đầu cầu Trà Khúc và một số đơn vị nguy ở Cửa Đông, Gò Nại, Phú Yên... thường xuyên có rã ngũ.

Ngày 6 tháng 6 năm 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Sự kiện chính trị quan trọng này phản ánh thế mạnh, thế thắng của cách mạng miền Nam, càng cổ vũ và tập hợp thêm đông đảo các tầng lớp nhân dân thị xã đứng lên chống Mỹ - nguy.

Nhận thức rõ "vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền" (Lênin), được sự chấp thuận của Tỉnh uỷ, Thị uỷ Quảng Ngãi đã chỉ đạo mở Hội nghị chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng thị xã từ ngày 19 đến ngày 21 tháng 7 năm 1969, tại một địa điểm ở vùng giải phóng. Bảy mươi đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã nhất trí ra nghị quyết:

"Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, thể theo nguyện vọng nhân dân thị xã, được Uỷ ban nhân dân cách mạng tỉnh chuẩn y, hội nghị bầu Uỷ ban nhân dân cách mạng thị xã Quảng Ngãi, định chương trình hành động thời gian tới, gấp rút đưa phong trào thị xã tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, cùng các đô thị miền Nam đưa bão táp cách mạng bùng nổ quyết liệt lên một bước mới, góp phần đánh bại mọi âm mưu nham hiểm của địch"¹.
Uỷ ban nhân dân cách mạng thị xã Quảng Ngãi được bầu ra tại hội nghị này đã tuyên bố:

"Luôn luôn trung thành vô hạn với nhân dân, với

1. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 308.

Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, sẵn sàng đảm nhận trọng trách tổ chức, động viên nhân dân thị xã đẩy mạnh tấn công và nổi dậy, đánh bại chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ nguy quyền bán nước, giành quyền làm chủ thực sự cho nhân dân, nghiêm chỉnh thực hiện mọi quyết định của chính quyền cách mạng cấp trên, phấn đấu cho mục tiêu độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà. Xoá bỏ nguy quyền bán nước ở thị xã Quảng Ngãi. Những kẻ điên cuồng tiếp tục sử dụng bộ máy nguy quyền để đánh phá nhân dân sẽ bị nghiêm trị. Những người tham gia bộ máy nguy quyền nay biết hối cải lập công sẽ được khuyến khích, hoan nghênh, khen thưởng.

Kêu gọi các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, nhân dân lao động, các lực lượng vũ trang nhân dân, tiểu thương, tiểu chủ, tri thức, thanh niên học sinh, tư sản, đồng bào các tôn giáo, hoa kiều, sĩ quan, binh lính, công chức thuộc nguy quyền... tất cả vùng lên tiến theo ngọn cờ quang vinh của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào.

Thời cơ cách mạng đã đến rồi! Thắng lợi huy hoàng nhất định thuộc về chúng ta!"¹ .

Nội dung Bản tuyên bố này đã được in hàng ngàn bản, tấn phát kịp thời vào thị xã, làm cho đồng bào càng thêm phấn khởi, tin tưởng, hăng hái đấu tranh chống địch.

Trong hai ngày 31 tháng 8 và 1 tháng 9 năm 1969,

1. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 308.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi lần thứ I họp tại H6, núi Kỳ Lân (huyện Minh Long). Đại hội có 49 đại biểu chính thức (3 nữ) và 17 đại biểu dự thỉnh. Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Lê Tấn Toả, Phó Bí thư Tỉnh uỷ về dự và tham gia chỉ đạo Đại hội.

Đại hội điểm lại tình hình địch, ta tại thị xã từ ngày đơn vị hành chính và Đảng bộ thị xã được thành lập (tháng 6 năm 1965), đi sâu vào tình hình hai năm 1968-1969. Đại hội khẳng định những thành tích to lớn trong xây dựng thực lực cách mạng, đẩy mạnh ba mũi giáp công liên tục tấn công, góp phần đánh thắng "chiến tranh cục bộ" của địch, bước đầu phá vỡ kế hoạch "quét và giữ" thị xã của chúng. Đại hội trân trọng tuyên dương các lực lượng vũ trang tập trung, trinh sát vũ trang, biệt động, du kích, an ninh mật, các đội công tác, các đoàn thể quần chúng, các lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận, giao bưu, vũ trang tuyên truyền, y tế, chiến sĩ thi đua, cá nhân xuất sắc...

Đồng thời Đại hội cũng nghiêm túc kiểm điểm những thiếu sót tồn tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Đại hội chỉ rõ: trong chỉ đạo thực hiện cụ thể chưa quán triệt và nắm vững đường lối, phương châm của Trung ương về tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tấn công vũ trang và đấu tranh chính trị, tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng, diệt địch và giành dân. Thường là đánh giá địch cao, chưa thấy hết khả năng của quần chúng, tư tưởng hữu khuynh còn nặng. Tổ chức đảng và bộ máy giúp cấp uỷ chỉ đạo còn nhiều khâu yếu.

Đồng chí đại diện Thường vụ Tỉnh uỷ nhiệt liệt biểu dương sự trưởng thành của Đảng bộ, biểu dương sự phát

triển mạnh của các phong trào cách mạng ở thị xã, nhưng cũng chỉ rõ thêm một số mặt yếu kém của Đảng bộ thị xã như trông chờ ỷ lại sự chi viện của trên, lấy người bên trong ra ít; cán bộ các đội công tác còn quá ít người địa phương am hiểu thị xã; quần chúng tốt nhưng chưa được phát động đúng mức; phong trào các phường nội thị còn yếu; du kích đấu tranh còn yếu; nặng về đánh địch bằng lực lượng vũ trang tập trung.

Từ thực tiễn trên, Đại hội đúc kết một số bài học kinh nghiệm về chỉ đạo quá trình tổng công kích, tổng khởi nghĩa; về thực hiện ba mũi giáp công ngay tại thị xã, về vận dụng thực hiện quan điểm và đường lối quần chúng của Đảng; về tự lực, tự cường, xây dựng ý chí cách mạng triệt để; về đoàn kết thống nhất trong tư tưởng và hành động; về xây dựng đảng; về chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Đại hội đã ra nghị quyết vạch rõ phương hướng nhiệm vụ sắp tới của Đảng bộ và quần dân thị xã là: "Động viên sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân, phát huy thắng lợi to lớn vừa qua, đẩy mạnh phong trào thị xã, ra sức mở rộng và củng cố vùng làm chủ có chất lượng cao, tăng cường lực lượng vũ trang, chính trị, kinh tế, xây dựng đảng vững mạnh nhất là cơ sở, nhằm thúc đẩy mạnh công kích và nổi dậy thường xuyên và từng đợt lớn, đánh bại các âm mưu thủ đoạn mới của địch, tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong thời gian tới, đồng thời tích cực chuẩn bị sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống chiến tranh và mọi cục diện xảy ra"¹.

1. Tài liệu và biên bản Đại hội lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khoá I gồm 21 đồng chí; 5 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ. Đồng chí Mai Lương được bầu làm Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Hồng Thái được bầu làm Phó Bí thư. Trong 21 thị uỷ viên có 3 thị uỷ viên hợp pháp là Đỗ Cao Đệ, Nguyễn Văn Bổng và Lê Ngô bí danh là Nở¹.

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ và quân dân thị xã vô cùng bàng hoàng đau đớn được tin Hồ Chủ tịch từ trần tại Hà Nội vào ngày 3 tháng 9 năm 1969². Ai cũng thương tiếc Bác và thấy mình có lỗi chưa hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam để đón Bác về thăm. Từ cơ quan Thị uỷ đến các đơn vị thuộc thị xã đều tổ chức lễ truy điệu, tưởng nhớ đến công ơn trời biển của Bác đối với dân tộc, Tổ quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam; lắng nghe và ghi lòng từng lời trong *Di chúc* thiêng liêng của Bác, *Điều trần* và các lời thề của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong cả nước trước anh linh Bác³. Nhiều nơi trong các thôn xã vùng ven, các phường nội thị, các trường học, đồng bào và học sinh lập bàn thờ, mua nhang đèn, đeo băng tang cúng vái Bác, đứng nghiêm hướng về phương bắc tưởng niệm Bác. Hàng ngàn phật tử tập hợp đến các chùa cầu siêu cho Bác.

1. Tài liệu và biên bản Đại hội lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 307.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời vào ngày 2 tháng 9 năm 1969 nhưng vì trùng với ngày Quốc khánh nên lúc bấy giờ Bộ Chính trị quyết định công bố Người mất ngày 3 tháng 9 năm 1969.

3. Do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội ngày 9 tháng 9 năm 1969.

Thị uỷ đã phát động phong trào thi đua "Biến đau thương thành hành động, lập công đền ơn Bác". Các lực lượng vũ trang thị xã nêu cao khẩu hiệu "Đời đời nhớ ơn Hồ Chủ tịch", "Thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Ngay trong đêm 12 tháng 9 năm 1969, hai đại đội đặc công ta đột nhập vào ấp Phú Mỹ Hạ, Phú Yên 1,2 đánh một tiểu đoàn của trung đoàn 4 sư 2 nguy diệt hàng chục tên lính cùng một số ác ôn địa phương, phát động quần chúng phá ấp, góp phần hạn chế tốc độ bình định nông thôn của địch. Trong các tháng 10 và 11 năm 1969 ta đánh 7 trận diệt một số ác ôn.

Trong 6 tháng đầu năm 1970, lập thành tích kỷ niệm 40 năm thành lập Đảng, 80 năm ngày sinh Bác Hồ, 5 năm thành lập Đảng bộ thị xã, lực lượng trinh sát vũ trang, đặc công, an ninh mật của thị xã đã đánh hàng chục trận vào tận sào huyệt của địch như: ngày 16 tháng 2 năm 1970, quân ta cải trang làm lính bảo vệ phòng chiếu phim hậu cứ của trung đoàn 6 sư 2 nguy ở Rừng Lãng, đặt mìn hẹn giờ diệt 15 cố vấn Mỹ và sĩ quan nguy. Ngày 13 tháng 3, đặt mìn vào ô tô diệt hai cố vấn Mỹ trên đường Võ Tánh. Ngày 12 tháng 4, sáu chiến sĩ trinh sát cải trang thành lính bảo an, kết hợp vũ thuật với vũ trang diệt gọn 25 tên địch (có 2 tình báo, 15 ác ôn) ở Phú Hoà Tây thuộc xã Nghĩa Điền. Ngày 19 tháng 5, tổ an ninh đô thị Hải Đường dồn thuốc nổ vào lon côcacôla, đánh vào rạp Kiến Thành diệt 17 tên (có 6 sĩ quan), làm bị thương nhiều tên khác. Ngày 3 tháng 6, trinh sát vũ trang và đặc công ta cải trang thành lính sư đoàn 2 nguy, phục đánh địch giữa ban ngày tại ngã năm, diệt hàng chục tên địch.

Vâng theo *Di chúc* Hồ Chủ tịch, thực hiện các nghị

quyết, chỉ thị của Tỉnh uỷ "về công tác thị xã, thị trấn" và nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ I. Thị uỷ tập trung sức lãnh đạo Đảng bộ và quân dân thị xã lập nên những chiến công và thành tích mới.

Tính chung trong hai năm 1969-1970, riêng các lực lượng của thị xã đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.611 tên địch (diệt 2.173, có 230 tên Mỹ, làm bị thương 238, bắt sống 200), diệt gọn 2 trung đội dân vệ, 5 xe quân sự (có 1 xe tăng), bắn rơi và phá huỷ 5 máy bay (có 1 chiếc CHB4 rơi làm chết 47 tên địch), thu 365 súng các loại. Các lực lượng vũ trang vừa chiến đấu vừa tăng cường xây dựng về mặt tư tưởng, kỹ - chiến thuật và phương thức hoạt động.

Cùng với đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị công khai hợp pháp của nông dân, công nhân lao động, thanh niên học sinh, trí thức, Phật giáo, thương phế binh nguy ở thị xã liên tục nổ ra, tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia. Nhiều cuộc giành được thắng lợi, bảo vệ quyền lợi quần chúng, làm thất bại nhiều âm mưu kế sách của địch. Các lực lượng ta ở bên ngoài và bên trong đã tấn phát gần 2 vạn truyền đơn và *Di chúc* của Bác, cổ vũ quần chúng đấu tranh và tấn công binh tề vận. Đồng bào vùng ven đã đấu tranh buộc địch phải bồi thường cho những thanh niên trốn lính bị bắn chết, những nông dân đi làm đồng bị vướng mìn, lựu đạn, những nhà cửa bị địch đốt phá, những trâu bò bị địch bắn chết. Đồng bào còn chống địch tổ chức hội làng, lấy đất công điền làm nhà cho lính ở. Anh chị em công nhân lao động đã đấu tranh đòi giảm thuế, vạch mặt những tên phản động chui vào các nghiệp đoàn để lừa bịp và phá hoại. Ba ngàn đồng bào và thương phế binh nguy kéo đến

toà tình trường đòi giải quyết nhà cửa, đòi trợ cấp. Năm ngàn lượt học sinh tham gia hội thảo đòi văn hồi hoà bình, chống lệnh tập quân sự của địch. Hai mươi ba ngàn lượt phát tử dụ thuyết pháp, cầu siêu cho Bác, gửi kiến nghị cho ngụy quyền đòi văn hồi hoà bình, hoà hợp dân tộc...

Về binh tế vận, ta vừa tấn phát truyền đơn, thư tranh thủ, vừa tuyên truyền giáo dục gia đình binh sĩ, nhân viên ngụy quyền, ta đã xây dựng thêm được 42 cơ sở trong các sắc lính và cơ quan ngụy tại thị xã, biến 5 tổ thanh niên chiến đấu thành du kích mật, làm đào, rã ngũ 250 tên. Trường Trần Quốc Tuấn phá rã 5 đại đội "bảo vệ học đường" do địch tổ chức.

Nhờ quyền chặt ba mũi giáp công liên tục tấn công địch, năm 1970 ta đã giữ vững số dân làm chủ trên 30.000 người, nâng số dân lỏng kẹp lên 16.721 người (có 8.400 người ở nội thị), thường xuyên làm rối loạn hậu phương địch, góp phần hạn chế địch đánh phá vùng giải phóng và bình định nông thôn.

Gắn liền với các phong trào trên, Đảng bộ và thực lực cách mạng của thị xã đã được xây dựng, phát triển, trưởng thành hơn trước. Toàn Đảng bộ có 30 chi bộ (1968 là 20) với 212 đảng viên (1968 là 124), trong đó có 10 chi bộ bên trong (1968 là 5) với 48 đảng viên. Trong 212 đảng viên có 98 đồng chí trong các lực lượng vũ trang, 120 đồng chí đạt danh hiệu "đảng viên bốn tốt". Về các đoàn thể quần chúng, thị xã có:

- 12 chi đoàn thanh niên nhân dân cách mạng với 110 đoàn viên.
- 26 tổ thanh niên giải phóng với 168 hội viên.
- Đội thiếu niên tiên phong có 80 đội viên.

- 40 tổ phụ nữ với 187 hội viên.
- 40 tổ nông hội với 241 hội viên.
- 13 tổ công đoàn với 61 hội viên¹.

Lực lượng du kích, an ninh mật có 42 tổ với 221 chiến sĩ. Cơ sở nội tuyến trong các sắc lính, các cơ quan nguy quyền, các trường học, nhà chùa, nhà buôn, Hoa kiều... có tất cả 576 người. Xây dựng được số cơ sở này là một kỳ công của Đảng bộ, trong đó có những cơ sở quan trọng như:

- Nguyễn Hùng, đại diện (xã trưởng) xã Cẩm Thành, mang bí số X21. Ông đã từng đón tiếp cán bộ từ ngoài vào, cung cấp cho Tỉnh uỷ, Thị uỷ nhiều tin tức quan trọng, làm thẻ căn cước giả, hoặc cấp giấy tờ cho các đồng chí ta ra vào thị xã.

- Chị Khưu Thị Hồng (bí danh là Mai) quê Tam Kỳ, cán bộ phụ nữ tỉnh Quảng Nam, bị thương cụt một chân. Địch bắt được, cắt luôn chân còn lại của chị để "khỏi đi làm cộng sản" và bỏ tù ở Chí Hoà. Sau khi ra tù chị đến xin làm thư ký đánh máy cho tổ chức Quay cơ (tổ chức từ thiện do Mỹ lập ra) ở thị xã Quảng Ngãi. Năm 1971, Thị uỷ đã móc nối liên lạc, đưa chị vào mạng lưới hoạt động nội thị. Chị đã lợi dụng phương tiện của cơ quan Quay cơ, in truyền đơn cho ta rải ở thị xã; vận động hai vợ chồng người Mỹ ở đây (tên là Earl S. Martin) lấy tên Việt (là Dũng và Anh) làm được một số việc có lợi cho một số đồng bào ta bị tai nạn chiến tranh. Có lần ta tổ chức cho Dũng và Anh ra thăm vùng giải phóng phía tây thị xã. Họ đã cung cấp cho ta một số tin tức, hình ảnh về phong trào

1. Theo Báo cáo năm 1970 của Thị uỷ.

đấu tranh của nhân dân ta trong thị xã¹.

Dưới sự lãnh đạo của Thị uỷ, các mặt công tác dân vận, mặt trận, chính quyền (Ủy ban nhân dân cách mạng, an ninh, kinh tài, y tế, giao butu, thi đua) đều đi vào nền nếp thu được nhiều thành tích đáng khích lệ.

Riêng về hoạt động kinh tài, trong hai năm 1969-1970, Đảng bộ đã động viên nhân dân thị xã đóng góp cho kháng chiến 1.187.000 đồng, gần 1.000 ang lúa, gạo, một đôi trâu, 20 con heo. Ngoài ra nhân dân còn đóng góp bánh kẹo, sữa, đường... chăm nuôi thương bệnh binh trị giá gần một triệu đồng. Các đội công tác đã tự lực 100% về kinh tế. Cán bộ, nhân viên của Thị uỷ và các đơn vị trực thuộc thị, khi về sinh hoạt học tập ở hậu cứ đã tích cực tham gia sản xuất tự túc. Riêng năm 1970 đã trồng được 30.000 gốc mỳ, cấy lúa thu hoạch được 200 ang, tria bắp thu được 150 ang, tria đậu phụng, tria đậu xanh thu được 50 ang².

Để đánh giá tình hình phong trào thời gian qua, bàn phương hướng nhiệm vụ sắp đến, được Thường vụ Tỉnh uỷ chuẩn y, Thị uỷ đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ II. Đại hội có 50 đại biểu chính thức, 18 đại biểu dự thỉnh, họp từ 26 đến 28 tháng 11 năm 1970 tại Gò Chè, Long Cao, Minh Long. Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Lê Tấn Toản, Phó Bí thư Tỉnh uỷ về dự và tham gia chỉ đạo Đại hội.

1. Năm 1978 tại NiuYoóc, Earl và Martin xuất bản một cuốn sách ca ngợi cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Quang Ngãi và cả miền Nam Việt Nam.

2. Theo Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ II.

Đại hội rất tự hào về những thành tích đã đạt được trong điều kiện địch đánh phá ác liệt: trân trọng biểu dương sự nỗ lực vượt bực của toàn Đảng bộ, của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị và cơ sở, của đồng bào yêu nước ở các xã, ấp. Đồng thời Đại hội cũng chỉ rõ các mặt còn yếu kém như công tác chính trị tư tưởng chưa tốt, trong cán bộ, chiến sĩ, cơ sở vẫn còn tư tưởng hữu khuynh cơ thủ, sợ chết, ngán lâu dài, trông chờ, ỷ lại, cá nhân chủ nghĩa... mà biểu hiện cụ thể là trụ bám chưa chắc, diệt ác, phá kìm, đánh địch chưa mạnh, chưa trúng nhiều bọn đầu sỏ, vũ trang chưa thực sự thành đòn xeo mạnh cho phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ ở cơ sở; đấu tranh chính trị, binh vận chưa thành phong trào thường xuyên, liên tục, xây dựng thực lực ở nội thị còn ít¹.

Từ thực tiễn trên, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (đầu tháng 11 năm 1970) và ý kiến chỉ đạo của đồng chí đại diện Tỉnh uỷ, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ và quân dân thị xã Quảng Ngãi thời gian tới là: "Ra sức xây dựng thực lực ta về mọi mặt. Đẩy mạnh du kích chiến tranh bên trong, kết hợp ba mũi giáp công, công kích và nổi dậy, diệt ác, phá kìm, giành dân làm chủ ở cơ sở. Sử dụng đặc công đánh cơ quan, kho tàng, diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, phá vỡ các tuyến phòng ngự của chúng. Đẩy mạnh phong trào công khai hợp pháp đòi dân sinh, dân chủ, giải quyết đời sống, chống bắt lính... Xây dựng những căn cứ lổm ở vùng ven vũng chắc, làm bàn đạp đảm bảo tiến công liên tục vào nội thị. Tất cả nhằm đưa phong trào

1. Xem *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ II*.

thị xã lên mạnh, làm rối loạn hậu phương địch, góp phần đánh thắng "Việt Nam hoá chiến tranh" của địch"¹ .

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khoá II gồm 23 đồng chí (có 2 hoạt động hợp pháp, 5 dự khuyết). 7 đồng chí được bầu vào Thường vụ. Đồng chí Mai Lương, tỉnh uỷ viên dự khuyết, được bầu làm Bí thư Thị uỷ. Đồng chí Hoàng Văn Ái được bầu làm Phó Bí thư (đến tháng 10 năm 1971 bổ sung đồng chí Huy Tân và Huỳnh Thị Mỹ vào Phó Bí thư Thị uỷ).

Đảng bộ thị xã triển khai thực hiện Nghị quyết khoá II trong khi hành lang bàn đạp gặp nhiều khó khăn sau hai năm địch đánh phá cây úi lập vành đai trắng ở vùng giáp ranh thị xã. Ở vùng ven và nội thị địch tiếp tục hành quân cảnh sát, truy tróc lực lượng cách mạng và bắt lính đơn quân, rải nhiều tổ biệt kích mang theo phương tiện do thám hòng theo dõi đánh phá ta nhanh nhất; giở nhiều trò lừa bịp trong các chiến dịch "Vì dân, an dân", cho vay tiền mua máy cày, máy ghe, máy nước, heo giống; viết vẽ thêm nhiều khẩu hiệu "chống cộng", cờ bả que trên vách, trên mái nhà. Địch còn đẩy mạnh hoạt động của các đảng phái phản động, lợi dụng tôn giáo, tích cực đánh phá phong trào đấu tranh của quần chúng, lợi dụng các phần tử đầu hàng, đầu thú để đánh phá ta, đưa một số lên máy bay kêu gọi chiêu hồi, chiêu hàng, kết hợp chỉ các địa điểm đóng quân của ta...

Sau thất bại ở đường 9-Nam Lào, địch đưa phần lớn lực lượng sư đoàn 2 nguy ở Quảng Ngãi đi ứng cứu. Trong lúc đó tháng 7 năm 1971, quân Mỹ rút 4 tiểu đoàn ở

1. Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ II.

Quảng Ngãi, đến cuối tháng 11 thì rút hết, chỉ còn 200 cố vấn. Tình hình này làm cho nguy quân, nguy quyền ở thị xã Quảng Ngãi hoang mang dao động mạnh.

Trước tình hình mới Thường vụ Tỉnh uỷ chia tỉnh thành ba khu vực để chỉ đạo cho phù hợp: khu vực thị xã bao gồm cả vùng ven và huyện Tư Nghĩa với chỉ thị: thành thị là hướng tấn công trọng yếu để giành thắng lợi khi có thời cơ. Không vì chống địch bình định nông thôn mà xem nhẹ công tác thành thị¹.

Thị uỷ đã chỉ đạo tăng cường bốn tám: "trên tám dưới, Đảng tám dân, đội công tác tám địa bàn, chiến sĩ tám đánh địch" hướng dẫn các chi bộ, các đơn vị tổ chức lễ ký "quyết tâm thư" (trên vải đỏ) hạ quyết tâm "Hy sinh vì Tổ quốc", thừa thắng xông lên quyết thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và tay sai". Thường vụ Thị uỷ phân công đồng chí Huỳnh Thị Mỹ (Phó Bí thư) vào hoạt động hợp pháp ở nội thị, trực tiếp chỉ đạo phong trào tại chỗ. Qua cơ sở của ta, đồng chí Mỹ lấy chùa Tỉnh Hội làm nơi ăn ở hợp pháp. Từ đây đồng chí liên lạc với các cơ sở nội tuyến được phân công để triển khai công tác bên trong theo phạm vi nhiệm vụ phụ trách.

Các đơn vị 506A, 506B, đại đội 81 cùng các lực lượng mật đã liên tục tấn công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Có những trận đánh khá xuất sắc như ngày 28 tháng 1 năm 1971, một trinh sát vũ trang hợp pháp vào xem hội chợ tết tại sân vận động Diên Hồng, đã đặt mìn hẹn giờ tại một sòng bạc, diệt 3 sĩ quan và 14 cảnh sát nguy.

1. Chỉ thị mật ngày 1 tháng 10 năm 1970 của Tỉnh uỷ về công tác thị xã, thị trấn - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 16.

Ngày 31 tháng 1 năm 1971, diệt ấp trường ác ôn ở ấp Phú Mỹ Trung giữa ban ngày. Tính chung 6 tháng đầu năm 1971, riêng các lực lượng của thị xã đã đánh 33 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 256 tên địch, có 4 tên Mỹ (diệt 187, làm bị thương 78), diệt gọn 1 trung đội, 2 tiểu đội, phá huỷ 300 thùng lựu đạn, 1 xe jeep, đốt cháy 6 vạn lít xăng¹.

Cùng với đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị cũng phát triển mạnh. Hàng vạn truyền đơn, báo *Giải phóng*, cờ Mặt trận xuất hiện nhiều nơi trong thị xã, ngay cả trước toà tỉnh trưởng nguy. Trên sông Trà Khúc xuất hiện các bè chuối, căng khẩu hiệu "Đánh cho Mỹ cút, nguy nhào". Xe jeep Mỹ cán một xe lam làm chết nữ sinh Nguyễn Thị Anh và bị thương 10 người, lập tức 1.500 đồng bào và học sinh vây bắt hai tên Mỹ trên xe jeep và kéo đến bọn chỉ huy Mỹ đòi bồi thường và ngay sau đó, gần 7.000 học sinh và đồng bào kéo đến sân vận động Diên Hồng mít tinh truy điệu Nguyễn Thị Anh và tố cáo tội ác giặc Mỹ. Nhân ngày 1 tháng 5 theo sự chỉ đạo của Thị uỷ, các cơ sở bên trong đã huy động trên 1.000 đoàn viên các nghiệp đoàn và đồng bào cùng với hàng trăm xe lam, xích lô, ô tô, mít tinh tại bến xe (cũ), hô vang khẩu hiệu "Tinh thần ngày Quốc tế Lao động bất diệt", đòi hạ giá xăng dầu, giảm thuế, cung cấp phụ tùng, cải thiện đời sống; tẩy chay bầu cử lưỡng viện và Tổng thống vào tháng 10 năm 1971, sau đó kéo đi biểu tình qua một số đường phố chính.

1. Theo *Báo cáo 6 tháng đầu năm 1971 của Thị uỷ* - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 314.

Trong bầu cử hạ viện Sài Gòn, theo sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh uỷ, bằng hình thức hợp pháp Thị uỷ Quảng Ngãi đã đưa Tạ Thanh Hối (cơ sở nội tuyến của ta) ra tham gia tranh cử. Với các biện pháp khôn khéo của ta, Tạ Thanh Hối trúng cử với số phiếu cao. Tạ Thanh Hối hoạt động khá tích cực, tập hợp được lực lượng chống Mỹ - Thiệu. Nhưng không may trong một lần đi họp tại Sài Gòn, ông bị tai nạn máy bay, qua đời.

Trước những đòn tấn công quân sự và chính trị của ta vào thị xã cùng những thất bại của địch trên khắp các chiến trường, nguy quân nguy quyền càng hoang mang dao động mạnh. Các đội công tác và lực lượng bên trong lại đẩy mạnh tấn công chính trị tư tưởng vào hàng ngũ địch. Hàng ngàn thư tranh thủ, thư cảnh cáo, đóng dấu Uỷ ban nhân dân cách mạng thị xã Quảng Ngãi, qua đường bưu điện hoặc cơ sở hợp pháp đã đến với sĩ quan, binh lính, nhân viên nguy quyền. Nhiều tên dao động, tìm người của ta để thanh minh. Trong năm 1971 có 7 tên tự làm bị thương, 179 lính cộng hoà, bảo an, dân vệ đào ngũ, năm vụ binh biến phản chiến.

Như vậy mặc dù phải chịu đựng nhiều tổn thất hy sinh, phải vượt qua nhiều khó khăn phức tạp, Đảng bộ và quân dân thị xã vẫn vững vàng trong đối phó đánh bại các âm mưu kế hoạch của địch "quét và giữ thị xã Quảng Ngãi".

Đầu năm 1972, trước tình hình và yêu cầu mới của cách mạng miền Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 20, đề ra nhiệm vụ cấp bách của toàn quân, toàn dân ta trong các chiến dịch tấn công chiến lược 1972.

Quán triệt nghị quyết Trung ương, Hội nghị Tỉnh uỷ tháng 1 năm 1972 nêu rõ quyết tâm của toàn Đảng bộ Quảng Ngãi là: Tranh thủ thời gian, nắm lấy thời cơ lớn, tạo thế tạo lực, tạo thời cơ, phát triển thế tấn công địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng, thực hiện ba cao trào:

- Mở mảng liên hoàn ở nông thôn
- Phát triển cao trào ở thành thị
- Phát động nhân dân vùng dậy giành quyền làm chủ đều khắp, kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định nông thôn" của địch ở địa phương, góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ¹.

Để giúp Thị uỷ triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng và của Tỉnh uỷ, Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Nguyễn Nghĩa uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, đi vào nội thị để khảo sát tình hình tại chỗ. Được lực lượng bên ngoài và bên trong đưa đường, bảo vệ, từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 2 năm 1972, đồng chí Nguyễn Nghĩa đã cải trang thành một ông già đi thăm con, trực tiếp vào vùng ven và trung tâm nội thị gặp một số bí thư chi bộ, đảng viên, cơ sở, quần chúng cách mạng và cả một số binh lính, cảnh sát, sĩ quan, nhân viên nguy quyền, để tìm hiểu tình hình. Qua chuyến đi, đồng chí Nguyễn Nghĩa đã giúp cho Tỉnh uỷ, Thị uỷ nhận định: "Địch tuy đông, hệ thống lô cốt phòng thủ dày đặc, nhưng lại có nhiều sơ hở. Quần chúng rất tốt. Binh lính và nhân viên nguy quyền có nhiều tâm tư nguyện vọng về hoà bình hoà hợp dân tộc. Ta có nhiều khả năng trụ bám để đưa phong

1. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*, Sđd, tr. 363.

trào lên mạnh mẽ, đều khắp...".

Ngày 30 tháng 4 năm 1972, Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban thành phố¹ do đồng chí Nguyễn Nghĩa làm trưởng ban, để giúp Tỉnh uỷ chỉ đạo công tác thị xã, thị trấn trong Tổng tiến công chiến lược 1972.

Chấp hành chủ trương của cấp trên. Hội nghị Thị uỷ mở rộng cuối tháng 2 năm 1972 quyết định huy động đến mức tối đa lực lượng của thị xã tham gia các chiến dịch năm 1972. Các đội công tác phối hợp với các chi bộ, cơ sở bên trong huy động được hàng trăm thanh niên gia nhập quân giải phóng, huy động tiểu thương, tiểu chủ, nhân sĩ yêu nước bí mật giúp ta mua sắm thuốc men, hàng hoá, nhu yếu phẩm chuyển ra vùng giải phóng. Nhiều đồng bào gửi tiền ra giúp cách mạng. Ông Nguyễn Trình, một cơ sở cách mạng ở nội thị, hai lần đóng góp 350.000 đồng (tương đương 1 kg vàng theo thời giá lúc đó). Nhiều người đóng góp từ 5.000 đến 20.000 đồng. Các cơ sở nội tuyến bí mật gửi súng đạn, phụ tùng, máy móc thông tin ra ngoài cho cách mạng... Khi nữ đồng chí Phương bị địch bắt, qua liên lạc hợp pháp, ta giao nhiệm vụ cho một cơ sở trong sĩ quan nguy, mang bí số S1, nhận Phương là "bồ", bảo lãnh cho Phương ra và còn gửi cho ta một súng ngắn...

Với tinh thần "Cả nước ra quân, toàn dân nổi dậy", "Tất cả với chiến dịch Tổng tiến công chiến lược 1972 thắng lợi", Đảng bộ và quân dân thị xã, có sự phối hợp chiến đấu của các lực lượng của trên, đã đồng loạt tấn công và nổi dậy trong chiến dịch - xuân hè (từ 12 tháng 4

1. Tháng 8 năm 1967, Tỉnh uỷ cũng đã lập Ban thành phố để phục vụ Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, sau đó giải thể.

đến 30 tháng 6), chiến dịch thu (từ 20 tháng 8 đến 4 tháng 9), chiến dịch tổng hợp (từ 15 tháng 9 đến 30 tháng 9 năm 1972).

Vũ trang có những trận đánh khá táo bạo. Cô Trần Thị Bích Liên (tức Bé) tham gia du kích mật từ lúc 12 tuổi, một mình tác chiến chín trận, có trận phá huỷ một kho xăng, một xe jeep của địch. Để tiêu diệt tên Long Thọ (ấp trưởng kiêm tình báo chi khu Sơn Tịnh ở ấp Đông Dương, đã có nhiều nợ máu với nhân dân), đồng chí Nguyễn Nghĩa đã động viên tinh thần quyết chiến, quyết thắng của các đơn vị:

"A3, 81 súng tốt, đạn ngon,

Có sao Long Thọ vẫn còn trơ trơ?".

Ngày 20 tháng 9 năm 1972, lực lượng vũ trang thị xã đột nhập vào Đông Dương giết được tên Long Thọ giữa ban ngày. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh tặng giấy khen cho các lực lượng lập được chiến công này.

Tính chung trong ba chiến dịch của năm 1972, các lực lượng của thị xã đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch (diệt trên 300, bị thương gần 100, có 2 tên Mỹ). Ta đã tổ chức và lãnh đạo hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị lớn nhỏ, tập trung và lẻ tẻ, chống các âm mưu thủ đoạn của địch, đẩy lên phong trào đấu tranh đòi địch chấm dứt chiến tranh, vãn hồi hoà bình, hoà hợp dân tộc, đòi cải thiện đời sống. Đồng thời ta đẩy mạnh tấn công binh tế vận bằng khẩu hiệu: "Mỹ thua, Mỹ về Mỹ; nguy thua anh về đâu?", làm rệu rã tinh thần binh lính, sĩ quan, nhân viên nguy quyền. Trong nhiều trung đội cảnh sát, dân vệ ở thị xã có cơ sở cách mạng. Nổi bật trong đấu tranh chính trị và binh tế vận năm 1972, Thị uỷ đã sử dụng cơ sở hợp pháp trong Phật giáo và cảnh sát nguy phá tan được âm

mưu đen tối của địch định lôi kéo học sinh và Phật tử biểu tình vu khống cách mạng.

Năm 1972, quân dân toàn tỉnh đã giành được nhiều thắng lợi giòn giã. Đỉnh cao nhất là đã tiêu diệt và bắt sống hầu hết lực lượng địch tại quận lỵ Ba Tơ và căn cứ Đá Bàn, giải phóng hoàn toàn huyện Ba Tơ. Thắng lợi này đã cổ vũ, hỗ trợ Đảng bộ và quân dân thị xã tiếp tục phát triển thế tấn công địch.

Được Thường vụ Tỉnh uỷ nhất trí, Thị uỷ đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ III từ ngày 23 đến ngày 26 tháng 11 năm 1972 tại T. 300 trên núi Kỳ Lân (Minh Long). Đại hội có 60 đại biểu chính thức, 50 đại biểu dự thỉnh. Đồng chí Lê Tấn Toả Bí thư Tỉnh uỷ đã về dự và tham gia chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá chung về tình hình các mặt của phong trào cách mạng ở thị xã, Đại hội nhận định: "Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ được sự giúp đỡ của các ban ngành tỉnh, sự chi viện hỗ trợ của các huyện bạn, trong hai năm 1971-1972, Đảng bộ thị xã ngày càng trưởng thành, giữ vững được thế tấn công, liên tục đẩy mạnh ba mũi giáp công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, tạo thêm lực, nắm được dân, gây rối hậu phương địch, góp phần hỗ trợ cho nông thôn chống địch lấn chiếm. Tuy vậy, ta tiêu diệt địch chưa nhiều, chưa gọn, thu vũ khí ít, du kích chiến tranh còn yếu, đấu tranh chính trị chưa thật quyết liệt, chi phối các tổ chức công khai còn ít, thiếu kịp thời, binh tế vận còn nhiều hạn chế. Một số vùng nội thị và thôn vùng ven chưa có đảng viên, chi bộ"¹.

1. Trích Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ III - tài liệu lưu tại Văn phòng Thị uỷ.

Căn cứ tình hình thị xã, các nghị quyết chỉ thị của cấp trên và ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ cho Đảng bộ và nhân dân thị xã trong thời gian tới là: "Tiếp tục đẩy mạnh công kích và nổi dậy bằng ba mũi giáp công đánh bại âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh" và phòng thủ thị xã của địch, ra sức tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh, nhất là lực lượng kim kẹp, ác ôn đầu sỏ của địch. Đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, diệt ác, phá kim, giành dân làm chủ. Tập hợp lực lượng và khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch, đẩy mạnh phong trào công khai hợp pháp. Khẩn trương xây dựng và phát triển thực lực chính trị, vũ trang vững mạnh, tăng cường giáo dục, huấn luyện cho cơ sở cốt cán bên trong. Tích cực củng cố và mở rộng bàn đạp xây dựng vùng ven. Trên cơ sở đó ra sức chuẩn bị điều kiện tiến lên tổng công kích và nổi dậy đánh đổ địch khi có thời cơ"¹.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khoá III gồm 25 đồng chí (có 2 hoạt động hợp pháp, 5 dự khuyết); bảy đồng chí được bầu vào Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Nghĩa, uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ được bầu làm Bí thư Thị uỷ. Các đồng chí Hoàng Văn Ái, Huỳnh Thị Mỹ, Võ Thị Tâm, Nguyễn Hồng Thái được bầu làm Phó Bí thư (đến tháng 3 năm 1973 đồng chí Nguyễn Nghĩa được điều về tỉnh. Tỉnh uỷ quyết định cử đồng chí Mai Lương trở về làm Bí thư Thị uỷ. Đầu năm 1974, đồng chí Mai Lương đi miền Bắc chữa bệnh, Tỉnh uỷ chỉ định đồng chí Huỳnh Thị Mỹ làm Bí thư Thị uỷ).

1. Trích Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ III.

Nhìn chung trong bốn năm 1969-1972, Đảng bộ thị xã được xây dựng ngày càng vững mạnh đã phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện. Đảng bộ đã xây dựng và nắm chắc lực lượng chính trị, vũ trang, binh tề vận, đẩy mạnh ba mũi giáp công tấn công địch. Theo thống kê chưa đầy đủ, trong bốn năm riêng lực lượng vũ trang của thị xã (cả lực lượng mật) đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 3.000 tên địch (trong đó có 240 tên Mỹ), thu và phá huỷ nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch, giành dân làm chủ lúc cao nhất ở vùng ven trên 3 vạn người, làm lỏng kẹp ở nội thị gần 2 vạn người. Từ đó, tập hợp phát động được đông đảo quần chúng vào các phong trào đấu tranh chính trị, binh tề vận, phá được âm mưu "quét và giữ" thị xã: làm đào, rã ngũ, đào nhiệm hàng ngàn binh lính, sĩ quan, nhân viên nguy quyền.

Về công tác dân vận, Đảng bộ vừa nắm được quần chúng lao động yêu nước, vừa tranh thủ được đại bộ phận quần chúng thuộc các tầng lớp trung gian ngã về cách mạng, vừa phân hoá cô lập địch, tập trung mũi nhọn đấu tranh chống bọn đầu sỏ ác ôn. Thành tích nổi nhất là xây dựng được gần 1.000 cơ sở bên trong, trong đó có những cơ sở quan trọng trong giới chóp bu nguy quân, nguy quyền, tôn giáo, trên 400 cơ sở an ninh, du kích mật, xây dựng được các đoàn thể giải phóng (công, nông, thanh, phụ, thiếu niên) với gần 800 hội viên bên trong.

Về công tác chính quyền, tuy chưa có vùng giải phóng, Đảng bộ vẫn thành lập chính quyền cách mạng cấp thị với bộ máy Ủy ban nhân dân cách mạng, các ngành quân sự, an ninh, giao bưu, y tế... Chính quyền cách mạng thị xã đã thực hiện nhiệm vụ huy động sức dân phục vụ kháng

chiến, vừa tiêu diệt, trấn áp kẻ thù, vừa phát triển thực lực cách mạng; vừa tấn công địch ở phía trước, vừa xây dựng hậu cứ ở phía sau. Thành tích nổi nhất ngoài ba mũi giáp công đã nói trên là chính quyền cách mạng thị xã đã huy động được hàng trăm thanh niên vùng ven và nội thị gia nhập quân giải phóng và các tổ chức kháng chiến, huy động nhân dân thị xã đóng góp cho kháng chiến mỗi năm hàng triệu đồng, hàng chục tấn lúa gạo, thực phẩm, hàng hoá, bảo đảm hành lang giao thông thông suốt và cứu chữa thương bệnh binh kịp thời trong tình hình chiến tranh rất ác liệt.

Về mặt xây dựng đảng, cuối năm 1972, Đảng bộ thị xã có 18 chi bộ với 155 đảng viên (có một chi bộ trong nội thị, 8 chi bộ ở vùng ven với 37 đảng viên và 27 đảng viên đơn tuyến). Số lượng chi bộ và đảng viên ít hơn năm 1969, vì hy sinh tổn thất, ra Bắc chữa bệnh, điều đi nơi khác, sắp xếp lại tổ chức; nhưng chất lượng đảng viên vững vàng hơn qua công tác xây dựng đảng về tư tưởng và tổ chức, qua thử thách rèn luyện trong chiến đấu quyết liệt chống "Việt Nam hoá chiến tranh" của địch. Từ 1969 đến 1972, có gần 100 đồng chí thị uỷ viên, chi uỷ viên được đưa đi huấn luyện đào tạo tại Trường Đảng tỉnh và Trường Đảng Khu V.

Thị uỷ thường xuyên quan tâm làm cho toàn Đảng bộ, chiến sĩ và cơ sở đánh giá đúng địch, ta, chống chủ quan khinh địch dẫn đến phiêu lưu mạo hiểm, nhưng cũng chống gờm sợ địch, dẫn đến hữu khuynh cơ thủ, sợ chết không dám tiến công, kiên định lập trường cách mạng triệt để, nâng cao ý chí chiến đấu, tính tổ chức kỷ luật trong chấp hành nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của

Đảng... Nhờ vậy mà tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên đạt danh hiệu "đảng viên bốn tốt", hoàn thành mọi nhiệm vụ chỉ tiêu được giao. Nhiều đồng chí hoàn thành những nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, phức tạp, nguy hiểm ngay trong lòng thị xã dày đặc quân thù. Hàng trăm cán bộ, đảng viên, cơ sở nòng cốt của Đảng bộ và quần chúng yêu nước đã hy sinh. Trong 10 năm (1965-1975) có 24 đồng chí thị uỷ viên hy sinh thì trong bốn năm (1969-1972) đã có 2/3 trong số đó (14 đồng chí) hy sinh. Chỉ 6 tháng đầu năm 1969, đã có 26 đảng viên hy sinh. Có những đồng chí bị địch bắt bớ, tra tấn dã man, nhưng vẫn giữ tròn khí tiết cộng sản, không hề khai báo đầu hàng, có một số đồng chí đấu tranh buộc địch phải thả.

Chiến công, thành tích và xương máu của Đảng bộ và quân dân thị xã Quảng Ngãi từ 1969 đến 1972 đã góp phần xứng đáng vào việc đánh bại chiến lược "Việt Nam chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Chương XIII

TĂNG CƯỜNG LỰC LƯỢNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY GIẢI PHÓNG THỊ XÃ, THAM GIA GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (1973-1975)

Bị thất bại nặng nề trên khắp chiến trường miền Nam trong năm 1972, lại bị quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích bằng không quân vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh miền Bắc trong những ngày cuối năm 1972, ngày 27 tháng 1 năm 1973 chính quyền Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari, cam kết chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút

hết quân Mỹ và chú hầu về nước, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; chấm dứt dính líu can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền hai quân đội¹.

Ngày 27 tháng 3 năm 1973, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ tại Sài Gòn làm lễ cuốn cờ rút quân Mỹ về nước.

Đây là thắng lợi rất to lớn của nhân dân ta, là thất bại rất nặng nề của đế quốc Mỹ và tay sai.

Cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn mới. So sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi căn bản có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Chúng ta đã đánh cho Mỹ cút. Đây là điều kiện thuận lợi để tiến lên đánh cho nguy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhưng với bản chất phản động, hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ chính sách áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Trước khi ký kết hiệp định, Mỹ đã đưa thêm vào miền Nam Việt Nam nhiều máy bay, tàu chiến, xe tăng, xe bọc thép, pháo hạng nặng, đưa dự trữ vật tư chiến tranh lên 2 triệu tấn². Mỹ cũng để lại hàng loạt nhân viên quân sự đội lốt dân sự và duy trì một lực lượng răn đe ở Đông - Nam Á.

1. Hai chính quyền là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và nguy quyền Sài Gòn; hai quân đội là quân giải phóng Việt Nam (trước họ cứ đòi quân đội Bắc Việt Nam phải rút quân về miền Bắc) và quân nguy Sài Gòn.

2. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr.591.

Được Mỹ hà hơi tiếp sức, Hiệp định Pari chưa ráo mực, tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu đã thực hiện kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", hồng "xoá thế da báo" ở miền Nam, tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam.

Ở thị xã Quảng Ngãi, năm 1973 lực lượng địch gồm có 2 trung đoàn cộng hoà, 6 tiểu đoàn và 4 đại đội bảo an (năm 1974 là 6 đại đội), 33 trung đội dân vệ (năm 1974 ghép 3 trung đội dân vệ Cẩm Thành thành đại đội xung kích); 14 trung đội phòng vệ dân sự (năm 1974 là 18 trung đội); cảnh sát nội thị 30 tên và mỗi xã vùng ven một cuộc 15 tên; 2 trung đội pháo binh ở Núi Ông và sân bay, năm 1974 lập thêm một trận địa pháo 105mm ở Gò Cờ (Nghĩa Đông); mỗi xã vùng ven một đoàn "xây dựng nông thôn", năm 1974 chuyển thành "phát triển nông thôn" từ 7 đến 12 tên. Địch củng cố và phát triển 58 chốt điểm từ nội thị ra vùng ven, năm 1974 lên 68 chốt điểm. Cơ quan CIA Mỹ đóng dưới ngã ba Thu Lộ do 3 tên Mỹ chỉ huy. Địch ra sức bắt lính đôn quân với mức độ cao, lệnh cho mỗi trung đội dân vệ mỗi tháng phải bắt từ 3 đến 5 thanh niên, phải đưa 5 dân vệ lên bảo an, nếu không sẽ bị cúp lương, đổi đi xa¹. Địch cho quân ra trấn giữ các ngã đường quan trọng, thực hiện giới nghiêm, phục kích, gài mìn các đường vào thị xã. Liên tục mở các đợt truy quét đánh phá các cơ sở ta bên trong và mở hành quân càn quét lấn chiếm vùng giải phóng quanh thị xã. Số người bị địch bắt giam tại lao xá Quảng Ngãi lên đến 423 người². Hiệp định đình chiến đã

1. Theo Báo cáo 1973-1974 của Thị uỷ - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 316, 317.

2. Cơ sở bên trong báo cáo cho Thị uỷ đầy đủ cho danh sách 423 người - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 316.

được ký kết. Nhưng tiếng súng chưa bao giờ ngừng nổ. Quê hương chưa có một ngày hoà bình.

Để lừa bịp quần chúng, giành dân với ta, địch lập "Tổng uỷ dân vận", "Mặt trận nhân dân tranh thủ hoà bình": mở các chiến dịch "vì dân", "chìm ung", "tìm về tổ ấm, dứt bỏ hận thù, nối lại tình thương". Địch còn ráo riết tổ chức "Đoàn thanh niên Việt quốc", "Đoàn thanh niên Hồng thập tự", "Đoàn thanh niên đồng chí Nguyễn Văn Thiệu" (thanh niên thị xã công khai nói: "Ở đây không ai là đồng chí với Nguyễn Văn Thiệu") hòng huy động lực lượng thanh niên thị xã để tiếp tục chống cách mạng. Địch phân quần chúng thành 5 loại: A là thiện chí với quốc gia, B là lưng chừng, C là đối lập, D là hồi chánh, can cứu chính trị, E là cộng sản. Sau đó chúng mở chiến dịch "Sao chổi" nhằm truy quét cơ sở cách mạng; cài mật vụ vào các nghiệp đoàn, trường học, các tổ chức tôn giáo... để theo dõi truy tróc hoạt động của ta. Chúng còn chọn 50 em nhỏ mồ côi, lang thang cơ nhỡ, đưa về thị xã nuôi dưỡng đào tạo thành công tác viên, chỉ điểm, rồi cho giả dạng ăn chơi, bán kem... lặn lội các bến xe, nhà ga, chợ quán, nơi đông người để dò la hoạt động của du kích mật, biệt động thành của ta. Địch còn tung ra nhiều luận điệu xằng bậy như "Mỹ chỉ rút quân ra hạm đội 7, nếu Việt cộng đánh lớn, Mỹ sẽ trở lại", vu cáo ta "vi phạm hiệp định" hòng lung đoạn tư tưởng quần chúng. Mặt khác, địch ráo riết ngăn cấm không cho nhân dân chuyển gạo, thực phẩm ra vùng ta; đồng thời tích cực vơ vét tiền bạc, tài sản của nhân dân vùng chúng còn tạm kiểm soát, thực hiện kế hoạch "ngân quỹ địa phương" để tiếp tục chiến tranh.

Ngay từ ngày 28 tháng 1 năm 1973, Trung ương

Đảng đã có chỉ thị nhắc nhở nhân dân cả nước: "Tăng cường đoàn kết để cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà"¹. Tháng 7 năm 1973, Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã vạch rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới.

Tỉnh uỷ Quảng Ngãi cũng xác định cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh: "Đấu tranh thực hiện hiệp định là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính chất gay go, phức tạp và quyết liệt"². Và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ V (tháng 8 năm 1973) xác định con đường tất yếu để giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam là con đường bạo lực. Phải tổ chức lực lượng, giữ vững địa bàn, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, kiên quyết đánh bại âm mưu "bình định" lấn chiếm của địch³.

Để đẩy mạnh các mặt công tác theo yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, Thị uỷ đã mở các đợt sinh hoạt chính trị nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết nhược điểm trong nhận thức tư tưởng nhất là mơ hồ mất cảnh giác với địch; hoang mang dao động khi địch phản kích lấn chiếm vùng ta. Qua đó, Thị uỷ tổ chức các đợt tuyên truyền sâu rộng vào bên trong, tấu phát hàng ngàn bản sao hiệp định, hàng vạn truyền đơn; tổ chức mít tinh tập trung ở

1. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr. 603.

2, 3. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*, *Sđđ*, tr. 392, 400.

vùng ven và tuyên truyền nhỏ lẻ bên trong: đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức công khai hợp pháp... nhằm làm cho các tầng lớp nhân dân thị xã thấy rõ thế thắng của cách mạng, thế thua của Mỹ - nguy, ta đứng trước thời cơ lớn đánh cho nguy nhào. Thị uỷ còn mở các lớp huấn luyện tại chỗ và gửi đi huấn luyện ở tỉnh, ở Khu V. đào tạo được 110 cán bộ (có 60 cán bộ bên trong) học về Hiệp định Pari, về công tác địch hậu; phân công 45 đồng chí trực tiếp xáp vào công tác bên trong (5 đồng chí vũ trang tuyên truyền, 36 cán bộ địch hậu, 4 trinh sát vũ trang), rút 26 thanh niên bên trong và lấy 24 thanh niên các cơ quan của thị, bổ sung cho lực lượng vũ trang và các đội công tác của thị xã.

Từ giữa năm 1973 đến cuối năm 1974, trên địa bàn thị xã đã phát triển thêm 20 đảng viên, 23 đoàn viên thanh niên, 44 cơ sở mật và nội tuyến, 52 du kích mật, 36 biệt động, 2 tổ an ninh và 21 an ninh đơn tuyến.

Theo sự lãnh đạo và hướng dẫn của cấp trên, thời kỳ này đi đôi với xây dựng đảng, phát triển thực lực cách mạng. Thị uỷ đặc biệt quan tâm chỉ đạo tuyên truyền vận động mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân chống Mỹ-nguy dưới khẩu hiệu "hoà bình, độc lập, trung lập, hoà giải và hoà hợp dân tộc", hướng vào mục tiêu đánh đổ nguy quyền tay sai của Mỹ, giành chính quyền về tay nhân dân.

Ưu tiên hàng đầu là củng cố phát triển mặt trận thứ nhất - Mặt trận dân tộc giải phóng với các đoàn thể trong Mặt trận.

Mặt trận thứ hai - tập hợp tất cả trí thức, tư sản dân tộc, công thương gia, đồng bào các tôn giáo có tinh thần dân tộc chống Mỹ - Thiệu, chống phát xít, muốn hoà bình.

Mặt trận thứ ba - tập hợp tất cả những lực lượng đối tượng khác có mâu thuẫn với Mỹ - Thiệu về chính trị hoặc về kinh tế.

Với sách lược khôn khéo này, Đảng bộ đã tập hợp được lực lượng đối lập chống Mỹ - Thiệu ở thị xã Quảng Ngãi ngày càng đông. Nhiều trí thức, nhà giáo như Nguyễn Văn Hàm, Tôn Nữ Kim Biên, Phạm Như Thức... ra báo chí, tổ chức hội thảo, ra lời kêu gọi chống Mỹ - Thiệu, chống chiến tranh, đòi hoà bình, chống trò hề bầu cử độc diễn Nguyễn Văn Thiệu, chống tham nhũng, đòi địch cứu trợ cho nhân dân...

Đồng bào Phật tử thị xã cùng Phật tử nông thôn nhập thị cầu siêu cho hoà bình, chống bắt lính để tiếp tục chiến tranh. Ta đưa người lồng vào nắm phong trào công khai hợp pháp của học sinh, thanh niên các trường, nắm Liên đoàn thanh niên Phật tử. Các anh Huỳnh Ngọc Hiến, Nguyễn Thu Sa, Lê Văn Thành... là những người tích cực hăng hái nhất. Từ đây dấy lên phong trào chống địch tổ chức "tự vệ học đường" để bắt lính, chống bầu cử Tổng thống, chống đàn áp Phật giáo... Phong trào phát triển thành cao trào vào tháng 7 năm 1974, 2.000 thanh niên học sinh và Phật tử xuống đường kéo đến Tòa tỉnh trưởng chống Thiệu gian lận trong bầu cử ngày 14 tháng 7, đòi trừng trị bọn phi pháp, đòi huỷ bỏ kết quả bầu cử. Tỉnh trưởng nguy Lê Bá Khiếu phải ra giải thích và hứa thành lập hội đồng điều tra, anh em mới giải tán. Sau đó địch đã bắt các anh Huỳnh Ngọc Hiến, Nguyễn Thu Sa. Lập tức 17.000 thanh niên, học sinh và đồng bào thị xã xuống đường, giương cao các khẩu hiệu đòi địch "thi hành Hiệp định Pari", "thả những thầy giáo bị bắt", "phải cho chúng

tôi thấy mặt thầy" đòi "lật đổ Nguyễn Văn Thiệu"... cuối cùng địch phải thả hai anh Ngọc Hiến, Thu Sa.

Các đảng viên hợp pháp trực tiếp truyền đạt chủ trương của Thị uỷ cho số cơ sở nòng cốt của ta trong giáo viên, học sinh. Sau đó rộ lên phong trào chống địch bắt lính, đòi địch bồi thường cho những thanh niên, học sinh trốn lính bị bắt chết. Thanh niên, học sinh thị xã Quảng Ngãi còn mang bản đồ Quảng Ngãi đến gặp tổ giám sát và kiểm soát quốc tế, tổ liên hợp quân sự bốn bên, chỉ rõ những địa điểm, khu vực Mỹ - Thiệu đã lấn chiếm trái phép sau ngày 27 tháng 1 năm 1973 và tố cáo tội ác địch. Tết năm 1973-1974 số sinh viên học sinh Quảng Ngãi học ở Sài Gòn, Đà Lạt, Huế về, được ta mời đến B10 (tức thôn Đông Dương, xã Tịnh Ấn) dự cuộc họp mặt để trao đổi kinh nghiệm, bàn kế hoạch phối hợp đấu tranh. Các tổ chức công khai hợp pháp của học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề, Kim Thông, Chấn Hưng, Hùng Vương, Quảng Ngãi Nghĩa Thục như "hội ái hữu", "thi văn đoàn Âu Cơ", các nhóm "văn nghệ hoà bình", "văn nghệ quê hương"... đã hoạt động khá mạnh. Có thầy giáo dùng lớp học làm diễn đàn tuyên truyền cho độc lập, hoà bình, thống nhất. Có những cuộc thi văn nghệ, học sinh công khai ngâm những bài thơ cách mạng như *Bầm ơi* của Tố Hữu, *Nhớ con sông quê hương* của Tế Hanh, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm, *Tình yêu* của Giang Nam... Khi địch tổ chức đại hội học sinh, định bắt học sinh thành lập "trung đoàn thép" để bảo vệ thị xã đã bị học sinh tẩy chay, gây xô xát với cảnh sát, nên địch không làm được.

Ta còn vận động anh chị em trong các nghiệp đoàn phối hợp với thương phế binh nguy, liên tục đấu tranh đòi

văn hồi hoà bình, cải thiện đời sống. Có cuộc hàng ngàn người ẩu đả với cảnh sát nguy, đập phá đại lý gạo do nguy quyền tổ chức, vì không chịu hạ giá gạo. Bà con nông dân vùng ven liên tục đấu tranh tố cáo địch vi phạm hiệp định, chống lệnh giới nghiêm, đòi tự do đi lại làm ăn, chống xây thêm đồn bốt, chốt điểm trên đất của dân, chống bắt lính... Năm 1973-1974, đồng bào đã giành được 270 thanh niên khỏi bị địch bắt lính.

Được Tỉnh uỷ lãnh đạo, Thị uỷ đã chỉ đạo đưa các phong trào công khai hợp pháp lên đỉnh cao vào tháng 10 năm 1974, thành lập Ban Chấp hành các lực lượng hoà giải, hoà hợp dân tộc Quảng Ngãi gồm 17 vị, do nhà giáo Nguyễn Văn Hàm làm Chủ tịch và cư sĩ Nguyễn Văn Chánh làm Phó Chủ tịch. Ban Chấp hành đã ra mắt trước cuộc mít tinh hàng ngàn người tại chùa Tỉnh Hội ngày 17 tháng 10. Tại đây ông Nguyễn Văn Hàm đã lên án Nguyễn Văn Thiệu ngoan cố làm tay sai cho Mỹ, kéo dài chiến tranh, hãm hại lương dân, chia cắt lâu dài đất nước ta; kêu gọi đồng bào tham gia lực lượng hoà giải, hoà hợp dân tộc, tranh đấu lật đổ Nguyễn Văn Thiệu, chấm dứt chiến tranh, văn hồi hoà bình.

Để hỗ trợ, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, Thị uỷ chỉ đạo các lực lượng vũ trang bên ngoài và bên trong phối hợp với các lực lượng của trên liên tục diệt ác, phá kim, tấn công địch ở các chốt điểm và khi chúng nống lấn ra vùng ven.

Giữa lúc đó, tháng 8 năm 1974, ta tấn công tiêu diệt chi khu quân sự địch tại Minh Long, sau đó tiêu diệt cụm cứ điểm Giá Vụt, giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long và huyện Sông Rhe. Sự kiện này cổ vũ mạnh mẽ khí thế

tấn công địch của quân dân thị xã, càng làm cho nguy quân, nguy quyền ở thị xã thêm hoang mang dao động.

Phối hợp với chiến trường toàn tỉnh, trong hai năm 1973-1974 các lực lượng vũ trang thị xã Quảng Ngãi đã đánh 70 trận, diệt 358 tên địch, làm bị thương 247 tên, bắt sống 5 tên (trong đó có 7 cố vấn Mỹ, 1 thiếu tá, 5 đại úy nguy); san bằng 15 chốt điểm, lô cốt địch, phá huỷ 4 khẩu pháo 105 mm, 1 cối 60mm, 4 đại liên, 20 xe quân sự, 5 kho xăng, kho đạn...¹. Có những trận đánh xuất sắc như tấn công vào trận địa pháo Gò Cờ (Nghĩa Đông) phá huỷ 4 khẩu pháo 105 mm; lực lượng đặc công vượt 15 lớp rào kẽm gai đánh vào kho đạn và kho xăng Núi Bút cháy 2 ngày; đột nhập đánh sập nhà Bùi Hoàn, diệt mâm tế 6 tên tại Nghĩa Điền... Sân bay và tiểu khu Quảng Ngãi nhiều lần bị hoả tiễn A12 của ta bắn vào, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Mỹ rút quân, ta đánh mạnh, phong trào đấu tranh chính trị sâu rộng của các tầng lớp nhân dân làm cho tinh thần tư tưởng của địch càng khủng hoảng nghiêm trọng. Trong khi đó các lực lượng ta liên tục rải truyền đơn, gọi loa, gửi thư tranh thủ, thuyết phục gia đình binh sĩ nguy gọi chồng, con, em bỏ ngũ, bỏ việc, quay về với nhân dân. Lúc này chị em phụ nữ, các em học sinh, thiếu nhi gặp sĩ quan, binh lính nguy thường trao tận tay mấy câu thơ "bắt được":

Mỹ thua Mỹ rút đi rồi

Anh còn cầm súng đứng ngồi chi đây

1. Theo Báo cáo 1973-1974 của Thị uỷ - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 316, 317.

Phản chiến, quay súng, ra tay.

Diệt phường gian ác, về ngay với dân mình.

Nhờ vậy tại thị xã Quảng Ngãi, cả một tiểu đoàn cộng hoà đấu tranh chống lệnh điều vào giữ Sa Huỳnh; đại đội bảo an 108 nổi lên tây Tư Nghĩa có 20 binh sĩ đào ngũ được quân chúng che chở; các trung đội dân vệ nội thị lấy có bảo vệ nội thị, chống lệnh đi càn ra vùng ven; một số binh lính bảo vệ cho thanh niên trốn lính; một số dân vệ, thanh niên tân trang đã diệt một tên cảnh sát trên đường Quang Trung và một tên quân cảnh ở bắc Thu Lộ khi bọn này đi lùng sục bắt lính; 500 thương phế binh cùng hàng ngàn gia đình binh sĩ và binh sĩ nguy tử bắc cầu Trà Khúc kéo đến bệnh viện tìm kiếm, kêu khóc, đòi chồng, con, em...

Trong hai năm 1973-1974, đã có 1.044 binh lính, sĩ quan nguy đào, rã ngũ, 65 binh sĩ tự làm bị thương, bỏ về nhà, 15 người mang súng về vùng giải phóng, trong đó có thiếu úy Dũng ở Nghĩa Điền. Thanh niên tân trang rã ngũ tập thể 3 trung đội và rã lẻ tẻ 96 người, trong đó có 69 cơ sở ta. Ở nội thị đồng bào vận động 192 binh sĩ nguy quê Nam Bộ rã ngũ¹.

Cùng thời gian này, Thị uỷ phát động đẩy mạnh thi đua sản xuất tự túc, tổ chức hội thi cấy, thi cày, đạt năng suất cao, có khen thưởng động viên. Nhờ đó tại hậu cứ, cán bộ, chiến sĩ và nhân viên các đơn vị thuộc thị xã đã cấy hàng chục ha lúa, trồng hàng chục ha sắn, trả ba, bốn ha đậu, bắp... Đội sản xuất tự túc của Thị uỷ có 5 đôi trâu. Kết quả đã thu hoạch được hàng chục tấn lương

1. Theo Báo cáo 1973-1974 của Thị uỷ, Tlđđ.

thực. Đặc biệt Thị uỷ đã chọn gửi tặng miền Bắc 5 tấn lúa giống IR8 và IR21, loại giống cho sản lượng cao mới xuất hiện ở miền Nam. Một món quà nhỏ nhưng đầy ý nghĩa.

Thực hiện Điều lệ Đảng, được Thường vụ Tỉnh uỷ chuẩn y, Thị uỷ đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ IV từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 11 năm 1974. Đại hội có 51 đại biểu chính thức, 30 đại biểu dự thỉnh, họp tại thôn An Tráng xã Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa). Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Nguyễn Nghĩa, Phó Bí thư Tỉnh uỷ về dự và tham gia chỉ đạo Đại hội. Đại hội khẳng định: từ sau Đại hội III đến nay, sau hai năm có Hiệp định Pari, Đảng bộ đã được xây dựng vững mạnh thêm, nắm chắc ba mũi giáp công, giữ vững thế tấn công địch, tạo thêm lực, nắm được dân, mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân chống Mỹ - Thiệu, góp phần hỗ trợ phong trào nông thôn chống địch lấn chiếm.

Tuy vậy, cũng có lúc, có đơn vị, có người ảo tưởng hoà bình, hữu khuynh, để lực lượng ta dần ra, nhất là vài ba tháng sau Hiệp định Pari; vũ trang đánh địch chưa liên tục và quyết liệt; du kích chiến tranh bên trong chưa đủ mạnh; đấu tranh chính trị và tề binh vận có tiến bộ, nhưng chưa tương xứng với thực lực ta và xu thế thuận lợi mới.

Căn cứ vào tình hình thị xã và các nghị quyết chỉ thị của cấp trên, Đại hội quyết định: "Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh, nhanh chóng phát triển thực lực cách mạng rộng mạnh hơn, đưa ba mũi giáp công lên cao trào đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của địch tại thị xã, hỗ trợ đắc lực cho nông thôn đánh bại bình định lấn chiếm của

địch, sẵn sàng tiến lên giải phóng thị xã khi có điều kiện"¹.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khoá IV gồm 18 đồng chí (có một dự khuyết), 5 đồng chí được bầu vào Thường vụ. Đồng chí Hoàng Văn Ái được bầu làm Bí thư. Các đồng chí Lê Nam Hà, Lê Thú được bầu làm Phó Bí thư.

Ngay sau Đại hội, ngày 30 tháng 11 năm 1974 đồng chí Đặng Thành Chơn (Tám Lý), khu uỷ viên Khu V, truyền đạt nhận xét của A15 (Thường vụ Khu uỷ V) về phong trào Quảng Ngãi. Trong đó A15 đánh giá: "Phong trào thị xã Quảng Ngãi nổi bật, giữ được thế phát triển liên tục; là một trong những đô thị phát triển cơ sở cách mạng chi phối vùng ven tốt. Cấp uỷ tổ chức chỉ đạo triển khai tốt các nghị quyết của trên. Cán bộ bám sát chiến trường. A15 rất bằng lòng". Đồng chí đại diện A15 còn thông báo: Ta đang đứng trước thời cơ giành thắng lợi lớn cho cách mạng miền Nam; nghị quyết tháng 10 năm 1974 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng "Quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976".

Được biết những nhận xét của A15 và quyết tâm chiến lược của Trung ương, thị uỷ càng phấn khởi, bí mật thông báo đến đảng viên để cổ vũ toàn Đảng bộ hăng hái xông lên hoàn thành nhiệm vụ mới.

Tháng 12 năm 1974, Thị uỷ tiếp thu chủ trương của Thường vụ Tỉnh uỷ: Phải ra sức tiêu diệt lớn sinh lực địch, phá huỷ phương tiện chiến tranh, giải phóng địa bàn.

1. Trích Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ IV.

Phải chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật ở mức cao nhất, tốt nhất và có cách đánh thích hợp. Tư tưởng phương châm chỉ đạo cần nắm vững là: Táo bạo, kiên quyết, vững chắc, linh hoạt, kịp thời, tranh thủ thời cơ và tạo thời cơ giành thắng lợi lớn.

Ngày 6 tháng 1 năm 1975, ta hoàn toàn giải phóng tỉnh Phước Long (Nam Bộ). Thực tiễn này chứng minh nhận định đúng của Bộ Chính trị: quân Mỹ "đã ra thì việc quay lại không phải dễ"¹.

Trước tình hình nhiệm vụ mới rất khẩn trương, Thị uỷ chủ trương: "Nhanh chóng củng cố các đội công tác, các lực lượng vũ trang bên ngoài và lực lượng mật bên trong; đưa toàn bộ lực lượng của thị xã sáp vào vùng ven và nội thị; khẩn trương nâng chất lượng cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới; chọn lọc cơ sở xâu ghép thành tổ chức; xây dựng đội quân khởi nghĩa; tiếp cận lực lượng hoà giải hoà hợp dân tộc; đẩy lên cao trào đấu tranh chính trị; huy động sức người, sức của tại thị xã phục vụ cho khởi nghĩa; sẵn sàng phối hợp với các lực lượng của trên hình thành quả đấm thành phố"². Thị uỷ đã làm cho toàn Đảng bộ và quân dân thị xã nhận thức đầy đủ ý nghĩa của việc giải phóng thị xã Quảng Ngãi là giải phóng được toàn tỉnh; từ đó nêu cao ý chí: "Tất cả cho chiến dịch xuân hè 1975. Tất cả cho

1. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. II, tr.646.

2. *Báo cáo của Thị uỷ gửi Tỉnh uỷ cuối tháng 1 năm 1975* - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

chiến thắng. Tất cả để giải phóng thị xã Quảng Ngãi"¹.

Tinh thần chủ trương trên được phổ biến nhanh đến cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, cơ sở và cốt cán quần chúng bên trong. Thị uỷ đã hướng dẫn các chi bộ (cả bên ngoài và bên trong), các đơn vị vũ trang, các đội công tác, các ngành vạch chương trình hành động trong chiến dịch. Thị uỷ chỉ đạo thành lập đại đội 94, đưa trung đội thanh niên tân trang ở B10 (Đông Dương) mang theo cả vũ khí ra vùng giải phóng bổ sung vào đại đội 94.

Được sự ủng hộ của lực lượng tỉnh, tháng 1 và 2 năm 1975 đặc công, trinh sát vũ trang, biệt động, du kích, an ninh mật của thị xã đánh địch nhiều nơi ở vùng ven và nội thị, làm rối loạn hậu phương địch, tạo thế trận và thời cơ mới. Ba lần ta đánh vào chốt Cống Kiểu tiêu diệt địch, tháo gỡ một số chốt điểm lẻ; diệt một số ác ôn, xoá bỏ nguy quyền một số ấp vùng ven, giữ vững địa bàn, tạo chỗ đứng cho lực lượng ta tiến vào giải phóng thị xã. Kết hợp với gọi loa, rải truyền đơn, cảnh cáo bọn cầm đầu phản động, kêu gọi binh lính, sĩ quan, nhân viên nguy quyền "Quay về với nhân dân lập công chuộc tội, đây là cơ hội cuối cùng". Số gia đình binh sĩ nguy các vùng lân cận kêu chống, con, em về, vì sợ chết. Hàng loạt binh sĩ và nhân viên nguy quyền bỏ việc, bỏ ngũ. Hầu hết thanh niên tân trang các ấp vùng ven rã ngũ, số còn lại do ta nắm. Một số binh lính, sĩ quan nguy tìm cách đưa vũ khí cho ta. Có thiếu úy quân nhu nguy đã cung cấp cho lực lượng thanh niên, học sinh giải phóng hàng chục khẩu súng.

1. Báo cáo của Thị uỷ gửi Tỉnh uỷ cuối tháng 1 năm 1975 - tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ.

Quần chúng vùng ven đã đấu tranh chống lệnh thiết quân luật của địch, phá vỡ nhiều đoạn rào vi, chống địch khủng bố, bắn pháo... Nhiều nơi, đồng bào ta nổi dậy phá ấp, phá đồn, đòi được tự do đi lại làm ăn. Hàng vạn học sinh và thầy cô giáo trong thị xã được huy động xuống đường đấu tranh, đòi lật đổ Nguyễn Văn Thiệu, văn hồi hoà bình.

Vừa đẩy mạnh nhịp độ tấn công địch. Tỉnh uỷ và Thị uỷ chỉ đạo khẩn trương phát triển lực lượng ta. Đại đội 81 của thị xã được điều về tỉnh cùng với số tân binh hình thành tiểu đoàn 81, một trong ba tiểu đoàn của trung đoàn 94, trung đoàn bộ binh chủ lực đầu tiên của tỉnh, thành lập vào tháng 2 năm 1975 để làm nhiệm vụ giải phóng thị xã. Tỉnh uỷ thành lập Ban chỉ đạo chiến dịch xuân hè 1975 do đồng chí Lê Tấn Toả làm trưởng ban; phân công đồng chí Nguyễn Nghĩa phụ trách địa bàn thị xã. Tỉnh uỷ tăng cường thêm cho thị xã 18 cán bộ và chiến sĩ trình sát vũ trang cùng một số cán bộ chính trị bổ sung cho bộ phận chỉ đạo các cánh, các đội công tác nội thị.

Thị uỷ đã chỉ đạo móc nối nắm hầu hết số tế nguy ở liên gia, ấp, xã vùng ven và một số ấp nội thị; chuyển hầu hết các trung đội thanh niên tân trang ở Đông Dương, Nghĩa Điền, Nghĩa Dõng, Nghĩa Lộ thành lực lượng du kích của ta; tổ chức cho thanh niên lấy súng của phòng vệ dân sự, đưa lực lượng thanh niên, học sinh giải phóng có súng lên đến một đại đội; củng cố và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng chi bộ, tổ chức quần chúng cơ sở mật, tổ chức công khai hợp pháp bên trong; lấy đảng viên, hội đoàn viên, cơ sở bên trong làm nòng cốt tổ chức ở mỗi thôn ấp từ một trung đội đến một đại đội quần chúng vũ trang

khởi nghĩa sẵn sàng chờ lệnh phối hợp với lực lượng vũ trang nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Các trường Trần Quốc Tuấn, Quảng Ngãi Nghĩa Thục biến thành trụ sở thu nạp thanh niên học sinh vào các đại đội, tiểu đoàn vũ trang khởi nghĩa trong nội thị. Đồng thời ta còn vận động đồng bào thị xã quyên góp và mua chuyển ra cho cách mạng hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, hàng hoá, thuốc men. Đồng bào một số thôn ấp sẵn sàng nuôi đội công tác, hoặc một đại đội, một tiểu đoàn quân giải phóng...

Tất cả toát lên tinh thần khẩn trương chuẩn bị, bí mật nhưng sôi nổi, lặng lẽ nhưng hào hứng, quyết đánh và quyết thắng trận cuối cùng.

Ngày 20 tháng 2 năm 1975, đồng chí Võ Chí Công (Năm Công), Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu uỷ V về Quảng Ngãi, cùng đồng chí Lê Tấn Toả, khu uỷ viên, Bí thư Tỉnh uỷ bàn kế hoạch cụ thể về giải phóng thị xã và toàn tỉnh Quảng Ngãi. Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ đã báo cáo với đồng chí Bí thư Khu uỷ: "Hiện tại lực lượng vũ trang, chính trị, cơ sở bên trong thị xã tương đối đông và mạnh, có khả năng nổi dậy cướp chính quyền được". Hai đồng chí lãnh đạo đã nhất trí: Khu sẽ chi viện cho Quảng Ngãi một số đơn vị bộ binh, pháo binh, xe tăng vừa phải, sẽ tìm cách kéo sư đoàn 2 nguy đi nơi khác; Quảng Ngãi bằng lực lượng của mình kéo địch ra ngoài thị xã để tiêu diệt, phát động quần chúng bên trong nổi dậy chiếm lĩnh thị xã cho gọn, ít gây tổn thất cho thị xã¹.

1. Hồi ký của đồng chí Lê Tấn Toả - tạp chí Cẩm Thành số 11 tháng 4 năm 1997 - Sở Văn hoá Thông tin Quảng Ngãi, tr.17,18.

Thực hiện sự chỉ đạo trên, Thị uỷ đã đưa các cơ sở mật và lực lượng vũ trang khởi nghĩa bên trong thị xã vào tư thế sẵn sàng. Mười bốn đội công tác (4 nội thị, 10 vùng ven), 3 đại đội bộ binh, 2 đại đội đặc công của thị xã đã ám vào vùng ven. Lực lượng trinh sát vũ trang và một bộ phận các đội công tác đã vào bên trong.

Các công việc đang khẩn trương triển khai thì Đảng bộ và quân dân thị xã vô vùng phấn khởi được tin, trận đánh mở màn của quân dân ta tại Buôn Mê Thuột ngày 10 tháng 3 năm 1975, đã giành thắng lợi to lớn. Với trận đánh then chốt này của ta, địch phải tháo chạy khỏi tỉnh ĐakLak và sau đó tháo chạy khỏi Gia Lai, Kon Tum. Toàn bộ Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Sau khi địch tháo chạy khỏi Tây Nguyên, Bộ Chính trị nhận định: Khả năng quân Mỹ quay trở lại miền Nam không còn nữa¹. Từ đó, Bộ Chính trị chủ trương chúng ta phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975².

Tình thế cách mạng biến chuyển từng ngày, từng giờ rất có lợi cho ta. Thường vụ Tỉnh uỷ trực tiếp chỉ đạo Thị uỷ cùng các ngành của tỉnh phối hợp vạch kế hoạch tổng tiến công và nổi dậy tiêu diệt địch, chiếm lĩnh, tiếp quản và quản lý thị xã Quảng Ngãi giải phóng. Kế hoạch này được Thường vụ Tỉnh uỷ nhất trí thông qua. Các ngành trong tỉnh đã huy động hàng ngàn cán bộ, đảng viên ra phía trước, phối hợp với thị xã thực hiện kế hoạch này.

Lực lượng của tỉnh (trung đoàn bộ binh 94, tiểu đoàn

1. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*, Sđd, tr.421.

2. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. II, tr.650.

7 cùng các đại đội đặc công, trinh sát vũ trang); lực lượng của Khu (hai tiểu đoàn đặc công 403, 406; tiểu đoàn bộ binh số 6 của lữ đoàn 52, một tiểu đoàn pháo binh của trung đoàn 576, một đại đội xe tăng và xe bọc thép của trung đoàn 574) triển khai tập kết đến các địa bàn theo đúng kế hoạch¹. Trong đó có những đơn vị đứng quanh thị xã Quảng Ngãi.

Khi Quân khu mở mặt trận Quảng Nam, kéo trung đoàn 4, sư đoàn 2 nguy từ Quảng Ngãi ra ứng cứu, ngày 16 tháng 3 năm 1975 quân dân Quảng Ngãi mở trận tấn công tiêu diệt toàn bộ địch ở các cứ điểm Truong Trầu, Đá Đen, Giông Than, Đồi Tranh..., tuyến phòng ngự tây bắc thị xã, cách trung tâm thị xã 25 km. Đồng thời ta nổ súng diệt địch thu hồi toàn bộ vùng đất địch lấn chiếm trái phép ở tây nam Nghĩa Hành, tây và đông Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, tây Tư Nghĩa, cắt giao thông trên quốc lộ 1A từ Mộ Đức ra, Bình Sơn vào. Như vậy ta đã cài được thế chiến dịch ở thị xã Quảng Ngãi, cô lập địch, cắt đứt không cho địch ứng cứu bằng đường bộ.

Từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 3 năm 1975, địch ở quận lỵ Sơn Hà tháo chạy bằng đường không, ở quận lỵ Trà Bồng tháo chạy bằng đường bộ. Toàn bộ địch ở Trà Bồng tháo chạy và địch ở Sơn Hà còn lẩn trốn trong rừng, đều bị tiêu diệt hoặc bắt sống. Toàn bộ miền núi rộng lớn của tỉnh được hoàn toàn giải phóng.

Thời cơ đã đến, Thị uỷ chỉ thị cho tất cả lực lượng thị xã áp sát vào bên trong sẵn sàng chờ lệnh.

Một giờ sáng ngày 24 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Tỉnh uỷ phát lệnh công kích và khởi nghĩa, tấn công giải

1. *Sdd*, t.II, tr.651.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ NGÀY GIẢI PHÓNG QUẢNG NGÃI



Ta chiếm lĩnh, tiếp quản Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia Quảng Ngãi đêm 24-3-1975.

Ảnh: Nguyễn Nghĩa cung cấp



Xe tăng của quân giải phóng tiến vào thị xã Quảng Ngãi ngày 25-3-1975 giữa sự vui mừng và đón tiếp nồng nhiệt của đồng bào.

Ảnh: Lê Tấn Tỏa cung cấp



Lực lượng quần chúng vũ trang khởi nghĩa các huyện kéo về thị xã Quảng Ngãi (25-3-1975).

Ảnh: Nguyễn Nghĩa cung cấp

phóng thị xã Quảng Ngãi. Bảy giờ sáng, pháo tầm xa 130 mm của ta bắn chuẩn vào tiểu khu Quảng Ngãi, Bộ tư lệnh sư đoàn 2 nguy, Toà hành chính tỉnh, sân bay... Hai cánh quân của ta có xe tăng hỗ trợ (cánh bắc 4 chiếc từ Tịnh Thọ xuống quốc lộ 1A, cánh nam 10 chiếc từ Hành Dũng xuống chợ Chùa) hướng về thị xã Quảng Ngãi. Địch ở các chốt điểm tây Sơn Tịnh, tây nam thị xã thấy xe tăng ta từ trên núi xuống, đã hốt hoảng bỏ chạy về thị xã. Tình hình thị xã trở nên rối loạn, nguy quyền không kiểm soát được dân chúng.

Dưới sự chỉ đạo của Thị uỷ, nhân dân từ vùng ven đến nội thị nổi dậy diệt ác ôn, từng bước phá bỏ bộ máy nguy quyền cơ sở. Nhiều binh lính bảo an, dân vệ bỏ đồn, bỏ súng về với gia đình. Nhân dân nông thôn bị dồn vào vùng ven thị xã, nổi dậy phá ấp, phá đồn, kéo về quê cũ.

Sau khi kêu cứu quân đoàn I và Bộ tham mưu nguy Sài Gòn chi viện không được, 12 giờ trưa ngày 24 tháng 3 năm 1975, chuẩn tướng Trần Văn Nhật cùng bọn chỉ huy tiểu khu Quảng Ngãi và đại tá Nguyễn Văn Ngọc, tỉnh trưởng nguy quyền Quảng Ngãi đã chạy trốn khỏi thị xã Quảng Ngãi bằng máy bay trực thăng. Bọn nguy quân, nguy quyền vô cùng hoảng sợ, kéo nhau chạy xuống Cổ Lũy để chạy trốn ra Lý Sơn, nhưng bị tiểu đoàn 7 của tỉnh và đại đội 75 của Tư nghĩa chặn đánh, chúng phải quay lại thị xã. Đến chiều, bọn nguy quân, nguy quyền ở Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa đều kéo nhau chạy hết về thị xã, ở chật sân vận động Diên Hồng, càng làm cho tình hình thị xã thêm căng thẳng, hỗn loạn. Đến 19 giờ đêm, địch bỏ thị xã, lũ lượt kéo chạy ra bắc cầu Trà Khúc để ra Chu Lai. Nhưng khi chúng đến đoạn Dốc

Trạm (Sơn Tịnh), Trường Ba Gò (Bình Sơn) thì trung đoàn 94 của ta đã phục sẵn, xuất kích diệt tại chỗ 500 tên, bắt sống hơn 3.500 tên, thu 206 xe các loại¹.

Ngay sau khi địch rút chạy khỏi thị xã, các lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận và cơ sở mật của ta đã phát động quần chúng từ vùng ven đến nội thị nổi dậy cầm cờ, chiếm giữ tiểu khu Quảng Ngãi, toà hành chính tỉnh; sân bay, đài phát thanh và tất cả các cơ quan công sở nguy quyền, phá nhà lao, giải thoát tù chính trị, truy bắt và kêu gọi bọn địch còn lẩn tránh ra đầu hàng, giao nộp vũ khí, tổ chức canh gác những nơi trọng yếu, giữ trật tự trong thị xã.

Thường vụ Tỉnh uỷ đã có quyết định khẩn cấp "Thành lập Uỷ ban quân chính thị xã Quảng Ngãi" gồm 13 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Nghĩa (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi) làm Chủ tịch.

Đúng 23 giờ 30 ngày 24 tháng 3 năm 1975, thị xã Quảng Ngãi được hoàn toàn giải phóng². Cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận dân tộc giải phóng đã được kéo lên trước toà hành chính tỉnh mà từ giờ phút này là nơi làm việc của Uỷ ban quân chính thị xã Quảng Ngãi.

Ngày 24 tháng 3 năm 1975 cắm một mốc son chói lọi

1. *Sđd*, t.II, tr.687. Trong sách *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm*, tr.434 ghi: "Ta đánh tan chiến đoàn hỗn hợp địch tháo chạy có hơn 4.000 quân... 206 xe cơ giới các loại bị phá huỷ và phá hỏng, ta thu 50 chiếc, hàng chục ngàn tấn vũ khí đạn dược và phương tiện chiến tranh".

2. *Sđd*, t.II, tr. 687.

trong lịch sử của Đảng bộ và nhân dân thị xã Quảng Ngãi cùng toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Sáng ngày 25 tháng 3 năm 1975, toàn thị xã sáng rực lên trong rừng cờ đỏ sao vàng, cờ Mặt trận dân tộc giải phóng; tràn ngập những dòng người vẫy cờ, tung hoa đón mừng xe tăng và bộ đội giải phóng.

Thị uỷ, Uỷ ban nhân dân cách mạng và Uỷ ban quân chính thị xã Quảng Ngãi huy động cán bộ, đảng viên, cơ sở bên trong, hội viên các đoàn thể cách mạng hướng dẫn các cán bộ, chiến sĩ, các ban ngành của tỉnh bên ngoài vào tiếp quản các công sở, các cơ sở quân sự, hậu cần, kinh tế, văn hoá xã hội do địch để lại. Đến 9 giờ sáng việc tiếp quản được hoàn tất. Trưa ngày 25 tháng 3 năm 1975, các đồng chí Lê Tấn Toả (Bí thư Tỉnh uỷ), Nguyễn Chức (Phó Bí thư Tỉnh uỷ), Võ Thứ (Tư lệnh phó Quân khu V) có mặt tại thị xã Quảng Ngãi. Hàng vạn bản tin chiến thắng, truyền đơn, khẩu hiệu cách mạng, mệnh lệnh của Uỷ ban quân chính thị xã đã được tung ra để ổn định tình hình tư tưởng trong nhân dân, kêu gọi binh lính, sĩ quan, nhân viên ngụy quyền ra trình diện với chính quyền cách mạng. Các nội dung này được xe thông tin lưu động gắn loa phóng thanh truyền đi khắp thị xã.

Theo sự hướng dẫn của Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng và Hội thanh niên giải phóng thị xã, thanh niên, học sinh trong thị xã tập trung về Trường Trần Quốc Tuấn, thành lập ngay một trung đoàn thanh niên, học sinh tham gia canh gác, tuần tra, bảo vệ thị xã mới giải phóng, truy tìm những ngụy quân, nhân viên ngụy quyền còn lẩn trốn. Đến ngày 30 tháng 3 năm 1975, đã có gần 2 vạn ngụy quân, nhân viên ngụy quyền ra trình diện chính

quyền cách mạng, trong đó có 805 sĩ quan (toàn tỉnh, nhưng phần lớn ở thị xã).

Suốt thời gian ta chiếm lĩnh, giải phóng thị xã, không hề xảy ra tình trạng cướp của, giết người. Những đồng bào có xe máy, sẵn sàng chở cán bộ, chiến sĩ giải phóng đến bất cứ nơi nào cần, vào bất cứ lúc nào. Các cơ sở cách mạng ở nhà máy điện, nhà máy nước, bảo vệ nguyên vẹn nhà máy, cùng cán bộ, chiến sĩ giải phóng tiếp quản và giữ cho nhà máy hoạt động bình thường bảo đảm cung cấp điện nước cho sinh hoạt của nhân dân và các cơ quan. Nhà máy đường, nhà cửa, kho tàng của công sở, cầu Trà Khúc, nhà dân hầu như được giữ nguyên. Đây là thắng lợi có ý nghĩa về kinh tế lẫn chính trị rất được lòng dân.

Đến ngày 30 tháng 3 năm 1975, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân cách mạng, Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh và tất cả các ban ngành đoàn thể của tỉnh đã đặt trụ sở làm việc tại thị xã.

Sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975, hàng vạn đồng bào các huyện nông thôn, miền núi trong tỉnh kéo về thị xã, tập trung đến sân vận động Diên Hồng dự cuộc mít tinh lớn để chào mừng thị xã và toàn tỉnh được hoàn toàn giải phóng, chào mừng Uỷ ban nhân dân cách mạng tỉnh do đồng chí Đoàn Nhật Nam (Phó Bí thư Tỉnh uỷ) làm Chủ tịch, ra mắt nhân dân.

Nhân dân vô cùng sung sướng vui mừng khi nghe đồng chí Lê Tấn Toản, Bí thư Tỉnh uỷ, đọc diễn văn của cuộc mít tinh; giới thiệu Uỷ ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi và Uỷ ban quân chính thị xã Quảng Ngãi. Thế là sau bao năm chiến đấu hy sinh, nay nhân dân Quảng Ngãi đã giành được chính quyền từ tay kẻ thù

hung bạo nhất của loài người.

Nhân dân đã trang nghiêm chứng kiến lễ tuyên thệ của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi và lời thề trước nhân dân do đồng chí Đoàn Nhật Nam tuyên đọc.

Đồng bào cũng chăm chú lắng nghe đồng chí Nguyễn Nghĩa, Chủ tịch Ủy ban quân chính thị xã đọc lời kêu gọi với nội dung sau:

"Thị xã Quảng Ngãi, toàn tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh Tây Nguyên, ven biển Trung Trung Bộ đã được hoàn toàn giải phóng. Ủy ban quân chính thị xã Quảng Ngãi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm hy sinh của quân dân toàn thị xã.

Nhưng miền Nam thân yêu lúc này chưa được hoàn toàn giải phóng. Đế quốc Mỹ còn dính líu quân sự, can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Tập đoàn tư sản mại bản quan liêu quân phiệt do Nguyễn Văn Thiệu cầm đầu còn ngoan cố hiếu chiến, phá hoại Hiệp định Pari. Đó là trở ngại chính trên con đường giải phóng miền Nam, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Thị xã Quảng Ngãi chúng ta trên 10 vạn dân, bị địch chiếm suốt 21 năm, nay mới vừa được giải phóng mấy ngày thì rõ ràng là rất nhiều khó khăn cần khẩn trương tích cực giải quyết. Bọn tay chân ngoan cố của Mỹ - Thiệu và chủ của chúng chưa phải đã hoàn toàn từ bỏ âm mưu phản kích, ngóc đầu dậy phá hoại thành quả cách mạng của chúng ta. Bên cạnh đó đời sống vật chất và tinh thần, sinh hoạt thông thường của nhân dân chưa phải đã ổn định và chưa có thể giải quyết thoả mãn ngay trong nay mai.

Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền lại càng

khó hơn. Đánh đổ chế độ xã hội cũ đã khó, xây dựng chế độ xã hội mới lại càng khó hơn.

Vì vậy, Ủy ban quân chính thị xã khẩn thiết kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ toàn thị xã hãy:

1. Tăng cường đoàn kết, mài sắc và nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết và liên tục tấn công và nổi dậy, truy quét bằng hết bọn tay chân ngoan cố của Mỹ - Thiệu còn lẩn trốn, đập tan mọi âm mưu phản kích, ngóc đầu dậy phá hoại và chiến tranh tâm lý của kẻ địch; giữ vững trật tự an ninh khu phố, đường phố, thôn xóm; quét sạch bọn manh động tống tiền cướp của, giả danh cách mạng để phá rối; bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững thị xã giải phóng.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành triệt để mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam cùng những mệnh lệnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi và Ủy ban quân chính thị xã Quảng Ngãi.

3. Nêu cao tinh thần làm chủ thị xã giải phóng, hăng hái tham gia mọi công tác cách mạng, tòng quân giết giặc chiến đấu và phục vụ chiến đấu; chôn cất xác chết, dọn dẹp vệ sinh, làm sạch nhà, đẹp phố, xoá bỏ triệt để mọi tàn tích tuyên truyền văn hoá phản động và lối sống cao bồi đồi trụy của Mỹ - Thiệu; hăng hái thi đua đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, hăng hái gia nhập các tổ chức đoàn thể cách mạng để góp phần đưa cuộc chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng và xây dựng thị xã giải phóng ngày càng vững mạnh.

4. Đồng bào nông thôn, trước kia bị địch xúc tát dồn

vào thị xã hãy nhanh chóng trở về quê cũ làm ăn, sẵn sàng hăng hái tham gia xây dựng lại quê hương. Đồng bào thị xã hãy giữ vững giá cả bán mua hàng hoá, thực hành tiết kiệm phấn đấu đưa mọi công việc làm ăn, đi lại, học hành, công tác, sinh hoạt trở lại bình thường càng sớm càng tốt; giữ vững và phát triển các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, cơ giới... phấn đấu phát triển từng bước để chuyển dần từ một thị xã tiêu thụ thành một thị xã sản xuất ngày càng hiện đại.

Toàn thể đồng bào hãy nêu cao tinh thần đoàn kết, tương trợ tương thân, tương ái với truyền thống lá lành đùm lá rách để cùng nhau phấn đấu khắc phục những khó khăn ban đầu.

5. Anh em binh lính, sĩ quan, nhân viên thuộc quyền Sài Gòn hãy quay về với nhân dân, đã ra trình diện với chính quyền cách mạng hãy mau đặt mình vào chỗ đứng trong lòng nhân dân mà đồng bào, Mặt trận và chính quyền cách mạng đã khoan hồng dành sẵn cho; từ đó đem hết sức lực mình cống hiến vào công cuộc giữ vững và xây dựng thị xã giải phóng, lấy đó làm thước đo thật tâm quay về với nhân dân, lấy đó để lập công chuộc lại những lỗi lầm cũ của mình.

Hỡi toàn thể đồng bào, cán bộ và chiến sĩ thân mến!

Chúng ta trải qua một chặng đường đấu tranh cách mạng vô cùng gian khổ, chịu lắm hy sinh, nhưng cũng cực kỳ anh dũng và đã giành được thắng lợi hết sức vẻ vang.

Hơn ai hết, chúng ta hiểu rõ bản chất đế quốc Mỹ và tập đoàn Việt gian Nguyễn Văn Thiệu không hề thay đổi. Tuy thế cũng hơn ai hết, chúng ta đã hiểu rõ chân tướng của chúng chỉ là "Người khổng lồ chân đất sét", đã và

đang suy sụp tan tành trước sức mạnh vô địch của 40 triệu trái tim kiên cường và bộ óc thông minh của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Đế quốc Mỹ nhất định thua!

Chế độ Nguyễn Văn Thiệu nhất định đổ!

Miền Nam Việt Nam nhất định được giải phóng!

Quảng Ngãi đã giải phóng là thành trì bất khả xâm phạm, là hậu phương xứng đáng góp phần tích cực trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc¹.

Thực hiện lời kêu gọi trên và được sự chỉ đạo của Thị uỷ, Đảng bộ và quân dân thị xã Quảng Ngãi vừa ra sức bảo vệ và xây dựng thị xã, vừa tích cực khẩn trương đóng góp sức người, sức của, đưa hàng trăm chiến sĩ và thanh niên gia nhập quân giải phóng, đưa hàng trăm tấn vũ khí đạn dược mới thu được của địch, cùng hàng chục tấn lương thực, thực phẩm phục vụ Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; góp phần giải phóng Sài Gòn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Thế là: "Trải qua 20 năm chịu đau thương tủi nhục dưới chế độ Mỹ - Diệm, rồi Mỹ - Thiệu, thị xã của ta không lúc nào ngừng đấu tranh"... "Thị xã thân thương của chúng ta ngày hôm nay đã ngẩng cao đầu đứng lên quét sạch kẻ thù, đã trở về với nhân dân toàn tỉnh, nguyên vẹn, yên lành, giữa niềm tự hào, xúc động sâu sắc trong tâm tư tình cảm của tất cả chúng ta"².

1. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ - hồ sơ số 317.

2. Trích *Diễn văn* của đồng chí Lê Tấn Toản, khu uỷ viên, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đọc tại cuộc mít tinh ngày 31 tháng 3 năm 1975 ở sân vận động Diên Hồng.



Các loại súng lính ngụy tại thị xã Quảng Ngãi
giao nộp cho chính quyền cách mạng trong ngày 25-3-1975
Ảnh Nguyễn Nghĩa cung cấp



Lực lượng vũ trang giải phóng kéo đến sân vận động Diên Hồng chào
mừng thắng lợi của cách mạng và dự lễ ra mắt Ủy ban quản chính thị xã
Quảng Ngãi
Ảnh Nguyễn Nghĩa cung cấp

Thắng lợi của 21 năm chống Mỹ, cứu nước tại thị xã Quảng Ngãi là kết tinh cả một quá trình vận dụng thực hiện nghiêm túc và sáng tạo đường lối, phương châm, phương pháp cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng; kiên trì xây dựng và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tại địa bàn trọng điểm của tỉnh; phát huy đến cao độ truyền thống kiên cường bất khuất của nhân dân, các lực lượng vũ trang nhân dân và tinh thần dám xả thân vì nước, vì dân, vì Đảng của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Thắng lợi này còn là nhờ sự phối hợp nhịp nhàng hỗ trợ, chi viện lẫn nhau giữa phong trào đô thị và nông thôn, giữa phong trào ở thị xã và phong trào của cả tỉnh và sự chi viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN

Thị xã Quảng Ngãi từ ngày bắt đầu xây dựng rồi trở thành trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đến nay đã gần hai thế kỷ.

Từ các phong trào yêu nước trước khi có Đảng đến khi tổ chức Đảng Cộng sản ra đời lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, tiến hành hai cuộc kháng chiến thần thánh đánh Pháp rồi đánh Mỹ giành thắng lợi hoàn toàn, thời kỳ nào nhân dân thị xã cũng đều góp phần công sức, máu xương xứng đáng. Hầu như nhiều sự kiện mang tính chất chiến lược quyết định trong kháng chiến chống Mỹ của tỉnh Quảng Ngãi đều diễn ra tại nơi này. Nhân dân thị xã đã trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng bằng mọi cách. Những người vì lẽ này hay lẽ nọ chưa tham gia hoặc không tham gia, đều được mắt thấy tai nghe cuộc chiến đấu anh hùng này. Nhờ đó mà nhân dân đã có những nhận thức rõ về sự nghiệp cách mạng của quê hương mình, về sự lãnh đạo của các vị tiền bối, về Đảng Cộng sản và hình thành trong tâm tư, ký ức một truyền thống để truyền lại cho lớp lớp con cháu ngày nay và mai sau.

Có thể khẳng định, nhân dân và Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi có quyền tự hào về sự đóng góp của mình vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân và Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, một tỉnh có truyền thống đấu tranh cách mạng liên tục, kiên cường, có ý chí và nghị lực luôn luôn

vươn lên đi kịp phong trào chung trong nước.

Nhìn lại các phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử của Đảng bộ thị xã từ khi thành lập năm 1930 cho tới nay, chúng ta có thể sơ bộ rút ra một số bài học quý báu chẳng những cần thiết cho ngày nay mà cả cho ngày mai, cho thế hệ trẻ.

Sau đây là những bài học kinh nghiệm quý báu được rút ra trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo cách mạng của Đảng bộ.

1. Nhận rõ vị trí đặc thù về địa lý, trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh để xác định trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân thị xã.

Về vị trí địa lý, thị xã Quảng Ngãi nằm ở giữa tỉnh, có quan hệ khá chặt với các huyện xung quanh; nơi các cơ quan trong bộ máy chính quyền của tỉnh đóng, nơi tập trung các cơ sở kinh tế kỹ thuật, các đầu mối giao lưu kinh tế, văn hoá của tỉnh, nơi tập trung nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động, người buôn gánh bán bưng, học sinh, trí thức, công chức, văn nghệ sĩ tiêu biểu trong tỉnh.

Trong cuộc đấu tranh cách mạng từ thời Pháp sang xâm lược nước ta vào cuối thế kỷ XIX, đến khi có Đảng ra đời lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ, giành thắng lợi hoàn toàn, thị xã, nhân dân và Đảng bộ thị xã giữ một vị trí hết sức trọng yếu của tỉnh. Hầu như những cuộc đấu tranh lớn, mang tính quyết định của toàn tỉnh đều diễn ra ở nơi này.

Trong phong trào Cần Vương chống Pháp xâm lược, sau khi triều đình Huế phải đưa vua Hàm Nghi bôn tẩu,

nhân dân toàn tỉnh dưới sự hiệu triệu và lãnh đạo của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, đã dồn cả binh lực vào giành lại chính quyền ở thị xã. Đó là một cuộc khởi nghĩa khá sớm vào thời ấy và người lãnh đạo khởi nghĩa đã anh dũng hy sinh nhưng để lại tấm gương sáng cho đời sau. Tỉnh Quảng Ngãi sau Cách mạng Tháng Tám thành công đã mang tên tỉnh Lê Trung Đình để ghi nhớ công lao của ông.

Cuộc đấu tranh chống thuế năm 1908, một trong những cuộc biểu dương lực lượng lớn ở miền Trung cũng diễn ra quyết liệt ở nơi này với những nhân vật tiêu biểu là Lê Tự Khiết, Nguyễn Bá Loan, Trần Kỳ Phong.

Khi tổ chức Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi ra đời, tổ chức đảng ở thị xã cũng sớm hình thành ngay từ ngày đầu. Các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Phan Thái Ất đều vào ra thị xã để hướng dẫn đấu tranh. Nguyễn Nghiêm, người Bí thư đầu tiên của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi cũng đã hy sinh trên mảnh đất này.

Hầu hết các cuộc đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930-1931 của các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Nghĩa Hành đều hướng vào thị xã. Những cuộc đấu tranh trong lao tù của địch trong các năm 1931, 1932, 1933 đến cuộc chống phiên toà "tái tổ cộng sản" năm 1935, phong trào Đông Dương đại hội, tổ chức Tin Thành thư quán, đón tiếp Gôđa ngày 1 tháng 3 năm 1937 đều diễn ra ở thị xã. Và thị xã cướp chính quyền tương đối sớm vào các ngày 15, 16 tháng 8 năm 1945, là một đòn mang tính quyết định của phong trào cách mạng ở thị xã dưới sự lãnh đạo của Đảng, có ảnh hưởng đến toàn tỉnh và cả Nam Trung Bộ.

Trong kháng chiến chống Pháp, mặc dù Đảng bộ thị xã chỉ tồn tại gần hai năm (sau đó nhập vào Đảng bộ huyện Tư Nghĩa), nhưng trong thời gian ngắn đó Đảng bộ và nhân dân thị xã đã huy động toàn lực góp phần vào việc xây dựng chế độ mới, phát triển thực lực và tham gia kháng chiến ở Nam Bộ. Khi sáp nhập vào huyện Tư Nghĩa, nhân dân thị xã vẫn cùng nhân dân toàn tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trong kháng chiến chống Mỹ, ngay từ ngày đầu hoà bình lập lại, thị xã là nơi địch tiếp quản sớm. Tỉnh uỷ cũng như Huyện uỷ Tư Nghĩa đã sớm ý thức được tình hình địch ta trong giai đoạn mới, nên đã có nhiều hình thức tổ chức để nắm dân và duy trì sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng trong bất kỳ tình huống nào. Mặc dù trước vô vàn khó khăn trong những năm 1956-1958, cơ sở đảng và quần chúng bị tổn thất khá nhiều, nhưng ảnh hưởng của Đảng, của cách mạng vẫn toả rộng trong nhân dân và Đảng bộ đã nhanh chóng khôi phục lại tổ chức, lãnh đạo quần chúng chiến đấu và xây dựng thực lực cách mạng phát triển khá nhanh. Nhiều cuộc đánh địch sâu trong nội thị, nhiều cuộc đấu tranh từ lẻ tẻ đến quy mô lớn bao gồm các tầng lớp lao động đến học sinh, sinh viên đã diễn ra khá liên tục, sôi nổi từ những năm 1963, 1964, 1965, 1966, 1967 rồi đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và cuối cùng là giải phóng hoàn toàn thị xã vào ngày 24 tháng 3 năm 1975. Những cuộc chiến đấu và chiến thắng đó đã có ảnh hưởng to lớn, gây tác động dây chuyền đến toàn tỉnh và các tỉnh bạn, chứng minh một cách hùng hồn lòng dân thị xã và trách nhiệm của Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi cũng như vai trò vị trí của nó trong

sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Nhận rõ vị trí đặc thù về các mặt địa lý, chính trị, kinh tế, xã hội và trách nhiệm của mình là một bài học cần được khẳng định. Nhận thức đúng hay sai đều có ảnh hưởng đến phong trào không những của riêng thị xã mà của cả phong trào cách mạng trong toàn tỉnh.

2. Có hình thức tổ chức và phương thức đấu tranh thích hợp, sáng tạo trong mỗi thời kỳ cách mạng.

Mỗi một thời kỳ cách mạng có lúc thuận lợi, có lúc khó khăn, lúc hoạt động bí mật, lúc công khai, khi phong trào lên, lúc phong trào bị tổn thất. Muốn cho phong trào cách mạng ở thị xã được duy trì, phát triển, lực lượng cách mạng nhất là lực lượng lãnh đạo phải có hình thức tổ chức và phương thức hoạt động, đấu tranh thích hợp với mỗi thời kỳ.

Trong các phong trào cách mạng trước khi có Đảng, các vị lãnh đạo tiền bối của ta luôn chú trọng đến việc tập hợp đông đảo các tầng lớp sĩ phu và quần chúng cơ bản ở nông thôn, nhưng cũng rất coi trọng việc tranh thủ lực lượng quần chúng, sĩ phu ở thị xã, kể cả số binh lính, sĩ quan, những người làm trong bộ máy tay sai của địch.

Từ ngày Đảng ra đời, Đảng đã có nhiều hình thức tổ chức thích hợp. Từ những năm 1930-1931 đã có tổ chức tương tế trong các tầng lớp lao động, tổ chức thư quán, hội đá bóng để tranh thủ các tầng lớp khác, kể cả binh lính địch.

Trong kháng chiến chống Pháp và nhất là trong

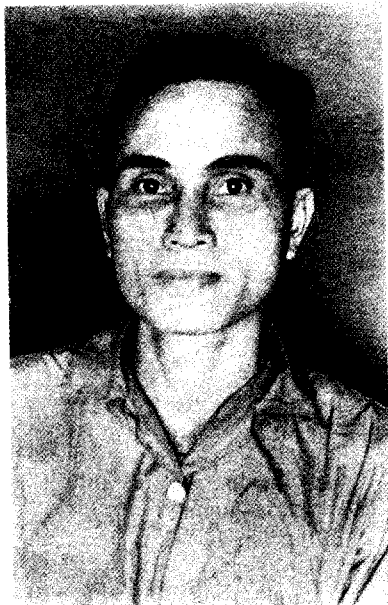
kháng chiến chống Mỹ, xuất hiện nhiều hình thức tổ chức để tập hợp các tầng lớp nhân dân, kể cả một số binh lính, sĩ quan, công chức của địch, đặc biệt là học sinh, sinh viên, các môn đồ và chức sắc các tôn giáo, nhất là Phật giáo. Nhờ đó mà ta đã phát huy khá cao vai trò của quần chúng dưới nhiều vỏ bọc hợp pháp và cũng nhờ đó mà ta có phương thức hoạt động phù hợp với từng đối tượng quần chúng trong từng lúc trong hoàn cảnh có sự kiểm soát của một bộ máy vô cùng ranh ma, phản động của địch, để phong trào cách mạng tồn tại và phát triển đi đến giành thắng lợi cuối cùng.

Về mặt tổ chức lãnh đạo, Đảng đã dùng lực lượng tấn công từ nhiều hướng, cài cắm vào nội bộ tổ chức địch, và xây dựng lực lượng ở bên trong nhờ đó mà trong nhiều hoàn cảnh khó khăn, nhất là trong thời kỳ chống Mỹ từ năm 1954 đến những năm 1965-1969, Đảng bộ vẫn duy trì được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

3. Bằng mọi giá duy trì ảnh hưởng của Đảng và tổ chức đảng trong mọi tình huống, mọi nơi mọi lúc. Hết sức coi trọng công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đặc biệt chăm lo công tác cán bộ.

Trong phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi cũng như thị xã Quảng Ngãi, người lãnh đạo, cũng như tổ chức lãnh đạo giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Nếu người lãnh đạo, tổ chức lãnh đạo không tương xứng thì phong trào cách mạng của nhân dân sẽ không bao giờ tiến lên và đi đến thành công.

Các phong trào cách mạng của Quảng Ngãi trước khi



Đồng chí Trần Vỹ
(tức Văn) Bí thư Ban cán
sự Đảng thị xã Quảng
Ngãi từ tháng 6-1965



Đồng chí Đỗ Việt Thanh
(Chín Hoa)
Bí thư Thị uỷ Quảng Ngãi
từ 1967



Đồng chí
Võ Trọng Nguyễn
Bí thư Thị ủy
Quảng Ngãi
từ tháng 2-1968



Đồng chí Nguyễn
Nghĩa năm 1968
được Tỉnh ủy chỉ
định làm Bí thư Thị
ủy. Đại hội đại biểu
thị xã bầu làm Bí thư
Ban Chấp hành Đảng
bộ thị xã khoá III
(1972-1974)



Đồng chí Tạ Công
Hiên (Mai Lương) đã
được Tỉnh ủy chỉ định
làm Bí thư Thị ủy từ
1968-1969 - Được Đại
hội đại biểu Đảng bộ thị
xã lần thứ I (6-1969), lần
thứ II (11-1970) bầu làm
Bí thư Thị ủy Quảng Ngãi



Đồng chí Huỳnh
Thị Mỹ - Phó Bí thư
Thị ủy từ tháng 10-
1971, Bí thư Thị ủy
từ đầu năm 1974



**Đồng chí Hoàng Văn Ái - Bí thư Thị uỷ Quảng Ngãi
từ Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ IV
(tháng 11-1974)**

có Đảng lãnh đạo đã nói lên vai trò, vị trí, uy tín của người lãnh đạo. Những nhân vật tiêu biểu như Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Chảm, Nguyễn Đình Quảng, Phạm Cao Đài, Nguyễn Bá Loan, Lê Tự Khiết, Lê Đình Cẩn, Trần Kỳ Phong... mà hoạt động và phẩm chất của các vị đã được nhân dân ta kính phục tin yêu ngàn đời.

Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Giao, Phạm Xuân Hoà và bao nhiêu liệt sĩ cộng sản đã kế tục truyền thống của cha ông, nêu cao phẩm chất và khí tiết người cộng sản. Họ dám xả thân vì sự nghiệp, không từ bất kỳ một khó khăn nào dù trước mũi súng, làn gươm hay trong vòng tù tội của kẻ thù.

Từ ngày Đảng ta ra đời, Đảng bộ thị xã cũng nhận rõ điều đó, nên rất coi trọng công tác xây dựng đảng. Một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của Đảng bộ thị xã là đã luôn luôn coi trọng công tác xây dựng đảng về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ trong tất cả các thời kỳ.

Về mặt chính trị, Đảng bộ luôn luôn coi trọng sự đoàn kết nhất trí về đường lối, phương châm, chính sách, chủ trương, nghị quyết của Đảng "như con người của mắt mình", lấy đó làm mục tiêu phấn đấu của mình.

Về tư tưởng, khi Đảng gặp thuận lợi thì đề phòng bệnh chủ quan, thoả mãn; khi Đảng gặp khó khăn thì đề cao khí tiết, ra sức đoàn kết phấn đấu khắc phục khó khăn bằng tinh thần tự lực cánh sinh, dám hy sinh bản thân mình vì lợi ích của Đảng, của cách mạng; đề phòng và khắc phục sự dao động, chia rẽ, mất đoàn kết; bồi dưỡng tinh thần lạc quan cách mạng, giữ vững lòng tin ở

sự nghiệp và tiền đồ. Đối với đảng viên luôn luôn chăm lo giáo dục chính trị, nhằm nâng cao nhận thức lý luận, đồng thời hết sức coi trọng việc giáo dục và rèn luyện phẩm chất chính trị, đi đôi với việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Phẩm chất đạo đức được xem là gốc. Nhờ luôn luôn coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức nên đảng viên được dân mến, dân thương, được dân nuôi dưỡng, bảo vệ, tin yêu, có lúc dân đã hy sinh bản thân mình để cứu cán bộ của Đảng. Điều đó đã để lại trong đảng viên hoạt động cách mạng trong thời kỳ đầy gian khổ thấm thía về tính tiên phong của người đảng viên. Có thể khẳng định rằng nếu người đảng viên, người lãnh đạo mà không được dân tin, dân yêu, thì Đảng không thể tồn tại trong những tháng năm gian khổ ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ vừa qua. Và ngày nay, dù có thuận lợi hơn thời kỳ chống Mỹ ở những mặt nào đó, nhưng nếu tổ chức đảng hay cá nhân đảng viên không được dân tin yêu thì nhất định cũng không thể nào có sự lãnh đạo tốt của Đảng.

Trong công tác xây dựng đảng về mặt tổ chức ngoài việc phát triển đảng viên trong các tầng lớp nhân dân lao động, Đảng bộ còn chú ý phát triển đảng vào các tầng lớp học sinh, trí thức, thậm chí có cả những đảng viên thuộc thành phần lớp trên. Nhờ đó đã làm cho Đảng có mặt ở hầu hết các tầng lớp quần chúng của thị xã, làm cho đảng viên gắn với quần chúng rộng rãi mà vẫn không làm yếu đi chỗ dựa cơ bản của mình. Hầu hết số đảng viên thuộc tầng lớp trên đều trung thành với Đảng, với sự nghiệp cách mạng. Ngoài việc chăm lo phát triển, xây dựng chi bộ tại chỗ, Đảng bộ đã hết sức chú trọng công tác phát hiện

và đào tạo cán bộ. Nhiều loại cán bộ chính trị, quân sự, dân vận được bồi dưỡng về tư tưởng, chính trị, chuyên môn ngang tầm nhiệm vụ từ thấp đến cao. Nhờ coi trọng công tác cán bộ mà ở chiến trường đầy khó khăn ác liệt nguy hiểm này, khá nhiều cán bộ đã hy sinh trong một thời gian ngắn, nhưng có sự chăm lo của Đảng bộ thị xã, các ngành ở tỉnh, các huyện bạn, nên vẫn đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng.

Trong công tác cán bộ, ngoài những tiêu chuẩn về đạo đức và năng lực, Đảng bộ luôn luôn coi trọng vai trò và tác dụng của hoạt động thực tiễn. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều đồng chí thực sự có năng lực, nhưng vì hoạt động thực tiễn hạn chế, không có khả năng xông xáo vào các điểm xung yếu theo yêu cầu của Đảng bộ đã thực sự tự giác không nhận sự đề cử mình vào các chức vụ lãnh đạo.

Hết sức coi trọng công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, hết sức chăm lo công tác cán bộ, là một trong những bài học lớn của Đảng bộ thị xã. Nhờ đó mà trong nhiều lúc khó khăn, tổ chức đảng có lúc không còn, như trong các năm trước Cách mạng Tháng Tám, hay trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, nhưng ảnh hưởng, uy tín của Đảng vẫn tồn tại trong lòng dân để khi Đảng đến thì lập tức phong trào được vực dậy và tổ chức đảng cũng sớm được xây dựng và phát huy tác dụng lãnh đạo của mình.

4. Dựa vào đông đảo quần chúng cơ bản đồng thời coi trọng công tác vận động các tầng lớp trung gian và tầng lớp trên.

Bài học dựa vào dân là bài học muôn đời của tất cả các

thời kỳ cách mạng. Cha ông ta xưa mỗi khi tiến hành xây dựng và bảo vệ đất nước đều xác nhận phải lấy dân làm gốc. Bác Hồ vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc ta và Đảng ta cũng đã từng nhắc nhở điều đó: "Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong".

Cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của quần chúng. Mọi thành bại của phong trào cách mạng đều do quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định.

Vì vậy, tranh thủ được sự đồng tình của đông đảo quần chúng nhân dân ở thị xã là điều mà các tổ chức lãnh đạo cách mạng ngày trước và Đảng ta coi là một trong những vấn đề sinh tử. Tổ chức đảng ở thị xã từ khi mới ra đời, cho đến khi giành thắng lợi cuối cùng trong kháng chiến chống Mỹ đã thực sự chăm lo công tác quần chúng. Ngoài việc tranh thủ tập hợp đông đảo quần chúng như nông dân, công nhân, thợ mộc, thợ nề, thợ may... còn ra sức tranh thủ tập hợp các tầng lớp khác. Chị em buôn bán nhỏ, tiểu chủ, tiểu thương cũng đều được chú ý và có hình thức tổ chức thích hợp. Là trung tâm văn hoá, chính trị của tỉnh nên học sinh, trí thức, nghệ sĩ, người nước ngoài, những người làm trong bộ máy của địch ở đây khá nhiều. Họ từ các huyện trong tỉnh hay các tỉnh khác đến làm ăn sinh sống. Tổ chức đảng ở thị xã đã đặc biệt chú ý vận động hầu hết số người này. Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều anh chị em trí thức, văn nghệ sĩ đã tham gia vào các lực lượng cách mạng. Nhiều người đã trở thành đảng viên. Một số người xuất thân từ địa chủ nhưng đã giác ngộ nên được đứng trong hàng ngũ Đảng. Số đảng viên này đã thực sự tự nguyện thi hành các chính sách ruộng đất, chính sách động viên của Đảng và Chính phủ.

Trong kháng chiến chống Mỹ, không ít cơ sở ta nằm trong các tầng lớp trên; một số người cầm đầu bộ máy của địch nhưng "xanh vỏ đỏ lòng", góp phần không nhỏ cho Đảng bộ trong việc đưa cán bộ, lực lượng ta vào ra, ăn ở, phát triển cơ sở, bảo vệ cán bộ, nắm tình hình địch, duy trì và phát triển phong trào. Trong đấu tranh chính trị, nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân tại chỗ đã diễn ra dưới nhiều hình thức: ngoài các lực lượng quần chúng cơ bản tham gia, còn có các tầng lớp trên. Đặc biệt phong trào học sinh, sinh viên, Phật giáo ở thị xã trong những năm chống Mỹ, cứu nước, đã được đẩy lên khá sôi nổi. Công tác vận động tranh thủ các tầng lớp trung gian của Đảng bộ thị xã đã góp phần tập hợp mặt trận cách mạng rộng rãi đấu tranh chống địch, giành thắng lợi cuối cùng.

Việc tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân ở thị xã tham gia kháng chiến là một thành công của Đảng bộ thị xã. Đó cũng là một nhân tố cơ bản để làm nên thắng lợi.

Dựa hẳn vào đông đảo quần chúng cơ bản, đồng thời coi trọng công tác vận động các tầng lớp trung gian và tầng lớp trên là bài học cần được vận dụng và phát triển của Đảng bộ thị xã.

5. Tổ chức tốt mối quan hệ bền vững vốn có với phong trào các huyện, nhất là các đơn vị gắn liền với thị xã; ủng hộ lẫn nhau vì mục tiêu chung.

Phong trào cách mạng của thị xã từ xưa đến nay không tách rời với phong trào cách mạng chung của các huyện trong tỉnh, cũng như của cả nước. Việc gìn giữ, tăng cường mối quan hệ vốn có và ủng hộ lẫn nhau là một trong những vấn đề mà Đảng bộ thị xã đã làm. Nhờ đó mà

khi thuận lợi, cũng như lúc khó khăn, phong trào cách mạng của thị xã vẫn có điều kiện khôi phục và phát triển để làm tròn nhiệm vụ của một Đảng bộ ở vùng trung tâm đối với phong trào chung của tỉnh.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng từ xưa đến nay, thị xã là nơi mà các cấp lãnh đạo, các ngành trong tỉnh, kể cả trong miền, đều có góp phần không chỉ trên mặt chủ trương mà còn bằng thực tế hành động. Khi cách mạng chưa giành được chính quyền, các cấp bộ đảng đều cử người trực tiếp tham gia hoạt động ở thị xã; đến khi giành được chính quyền thì cơ quan lãnh đạo của tỉnh, có lúc là của miền (trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp vào những năm 1945-1947) đều góp phần vào công tác lãnh đạo quản lý thị xã.

Trong kháng chiến chống Pháp, việc phá thành cổ và nhà cửa ở thị xã, đều có nhân dân toàn tỉnh tham gia. Việc đón tiếp đồng bào thị xã tản cư về các huyện, đều được các đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tận tình đón tiếp.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cơ sở đảng lúc đầu gặp phải tổn thất. Cơ sở cách mạng cũng gặp nhiều khó khăn. Tỉnh uỷ, các huyện bạn, các cơ quan trong miền cũng đã tìm cách đưa lực lượng của mình về thị xã công tác. Khi cần làm bàn đạp để tiến vào nội thị, các huyện bạn, nhất là Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Mộ Đức đã nhường phần đất của mình để các lực lượng của thị xã bám. Minh Long cũng từng là địa bàn đùm bọc cơ quan thị uỷ nhiều năm. Khi cần cán bộ, các huyện bạn sẵn sàng bổ sung, xem đó là trách nhiệm của mình. Khi nội thị gặp phải khó khăn, hay các huyện bạn có vấn đề liên quan đến thị xã thì cùng nhau tương trợ, chia lửa cho nhau.

Mối quan hệ công tác tạo điều kiện và giúp đỡ nhau giữa thị xã và các đơn vị bạn, kể cả cấp trên, đã thể hiện khá rõ và ngày càng phong phú. Đó là một nhân tố cơ bản để tạo nên thắng lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân thị xã dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Sự nghiệp cách mạng cũng như thắng lợi của phong trào cách mạng của thị xã Quảng Ngãi đều có công sức của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh. Cho nên tổ chức tốt mối quan hệ bền vững vốn có với phong trào các huyện, nhất là các đơn vị gắn liền với thị xã, ủng hộ lẫn nhau vì mục tiêu chung là một trong những bài học cơ bản của phong trào cách mạng của nhân dân và Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi.

*

* *

Trên đây là những bài học bước đầu được rút ra từ phong trào cách mạng của nhân dân và Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi. Thực tiễn chắc còn phong phú hơn nhiều. Nhiều mặt còn phải được đúc kết. Tuy nhiên đây là những bài học cơ bản, chủ yếu là những bài học mang lại thành công, thắng lợi cho cách mạng.

Sự nghiệp cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Quảng Ngãi ngày nay đang phát triển nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhận rõ tính đặc thù về vị trí địa lý, lịch sử, về quần chúng và sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, một đảng tuyệt đối trung thành với lợi ích nhân dân, vai trò của quần chúng và mối quan hệ bền vững vốn có giữa thị xã với các huyện bạn, và các cấp, các ngành là những bài học cần phải được phát huy, phát triển và nâng cao.

PHỤ LỤC

I- DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI BẦU CỬ QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

1. Ban Chấp hành khoá I, bầu cuối tháng 8 năm 1969

Bí thư:

- Mai Lương

Phó Bí thư:

- Nguyễn Văn Ngọc

- Nguyễn Hồng Thái

Ủy viên Thường vụ:

- Lê Thoả

- Vũ Trâm

Thị uỷ viên chính thức:

- Hoàng Văn Ái

- Nguyễn Bổng (hợp pháp)

- Đỗ Cao Đệ (hợp pháp)

- Nguyễn Thanh Hùng (Thanh Lâm)

- Mai Thị Mỹ Lệ

- Trần Tây Sơ (Thu Hảo)

- Huỳnh Thị Ngọc Sương

- Võ Văn Tám

- Đồng chí Tấn (không nhớ họ)

- Trần Thuấn

- Huỳnh Thị Trà
- Mai Hải Yến
- Thị uỷ viên dự khuyết:*
- Nguyễn Hoàng (Phi Long)
- Lê Ngộ (hợp pháp)
- Lê Thú
- Hồ Văn Tiệm (Nam Hà)

2. Ban Chấp hành khoá II, bầu cuối tháng 11 năm 1970

Bí thư:

- Mai Lương

Phó Bí thư:

- Hoàng Văn Ái

Ủy viên Thường vụ:

- Nguyễn Xuân Hồng (Nguyễn Lại)
- Nguyễn Thanh Hùng (Thanh Lâm)
- Võ Văn Tám
- Huy Tân
- Hồ Văn Tiệm (Nam Hà)

Thị uỷ viên chính thức:

- Phan Thanh Hiệp
- Nguyễn Thị Bích Liên
- Nguyễn Văn Minh
- Huỳnh Đoàn Mai (Mai Hoàng)
- Đồng chí Nhân (không nhớ họ)
- Võ Thị Tâm
- Nguyễn Tôn (Quốc Vĩnh)
- Lê Thú
- Cao Thụy (hợp pháp)

- Trần Thuấn
- Trần Văn Tuyên
- Thị uỷ viên dự khuyết:*
- Trần Việt Bằng
- Nguyễn Thị Danh (hợp pháp)
- Nguyễn Văn Đại
- Nguyễn Thành Luân
- Nguyễn Thị Vân

Đến tháng 10 năm 1971, bổ sung hai đồng chí Huy Tân và Huỳnh Thị Mỹ làm Phó Bí thư; đồng chí Nguyễn Tôn (Quốc Vinh) vào Thường vụ Thị uỷ.

3. Ban Chấp hành khoá III, bầu cuối tháng 11 năm 1972

Bí thư:

- Nguyễn Nghĩa

Phó Bí thư:

- Hoàng Văn Ái
- Huỳnh Thị Mỹ
- Võ Thị Tâm
- Nguyễn Hồng Thái

Uỷ viên Thường vụ:

- Hồ Văn Tiêm (Nam Hà)
- Lê Thú

Thị uỷ viên chính thức:

- Trần Việt Bằng
- Nguyễn Thị Danh (hợp pháp)
- Nguyễn Văn Đại
- Bùi Thanh Hoàng
- Nguyễn Thành Luân

- Nguyễn Thị Bích Liên
- Bùi Thị Mau (Bốn Gù, hợp pháp)
- Huỳnh Đoàn Mai (Mai Hoàng)
- Đồng chí Nhân
- Nguyễn Văn Minh
- Phạm Nam Tào
- Trần Phải
- Nguyễn Minh Tiên
- Thị uỷ viên dự khuyết:*
- Lê Văn Thủ
- Nữ đồng chí Mai (không nhớ họ)
- Trần Tuy
- Phan Thanh Tứ
- Tạ Tình

4. Ban Chấp hành khoá IV, bầu tháng 11 năm 1974

Bí thư:

- Hoàng Văn Ái

Phó Bí thư:

- Hồ Văn Tiệm
- Lê Thú

Ủy viên Thường vụ:

- Nguyễn Vi Đại
- Nguyễn Thành Luân

Thị uỷ viên chính thức:

- Trần Việt Bằng
- Bùi Thanh Hoàng
- Nguyễn Thị Bích Liên
- Nguyễn Liễu
- Vũ Thiên Long

- Huỳnh Lùng
- Nguyễn Văn Minh
- Phạm Nam Tào
- Nguyễn Đức Tâm
- Nguyễn Minh Tiên
- Lê Văn Thủ
- Phạm Trí Vấn

Thị uỷ viên dự khuyết:

- Võ Thị Thanh

II- DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ TRONG THỊ ỦY ĐÃ HY SINH:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày hy sinh</i>
1.	Lê Mai	1928	Nghĩa Lộ	UV Th.vụ CTV Thị đội	31-1-1968
2.	Phạm Văn Tiến (Phạm Thung)	1932	Bình Chánh, Bình Sơn	UV Th.vụ Thị đội trưởng	31-1-1968
3.	Nguyễn Tạc (Bình Sinh)	1928	Bình Dương, Bình Sơn	UV Th.vụ TB 1ở chức	2-1968
4.	Phan Mỹ	1934	Phù Mỹ, Bình Định ¹	UV Th.vụ Thị đội trưởng	28-4-1968
5.	Huỳnh Chính	1934	Phổ An, Đức Phổ	Thị uỷ viên Phó ban ĐTCT	18-4-1968

1. Có đồng chí cho biết đồng chí Phan Mỹ quê ở Khánh Hoà.

6.	Nguyễn Hoàng (Hoàng Phi Long)	1928	Nghĩa Lộ	Thị uỷ viên DK Chánh VP	16-9-1969
7.	Huỳnh Thị Trà	1946	Bình Đông, Bình Sơn	Thị uỷ viên Thị đội phó	20-1-1970
8.	Lê Hanh (Lê Văn Luyện)	1934	Phổ An, Đức Phổ	Thị uỷ viên	25-11-1970
9.	Nguyễn Tào (Nguyễn Liên)	1933	Bình Trung, Bình Sơn	Thị uỷ viên DK PTK CĐ TX	9-3-1971
10	Nguyễn Thanh Hùng (Thanh Lâm)	1935	Nghĩa Đông	UV Th.vụ TBĐTCTB VTX	9-3-1971
11.	Trần Thuần	1923	Nghĩa Trung, Tư Nghĩa	Thị uỷ viên PB tổ chức	19-3-1971
12.	Võ Văn Tám	1940	Phổ Nhơn, Đức Phổ	UV Th.vụ Bí thư N.Hội Bí thư B7	19-3-1971
13.	Đỗ Toán	1949	Đức Thắng, Mộ Đức	Thị uỷ viên DK Bí thư B3	15-4-1971
14.	Nguyễn Kính	1940	Tĩnh Hoà, Sơn Tĩnh	Thị uỷ viên DK Thị đội phó	22-2-1972
15.	Nguyễn Tôn (Quốc Vĩnh)	1944	Nghĩa Lộ	UV Th.vụ TB Bình vận	4-6-1972

16.	Nguyễn Lại (Xuân Hồng)	1945	Nghĩa An, Tứ Nghĩa	UV Th.vụ TB kiểm tra	4-6-1972
17.	Mai Thị Thanh Vân (Lan Phương, Trúc)	1951	Phổ Mình, Đức Phổ	Thị uỷ viên DK Phó Bí thư Thị đoàn Bí thư A3	4-6-1972
18.	Trần Phải		Phổ Nhơn, Đức Phổ	Thị uỷ viên PB Tuyên huấn Đ.trưởng VTTT	29-2-1972
19.	Trần Tuy		Bình Sơn	Thị uỷ viên, Thị đội trưởng	3-1-1973
20.	Phan Thanh Tứ	1938	Phổ Ninh, Đức Phổ	Thị uỷ viên DK CTV Phó Thị đội	3-1-1973
21.	Nguyễn Bồng		Nghĩa Lộ	Thị uỷ viên hợp pháp	1974

III- DANH SÁCH ỦY BAN QUÂN CHÍNH THỊ XÃ QUẢNG NGÃI (công bố ngày 31-3-1975)

Chủ tịch:

Nguyễn Nghĩa (Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng tỉnh)

Phó Chủ tịch:

- Trần Đức Oanh (Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh)

- Cao Văn Luật (Trung tá, Tỉnh đội trưởng, Chỉ huy

trưởng các lực lượng vũ trang giải phóng tỉnh)

- Phan Minh Nga (Trưởng Ty tài chính)

Ủy viên Thường trực:

- Trần Tây Sơ (Thuận Vinh)

(Trưởng Ty an ninh)

Các uỷ viên:

- Bùi Hồng Nhân (Trưởng Ty thông tin văn hoá)

- Lê Quang Hoà (Trưởng Ty y tế)

- Trương Quang Kiến (Hoàng Trường) (Phó trưởng ty giáo dục)

- Nguyễn Trọng Thanh (Thái) (Thư ký Liên hiệp công đoàn tỉnh)

- Nguyễn Thị Xuân (Vân) (Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng tỉnh)

- Huỳnh Đoàn Mai (Mai Hoàng) (Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên, sinh viên, học sinh tỉnh).

- Huỳnh Thị Ngọc Sương (Phó Ban binh vận tỉnh)

- Lê Nam Hà (Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng thị xã Quảng Ngãi).

IV- DANH SÁCH CÁC BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG (quê tại thị xã Quảng Ngãi)

1. Nguyễn Thị Xuyên (chết) ở xã Quảng Phú có chồng và 3 con là liệt sĩ.

2. Nguyễn Thị Sửu (chết) ở xã Quảng Phú, có chồng và 3 con là liệt sĩ.

3. Đỗ Thị Kỳ (liệt sĩ) ở xã Nghĩa Dũng, bản thân mẹ và 2 con là liệt sĩ.

4. Lê Thị Nở (chết) ở xã Nghĩa Dũng, có 3 con là liệt sĩ.

5. Nguyễn Thị Thanh (chết) ở xã Nghĩa Dũng, cả 2 con đều là liệt sĩ.

6. Huỳnh Thị Cai (chết) phường Lê Hồng Phong, có một con độc nhất là liệt sĩ.

7. Lê Thị Hợi (chết) ở xã Nghĩa Đông, có một con độc nhất là liệt sĩ.

8. Nguyễn Thị Bướm (chết) ở xã Nghĩa Đông, có một con độc nhất là liệt sĩ.

9. Nguyễn Thị Cước (chết) ở xã Nghĩa Đông, có một con độc nhất là liệt sĩ.

V- ANH HÙNG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG LẬP CÔNG TẠI THỊ XÃ QUẢNG NGÃI

Huỳnh Thị Trà - quê xã Bình Đông, huyện Bình Sơn.

VI- THÀNH TÍCH ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA QUÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG NGÃI TRONG 21 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (không tính thành tích các lực lượng của tỉnh và của khu)

- Đánh 2.079 trận

- Loại khỏi vòng chiến đấu 13.582 tên địch, trong đó:

+ Diệt và làm tan rã 9.534 tên (có hàng trăm tên Mỹ và sĩ quan nguy).

+ Làm bị thương 4.048 tên (trong đó có gần 200 tên Mỹ).

+ Bất sống 141 tên (chưa tính số bắt trong ngày giải phóng).

- Đánh diệt gọn: 3 tiểu đoàn, 10 đại đội, 8 trung đội cộng hoà, 1 tiểu đoàn biệt động; 1 đại đội và 8 trung đội biệt kích; 12 đại đội và 13 trung đội bảo an; 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 10 cuộc cảnh sát; 20 trung đội phòng vệ dân

sự; 10 đoàn bình định.

- Thu 1.600 súng các loại, hàng chục ngàn lựu đạn và rất nhiều đạn dược, quân trang quân dụng khác.

- Phá huỷ một kho vũ khí có hàng ngàn súng, hàng tấn đạn dược, 8 khẩu pháo. Bắn cháy 16 xe tăng, xe bọc thép, 20 xe jeep, 149 xe quân sự khác; bắn rơi 15 máy bay, có 1 phản lực; đốt cháy 2 kho xăng và 4 kho quân dụng; san bằng 129 lần chốt điểm, 181 lượt trại lính, 5 trường huấn luyện quân sự.

- Trực tiếp tham gia tổ chức và chiến đấu đánh địch hai lần giải phóng nhà lao, một lần giải phóng trại tạm giam, góp phần giải thoát hơn 2.400 cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng bị địch bắt giam giữ.

(Theo tài liệu "Thành tích lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Quảng Ngãi - Đề nghị tuyên dương Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" của Ban chỉ huy quân sự thị xã Quảng Ngãi, tháng 12-1966).

VII. LIỆT SĨ QUA CÁC THỜI KỲ

1. Người quê thị xã Quảng Ngãi hy sinh trên các chiến trường toàn quốc là 398 người, trong đó:

- Kháng chiến chống Pháp: 85
- Kháng chiến chống Mỹ: 266
- Bảo vệ Tổ quốc: 47

2. Liệt sĩ đã đưa vào các nghĩa trang liệt sĩ núi Bút, Nghĩa Dõng, Quảng Phú tổng số là 562, trong đó:

- Người địa phương 90 (chống Pháp 2, chống Mỹ 59, Bảo vệ Tổ quốc 29)
- Người các nơi khác hy sinh tại chiến trường thị xã

Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ là 472.

VIII- NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong hai cuộc kháng chiến, cán bộ chiến sĩ và nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 3.321 huân, huy chương các loại, các hạng.

1. Trong kháng chiến chống Pháp:

- Huân chương Kháng chiến hạng nhì 5
- Huân chương Kháng chiến hạng ba 21
- Huy chương Kháng chiến hạng nhất 34
- Huy chương Kháng chiến hạng nhì 11

2. Trong kháng chiến chống Mỹ:

- Cán bộ và quân dân thị xã Quảng Ngãi được tặng Huân chương Thành đồng hạng ba.

- Liệt sĩ được tặng Huân chương Kháng chiến các hạng: 424

- Cán bộ và nhân dân được tặng Huân chương Kháng chiến các hạng: 2.352

- Huân chương Quyết thắng các hạng 37
- Huy chương các loại, các hạng 217
- Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng 120

IX- MẤY BÀI THƠ VỊNH THẮNG CẢNH

THIÊN BÚT PHÊ VÂN

Trước thành đông trống lừng lừng.

Núi Bút phê vân khéo lạ lòng.

Cây điểm ra hoa, hoa điểm nhụy

Mây thành có sắc, sắc thành không.

Giang sơn đúc lại còn danh giá.
Cốt cách xinh vậy tự hoá công.
Thêu dệt văn chương trên đế toạ
Hơn mười hai cảnh giữa non sông.

Nguyễn Cư Trinh

ĐẠ VỊNH BÚT SƠN THI

Dựng ngược giữa trời bút một cây
Chữ là hàng nhận giấy là mây.
Sao vi chấn hấn từng câu rõ.
Trăng cứ khuyên lần mấy chữ hay
Nước mực mưa chan nào có đậm
Cái ngòi gió thổi cũng không lay.
Nghìn thu cao ngất hình còn tạc
Tạo hoá vì ai khéo đắp xây.

Diệp Trường Phát

NÚI THIÊN BÚT

Bao đời đứng sững giữa đồng xanh
Toả mát làng quê cả thị thành
Nước tốt rẽ mây trắng dội bóng
Cây vươn chân gió đá thu hình.
Vang lời thi khách ca danh thắng
Dừng gót anh hào bước viễn chinh.
Non nước anh hùng tô vẽ đẹp
Nghìn thu Thiên Bút mãi còn danh.

Lê Hồng Long

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- *Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi*, Viện quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Bộ Xây dựng ấn hành, năm 1996.

2- *Đặc điểm khí hậu tỉnh Nghĩa Bình* (cũ), Trạm khí tượng thủy văn tỉnh Nghĩa Bình (cũ), 1982.

3- H. Parmentier: *Kiểm kê các di tích chàm ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. La Roux, 1909-1982.

4- *Sơ thảo lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, t.I.

5- Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 1954-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II.

6- *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II* (2-1951), Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1961.

7- Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, t.4, t.5.

8- Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, t.11, t.12.

9- *Nam Trung Bộ kháng chiến, 1945-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

10. *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.

11- *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1988, t.5.

12- *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II.

13- *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II.

14- *Phan Bội Châu niên biểu*.

15- *Sơ lược lịch sử y tế Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, 1995, t.II.

16- *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình (cũ), 1985.

17- *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm 1945-1975*, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghĩa Bình (cũ), 1988.

18- *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi 1930-1975* (Sơ thảo), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ngãi, 1995.

19- *Lịch sử công an nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 1954-1975*, Công an Quảng Ngãi xuất bản, 1995, t.II.

20- *Tổng kết thành tích phong trào công nhân lao động và công tác công đoàn Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975*, Liên hiệp công đoàn Quảng Ngãi, 1980.

21- Nguyễn Bá Trác: *Quảng Ngãi tỉnh chí*, 1933.

22- Nguyễn Vĩ Tuán: *Chàng trai đất Việt*, Nxb. Sài Gòn, 1969, t.I.

23- Bùi Định: *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa 1885-1945*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Sở Văn hoá thông tin tỉnh Nghĩa Bình (cũ), 1985.

24- Phạm Thanh Biên - Nguyễn Hữu Nghĩa: *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975.

25- Báo *Đời sống mới*. Ủy ban hành chính Việt Minh và Hội văn hoá cứu quốc Quảng Ngãi xuất bản, 1946.

26- Báo *Đông Pháp* ra tháng 12 - 1931.

27- *Cờ Hồng* - tạp chí của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi, số đặc biệt ra tháng 10 -1968, Nxb. Giải phóng Quảng Ngãi.

28- *Nhớ lại thời kháng chiến*, số 1. Sở văn hoá thông tin Quảng Ngãi, 1995.

29- *Cẩm Thành* - tạp chí chuyên ngành của ngành văn hoá thông tin Quảng Ngãi, số 10 Xuân Đinh Sửu.

30- *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1885 - 1900)*, Nxb. Văn học, Hà Nội. 1975.

31- *Thơ văn yêu nước - cách mạng Quảng Ngãi 1885 - 1945*, Hội văn nghệ Nghệ An, 1975.

32- Trần Việt Ngữ: *Dân ca miền Nam Trung Bộ*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1963, t.1.

33- *Thành tích lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* - Đề nghị tuyên dương đơn vị anh hùng.

34- Tài liệu lưu trữ tại:

- Viện lịch sử Đảng Trung ương

- Bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi

- Văn phòng Tỉnh uỷ Quảng Ngãi

- Văn phòng Thị uỷ Quảng Ngãi

35- Hồi ký của các đồng chí: Bùi Định, Phạm Trung Mưu, Nguyễn Tấn Đức, Nguyễn Dân, Đoàn Thành. Phan Phụ (Quyết), Nguyễn Nghĩa, Mai Lương, Trần Đức Oanh, Phạm Thanh Biên, Lê Tấn Toả, Nguyễn Phú Soai...

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i> ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ, KINH TẾ, XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC.	11
<i>Phần thứ hai</i> TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI LÃNH ĐẠO CÁC CAO TRÀO CÁCH MẠNG - CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 (1930 - 1945)	73
<i>Phần thứ ba</i> XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954).	121
<i>Phần thứ tư</i> GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC ĐẾN TOÀN THẮNG (1954 - 1975)	155
Kết luận	294
Phụ lục	305
Tài liệu tham khảo	309

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: LÊ CÔNG NHƯ

Trình bày, bìa: DƯƠNG THÁI SƠN

Sửa bản in: BAN SÁCH

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG

ĐINH CHINH

-**-

Trang	Dòng trên xuống ↓ Dưới lên ↑	Đã in	Sửa lại
28	cuối	Nguyễn Vĩ Tuấn : Chàng trai đất Việt	Nguyễn Vĩ : “Tuấn - chàng trai đất Việt”.
30	cuối	Ccentre	Centre
32	2 ↑	Agricola	Agricole
40	6 ↓	như rè,	như rên,
42	3 ↓	lớp 40	lớp nhất 40
	4 ↓	thì lấy bằng	thi lấy bằng
	3 ↑	Certijcat	Certificat
	2 ↑	primairi	primaire
45	4 ↑	mỗi nam	mỗi năm
83	8 ↓	giết đồng bào	giết hại đồng bào
97	4 ↓	tham gia và lãnh đạo mặt trận dân chủ	tham gia và lãnh đạo cao trào mặt trận dân chủ
121	6 ↓	XI chế độ mới phát triển thực lực kháng chiến ...	XI chế độ mới, phát triển thực lực, tham gia kháng chiến ...
125	6 ↓	Lê Trung Đình 2 và	Lê Trung Đình và
127	7 ↓	cho tổ chức	cho tổ quốc
128	5 ↑	chủ nghĩa Mác	chủ nghĩa Mác”
129	đầu	Đảng là	Đảng và
135	12 ↑	câu thơ cô đọng	câu thơ cổ động
140	13 ↑	Ba Gian	Ba Gia
170	9 ↑	Tử	Tửu
174	6 ↓	chính quyết	chính quyền
	13 ↑	quần chúng ²	quần chúng” ²
175	đầu	kéo về	đi về
178	4 ↑	chú thích 1	chú thích 2
	3 ↑	chú thích 2	chú thích 1
189	8 ↓	tại thôn 6 Nghĩa Dõng ngày nay	(tại thôn 6 nghĩa Dững ngày nay)

In 700 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại xưởng in Nxb. Chính trị quốc gia

Số XB: 42 - 124/CXB - QLXB ngày 21-2-1998.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 1999.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QU

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT : 8252008

FAX : 84-4-251881



DCN.000143

TÌM ĐỌC

- DUNG QUẤT - HÀNH TRÌNH VÀO THẾ KỶ XXI

- SƠN MỸ - NHÌN LẠI 30 NĂM

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai

- LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH GIA LAI

Tập I và Tập II